



Hương Đồ Cuối Cùng



Nguyễn Văn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Nguyễn Vạn Lý

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

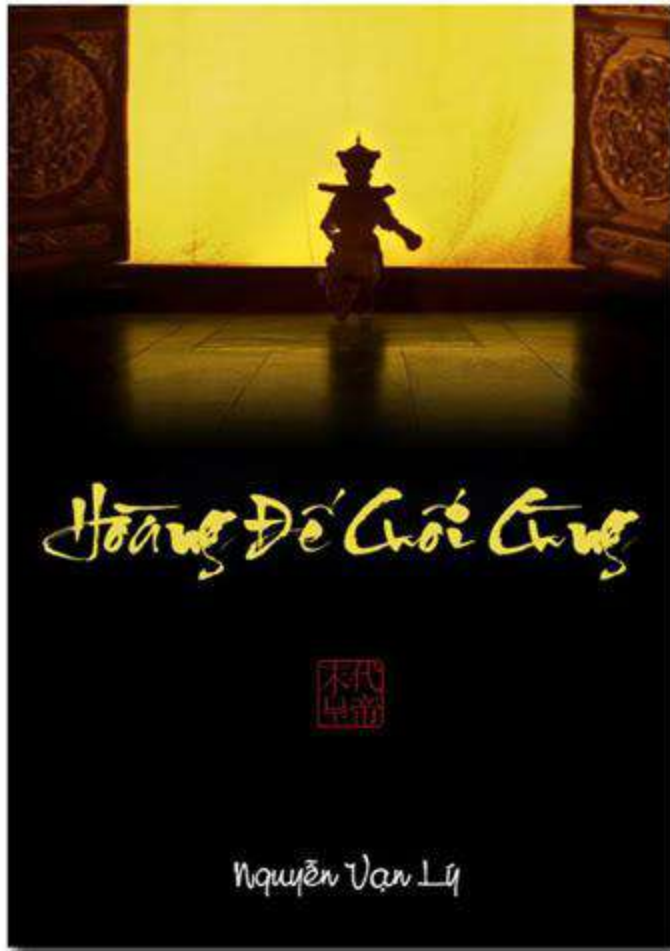
[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương Kết](#)

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 1
Một Người Đàn Bà Phi Thường



Các hoàng đế Trung Hoa thường sống trong Cấm Thành tại Bắc Kinh, và rất ít khi đi ra ngoài. Đây là một nơi được canh gác vô cùng nghiêm ngặt và là một cấm địa đối với đại đa số người Trung Hoa. Chính tại Cấm Thành, trong Đại Nội và Điện Thái Hoà, các hoàng đế Trung Hoa có quyền lực tuyệt đối đã cai trị trên một phần tư nhân loại. Vua Càn Long nhà Đại

Thanh đã có lần nói Cấm Thành là một cái trục, một trung tâm mà toàn thế giới phải quay chung quanh.



Nhưng không phải hoàng đế nào cũng hùng mạnh, ngôi trong Cấm Thành ra mệnh lệnh và hàng trăm triệu người của đế quốc Trung Hoa phải tuân theo. Đã có những hoàng đế bất lực, quyền lực bị giới hạn bên trong khu Cấm Thành. Đó là trường hợp của vua Phổ Nghi, vị Hoàng Đế cuối cùng của nhà Mãn Thanh, và cũng là ông vua cuối cùng của Trung Hoa. Phổ Nghi lên ngôi chưa được bao lâu thì xảy ra cuộc cách mạng Tân Hợi

của Tôn Văn. Nhà vua phải thoái vị và sống như bị giam lỏng bên trong Cấm Thành. Khi cuộc Trung Nhật chiến tranh xảy ra, Phổ Nghi được người Nhật đưa lên làm Hoàng Đế bù nhìn tại Mãn Châu. Như vậy Phổ Nghi được làm Hoàng Đế hai lần. Khi Nhật bại trận, Phổ Nghi bị quân Nga bắt, rồi giao cho tướng Mỹ McArthur. Cuối cùng Phổ Nghi trở thành một tù nhân trong tay Mao Trạch Đông. Phổ Nghi phải làm công việc của một người làm vườn, chăm sóc cây cảnh ngay trong Cấm Thành.



Cuộc đời Phổ Nghi thực là gian nan từ lúc ba tuổi, khi được Thái Hậu Từ Hi đặt lên ngai vàng. Hai lần làm Hoàng Đế, hai lần trở thành tù nhân của Cấm Thành. Cuộc đời của Phổ Nghi là sản phẩm của Từ Hi, một người đàn bà khác thường, một người đàn bà xinh đẹp nhưng quý quyết tàn ác, thông minh cương quyết, nhưng ít học và mê tín, và đặc biệt có tham vọng vô biên, muốn cai trị Trung Hoa mãi mãi. Từ Hi đã thực sự nắm vận mệnh mấy trăm triệu người Trung Hoa trong suốt 45 năm.

TRUNG HOA VÀO THẾ KỶ THỨ 19

Người Trung Hoa vốn trọng nam khinh nữ nên chỉ hoàng tử mới được lên ngôi vua và không có nữ hoàng như nhiều nước Tây phương. Một trong những nhiệm vụ của nhà vua là phải có hoàng tử để nối tiếp ngai vàng. Hoàng tử lên ngôi không nhất thiết phải là con của hoàng hậu, mà có thể là con của bất cứ một thứ phi nào. Nhà Đại Thanh đến đời các vua Đạo Quang, Hàm Phong vào khoảng giữa thế kỷ 19 đã có dấu hiệu suy đồi, vì cả hai ông vua này chỉ ham mê cung tần mỹ nữ, phung phí sức khoẻ vào tửu sắc và bỏ bê công việc triều chính. Quyền hành của thiên tử thường lọt vào tay các Thái Hậu. Chờ đợi mãi vua Hàm Phong vẫn chưa có con trai, nên bà Thái Hậu ra lệnh tuyển thêm mười bảy thiếu nữ Mãn Châu trẻ đẹp, nhu mì đạo hạnh, và khoẻ mạnh vào cung, với hy vọng các thiếu nữ này sẽ giúp vua Hàm Phong sớm có hoàng tử.

Các thiếu nữ này vào cung được khám xét cẩn kẽ về các phương diện giáo dục, tư cách, dáng dấp, sắc đẹp, và khả năng sinh đẻ, và còn phải trải qua một cuộc thí nghiệm xem có còn là trinh nữ hay không. Tên của những người con gái được tuyển chọn vào cung được khắc vào một tấm thẻ bằng ngọc, và tất cả được đặt úp xấp trên một chiếc bàn trong phòng ngủ của nhà vua.

Buổi tối trước khi đi nghỉ, nhà vua thường lật một hoặc hai tấm thẻ lên và một tên thái giám có nhiệm vụ đi tới cung của người cung phi có tên trên tấm thẻ lật ngược để báo hỷ. Lúc đó người cung phi phải cởi hết quần áo ra, tắm rửa cho sạch sẽ thơm tho và được khám xét thân thể, trước khi người thái giám quấn một tấm khăn lớn trùm lên người cung phi, và cũng tới phòng ngủ của nhà vua. Người cung phi trần truồng được đặt ngồi dưới chân giường của nhà vua. Sáng hôm sau, tên thám giám trở lại phòng ngủ của vua, ghi tên người cung phi và giờ nhà vua hành lạc với người cung phi. Sau đó tên thái giám lại quàng một tấm khăn trùm lên người cung phi, và đưa nàng trở lại cung riêng.

Trước kia, khi người cung phi được nhà vua vời không phải trần truồng như vậy. Người cung phi phải trần truồng khi vào hầu vua bắt đầu từ thời nhà Minh. Nguyên nhân là vì có một cung phi được dẫn vào hầu vua, đã bí mật dắt theo trong người một sợi giây lụa màu vàng. Đêm đó sau khi ái ân, người cung phi dùng sợi giây màu vàng xiết cổ nhà vua, có lẽ để trả một mối thù nào đó.

Trong số mười bảy người con gái tiến cung cho vua Hàm Phong thì có một người thuộc bộ tộc Yehe Nara. Đó là Xuân Lan, một người con gái rất xinh đẹp mới mười sáu tuổi. Gia đình Xuân Lan đang hồi sa sút nghèo khó. Việc tiến cung thực là một cơ hội giải thoát cho nàng khỏi cảnh nghèo nàn tăm tối. Thoạt đầu Xuân Lan chỉ được phong làm một thứ phi. Trước khi

tiến cung, Xuân Lan đã yêu một người anh họ rất đẹp trai tên là Vinh Lộc. Lúc đó Vinh Lộc làm chức Chưởng vệ trong đám ngự lâm quân bảo vệ Cấm Thành. Xuân Lan vẫn ao ước được kết duyên với Vinh Lộc, nhưng lệnh tiến cung đã xé nát những ước mơ tuổi trẻ của nàng.

Khi vào cung Xuân Lan càng thương nhớ Vinh Lộc, một phần là vì vua Hàm phong là một người xấu xí yếu đuối. Nhưng Xuân Lan cũng cảm thấy hãnh diện khi được tuyển chọn và nàng quyết tâm phải lấy được lòng sủng ái của nhà vua. Nàng rất thông minh và tìm cách thu phục các thái giám có quyền lực trong cung như Ân Đức Hải và Lý Liên Anh. Chính các tên thái giám này đã nhắc nhở tên Xuân Lan cho vua Hàm Phong. Khi được vua Hàm Phong vời, nàng đã trở hết tài khéo trong nghệ thuật chần gối để vua Hàm Phong say mê sủng ái riêng nàng. Cuối cùng Xuân Lan sinh hạ được một hoàng tử. Người ta đồn đưa con trai đó là con của Vinh Lộc, chứ không phải của vua Hàm Phong bệnh hoạn ốm yếu.

Sau khi sinh được hoàng tử, Xuân Lan được phong làm hoàng hậu, lúc đó nhà vua đã có hoàng hậu rồi, đó là Hoàng Hậu Từ An. Xuân Lan được ban tước hiệu Từ Hi và ở Tây Cung, vì thế sau này người ta còn gọi bà là Tây Thái Hậu. Từ Hi được nhà vua rất tin cẩn. Nhà vua thường hỏi ý kiến Từ Hi trước những vấn đề quốc sự khó khăn và lâu dần vua Hàm Phong trở nên nể sợ nàng. Nhà vua cũng nhận thấy Từ Hi quá khôn ngoan, quá tham vọng và rất hống hách đàn áp người khác. Rồi nhà vua chợt nhớ lại một lời sấm tiên tri nhà Mãn Thanh đã có từ lúc mới dựng nghiệp, nhưng lâu dần không mấy ai nhớ nữa. Lời sấm ấy là: một người đàn bà thuộc bộ tộc Yehe Nara sẽ tiếm quyền của Hoàng Đế và sẽ làm sụp đổ ngai vàng nhà Mãn

Thanh.

Từ Hi quả thực là người con gái đầu tiên của bộ tộc Yehe Nara được tuyển vào cung, và đã tạo được cơ hội để một ngày sẽ kiểm soát toàn thể đế quốc Trung Hoa trong chức vụ thái hậu. Sau cả một tuổi trẻ mài miệt truy hoan với hàng trăm mỹ nữ trong cung cấm, vua Hàm Phong kiệt lực và chết lúc mới 34 tuổi.

Từ Hi đã quen với việc triều chính. Bà đã từng ngồi sau một bức màn trúc phía sau nhà vua. Tuy nhiên nếu không có các thái giám thân tín thì bà đã mất hết cả quyền lực lúc vua Hàm Phong băng hà. Trước khi chết, vua Hàm Phong đã chỉ định tám vị nhiếp chính vương để giúp ấu chúa. Hội đồng nhiếp chính do thân vương Túc Thuận lãnh đạo. Hội đồng nhiếp chính này có quyền hành xử uy quyền nhà vua cho tới lúc ấu chúa trưởng thành. Không những thế, vua Hàm Phong còn bí mật ra một đạo dụ cho phép hội đồng nhiếp chính được quyền loại trừ Từ Hi, nếu Từ Hi can gián vào quốc sự. Trong suốt cuộc đời làm vua, đây là hành động khôn ngoan sáng suốt duy nhất của vua Hàm Phong. Nhưng ý nguyện của vua Hàm Phong đã không thể thực hiện được.

Các thái giám tâm phúc đã biết được đạo dụ bí mật của nhà vua, và thông báo cho Từ Hi. Từ Hi tìm cách hủy diệt đạo dụ đó. Ngay trong lúc cử hành quốc táng cho Hàm Phong, đã có một cuộc tranh dành quyền lực gay

go giữa Từ Hi và tám nhiếp chính vương. Từ Hi có được sự trợ giúp của Vinh Lộc và các cấm binh nên đã loại được tất cả các đối thủ chính trị, và ra một đạo dụ bắt giữ và chém đầu tất cả các nhiếp chính vương. Kể từ đây quyền lực của Từ Hi ngày một thêm vững mạnh. Dù bên trong hay bên ngoài Cấm Thành, mệnh lệnh của Từ Hi đều được tất cả kính sợ và tuân hành. Người đàn bà ít học nhưng độc đoán, xảo trá, tàn nhẫn, mê tín dị đoan và tham lam đó đã làm cả một đế quốc run rợ.

Triều đại Từ Hi là một thời kỳ tủi nhục nhất trong lịch sử Trung Hoa, vì bên trong phải đương đầu với sự chống đối của người Trung Hoa, và bên ngoài thì bị các cường quốc tây phương hùng mạnh tấn công chiếm đất. Với tư cách Thái Hậu, Từ Hi đã thao túng quyền lực của của ba hoàng đế cuối cùng nhà Mãn Thanh: con trai của chính bà là vua Đồng Trị, một người cháu gọi bà bằng dì là vua Quang Tự, và một người cháu họ gọi bằng bà là vua Phổ Nghi.

Tất cả ba hoàng đế này lên ngôi đều còn rất nhỏ, nên Từ Hi được nắm quyền nhiếp chính, và do đó Từ Hi có quyền hành tuyệt đối. Những thành quả của Từ Hi thực là phi thường, đặc biệt là bà đã có thể ngự trị cả một thế giới Trung Hoa trọng nam khinh nữ. Theo một nhà học giả Trung Hoa thì đàn bà không thể cai trị Trung Hoa được, cũng giống như gà mái không thể gáy sáng như gà trống. Thế mà Trung Hoa đã từng chứng kiến các vị thái hậu hùng mạnh nhất trong lịch sử nhân loại là Võ Tắc Thiên và Từ Hi Thái Hậu. Từ Hi Thái Hậu đã giải thích rất nhiều luật lệ của nhà Mãn Thanh phù hợp với mục đích của bà, nhưng bà vẫn chưa dám thay đổi luật lệ cho phép đàn bà trở thành Hoàng Đế.

Từ Hi Thái Hậu đã bước lên tột đỉnh của quyền hành, và bên trong Cấm Thành hệ thống thái giám của nhà Mãn Thanh đã bắt đầu thay đổi giống như nhà Minh ngày trước. Chính nhờ người tình Vinh Lộc và bọn thái giám mà Từ Hi đã đoạt được quyền Thiên Tử, nên bà đã ban ân huệ rất rộng rãi cho giới thái giám. Khi con trai lên ngôi, Từ Hi phong cho Vinh Lộc làm phó vương và nắm quyền chỉ huy đạo quân miền bắc. Vinh Lộc suốt đời gần gũi Từ Hi. Để che mắt thế gian, Từ Hi cưới vợ cho Vinh Lộc, nhưng những thị phi trong triều vẫn không ngớt.

Các thái giám được giữ những chức vụ quan trọng đã làm hồi sinh sự tham nhũng trong cung cấm. Chính Từ Hi đã hoang phí ngân khố để mua sắm vàng bạc nữ trang, mở yến tiệc và xây lầu đài mới. Những món tiền lớn dùng để canh tân quân đội, đúc súng và chế tạo chiến hạm, bị chuyển sang xây Cung Điện Mùa Hạ một cách hết sức xa phí và nguy nga. Sự mục nát của xã hội Trung Hoa đã đưa tới những cuộc nổi loạn bên trong và những áp lực của ngoại bang bên ngoài. Trước hết là loạn Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn, quấy phá miền nam gây chết chóc cho hàng triệu người. Sau đó là loạn Quyền Phi chủ trương đuổi người ngoại quốc ra ngoài biển, và đưa Trung Hoa về với sự huy hoàng và sống biệt lập như trước kia.

Kẻ thù bên ngoài là các nước tây phương liên tiếp xâm xé chiếm đoạt

lãnh thổ Trung Hoa, khiến Trung Hoa mất hết quyền tối thượng quốc gia. Cuối cùng cả từng vùng của Trung Hoa phải cắt nhường cho các nước Âu Châu. Nhưng mỗi nguy hiểm chính yếu của Trung Hoa là từ phía Nga Sô và Nhật Bản.

Khi nhà Thanh chinh phục Trung Hoa thì quân Thanh hùng mạnh đã đánh bại quân Nhật tại Cao Ly, đẩy người Nhật phải trở về các hải đảo, và đuổi người Nga phải rút về phía bên kia sông Hắc Long Giang. Đến thế kỷ 19, khi thấy Trung Hoa bị Anh, Pháp bắt nạt một cách nhục nhã dễ dàng, thì người Nhật tin rằng con rồng Trung Hoa bây giờ không thể phun ra lửa được nữa, và bắt đầu tính toán xâm lăng Trung Hoa.

Người Nga khởi đầu một cuộc Nam tiến từ Tây Bá Lợi Á, tiến tới đồng bằng Mãn Châu và chiếm các hải cảng có nước ấm tại biển Thái Bình Dương. Năm 1858, trong khi Từ Hi Thái Hậu củng cố được địa vị và quyền hành bên trong Cấm Thành, thì nhà Thanh phải nhượng bộ các yêu sách của Nga Sô, nhường cho Nga Sô tất cả đất đai ở phía bắc sông Hắc Long Giang. Nga Sô còn được quyền kiểm soát vùng Ussuri, một khu vực chiến lược giáp giới với Thái Bình Dương. Hai năm sau, người Nga Sô lại trở lại đòi thêm đất đai nữa và được quyền kiểm soát các vùng phía đông cửa sông Ussuri, kể cả hải cảng Vladivostok.

Thấy người Nga làm ăn được, Nhật Bản liền tiến vào Trung Hoa dành

phần ăn. Nhật Bản là một nước Á châu thức thời, đi theo kỹ thuật tây phương và trở nên hùng mạnh hơn Trung Hoa. Năm 1895, Nhật Bản tuyên chiến với Trung Hoa và đánh bại quân đội yếu kém của nhà Thanh trên biển cả và đất liền. Kết quả là Trung Hoa phải nhường cho Nhật Bản Đài Loan và Cao Ly. Trung Hoa chiếm được Đài Loan vào lúc cực thịnh của nhà Thanh. Bây giờ nhà Thanh bắt đầu suy đồi, không còn giữ được Đài Loan nữa.

Nhưng Cao Ly và Đài Loan vẫn chưa đủ thoả mãn con hổ Nhật Bản đang đói khát tham lam. Nơi Nhật Bản nhắm vào là Mãn Châu, một vùng đất rộng mênh mông rất giàu tài nguyên cho kỹ nghệ mà dân cư lại thưa thớt. Nhật Bản đòi có ảnh hưởng tại Mãn Châu. Nhưng lúc đó Nhật Bản cũng chỉ là một cường quốc hạng nhì, mới nổi. Nga Sô, Pháp và Đức liền can thiệp và bênh vực Trung Hoa khiến Nhật Bản phải rút lui. Thực ra các nước Âu Châu chẳng thương gì Trung Hoa. Họ đẩy Nhật Bản ra để chiếm phần cho họ. Cuộc đụng độ giữa Trung Hoa và Nhật Bản đã bộc lộ sự hèn kém của Trung Hoa.

Càng ngày các nước Âu Châu càng chú ý khai thác Trung Hoa. Vì công lao bênh vực Trung Hoa chống lại Nhật Bản, Pháp đòi Trung Hoa phải để mặc Pháp chiếm Việt Nam, và Pháp liên tiếp chiếm ba nước trong bán đảo Đông Dương. Anh Quốc cũng đòi chiếm Miến Điện vốn thuộc ảnh hưởng của Trung Hoa. Nga Sô đòi được quyền thiết lập đường hoả xa chạy dọc Mãn Châu, và được quyền sử dụng đất đai chạy dọc hai bên đường xe lửa. Nga Sô cũng được thuê cửa biển Lữ Thuận và địa điểm chiến lược Liêu Đông trong một thời hạn 25 năm. Nga Sô cũng xây thêm một đường xe lửa

nối liền Lữ Thuận và Mãn Châu, cả hai đường xe lửa này nhập vào đường xe lửa xuyên Tây Bá Lợi Á. Lúc đó Nga Sô đang ở thế thượng phong. Mãn Châu được coi là một điểm chiến lược quan trọng có thể chế ngự cả Trung Hoa, Cao Ly và Mông Cổ.

Đức Quốc cũng bắt nạt triều đình Mãn Thanh và đòi chiếm hải cảng Thanh Đảo và 200 dặm vuông quanh Thanh Đảo. Đức cũng đòi được quyền khai thác mỏ tại khu nhượng địa. Anh Quốc thấy Đức làm ăn ngon lành nên cũng yêu sách nhà Thanh phải nhường cho Anh một vùng rộng 375 dặm vuông đối diện với Hồng Kông mà Anh Quốc đã chiếm được trong thập niên 1840. Pháp lập tức đòi 200 dặm vuông tại tỉnh Quảng Đông và bờ biển phía nam của Trung Hoa. Riêng Mỹ Quốc không có mặt trong cuộc xâu xé Trung Hoa một cách nhộn nhịp này.

Cho đến đầu thế kỷ 20, trong lúc quyền lực nhà Mãn Thanh tàn dần thì Trung Hoa bị phân chia thành nhiều khu vực ảnh hưởng của ngoại bang. Người thống trị Trung Hoa là Từ Hi Thái Hậu không có khả năng ngăn chặn được chiều hướng bất lợi này. Đúng như lời sấm tiên tri cũ, Từ Hi Thái Hậu đang dẫn nhà Thanh vào chỗ tàn vong.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 2
CÁC ẬU CHÚA CUỐI CÙNG CỦA NHÀ THANH



Khi vua Hàm Phong chết rồi, Đồng Trị lên ngôi thiên tử lúc còn rất ít tuổi. Từ Hi trở thành nhiếp chính cho Đồng Trị và thực sự hành sử quyền Thiên Tử. Đồng Trị chỉ nhắc lại những mệnh lệnh của Từ Hi dặn trước như một con vẹt. Khi Đồng Trị lâm triều thì Từ Hi cũng vẫn ngồi sau tấm màn trúc để phát lạc mọi công việc triều chính. Khi một ông quan quỳ gối ba lần và khấu đầu chín lần trước khi tấu trình việc nước cho vua Đồng Trị, thì từ đằng sau, Từ Hi Thái Hậu đã đọc quyết định cho Đồng Trị. Công việc của Đồng Trị chỉ nói lại những điều bà mẹ vừa nói xong.

Từ Hi rất say mê quyền hành. Bà rất sợ một ngày nào đó, con bà tới tuổi trưởng thành và lấy lại quyền Thiên Tử. Bởi vậy khi Đồng Trị vừa tới tuổi

thành hôn, thì Từ Hi để tâm kén hoàng hậu và cung phi cho Đồng Trị, để Đồng Trị đam mê tửu sắc, và nhường công việc triều chính cho bà. Đồng Trị chọn Kim Cúc, một người con gái 16 tuổi nhan sắc tuyệt vời và tính tình rất cương quyết làm Hoàng Hậu. Từ Hi muốn chọn một người con gái hiền lành nhu mì làm Hoàng Hậu để dễ sai khiến, nhưng Đồng Trị rất thích Kim Cúc nên Từ Hi đành chịu, nhưng bà tuyển thêm 4 thứ phi nữa cho Đồng Trị.

Khi Đồng Trị được 17 tuổi thì chính thức nắm quyền Hoàng Đế, và Từ Hi không còn Nhiếp chính nữa. Tuy nhiên Đồng Trị là người con hiếu thảo nên vẫn nhường quyền cai trị cho mẹ, một phần vì mới lớn mà được cùng một lúc 5 cô gái thi đua lấy lòng ông vua trẻ, thì Đồng Trị còn thời giờ đâu mà lo việc nước. Đó cũng là đúng ý định của Từ Hi. Vua Đồng Trị yêu Kim Cúc, nên bất mãn Từ Hi Thái Hậu xen lấn vào việc nhân duyên của mình. Hơn nữa, một số thái giám được lệnh dụ dỗ Đồng Trị lén trốn ra bên ngoài Cấm Thành về ban đêm, để tìm thú chần gối với các ca kỹ tại chốn thanh lâu kỹ viện. Cuối cùng nhà vua mắc bệnh phong tình, và chết lúc mới có 19 tuổi, sau khi ở ngôi Hoàng Đế được hai năm.

Vào lúc vua Đồng Trị chết thì hoàng hậu Kim Cúc có thai. Từ Hi rất e sợ nếu Kim Cúc sinh hoàng tử, thì hoàng tử đó sẽ làm Hoàng Đế và Kim Cúc sẽ thay thế Từ Hi làm Thái Hậu. Từ Hi nhất quyết giữ vững địa vị của mình, bằng cách bắt Kim Cúc phải chết cùng với cái bào thai kia, mặc dù thai nhi ấy là cháu nội của bà. Từ Hi gọi Kim Cúc vào và nói với Kim Cúc:

“Hoàng Đế yêu người lắm, có lẽ Hoàng Đế cũng muốn người đi theo đó.”

Kim Cúc biết rằng Từ Hi rất ghét mình. Nếu bà ta còn, thì mình cũng không sống được. Nàng bình tĩnh ngẩng lên nhìn vào mắt Từ Hi và trả lời “Tâu Thái Hậu, thần thiếp cũng định như thế.” Cặp mắt Kim Cúc, một người đàn bà can đảm coi thường cái chết, nhìn thẳng vào mắt Từ Hi bằng một cái nhìn lạnh lùng, u uẩn căm phẫn oán hờn khiến Từ Hi phải rùng mình kinh hãi. Đêm đó Từ Hi sai thái giám thắp đèn thật sáng, và bắt thị nữ ngồi vây chung quanh. Đến sáng thì thái giám báo cho Từ Hi biết hoàng hậu Kim Cúc đã dùng nha phiến tự tử rồi.

Lập tức Từ Hi chọn đưa con lên 4 tuổi của em gái lên ngôi vua. Từ Hi có một người em gái và đem gả cho một người em vua Hàm Phong. Triều thần nhà Mãn Thanh rất công phần trước âm mưu quỷ kế của Từ Hi nhưng bất lực không ngăn chặn được. Đứa nhỏ 4 tuổi lên ngôi vua lấy niên hiệu là Quang Tự. Ngay sau đó mẹ ruột của Quang Tự, tức là em gái Từ Hi, đột ngột từ trần. Người đàn bà tội nghiệp có con lên ngôi báu cần phải chết, để Từ Hi tiếp tục làm Thái Hậu.

Mất mẹ, Quang Tự phải sống với một bầy thái giám. Các thái giám đã nuôi nấng dậy dỗ Quang Tự, và Quang Tự nhiễm thói quen đồng tính luyến ái của đám thái giám. Rất nhiều hoàng đế Trung Hoa mắc chứng bệnh đồng tính luyến ái chỉ vì ảnh hưởng của các hoạn quan. Từ Hi áp đảo Quang Tự đến nỗi vị tiểu Hoàng Đế này mỗi khi gặp Từ Hi đều sợ đến nỗi nói cà lăm và trở thành người nói cà lăm suốt đời. Khi Quang Tự tới tuổi 17, Từ Hi lại lo tìm hoàng hậu và cung phi cho Quang Tự. Quang Tự có một hoàng hậu và hai thứ phi, nhưng Quang Tự vừa bất lực vừa không thích đàn bà cho nên không có con.

Khi Quang Tự chính thức lên ngôi Hoàng Đế năm 1888, thì chức vụ nhiếp chính của Từ Hi chính thức chấm dứt, Từ Hi lui về Cung Điện Mùa Hạ, cách Cấm Thành vài dặm. Nhưng vua Quang Tự vốn nhu nhược, thiếu quả quyết và hay đau yếu nên thường vẫn thỉnh ý kiến của Từ Hi, và do đó Từ Hi vẫn tiếp tục cai trị. Bên ngoài, các nước Âu Châu đang gây khó khăn cho Trung Hoa, nhưng Từ Hi chỉ chăm lo củng cố quyền hành cho cá nhân mình.

Trong năm năm ở ngôi Hoàng Đế, Quang Tự thường xuyên tới Cung Điện Mùa Hạ để lấy ý kiến Thái Hậu. Nhưng bảy năm sau, Trung Hoa bị một nước nhỏ là Nhật Bản đánh bại. Đây là một biến cố kinh hoàng xúc động đến nỗi Quang Tự bỗng vùng ra khỏi tình thần thụ động và hôn mê, và hết hẳn bệnh nói cà lăm. Phản ứng của Quang Tự trước cái nhục của một Hoàng Đế khiến Từ Hi và mọi người kinh ngạc. Quang Tự một sớm một chiều trở thành một con người khác hẳn, bừng tỉnh khỏi một cơn mê dài. Con người tội nghiệp như một hình nộm bỗng nhiên biến đổi thành một nhà cai trị can trường, nhiều sáng kiến và ăn nói lưu loát. Nhà vua bước ra khỏi

thế giới mơ mộng bên trong Cấm Thành để bước vào thực tại của thế giới bên ngoài, và Quang Tự nhìn thấy tương lai của Trung Hoa.

Nhà vua ra một tuyên cáo như sau: "Xã tắc lâm nguy. Chúng ta bị bao vây tứ phía bởi những ngoại bang hùng cường đang muốn lợi dụng tình thế yếu kém của chúng ta và liên kết với nhau để khuynh loát chúng ta. Ngoại bang biết chúng ta chệnh mảng việc binh bị và hạm đội của chúng ta nhỏ yếu. Vì thế, theo ý ta, nhu cầu ngay bây giờ là chúng ta phải cải cách và chăm lo tổ chức lại công cuộc bố phòng của chúng ta."

Những lời nói của Quang Tự đã làm xúc động toàn thể đế quốc Trung Hoa. Giống như những hoàng đế trước, Quang Tự đã thực sự trở thành một con rồng phun lửa như các bậc tiên đế trước. Nhà vua ra lệnh thiên triều phải bãi bỏ các chủ trương tồn cổ cực đoan, các phong tục cổ hủ không thiết thực. Quang Tự tuyên cáo: "Chúng ta phải lựa chọn các môn học của Tây Phương để giúp chúng ta đuổi kịp trào lưu tiến hoá, và chăm lo học tập những môn học này để có thể đưa Trung Hoa tiến ngang với các quốc gia khác."

Quang Tự bị ảnh hưởng của các nhà cải cách miền nam Trung Hoa, nên năm 1898 nhà vua chính thức phát động cuộc cải cách một trăm ngày. Vua Quang Tự hiệu triệu thần dân: "Hãy nghe và tuân lệnh! Nếu Trung Hoa không cải cách, không áp dụng cuộc cách mạng kỹ nghệ, không đi theo các phương pháp mà người Nhật bắt chước người ngoại quốc, thì thiên triều một ngày nào đó sẽ tan rã và người Trung Hoa sẽ không ngẩng mặt lên được với thế giới."

Trong nhiều thế kỷ, Trung Hoa đã từng là một quốc gia Á Châu khổng lồ, kiêu căng trịch thượng, bắt nạt những láng giềng nhỏ như Việt Nam, Miến Điện, Thái Lan, Tây Tạng, Mông Cổ và Triều Tiên. Các nước nhỏ này phải triều cống hàng năm. Bây giờ đến lượt Trung Hoa nếm mùi vị nhục nhã bị bắt nạt. Một đại thần đã trình bày với vua Quang Tự: "Nếu chúng ta đi đự hoà hội với các quốc gia khác mà không có sức mạnh hậu thuẫn cho lời nói của chúng ta, thì chúng ta chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Nếu các quốc gia mạnh ngang nhau thì luật lệ quốc tế mới được tôn trọng; nếu không thì mọi điều ước không thể thi hành được." Lần đầu tiên trong

lịch sử mấy ngàn năm, Trung Hoa phải nhận thức rằng Trung Hoa chỉ là một hành tinh như các quốc gia khác, chứ không phải là mặt trời khiến các quốc gia khác phải quay chung quanh như trước nữa. Chính Nhật Bản và các quốc gia tây phương đã dạy cho Trung Hoa bài học về sự thực đau lòng này.

Những đạo dụ về cải cách tuôn ra như bươm bươm từ cung vua Quang Tự. “Thần dân hãy nghe và tuân hành, hãy mua đủ loại máy móc. Hãy giáo dục quần chúng. Hãy sáng chế các đồ thực dụng. Hãy bỏ thời giờ để luyện tập làm binh lính. Hãy thiết lập những viện đại học để đưa quốc gia ngang hàng với tây phương.”

Các toà án được lệnh phải xử các vụ án cho xong để tránh tình trạng ứ đọng và hệ thống pháp luật cũng được cải cách. Về vấn đề ngân hàng, các viên chức phải theo đường lối ngân sách của tây phương. Hệ thống thư lại được cải tổ. Các viên chức Mãn Châu lười biếng bị cách chức, các chức vụ không cần thiết bị bãi bỏ.

Thoạt đầu các nghị quyết của vua Quang Tự được các thân vương, tướng lĩnh và đại thần tán thành, vì mọi người hoảng sợ trước chiến thắng quân sự của Nhật Bản và nghĩ rằng Trung Hoa cũng phải tiến bộ như Nhật Bản. Nhật Bản đã gây chấn động tại Trung Hoa hơn tất cả các nước tây phương khác vì người Trung Hoa vốn coi thường Nhật Bản; Nhật Bản từng chịu ảnh hưởng văn hoá của Trung Hoa từ hàng ngàn năm. Tất cả những gì người Nhật Bản làm được thì người Trung Hoa có thể làm hay hơn. Người Trung Hoa chỉ nể sợ người tây phương thôi, nay Nhật Bản hùng mạnh không kém các nước tây phương là điều làm người Trung Hoa kinh ngạc nhất.

Nhưng các đạo luật cải cách của vua Quang Tự dần dần gặp khó khăn, vì sự chống đối của các thân vương và các đại thần. Họ trông thấy các cải cách có thể tước bỏ rất nhiều các nguồn lợi về tài sản và quyền hành của họ. Vua Quang Tự đã tấn công ngay chính vào các định chế lâu đời của Trung Hoa. Sự thay đổi nào cũng gây bất lợi cho giai cấp đang được ưu đãi, đang được hưởng thụ. Lập tức các thân vương và quan đại thần lũ lượt kéo đến Cung Điện Mùa Hạ để than phiền với Từ Hi Thái Hậu. Họ khẩn cầu

Thái Hậu hãy cứu vớt Thiên Triều trước những cải cách của vua Quang Tự mà họ coi là "những cải cách điên rồ." Do đó chính giới Trung Hoa chia ra làm hai phe, một bên là vua Quang Tự và các học giả cải cách, và một bên là Từ Hi Thái Hậu cùng với phe bảo thủ.

Vua Quang Tự cũng nhận thấy mối nguy hiểm của mình, nhưng nhà vua coi thường bà di ruột của mình là Từ Hi Thái Hậu. Nhà vua biết rằng sự thành công của công cuộc cải cách tùy thuộc và việc loại trừ Từ Hi ra khỏi chính trường vĩnh viễn. Một cuộc tranh giành quyền hành quyết liệt giữa hai dì cháu đã xảy ra trong cung cấm. Vua Quang Tự ra tay trước và bổ nhiệm Viên Thế Khải vào chức Thanh Tra Quân Đội Miền Bắc đang do Vinh Lộc chỉ huy. Vua Quang Tự rất e ngại Vinh Lộc vì Vinh Lộc là người rất trung thành với Từ Hi. Viên Thế Khải vốn vẫn ủng hộ chủ trương cải cách của vua Quang Tự.

Trong một cuộc hội kiến bí mật tại Điện Thái Hòa, vua Quang Tự chỉ thị cho Viên Thế Khải phải tới tổng hành dinh của Vinh Lộc tại Thiên Tân, và loại trừ Vinh Lộc. Nếu diệt được Vinh Lộc thì vua Quang Tự diệt được hậu thuẫn sức mạnh quân sự của Từ Hi. Đồng thời vua Quang Tự cũng cho Viên Thế Khải quyền bao vây Cung Điện Mùa Hạ và phong tỏa Từ Hi bên trong cung điện, không cho liên lạc với bên ngoài.

Kế hoạch của vua Quang Tự rất tinh vi và chu đáo, và nếu được người thân tín thi hành thì vua Quang Tự có cơ trở thành một vị Hoàng Đế danh tiếng của nhà Mãn Thanh, phục hồi được cả ngai vàng Mãn Thanh và đưa Trung Hoa ra khỏi cảnh tủ nhục. Nhưng nhà vua chọn lầm người. Viên Thế Khải là một người nham hiểm và nhiều tham vọng. Viên Thế Khải vốn là người Hán chứ không phải là người Mãn Châu. Họ Viên nhận thấy khí thế nhà Thanh đã mãn và thiên mệnh không còn thuộc về nhà Thanh nữa, và mơ ước đứng lên tạo lập một triều đại mới, như vẫn thường xảy ra trong lịch sử Trung Hoa.

Sau khi hội kiến với vua Quang Tự, Viên Thế Khải đi thẳng tới Thiên Tân, phản lại kế hoạch bí mật của nhà vua. Viên Thế Khải cho Vinh Lộc biết hẳn được lệnh bao vây Cung Điện Mùa Hạ và hành thích Từ Hi Thái Hậu. Vinh Lộc cực kỳ hoảng hốt, vội tiến quân về đứng cạnh Từ Hi. Bà

Thái Hậu nổi cơn thịnh nộ và lập tức ra lệnh cho Vinh Lộc tiến quân về Cẩm thành. Ngay đêm đó, vào lúc ba giờ sáng, khi các thái giám canh gác trông thấy hỏa pháo nổ tại Cung Điện Mùa Hạ và báo cho vua Quang Tự, thì vua Quang Tự biết mình đã thất bại.

Quang Tự vốn sợ Từ Hi từ nhỏ nên bây giờ người run lập cập. Chỉ khi nam nhi mà nhà vua tạo cho mình bấy lâu nay bỗng biến mất, để trở thành một con người nhát sợ như trước. Khi cánh quân cấm vệ đầu tiên tiến vào cửa cung thì vua Quang Tự chạy ra phủ phục ngay trước kiệu của Từ Hi. Từ Hi nhìn vua Quang Tự mà không thềm nói một lời. Mãi tới lúc vào Điện Thái Hòa, Từ Hi mới tuôn ra cơn giận dữ. Bà hét lên: “Quân vong ân bội nghĩa, ta nuôi người như con ta, và đây là cách người đền ơn ta phải không?”

Tổng thái giám Lý Liên Anh chứng kiến cảnh nhục nhã của vua Quang Tự một cách hả hê. Vua Quang Tự chỉ biết năn nỉ: “Hài nhi quá đỗi nhu nhược. Hài nhi không xứng đáng ở ngôi vị chí tôn nữa. Xin Thái Hậu cứ trừng phạt hài nhi thật đích đáng.”

Từ Hi hét lạnh: ”Hãy viết ngự chiếu thoái vị ngay bây giờ và ngay tại đây.”

Về sau vua Quang Tự kể lại: “Ta không còn biết nói gì nữa. Ta ra lệnh cho Viên Thế Khải đem quân bao vây Cung Điện Mùa Hạ cho tới khi nào các đạo dụ cải cách của ta có hiệu lực. Hành động này của ta thật đáng bị trừng phạt.”

Phản ứng đầu tiên của Từ Hi là muốn đem chặt đầu vua Quang Tự ngay tức khắc. Nhưng việc chém đầu một hoàng đế có thể đưa tới một hậu quả nguy hiểm. Vì thế bà định cho công bố ngự chiếu thoái vị của vua Quang Tự và tìm một ấu chúa khác và bà lại tiếp tục nắm quyền thiên tử trong chức vụ nhiếp chính. Nhưng Từ Hi cũng sợ rằng vị ấu chúa ấy rồi ra thì cũng đi theo con đường độc lập của vua Quang Tự. Cuối cùng Từ Hi để cho vua Quang Tự tiếp tục giữ chức Hoàng Đế, nhưng giam nhà vua vào Doanh Đài, và chỉ cung cấp cho nhà vua một đời sống vật chất kham khổ, lúc nào cũng bị canh gác nghiêm mật, và có một thái giám theo sát nhà vua ngày cũng như đêm.

Bị giam vào Doanh Đài thì chẳng khác nào là đi đày. Doanh Đài là một hòn đảo nhân tạo trong một cái hồ nhân tạo bên trong Cẩm Thành, chỉ cách ngai vàng cũ của nhà vua chừng 15 phút đi bộ. Một số nhà cải cách của vua Quang Tự phải đào tẩu. Khang Hữu Vy trốn qua Hương Cảng, Lương Khải Siêu và Tôn Văn trốn sang Nhật Bản, gia nhập hàng ngũ những nhà cách mạng tại đây. Riêng Đàm Tự Đồng khẳng khái không chịu chạy trốn, nguyện đem máu mình tưới cho mầm cách mạng và bị giết lúc 33 tuổi, cùng với năm đồng chí nữa là: Lưu Quang Đệ, Lâm Húc, Dương Nhuệ, Dương Thâm Tú, và Khang Quảng Nhân (em Khang Hữu Vy). Người thời đó gọi sáu nhà cải cách bị tử hình này là "Lục Quân Tử".

Nhiều người khác cũng bị bắt, bị tra tấn dã man và bị chém đầu. Họ bị hành hình ngay tại pháp trường giữa Bắc Kinh. Từ những cái thây không đầu, máu đổ chảy thành sông. Gia đình các nạn nhân không được phép khâu đầu liền với thân thể trước khi đem chôn như trước kia. Cuộc Cải Cách Một Trăm Ngày của vua Quang Tự chấm dứt trong sự kinh hoàng.

Cuộc đảo chánh thất bại của vua Quang Tự và cuộc đảo chánh ngược của Từ Hi xảy ra giữa mùa hè năm 1895, sau khi Trung Hoa đã bị Nhật Bản đánh bại nhục nhã. Từ Hi giữ việc triều chính dưới danh hiệu vua Quang Tự. Ngày 21 tháng 9 năm 1895, Từ Hi tuyên cáo rằng quốc gia đang lâm nguy nên cần phải có sự lãnh đạo khôn ngoan, và vua Quang Tự đã khẩn nài Từ Hi đứng ra cầm quyền cai trị, vì Từ Hi Thái Hậu đã hai lần hành xử quyền nhiếp chính một cách hoàn hảo. Bản tuyên cáo này do chính Từ Hi thảo ra và có long ấn của vua Quang Tự với dòng chữ: "Thái Hậu đã chấp nhận lời cầu nguyện của ta." Thế là Từ Hi Thái Hậu lại nắm quyền nhiếp chính lần thứ ba. Một lần nữa, bà lại nắm vận mệnh của cả một triều đại, một đế quốc đang hồi suy tàn.

Với phe bảo thủ hậu thuẫn chung quanh, Từ Hi bắt đầu công cuộc đười giống "Bạch Quỷ" ra khỏi Trung Hoa. Kết quả đưa tới loạn Quyền Phi. Đây không phải là một cuộc nổi loạn chống chính quyền, mà là một cuộc nổi loạn chống lại người ngoại quốc và những người chủ trương cải cách. Khi loạn Quyền Phi bộc phát năm 1900 thì các nhà truyền giáo ngoại quốc tại Trung Hoa là nạn nhân chính. Khoảng 200 nhà truyền giáo và 20 ngàn

người Trung Hoa theo đạo Thiên Chúa bị Quyền Phi giết rất dã man. Một cảnh tàn sát diễn ra tại Tuy Viễn được ghi lại như sau:

“Hôm đó cuộc hành quyết bắt đầu với mục sư Farthing thuộc dòng Baptist. Mục sư Farthing được dẫn lên trước. Bà vợ hoảng sợ nắm chặt lấy ông ta, nhưng mục sư nhẹ nhàng gỡ tay vợ và đẩy vợ lui lại, rồi bước thẳng tới trước người đao phủ thủ và quỳ xuống. Một nhát dao vung lên và đầu ông ta rụng xuống. Kế đó là các mục sư khác, tất cả đều bị chặt đầu.

“Viên quan điều khiển cuộc hành quyết thấy công việc tiến hành chậm chạp quá, nên ra lệnh các binh sĩ khác cũng phải vung kiếm tiếp tay với các đao phủ thủ, vì số nạn nhân quá đông đảo. Khi đàn ông bị chặt đầu xong thì tới lượt các bà. Bà Farthing ôm chặt hai đứa con, và binh sĩ giăng hai đứa bé đó ra, rồi một lưỡi kiếm lóe lên và đầu bà văng đi. Các đao phủ tiếp tục tới các trẻ con. Nghệ thuật chém đầu của các đao phủ thủ thật là điêu luyện. Chỉ một nhát là xong một nạn nhân. Tuy nhiên có một số đao phủ thủ hơi vụng về, phải vài nhát mới làm xong nhiệm vụ khiến nạn nhân bị đau đớn vô cùng.

“Bà mục sư Lovitt đeo kính, tay nắm chặt đứa con và nói với viên quan nhà Thanh: “Chúng tôi tới Trung Hoa để đem Tin Lành cho các ông về Chúa Cứu Thế, chúng tôi không làm điều gì hại, mà chỉ làm điều tốt, tại sao các ông đối xử với chúng tôi như thế này?” Một tên lính tiến lại, lột kính bà ra và hấn phải chém hai nhát mới chặt đứt được cổ bà Lovitt. Lúc chết rồi, tay bà Lovitt vẫn nắm chặt tay đứa con của bà.

“Khi các mục sư Tin Lành tử đạo xong thì tới các linh mục công giáo. Vị giám mục được dẫn ra trước. Vị giám mục đã quá già, râu tóc bạc phơ. Ngài hỏi viên quan giám trạm tại sao ông ta hành động tàn ác như thế. Viên quan trả lời vị giám mục bằng một nhát chém chéo ngang mặt. Máu nhuộm đỏ ối bộ râu bạc của vị giám mục già và ngài gục xuống chết ngay. Sau đó là các linh mục và các nữ tu, tất cả đều chịu chung hình phạt chặt đầu.

“Ngày hôm đó tất cả 45 giáo sĩ Tây phương bị hành quyết cùng với một số đông người Trung Hoa theo đạo Thiên Chúa. Xác của các nạn nhân để mặc nằm tại bãi hành quyết suốt đêm đó vì mãi đến tối cuộc hành quyết mới chấm dứt. Trong đêm đó, tất cả các xác đều bị lột hết quần áo và

những gì quý giá đeo trên người. Ngày hôm sau tất cả xác được chôn tập thể, trừ một vài cái đầu được đem đóng lên cổng thành làm gương cho công chúng.”

Quan quân nhà Thanh không khỏi kinh ngạc và cảm phục e sợ trước sự can đảm của gia đình các nhà truyền giáo Tây phương. Trừ một vài sự run rẩy ở phía các bà, và các bàn tay trẻ con nắm chặt váy mẹ, không một ai khóc lóc, kêu than hoặc van xin tha chết. Tất cả các nạn nhân bình thản chấp nhận cái chết thảm khốc dưới đao kiếm của quan quân nhà Thanh. Các vụ hành quyết giáo sĩ tại Trung Hoa đã gây phẫn nộ tại Tây Phương. Sáu quốc gia phái quân đội đến trả thù, một cuộc trả thù rất đắt giá cho người Trung Hoa. Huân tước Alfred von Waldersee, chỉ huy quân đội Đức, ra lệnh cho quân sĩ dưới quyền:

“Khi các người gặp quân Trung Hoa, các người phải đánh bại chúng. Không một kẻ nào được tha, không được bắt làm tù binh mà phải giết hết. Tất cả những kẻ nào rơi vào tay các người, các người mặc tình chém giết. Cũng như người Hung Nô cách đây một ngàn năm dưới quyền Atila đã tạo được danh tiếng khủng khiếp còn lưu truyền cho tới ngày hôm nay, thì bây giờ các người có nhiệm vụ làm cho Đức quốc cũng được kinh sợ như vậy tại Trung Hoa, và từ nay người Trung Hoa sẽ không dám nhìn thẳng vào mắt người Đức.”

Sau đó là một cuộc tàn sát trả thù vô cùng khủng khiếp, và một sự tàn phá kinh hồn, biến cung điện thành những đống gạch vụn vĩ đại. Quân Nga chặt đầu tất cả đàn ông, đàn bà và con nít cả một vùng và liệng xác xuống sông Hắc Long Giang. Loạn Quyền Phỉ tan rã. Từ Hi thái hậu và vua Quang Tự phải bỏ kinh thành mà chạy. Sau đó Trung Hoa phải ký thêm rất nhiều nhượng bộ lớn cho tây Phương.

Từ Hi cũng tỏ ra là một chính khách khôn khéo. Bà lập tức nương theo khuynh hướng cải cách và tối tân hóa Trung Hoa. Từ Hi ra lệnh cấm xử tử tội bằng hình phạt tùng xẻo, nghĩa là lóc thịt nạn nhân thành hàng ngàn miếng cho đến chết. Bà cũng ra lệnh cấm hút thuốc phiện. Các nước Tây Phương cùng với Nhật Bản tận tình khai thác việc buôn bán thuốc phiện tại Trung Hoa, và người Trung Hoa dần dần mất hết mọi năng lực của ý chí.

Năm 1906, luật cấm thuốc phiện của Từ Hi bắt buộc việc buôn bán và dùng thuốc phiện phải chấm dứt trong thời hạn mười năm. Nhiều người Trung Hoa đã bị chặt đầu về tội hút thuốc phiện.

Từ Hi cũng ra nhiều đạo dụ chấm dứt sự chênh lệch về quyền lợi giữa người Mãn Châu và người Hán. Trước kia người Mãn Châu được hưởng nhiều ưu đãi hơn người Hán. Bây giờ việc kết hôn giữa hai giống dân được coi là hợp pháp, tuy nhiên người Mãn Châu thuộc dòng dõi quý tộc vẫn không được lấy vợ là người Hán. Tỷ lệ viên chức người Mãn Châu cũng bị bãi bỏ. Trước kia người Mãn Châu tuy ít, chỉ là 1% dân số, nhưng được chiếm một nửa các chức vụ trong chính phủ. Mãn Châu là một vùng trước kia dành riêng cho người Mãn Châu, nay cho phép người Hán được tới định cư. Chẳng bao lâu nhờ công khai phá của người Hán, Mãn Châu trở thành một vựa lúa quan trọng của Trung Hoa.

Nhiều trường kỹ thuật theo kiểu mẫu Tây phương và Nhật Bản được mở ra dạy nghề cho thanh niên. Đàn bà Trung Hoa được khuyến khích không nên bó chân như trước, nhưng nhiều người Trung Hoa vẫn thích bó chân cho con gái, biến người con gái lành lặn thành những người tàn tật theo một tập tục lâu đời, và cũng để phân biệt đàn bà Trung Hoa với đàn bà Mãn Châu.

Vào ngày sinh nhật năm 1906 của Từ Hi, bà hứa với quần chúng sẽ đặt ra một hiến pháp và phác họa ra một Kế Hạch Chín Năm để thành lập một chính phủ đại diện cho dân chúng. Đây là một dấu hiệu tiến bộ rõ rệt vì chỉ mười năm trước, kẻ nào đề nghị một điều như thế thì đã bị chém đầu rồi.

Trong lúc Từ Hi vẫn giữ quyền nhiếp chính thì con gái Vinh Lộc kết hôn với Thuần Thân Vương. Thuần Thân Vương là cháu Từ Hi và là em của vua Quang Tự. Năm 1906 vợ Thuần Thân Vương sinh được một con trai và đặt tên là Phổ Nghi. Từ Hi bây giờ cũng già rồi và không thể nắm quyền nhiếp chính mãi. Từ Hi cũng không muốn vua Quang Tự trở lại ngôi vị thiên tử. Bà cần phải tìm một ấu chúa khác để thay thế vua Quang Tự, và Phổ Nghi chính là người bà đang tìm kiếm.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 3



Hoàng đế Phổ Nghi

Mùa hè năm 1908, Từ Hi Thái Hậu lâm bệnh nặng. Con người đã cai trị cả một đế quốc, biết rằng bây giờ đã đến lúc phải thua mệnh trời. Nhưng Từ Hi nhất quyết không để vua Quang Tự được chết sau mình. Mùa thu

năm ấy, Từ Hi ngã bệnh lần thứ hai. Bà Thái Hậu già 77 tuổi bị bệnh kiệt lực, và trong suốt thời gian nằm liệt giường, Từ Hi sắp đặt việc kế vị ngai vàng nhà Mãn Thanh.

Vào một đêm tối ngày 13 tháng 11 năm 1908, sứ giả của triều đình tới gõ cửa nhà Thuần Thân Vương tại Bắc Kinh. Sứ giả đến truyền lệnh sau đây của Từ Hi: Phổ Nghi, đứa con trai mới 3 tuổi của Thuần Thân Vương, phải vào Cấm Thành ngay. Tấm ngự chiếu viết bằng mực son trên một tấm lụa màu vàng ấy đã làm cả nhà Thuần Thân Vương kinh hoàng. Bà nội của Phổ Nghi ngất xỉu sau khi nghe đọc xong ngự chiếu của Từ Hi. Thuần Thân Vương thì hoang mang không hiểu gì cả.

Phổ Nghi đang ngủ, bỗng bị đánh thức dậy, nên gào thét vùng vẫy chống lại các thái giám và các đầy tớ gái đang cố gắng mặc quần áo mới cho Phổ Nghi, để làm một chuyến đi vào lịch sử. Sử sách chép lại rằng Phổ Nghi kháng cự lại sắc lệnh của Từ Hi, nhưng thực ra đây chỉ là phản ứng tất nhiên của một đứa trẻ ba tuổi bị đánh thức dậy, và thấy có nhiều người lạ chung quanh. Dĩ nhiên đứa bé ba tuổi này không hiểu rằng cơn giận nửa đêm đầu tiên ấy là khởi đầu cho một cuộc tranh đấu kéo dài suốt một cuộc đời, chống lại những may rủi của số mệnh. Thuần Thân Vương đi theo Phổ Nghi vào Cấm Thành.

Sau này Phổ Nghi kể lại lần gặp gỡ với bà Thái Hậu già nua, bệnh hoạn và gầy ốm như sau:

“Sự xúc động của cuộc hội kiến để lại một ấn tượng sâu xa trong ký ức tôi. Tôi nhớ rằng bỗng nhiên tôi thấy chung quanh đầy người lạ, và qua một tấm màn mỏng màu xám trước mặt, tôi có thể trông thấy bộ mặt gầy guộc của một bà già, trông thật gớm ghiếc. Tôi la hét lên vì sợ hãi. Bà Thái Hậu dịu dàng sai thái giám đem kẹo cho tôi ăn. Nhưng tôi cáu kỉnh liệng kẹo xuống đất. Bằng một giọng mệt mỏi, bà Thái Hậu than: “Thằng bé này hư quá” và sai thái giám dẫn tôi ra ngoài.”

Sau đó Từ Hi quay lại Thuần Thân Vương và cho biết ý định chọn Phổ Nghi lên ngôi báu. Ngay ngày hôm sau, vua Quang Tự bỗng mắc phải một chứng bệnh kỳ lạ. Người ta biết ngay không phải ngẫu nhiên mà Quang Tự mắc bệnh đúng vào lúc Từ Hi chọn Phổ Nghi lên thay thế. Mọi người đều

đồng ý Quang Tự bị đầu độc. Chính Phổ Nghi cũng tin như vậy. Nhà vua cuối cùng của nhà Thanh nói về cái chết của vua Quang Tự:

“Sau này tôi được một số cận thần cho biết rằng trước khi băng hà, vua Quang Tự vẫn khoẻ mạnh và chỉ bị cảm sơ sài thôi. Mạch máu của nhà vua vẫn bình thường. Người ta trông thấy nhà vua đi lại và nói chuyện trong phòng như một người mạnh khoẻ. Vì thế mọi người rất đỗi ngạc nhiên khi nghe tin nhà vua bị bệnh trầm trọng. Một đêm nữa là nhà vua chết ngay, chỉ sau bốn giờ mắc bệnh. Quả thực cái chết của vua Quang Tự rất đáng nghi ngờ.”

Dĩ nhiên vua Quang Tự phải chết trước Từ Hi. Từ Hi không bao giờ cho phép một ông vua chống lại mình được sống sót, và có cơ hội trở lại ngôi vị Thiên Tử. Hai giờ sau khi vua Quang Tự chết rồi, Từ Hi Thái Hậu bắt đầu nhiếp chính lần thứ tư. Bà lại ban những sắc lệnh mới. Phổ Nghi được chỉ định lên ngôi Thiên Tử, Thuần Thân Vương được cử làm Nhiếp Chính, còn Từ Hi tự phong mình làm Đại Thái Hậu. Quả thực Từ Hi vẫn có ý định tiếp tục điều khiển vận mạng của đế quốc Trung Hoa cho tới hơi thở cuối cùng. Từ Hi phán với Thuần Thân Vương: “Nhà ngươi sẽ điều khiển quốc sự đúng theo mệnh lệnh của ta.”

Nhưng ngay đêm đó, sau những dồn dập của các biến cố cùng với hậu quả của bệnh tật, cộng với sự hối hận trong việc giết vua Quang Tự, bệnh của Từ Hi tái phát, và lần này có vẻ trầm trọng đến nỗi Từ Hi phải than thở với bà thái giám tâm phúc: “Sức khoẻ của ta nguy kịch lắm rồi. Ta sợ rằng ta không hồi phục được nữa.”

Nhận thấy không còn nhiều thì giờ nữa, Đại Thái Hậu Từ Hi liền sửa soạn ban sắc lệnh cuối cùng trong cuộc đời của bà. Từ Hi đọc bản sắc lệnh sau đây cho thái giám viết: “Nhìn lại năm mươi năm vừa qua, ta nhận thấy rằng những tai họa bên trong và những cuộc xâm lấn từ bên ngoài đã đến với chúng ta liên tục. Tân Thiên Tử chỉ là một ấu chúa, ta cầu nguyện ấu chúa sẽ chăm chỉ học hành và sẽ đóng góp thêm vào những công nghiệp vinh quang của các tiên đế. Việc tang lễ cho ta không được kéo dài quá hai mươi bảy ngày.”

Các thái giám sau đó mặc cho Từ Hi bộ áo choàng theo đúng tang lễ,

trong khi đó Thuần Thân Vương và các đại thần châu chực chung quanh giường Thái Hậu để nghe Từ Hi ban mệnh lệnh cuối cùng:

“Các người đừng cho phép một người đàn bà được nắm quyền tối thượng quốc gia. Điều này trái với luật lệ của hoàng gia và phải cấm chỉ. Phải cẩn thận đừng để các thái giám can dự vào các vấn đề quốc sự, chính các thái giám đã làm sụp đổ ngai vàng nhà Minh, và đó là bài học cho người Mãn Thanh chúng ta.”

Đến đó Từ Hi chấm dứt vai trò lịch sử của bà. Một người đàn bà nắm quyền cai trị Trung Hoa lâu nhất trong lịch sử. Cuối cùng Từ Hi cũng học được một bài học mà các vị vua đầu tiên nhà Mãn Thanh đã biết cách đó gần ba thế kỷ, khi họ bắt đầu chiếm được Trung Hoa. Nhưng Từ Hi Thái Hậu nhận được bài học này quá trễ, vì đế quốc Trung Hoa đang suy tàn rồi và không hy vọng cứu vãn lại được nữa.

Tuy thế bản chất say mê quyền hành chính trị của Từ Hi khiến bà ngay lúc gần đất xa trời cũng vẫn còn thèm muốn quyền lực. Từ Hi thì thào căn dặn Thuần Thân Vương: “Trong tương lai, tất cả những vấn đề trọng đại nào cần phải có sự chỉ dẫn của Thái Hậu thì Thân Vương Nhiếp Chính phải thân đến trước Thái Hậu để thỉnh ý trước khi giải quyết.”

Nhưng ngay sau đó Từ Hi nhắm mắt lìa đời, để lại một nước Trung Hoa hỗn loạn với một Nhiếp Chính Thuần Thân Vương yếu kém. Cùng với cái chết của Từ Hi, triều đại Mãn Thanh cũng sắp đi vào chỗ cáo chung.

Một nhà ngoại giao Ý tham dự tang lễ của Từ Hi đã tả lại như sau: “Tang lễ của Từ Hi là một quang cảnh lộng lẫy và huy hoàng. Những người vác cờ mặc áo choàng màu đỏ, các vị sư Tây Tạng mặc áo choàng màu vàng. Người Trung Hoa dùng màu sắc của hoàng hôn cho tang lễ.”

Lăng tẩm của Từ Hi quả thực là một kho tàng chứa đựng những nữ trang và phẩm vật cực kỳ trân quý. Thân xác của bà được quấn tới chín lần bằng một chuỗi những hạt ngọc; tấm áo choàng của bà được thêu chỉ bằng vàng và dũi những viên ngọc quý; rồi còn những tượng Phật khắc vào ngọc, kim cương, đá quý, ngọc ngà châu báu chất đầy trong quan tài của Thái Hậu. Ngôi mộ của Từ Hi cũng là một kho tàng chứa đựng những đồ sứ, đồ đồng rất quý hiếm, và những đồ trang sức bằng bạc và những thỏi vàng. Tấm

khăn phủ người bà là một bông hoa mẫu đơn làm bằng ngọc, và trên cánh tay bà là những chiếc vòng làm theo hình thể một bông hoa cúc lớn và sáu cánh hoa mai nhỏ làm bằng những viên kim cương. Hai bàn tay bà đeo đầy nữ trang làm bằng ngọc bích. Hai chân bà đi đôi giày làm bằng ngọc. Từ Hi Thái Hậu quả thực đã được quốc táng xứng đáng cho một người đã cai trị một phần tư nhân loại. Tuy nhiên những quý vật chôn theo Từ Hi đã khiến nhiều người có quyền lực sau này nổi máu tham, và vì thế lăng mộ bà đã bị đào lên, và các quý vật đã bị lấy đi.

Tại sao Từ Hi đặt một đứa trẻ mới có ba tuổi lên ngôi Hoàng Đế? Trong tập hồi ký xuất bản năm 1964 tại Bắc Kinh, Phổ Nghi đã viết: “Lý do Thái Hậu chọn tôi làm Hoàng Đế và thân phụ tôi làm Nhiếp Chính là vì bà biết rằng bà sắp chết đến nơi. Với tư cách là Đại Thái Hậu, Từ Hi không còn cai trị thay mặt cho một Hoàng Đế nữa, nhưng với một Nhiếp Chính hiền lành như thân phụ tôi và một Hoàng Đế còn ít tuổi thì Từ Hi vẫn có thể nắm quyền hành theo ý muốn của bà.”

Một lý do nữa là Từ Hi muốn bày tỏ lòng biết ơn với Vinh Lộc, người tình yêu dấu của bà, khi bà chọn cháu ngoại của Vinh Lộc lên ngôi báu. Từ Hi không những yêu Vinh Lộc mà còn chịu ơn nặng của Vinh Lộc nữa. Nếu không có Vinh Lộc thì bà đã bị loại ra khỏi chính trường, và có thể bị Túc Thuận và các thân vương trong Hội đồng Nhiếp chính giết chết từ nửa thế kỷ trước rồi. Bà cũng chủ tâm giữ ngai vàng Mãn Thanh cho gia tộc của bà và gia tộc Vinh Lộc. Ngoài ra Từ Hi cũng có thể nghĩ rằng khi chọn Phổ Nghi làm Hoàng Đế và Thuần Thân Vương làm Nhiếp Chính, bà cũng đã giải toả một món nợ máu với vua Quang Tự, vì Thuần Thân Vương là em ruột của vua Quang Tự, một người đã bị đầu độc chết, theo lệnh của bà.

Dù nguyên nhân nào khiến Từ Hi chọn Phổ Nghi thì hiển nhiên bà đã chọn Phổ Nghi ngay trước khi Phổ Nghi sinh ra đời. Trong khoảng năm 1905, vợ chồng Thuần Thân Vương thường được vào cung thăm Từ Hi, và Từ Hi đã để tâm chờ đợi một đứa con trai của vợ chồng Thuần Thân Vương. Khi Phổ Nghi lên ngôi, người ta vẫn hy vọng rằng triều đình Mãn Thanh và đế quốc Trung Hoa có hy vọng đứng vững. Cái chết của Từ Hi xảy ra đúng lúc bà vừa phát động một chương trình chín năm, nhằm khai

thác cuộc cách mạng kỹ nghệ để phát triển đất nước và đưa Trung Hoa vào thế kỷ hai mươi.

Chương trình chín năm của Từ Hi Thái Hậu được phác họa như sau:

- Từ năm 1908 đến năm 1909: Tổ chức hội đồng hàng tỉnh.
- Từ năm 1909 đến năm 1910: Mở các trường tiểu học.
- Từ năm 1910 đến năm 1911: Tổ chức quốc dân đại hội.
- Từ năm 1911 đến năm 1912: Thành lập cơ quan kiểm soát ngân sách chính phủ.
- Từ năm 1912 đến năm 1913: Bầu cử quốc hội.
- Từ năm 1913 đến năm 1914: Cải cách luật lệ và sửa soạn ngân sách quốc gia.
- Từ năm 1915 đến năm 1916: Bãi bỏ sự phân chia giữa người Mãn Châu và người Hán Tộc.
- Từ năm 1916 đến năm 1917: Gia tăng số người biết đọc biết viết lên năm phần trăm.

Từ Hi Thái Hậu hy vọng rằng sự phát triển dân sinh và dân quyền sẽ tránh được cách mạng, rất bất lợi cho triều đình nhà Mãn Thanh. Sự canh tân ít nhất sẽ tăng cường sức mạnh của Trung Hoa để chống lại sự bao vây của ngoại bang. Nếu kế hoạch của Từ Hi được áp dụng thì Trung Hoa đã có thể vượt qua được giai đoạn chuyển tiếp khó khăn, từ một nền Quân Chủ Chuyên Chế sang một nền Quân Chủ Lập Hiến, từ những ảo mộng về hào quang của quá khứ tới cảnh thực tế hiện tại. Dần dà quan niệm chính quyền là công bộc của dân như Mạnh Tử đã thuyết giảng từ nhiều thế kỷ trước sẽ được áp dụng, và tránh cho quần chúng nỗi thống khổ của cảnh loạn lạc triền miên, khi các phe phái tranh giành quyền lực gây chiến với nhau.

Để cứu được triều đình Mãn Thanh và cũng để hướng dẫn đế quốc Trung Hoa qua giai đoạn chuyển tiếp, Trung Hoa cần có một nhà lãnh đạo tài ba.

Trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy, sự lựa chọn Phổ Nghi của Từ Hi là một sai lầm sinh tử. Nhiếp Chính Thuần Thân Vương lại là một người không có kinh nghiệm chính trị, hay hoảng sợ và thiếu cương quyết, một người tầm thường không tham vọng, phải đứng ra gánh vác quốc gia đại sự. Thuần Thân Vương đã thật sự là một lạc lõng giữa những biến chuyển của

dòng lịch sử, và không có khả năng ổn định được tình thế. Không những thế, Thuần Thân Vương còn bị kẹt giữa hai người đàn bà có quyền lực. Một người là tần Thái Hậu, nguyên là Hoàng Hậu của vua Quang Tự, một người do chính Từ Hi chọn cho Quang Tự, một người mà vua Quang Tự vừa ghét vừa sợ suốt đời. Người thứ hai chính là bà vợ của Thuần Thân Vương, nguyên là con gái của Vinh Lộc. Trong khi đó các cường quốc như Anh, Pháp, Đức, Nga và Nhật lúc nào cũng rình cơ hội để gây áp lực cho Thuần Thân Vương.

Các phe chống đối chế độ Quân Chủ và chống đối người Mãn Châu cho rằng kế hoạch canh tân của Từ Hi là dấu hiệu của sự suy đồi của nhà Mãn Thanh. Do đó tinh thần cách mạng Phán Thanh Phục Minh lại càng phát triển mạnh hơn tại các tỉnh. Chữ Cách Mạng trong tiếng Trung Hoa còn có nghĩa là “thay đổi thiên mệnh.” Càng ngày quần chúng Trung Hoa càng tin rằng Thiên Mệnh của nhà Thanh đã chấm dứt. Trong hoàn cảnh ấy, Phổ Nghi bước lên ngai vàng và trở thành vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa.

ĐIỀM GỠ TRONG BUỔI LỄ ĐĂNG QUANG

Buổi lễ đăng quang của vua Phổ Nghi diễn ra trong điện Thái Hoà, cách đây gần một thế kỷ. Buổi lễ cử hành vào lúc nửa đêm. Giờ cử hành lễ đã được nhiều chiêm tinh gia cho là giờ tốt đẹp nhất. Lúc đó trong nội điện im lặng như tờ, người ta chỉ thỉnh thoảng nghe thấy tiếng nổ lách tách của những lò sưởi đốt than đỏ hồng. Các thân vương, các đại thần, tướng quân, quan lại và các viên chức trong Cấm Thành ăn mặc rất chỉnh tề. Phía trước áo choàng của các quan thù hình những con hạc trắng và những con trĩ màu vàng, và mũ của họ thường cắm lông công.

Lễ đăng quang của Phổ Nghi bắt đầu khi tiếng chuông vang lên, và tất cả những người hiện diện phải quỳ gối ba lần và khấu đầu chín lần. Điểm quan trọng nhất là lúc trao ngọc tỷ cho tần Thiên Tử. Ngọc tỷ làm bằng ngọc được khắc bằng cả chữ Mãn Châu và chữ Hán. Khi một vị chúa tể nhận được ngọc tỷ thì người đó chính thức trở thành Thiên Tử. Một lần nữa ngọc tỷ lại trao tay trong điện Thái Hoà, giữa những tiếng hô vang dậy: “Vạn Vạn Tuổi! Vạn Vạn Tuổi” (Mười ngàn năm) – nghĩa là vĩnh cửu. Bên

ngoài điện Thái Hoà, từng đội lính thuộc tám đạo quân khác nhau của nhà Thanh sắp thành từng hàng theo màu cờ của mình, tuốt kiếm lên để bày tỏ sự công nhận vị tân Thiên Tử. Bên trong, quần thần quỳ gối ba lần và khấu đầu chín lần để tỏ lòng trung thành với vị Hoàng Đế mới của nhà Thanh.

Trong cảnh nghiêm trọng rùng rợn ấy, Phổ Nghi, vị Hoàng Đế thứ mười của nhà Thanh, bỗng bật khóc, và kêu thét lên: “Đi về! Tôi muốn trở về!” Sau này Phổ Nghi kể lại: ”Nghi lễ đăng quang thật là dài và chán nản. Hơn nữa đêm hôm đó rất lạnh, khi người ta bỗng tôi vào điện Thái Hoà và đặt tôi ngồi trên cái bệ rồng thật cao đó, tôi không thể nào chịu đựng được và phải kêu khóc đòi về.”

Trong buổi lễ, Thuần Thân Vương lúc nào cũng đứng kèm bên cạnh Phổ Nghi, và cũng phải quỳ gối ngay cạnh ngài vàng. Khi Phổ Nghi kêu khóc đòi về, ông khẽ rít hai

hàm răng, năn nỉ cậu con đừng la khóc. Nhưng Phổ Nghi vẫn la khóc: “Tôi muốn trở về! Tôi muốn đi về!” Thuần Thân Vương hoảng hốt lên tiếng dỗ dành con: “Sắp chấm dứt bây giờ! Tất cả sắp hết rồi!”

Thực ra một đứa trẻ lên ngôi Hoàng Đế không phải là một điều mới lạ trong lịch sử Trung Hoa. Vua Thuận Trị và vua Khang Hy nhà Thanh cũng lên ngôi vào lúc mới lên

sáu tuổi. Vua Khang Hy thực sự nắm quyền Thiên Tử lúc mới mười ba tuổi. Nhưng những lời đối đáp giữa cha con Thuần Thân Vương và Phổ Nghi đã làm cả triều đình

cực kỳ kinh sợ. Những tiếng “trở về” và “sắp chấm dứt” và “sắp hết rồi” đã được coi như là một điềm gở.

Triều thần Mãn Thanh rất lo ngại điềm gở này. Khi người Mãn Châu mới xâm chiếm và làm chủ Trung Hoa, họ vẫn có mặc cảm người Mãn ít và người Hán đông gấp trăm lần. Các vị vua chúa khai sáng nhà Mãn Thanh từng căn dặn con cháu, khi nào người Hán đứng dậy kháng cự mà người Mãn không đàn áp được thì ở đâu hãy trở về đấy, có nghĩa là trở về đất cũ là Mãn Châu. Nay Phổ Nghi la hét đòi “trở về” thì người ta nghĩ ngay tới lời dặn của tổ tiên người Mãn. Lời trấn an “Sắp chấm dứt” của Thuần Thân vương cũng được giải nghĩa là triều đại nhà Mãn Thanh đã đến lúc cáo

chung.

Khi tin này được đồn đãi ra ngoài, thì dân chúng Trung Hoa vô cùng phấn khởi vui mừng. Họ cho rằng người Mãn Châu cai trị Trung Hoa gần ba thế kỷ, nay đang nghiêng ngửa suy sụp. Thiên mệnh nhà Thanh đã mãn và khắp nơi người ta có thể trông thấy sự mục nát của nhà Thanh. Triều đình Mãn Thanh đã bị tây phương làm nhục, tệ hơn nữa là bị ngay một nước nhỏ bé là Nhật Bản đánh bại. Người Trung Hoa nhận thấy việc Nhật Bản đã đánh bại Nga Sô năm 1905 đã đưa tới những cuộc cách mạng đầu tiên tại Nga, thì việc Nhật đánh bại quân đội Mãn Thanh năm 1895 cũng là yếu tố bên ngoài gây lên phong trào Phản Thanh tại Trung Hoa.

Bên ngoài Cấm Thành, các tổ chức cách mạng của Trung Hoa vô cùng khích lệ khi

Phổ Nghi la khóc đòi “Trở Về.” Chính vì thế các hoạt động Phản Thanh Phục Minh đột nhiên có động lực mới để bành trướng, và đưa tới cuộc cách mạng Tân Hợi của Tôn Dật Tiên.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 4
SỰ KHAI SÁNG NHÀ ĐẠI THANH



Khi Phổ Nghi lên ngôi thiên tử thì nhà Mãn Thanh đã cai trị Trung Hoa được 244 năm rồi. Sự suy yếu của nhà Minh, sự phản bội của Ngô Tam Quế và tài năng của một thủ lĩnh người Mãn Châu đã đưa người Mãn Châu làm chủ Cẩm Thành suốt gần ba thế kỷ.

Lúc người Mãn Châu hùng cứ phương bắc thì triều đại nhà Minh bắt đầu suy yếu dần. Quyền hành của hoàng đế nhà Minh bị phân tán, một phần vào tay các tướng quân và các tay thảo khấu. Vào cuối đời nhà Minh, giặc giã nổi lên khắp nơi; các nhà giàu có của phải tổ chức quân đội riêng để bảo vệ tài sản của mình, và cũng để ăn cướp tài sản của kẻ khác. Lâu dần các tay phú hộ này trở thành tướng cướp, mỗi người chiếm một vùng, trong khi đó dân chúng lâm than nghèo khổ mà vẫn phải nộp thuế cho cả triều đình lẫn thảo khấu.

Các nước vốn thần phục Trung Hoa như Việt Nam, Thái Lan, và Miến Điện cũng bắt đầu tuyên bố độc lập. Quân đội nhà Minh phải phân tán chiến đấu trên quá

nhieu mặt trận. Về mặt bắc, quân Minh đè bẹp được một cuộc nổi dậy của Triều Tiên do Nhật Bản giật dây. Tại mặt nam quân Minh phải khổ công dẹp hết cuộc nổi dậy này đến cuộc khởi loạn khác. Vì chinh chiến liên miên như thế, nhà Minh bắt buộc phải tăng thuế để lấy tiền đài thọ chiến phí, mặc dù dân chúng ngày càng nghèo khổ hơn trước. Dân chúng Trung Hoa, cả quân và dân, đều oán trách triều đình, và mất hết sự tôn kính và tin tưởng vào các hoàng đế nhà Minh. Dân chúng cho rằng nhà Minh đã mất thiên mệnh, và mong đợi một anh quân khác có thiên mệnh đến, để đem lại phúc lợi cho trăm họ.

Bên ngoài thì giặc giã, còn bên trong Cấm Thành thì các hoàng đế nhà Minh sống một cuộc đời dâm dật giữa hàng ngàn cung tần mỹ nữ. Trong Cấm Thành rộng lớn ấy, chỉ hoàng đế là một người đàn ông duy nhất còn toàn vẹn hình hài, còn lại là thái giám và đàn bà. Đàn bà trong Cấm Thành là hoàng hậu, các thứ phi, cung phi và khoảng hai ngàn thị tỳ, á mẫu, đầu bếp và các ca kỹ. Còn thái giám thì đông tới ba ngàn người, đảm nhiệm tất cả công việc lớn nhỏ trong hoàng thành. Một số thái giám rất có thể lực, chỉ thua kém hoàng đế mà thôi.

Nhiều hoàng đế Trung Hoa lên ngôi lúc còn trẻ, và được nuôi dưỡng trong một thế giới đầy đàn bà và các hoạn quan. Khi đến tuổi trưởng thành, các hoàng đế cũng bị bao vây bởi hàng trăm người đẹp, lúc nào cũng trở hết tài khéo để lấy lòng sủng ái của hoàng đế. Sinh lực của các hoàng đế suy cạn dần. Sống trong cảnh trụy lạc đăm mê tửu sắc như thế, ít ông vua nào sống tới tuổi thọ. Triều đình Mãn Thanh chỉ có hai hoàng đế sống lâu, đó là Khang Hy và Càn Long. Khang Hy cũng có một đời sống tình dục rất hoạt động: Nhà vua sinh được 35 hoàng tử, không kể vô số các công chúa.

Một khi triều đại bắt đầu suy đồi thì quyền lực thái giám bắt đầu bành trướng. Như vậy sự sụp đổ của một triều đại thường bắt đầu từ bên trong Cấm Thành. Sự lũng đoạn quyền thế của đám thái giám đã đưa các hoàng đế tới những sai lầm nghiêm trọng và làm mất ngai vàng.

Trong lúc triều đình nhà Minh suy đồi thì bên ngoài Vạn Lý Trường Thành, một lãnh tụ Mãn Châu xuất chúng xuất hiện. Người Trung Hoa vẫn thù ghét những giống dân man rợ phương bắc và thường gọi họ là quân

“cầu trệ.” Người Mãn Châu sinh sống dọc theo Hắc Long Giang. Họ là giống dân bán du mục; họ khai phá đất đai để trồng trọt và khoảng vài năm họ lại bỏ đi tìm một vùng đất mới để khai khẩn. Họ trồng ngũ cốc, lúa mì, nấu ăn bằng dầu mè và dùng sáp để thắp sáng bên trong những căn nhà lợp mái dạ của họ. Họ sống cùng với gia súc như trâu bò, lợn gà ngay bên trong căn nhà của họ. Về xã hội, người Mãn Châu nuôi nô lệ và có tục đa thê, có người có tới mười vợ. Những con người thô lỗ ấy bây giờ có cơ hội làm chủ một giống dân văn minh nhất thời đó.

Người Trung Hoa vốn sợ các giống dân miền bắc xâm lăng nên phải tốn công, tốn của xây Vạn Lý Trường Thành để ngăn không cho địch quân tràn xuống. Trường Thành bắt đầu từ Sơn Hải Quan tại biển Hoàng Hải và kéo dài về phía tây như cái đuôi con rồng dài tới hai ngàn dặm, tới tận sa mạc Gobi. Sự xây dựng Vạn Lý Trường Thành tiếp tục trong nhiều thế kỷ, qua nhiều triều đại khác nhau, mặc dù Tần Thủy Hoàng là người khởi công đầu, vào khoảng năm 221 trước kỷ nguyên. Việc xây cất này là do các lao công bị cưỡng bách, các tù nhân và tù binh chiến tranh, và rất nhiều người đã chết, xác bị chôn ngay dưới chân Trường Thành.

Trong nhiều thế kỷ, Trường Thành đã hữu hiệu chặn đứng được các cuộc xâm lăng từ miền bắc. Các giống dân miền bắc quen sử dụng ngựa và tung hoành sức mạnh trên lưng ngựa. Trường Thành đã rất hữu hiệu giảm khả năng của kỵ binh. Chỉ có một lần người Mông Cổ dưới quyền lãnh đạo của Thành Cát Tư Hãn đã vượt qua được Trường Thành, nhưng người Mông Cổ không cai trị Trung Hoa được lâu, và bị nhà Minh thay thế. Nhờ kinh nghiệm Thành Cát Tư Hãn, các hoàng đế nhà Minh lo củng cố Trường Thành, nối Trường Thành vào tận các vùng đất hoang dã. Dưới triều đại nhà Minh, Trường Thành được nối thêm ba ngàn dặm nữa. Chính nhờ Trường Thành kiên cố, các hoàng đế cuối cùng của nhà Minh vẫn ngăn được quân Mông Cổ và người Mãn Châu, mặc dù nhà Minh không còn mạnh như trước.

Trong suốt mấy trăm năm, nhà Minh vẫn dùng chính sách chia để trị để đối phó với các rợ miền bắc. Nhà Minh thường đẩy một gia tộc này chống đối với một gia tộc khác bằng cách mua chuộc, hối lộ. Nhưng đến cuối thế

kỷ mười sáu, thì một lãnh tụ người Mãn Châu xuất chúng đứng ra thống nhất được tất cả các bộ lạc thành một lực lượng mạnh mẽ duy nhất, để đương đầu với nhà Minh. Vị lãnh tụ tài ba này là Long Hồ Tướng Quân.

Long Hồ Tướng Quân tạo được một bộ máy chiến tranh mạnh nhất Á Châu kể từ thời Thành Cát Tư Hãn. Dưới quyền của viên tướng này, trên năm triệu người Mãn Châu dọc theo Hắc Long Giang đã thành lập một đế quốc chạy dài từ biển Hoàng Hải ở phía đông, cho tới sa mạc Gobi ở phía tây. Long Hồ Tướng Quân được coi là chúa tể của cả Triều Tiên và Mông Cổ nữa. Nhưng khi tiến xuống phía nam, các đạo quân Mãn Châu phải dừng lại trước Vạn Lý Trường Thành.

Sức mạnh của Long Hồ Tướng Quân là nhờ ở một đạo quân rất kỷ luật, được chia làm tám lộ quân, mỗi lộ quân có một màu cờ riêng. Mỗi lộ quân do một thân vương chỉ huy, với sở trường riêng, và đặc biệt là khả năng di động và tấn công rất chớp nhoáng, và các toán quân chiến đấu được nhiều đơn vị chuyên môn hỗ trợ. Tất cả đơn vị chiến đấu đều đồng nhất, cho một mục tiêu. Trong quân đội Mãn Châu thời đó, sáng kiến cá nhân và anh hùng tính cá nhân bị hy sinh cho tập thể, và tất cả đều phải nhắm vào một mục tiêu chiến thắng chung. Quân Mãn Châu đã đụng độ quân Minh bên ngoài Trường Thành ba lần, và lần nào quân Mãn Châu cũng đánh bại quân Minh đông gấp mười lần quân Mãn Châu.

Quân Mãn Châu cưỡi ngựa Mông Cổ chạy như bay trên các bình nguyên, và thanh toán các mục tiêu thật mau lẹ. Ba lộ quân thiện chiến nhất đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Long Hồ Tướng Quân và mang các màu cờ vàng, trắng và cờ vàng viền trắng. Năm lộ quân kia mang các màu cờ đỏ, đỏ viền trắng, trắng viền đỏ, xanh và xanh viền trắng. Khi lãnh thổ bành trướng, Long Hồ Tướng Quân chọn tên Mãn Chủ cho mình và các người trong bộ lạc, có nghĩa là chủ tướng Mãn châu. Thực ra người Mãn Châu dưới quyền lãnh đạo của Long Hồ Tướng Quân đã là chủ nhân ông khắp nơi bên ngoài Trường Thành.

Năm 1616, Long Hồ Tướng Quân lên ngôi vua lấy hiệu là Hoàng Đế Thiên Minh, và long trọng tuyên cáo trước đại hội đồng của người Mãn Châu: “Ta tuyên cáo trước trời đất rằng người Mãn Châu chúng ta dùng

danh hiệu Đại Thanh.“ Chính năm đó triều đình Mãn Thanh được khai sáng và một vùng đất đai rộng 365 ngàn dặm vuông của Long Hồ Tướng Quân được gọi là Mãn Châu, có nghĩa là đất của người Mãn. Nhưng cho tới nay người Trung Hoa không công nhận danh từ Mãn Châu này, mà chỉ gọi vùng đất cũ của Long Hồ Tướng Quân là Đông Tam Tỉnh. Tin thành lập nhà Đại Thanh được lan truyền khắp nơi. Người Mãn Châu vui mừng mở tiệc ăn mừng và xưng tụng Long Hồ Tướng Quân là Thái Tông Hoàng Đế.

Sau khi đã củng cố được đế quốc, Thái Tông Hoàng Đế của nhà Đại Thanh bắt đầu nhòm ngó đất đai của nhà Minh ở phía nam Trường Thành. Thái Tông gửi cho hoàng đế nhà Minh một đề nghị chia đôi thiên hạ. Thái Tông làm chủ miền bắc và hoàng đế nhà Minh làm chủ miền nam, và lấy sông Hoàng Hà làm biên giới. Sông Hoàng Hà nằm trong nội địa Trung Hoa, nghĩa là ở phía nam Trường Thành. Nếu nhà Minh chấp thuận đề nghị này thì tức là cho phép quân Thanh vượt qua Trường Thành. Trong một văn thư gửi cho hoàng đế nhà Minh, Thái Tông viết: “Tất cả miền bắc Mãn Châu đã hàng phục trăm rồi. Ngay các hoàng đế Mông Cổ và Triều Tiên cũng đã công nhận quyền cai trị của trăm ở miền bắc. Vậy Hoàng Đế nhà Minh cũng nên biết điều mà tránh làm phật lòng trăm.”

Dĩ nhiên vua nhà Thanh đang dùng áp lực thương thuyết với nhà Minh ở thế mạnh, và sự đòi hỏi của Thái Tông chỉ là một cuộc mặc cả, và Thái Tông có thể bằng lòng dừng lại tại Trường Thành, lấy Trường Thành phân chia hai đế quốc Mãn và Trung Hoa. Nhưng khi Trường Thành còn ngăn được quân Thanh thì hoàng đế nhà Minh vẫn không cần phải đếm xỉa tới lời đề nghị của vua nhà Thanh. Đúng ra hai đế quốc có thể tồn tại song song với nhau, nhưng tình trạng loạn lạc triền miên tại Trung Hoa đã làm nhà Minh suy yếu, không thể tiếp tục bình đẳng với nhà Thanh. Thái Tông tuyên bố; “Mỗi một ngày qua đi thì sức mạnh của nhà Minh lại giảm đi và sức mạnh của Đại Thanh lại mạnh hơn.”

Cuối cùng nhà Minh mất về tay nhà Đại Thanh cũng chỉ vì giặc cướp và một người đàn bà đẹp. Năm 1644, Lý Tự Thành, một tướng quân thảo khấu, đem quân chiếm Bắc Kinh. Vị hoàng đế cuối cùng nhà Minh phải dùng tấm lụa vàng thắt cổ tự tử trong vườn ngự uyển. Loạn quân chiếm

được Cấm Thành và biển Bắc Kinh thành một lò sát sinh. Các quan đại thần bị tra tấn dã man để bắt chỉ chỗ giấu của cải bí mật, rồi sau đó cũng vẫn bị chặt đầu. Vợ và con gái các quan chức bị hiệp hội đồng và các trẻ nít bị liệng xuống giếng. Trong một thời gian, Bắc Kinh thiếu nước uống trầm trọng vì tất cả các giếng đều chứa đầy xác trẻ con.

Sự tự tử của hoàng đế nhà Minh gây xúc động cho quần chúng Trung Hoa, nhưng Ngô Tam Quế, một danh tướng nhà Minh đang trấn thủ Sơn Hải Quan, thì lại hoảng hốt về một việc khác. Ngô Tam Quế chỉ lo lắng cho sự an nguy của một người đẹp đang sống tại Bắc Kinh.

Nguyên Ngô Tam Quế có một tiểu thiếp rất đẹp tên là Trần Viên Viên. Trần Viên Viên vốn là một ca kỹ vô cùng tài sắc và quyến rũ, rất nổi tiếng tại chốn kinh đô. Bất cứ ai trông thấy nhan sắc của Trần Viên Viên hoặc nghe qua giọng hát của nàng thì cũng đều mê mẩn. Ngô Tam Quế đưa Trần Viên Viên về làm nàng hầu và rất mực yêu thương quý trọng. Khi Ngô Tam Quế ra trấn thủ Sơn Hải Quan, ông để Trần Viên Viên ở lại kinh đô.

Lúc đó Ngô Tam Quế nắm hai mươi vạn quân tại Sơn Hải Quan để chống quân Mãn Thanh. Nếu Ngô Tam Quế đem quân về cứu Bắc Kinh thì ông có thừa khả năng tiêu diệt loạn quân một cách dễ dàng. Nhưng Ngô Tam Quế án binh bất động ngoài biên ải, vì sợ rằng nếu đem quân về thì loạn quân sẽ giết Trần Viên Viên. Sau đó Ngô Tam Quế nhắn với thân phụ đang ở kinh đô rằng, ông sẽ trung thành với loạn quân nếu loạn quân trao trả Trần Viên Viên cho ông. Lý Tự Thành thoạt đầu gửi tiền hối lộ Ngô Tam Quế để mua chuộc, nhưng sau đó Lý Tự Thành yêu cầu Ngô Tam Quế phải đầu hàng loạn quân, và hăm dọa: “Nếu trái lệnh thì chúng ta sẽ đánh bại ngươi vào buổi sáng và buổi chiều sẽ chặt đầu thân phụ ngươi.” Lý Tự Thành cũng cho Ngô Tam Quế biết đã trao Trần Viên Viên cho hoàng tử cuối cùng của nhà Minh đang bị bắt cầm tù.

Vì nóng lòng cứu Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế liền mở cổng thành cho quân Mãn Thanh tràn vào để tiêu diệt loạn quân tại kinh đô. Quân Mãn Thanh không bỏ cơ hội ngàn năm một thuở, vượt qua được Vạn Lý Trường Thành. Quân Mãn Thanh chiếm kinh thành và đánh bại quân của Lý Tự Thành dễ dàng và lấy lại được Trần Viên Viên, và trao cho Ngô Tam Quế.

Khi lấy lại được mỹ nhân rồi, Ngô Tam Quế liền trở mặt, âm mưu liên kết với loạn quân của Lý Tự Thành để chống lại quân Mãn Thanh và hứa sẽ chia đôi giang sơn với Lý Tự Thành.

Nhưng Lý Tự Thành nghi ngờ Ngô Tam Quế, và dọa sẽ chém đầu thân phụ Ngô Tam Quế, trừ phi Ngô Tam Quế phải tạm giao lại Trần Viên Viên cho loạn quân làm con tin. Thân phụ Ngô Tam Quế viết thư cho con, năn nỉ con trai nhớ lại bốn phần của mình đối với cha mẹ, nhưng một khi Ngô Tam Quế đã lấy lại được Trần Viên Viên rồi thì không dám rời nàng ra nữa. Lý Tự Thành thấy Ngô Tam Quế không chịu trao lại Trần Viên Viên liền chặt đầu thân phụ Ngô Tam Quế và toàn gia nhà họ Ngô. Ngô Tam Quế căm phẫn liền quay lại liên kết với quân Mãn Thanh, giúp quân Thanh chinh phục Trung Hoa và thiết lập được ngai vàng tại Cấm Thành. Ngô Tam Quế đuổi theo tiêu diệt nhóm loạn quân Lý Tự Thành để trả thù cho cha. Ngô Tam Quế cũng bức tử ông vua cuối cùng của nhà Minh. Vì công trạng lớn, Ngô Tam Quế được nhà Thanh phong làm phó vương và phong đất tại miền tây nam Trung Hoa, và Trần Viên Viên được phong chức hoàng hậu.

Trần Viên Viên tức giận Ngô Tam Quế không chịu đuổi quân Mãn Thanh ra khỏi bờ cõi và cam nhận chức tước của quân thù, nên nàng không nhận chức hoàng hậu và cắt tóc đi tu. Hàng ngày Ngô Tam Quế vào nơi tu hành của Trần Viên Viên để bàn chuyện quốc sự, và cuối cùng Ngô Tam Quế quyết định hưng binh chống lại nhà Thanh. Trần Viên Viên cảnh cáo Ngô Tam Quế rằng thời cơ đã qua rồi, vì nhà Thanh đã có đủ thời giờ củng cố được sức mạnh tại Trung Nguyên.

Ngô Tam Quế cũng vẫn nhất quyết tiếp tục công cuộc phục quốc, nhưng vì Ngô Tam Quế mang tội phản quốc, đưa quân Thanh vào dầy xéo giang sơn và giết vị vua cuối cùng của nhà Minh, nên bị thiên hạ căm thù không hợp tác. Không những thế các tổ chức ái quốc thường quay lại tấn công Ngô Tam Quế. Khi ra quân đánh lại nhà Mãn Thanh, Ngô Tam Quế đã già rồi, và chết ngoài chiến trường. Trần Viên Viên nghe tin Ngô Tam Quế chết liền nhảy xuống hồ sen tự tử. Toàn thể gia tộc của Ngô Tam Quế và bộ hạ bị nhà Thanh giết hết. Nhà Đại Thanh tin rằng thiên mệnh đã rơi vào tay

họ, và ra lệnh cho giới sĩ phu Trung Hoa phải sửa sang lại kinh thành và phải hàng phục nhà Đại Thanh.

Khi chiếm được Cấm Thành rồi, tám đạo quân Mãn Thanh tiến về miền nam. Hoàng đế Mãn Thanh ra lệnh cho quân sĩ: “Không được giết người vô tội, không được chiếm vợ người, không được lấy đồ dùng của người và không được ăn cướp của cải lương thực, trừ trường hợp cần thiết.” Thực ra tám đội quân tiến về miền nam đã chủ trương tàn sát với mục đích gây kinh hoàng cho dân Trung Hoa và bắt người Trung Hoa phải phục tùng. Vì người Mãn Thanh quá ít, chỉ bằng một phần trăm người Hán, nên phải dùng chính sách khủng bố kinh hoàng để cai trị. Hàng trăm ngàn người bị chém giết không thương xót. Nam Kinh thất thủ, rồi đến Hàng Châu, Hán Khẩu, Vũ Hán và cuối cùng là Quảng Châu, một nơi nổi tiếng có tinh thần độc lập.

Người Mãn Châu rất giỏi cả việc chinh chiến lẫn việc cai trị hành chính. Họ áp dụng quan niệm cai trị của Khổng Tử. Họ dùng những luật lệ cũng giống như các luật lệ của nhà Minh. Chế độ thi cử của nhà Minh không những được duy trì mà còn được củng cố thêm. Các quan lại của nhà Minh được lưu dụng. Khổng Tử đã viết: ”Khi kẻ mọi rợ tiến vào Trung Hoa, họ cũng sẽ trở thành văn minh như người Trung Hoa.” Quả thực người Mãn Châu đã áp dụng các phong tục của người Trung Hoa hơn người Trung Hoa, theo đạo Khổng nhiệt thành hơn con cháu Khổng Tử. Người Mãn Châu đã khuyến khích việc học hỏi các học thuyết và các nhà hiền triết Trung Hoa, và do đó đã nắm được giới quan lại mà họ thừa hưởng từ nhà Minh.

Hoàng đế Mãn Thanh tuyên cáo: “Bánh xe của thế giới đã quay. Sự sụp đổ của nhà Minh đã mở đường cho triều đại mới. Nhà Minh đã mất thiên mệnh rồi. Do ý trời, một tân quân đã chinh phục Trung Hoa.” Đây quả thực là lời lẽ của Khổng Tử mà các thần dân mới ưa thích. Người Mãn Châu đã trở thành người Trung Hoa, vì lợi ích cho chính họ. Nhưng người Mãn Châu sống cách biệt với người Hán và được hưởng rất nhiều đặc quyền đặc lợi. Họ đã là giai cấp mới trong xã hội Trung Hoa, và người Trung Hoa lúc nào cũng coi người Mãn Châu là người ngoài.

Người Mãn Châu tìm mọi cách để gìn giữ đặc quyền đặc lợi của họ. Một trong những biện pháp này là cấm việc kết hôn giữa người Mãn và người Hán. Người Mãn Châu sống tại Trung Hoa học nói hai thứ tiếng Hán và Mãn; khi chỉ có người Mãn Châu thì họ nói tiếng Mãn. Đàn bà Mãn Châu vẫn giữ y phục cổ truyền của họ và không chịu bó chân như người Hán. Các hoàng đế Mãn Châu ra lệnh bắt đàn ông người Hán phải để tóc dài kết thành đuôi sam, và phải cạo một khoảng tóc trước trán, để tỏ lòng trung thành với nhà Mãn Thanh.

Người Mãn Châu hiểu rằng sức mạnh của họ là do đao thương cung kiếm. Tám đạo quân trấn đóng tại các điểm chiến lược khắp nước. Tại các thành phố lớn, người Mãn Châu xây dựng những khu gia cư riêng biệt. Triều đình Mãn Thanh cũng tuyển mộ người Hán vào quân đội, nhưng không bao giờ cho người Hán được gia nhập tám đạo quân của họ. Quân đội Mãn Thanh lúc nào cũng chăm chỉ thao dượt đao thương và cung tên. Nhưng cho tới đầu thế kỷ thứ hai mươi thì tám đạo quân này đã lỗi thời, và chỉ dùng trong những nhiệm vụ nghi lễ. Như vậy người Mãn Châu tách biệt hẳn người Hán về ba phương diện: hôn nhân, ngôn ngữ và binh nghiệp. Tuy tự khoe đã trở thành người Trung Hoa hơn người Trung Hoa, nhưng người Mãn Châu vẫn tự nhận là những người đi chinh phục.

Thực ra Ngô Tam Quế không phải là nguyên nhân duy nhất giúp nhà Mãn Thanh thôn tính Trung Hoa. Một nguyên nhân khác nữa là sự tham nhũng của giới hoạn quan bên trong Cấm Thành. Một tài liệu lịch sử của người Mãn châu đã viết: “Nhà Minh đã mất ngai vàng chỉ vì rượu và đàn bà.” Chính vì kinh nghiệm của nhà Minh nên khi đã chiếm được Cấm Thành rồi, nhà Mãn Thanh đã bãi bỏ chế độ thái giám. Khi nhà Mãn Thanh chiếm Cấm Thành thì trong Cấm Thành có tới một trăm ngàn thái giám. Nhưng sự cải cách của nhà Mãn Thanh không kéo dài được bao lâu, vì thái giám là giới khéo cung phụng những thú vui cho các hoàng đế. Đời sống bên trong Cấm Thành thực là đầy cám dỗ, và chế độ thái giám được nhà Thanh tái lập cho nhu cầu của nhà vua. Đến cuối thế kỷ thứ mười chín thì giới thái giám trong Cấm Thành đã lại bành trướng và nắm được quyền hành lớn lao như dưới thời nhà Minh thuở trước. Mặc dầu hệ thống thái

giám bị nhiều hạn chế về cuối triều Mãn Thanh, nhưng đến đầu thế kỷ thứ hai mươi, con số thái giám tại Cấm Thành cũng lên tới ba ngàn người.

Thái giám đảm nhiệm rất nhiều bổn phận, ngoài việc châu chực hoàng đế ngày đêm. Thái giám còn được dùng để truyền các đạo dụ của nhà vua, sắp xếp việc triều kiến cho các quan. Thái giám giữ văn khố hoàng gia, nhận tiền và lúa gạo từ các ngân khố tỉnh gửi đến. Thái giám cũng tổ chức việc phòng hoả bên trong Cấm Thành, điều hành thư viện của nhà vua, canh giữ bảo tàng viện, phòng vệ hoàng thành, coi giữ những nghệ phẩm, giữ hồ sơ văn từ, thắp hương trước bàn thờ của các tiên đế và thần thánh, canh giữ ngọc tỷ của vua, ghi chép lịch sử của triều đình, chăm sóc vườn ngự uyển, hớt tóc cho nhà vua, làm công việc vặt trong nhà, sắc thuốc, thi hành việc trừng phạt các thái giám phạm lỗi, hoặc hầu hạ các hoàng hậu và cung phi. Đôi khi họ còn phải tập hát tuồng và ca hát, mặc dầu họ có cái giọng the thé của người đàn ông đã bị thiến. Một công việc quan trọng nữa của thái giám là nuôi ngựa và dạy dỗ một ấu chúa.

Mặc dầu đã bị thiến nhưng một số thái giám lâu dần lấy lại được khả năng tình dục. Một số thái giám khác thì thay đổi tính tình và cảm phần cái thân phận không phải đàn ông không phải đàn bà của mình, nên ưa thích việc tra tấn hành hạ người khác. Một số thủ lĩnh thái giám được phép ở bên ngoài Cấm Thành, trong những dinh thự đồ sộ như một sứ quân và có rất nhiều vợ và nhiều đầy tớ gái. Đôi khi chỉ để giải trí, các thái giám quyền thế này ra lệnh đánh vợ hoặc đầy tớ gái đến chết. Hành động tàn ác của họ không bị tội, vì họ không bị chi phối bởi luật lệ cho thường dân.

Các thái giám trong Cấm Thành được phân chia làm hai đẳng cấp. Đẳng cấp thứ nhất được trực tiếp hầu hạ thái hậu, hoàng đế, hoàng hậu và các thứ phi. Loại thứ hai làm các việc vặt và ít quyền thế hơn. Thái giám của nhà Thanh được phân chia làm chín thứ bậc và mỗi người đeo một chiếc thẻ để ghi thứ bậc. Thái giám bậc cao nhất đeo thẻ màu đỏ hình bầu dục. Lương chính thức của thái giám rất thấp, mỗi tháng khoảng tám quan bạc, tám斛 lúa và một chuỗi ba trăm đồng tiền đồng. Tuy nhiên thái giám có nhiều cách kiếm thêm tiền, và các thái giám cao cấp thì bổng lộc rất cao. Họ đã tổ chức một hệ thống thu tiền. Các quan lại muốn vào châu hoàng đế

thường phải hối lộ cho thái giám. Nhưng các thái giám cấp nhỏ thì rất thiếu thốn cực khổ. Họ không được ăn uống no đủ và thường bị đánh đập luôn. Lúc về già họ sống còn tẻ hơn nữa, và một khi bị trục xuất khỏi Cấm Thành khi bị trừng phạt, thì tương lai của họ chỉ là trở thành ăn mày hoặc sẽ chết đói.

Một công chúa Mãn Thanh có chồng người Mỹ, sống trong Cấm Thành hai năm, từ 1903 đến 1905, đã tả lại một cảnh trừng phạt thái giám như sau:

“Một thái giám mà phạm một lỗi nhỏ cũng bị đưa ra trước hoàng đế. Có thể tên thái giám đó chỉ làm một người thị nữ hoảng sợ bằng cách hăm dọa khiến người thị nữ la hoảng lên làm thái hậu giật mình thức giấc. Hình phạt một thái giám có lỗi thường là bị đánh một trăm roi. Nạn nhân thường bị lột quần áo để lộ hai đùi, và một thái giám khác đánh nạn nhân bằng một chiếc roi tre có thể làm rách da rách thịt. Từ từ tên thái giám thi hành lệnh trừng phạt vung chiếc roi tre và đánh vào cùng một chỗ, đủ một trăm lần, cho đến khi thịt rách ra và đau đớn không thể chịu đựng được. Một số thái giám sau khi bị đánh đau quá đã trở thành điên khùng, nguyện rửa cả hoàng đế và có thể bị chém đầu.”

Phổ Nghi là một vị hoàng đế cai trị một phần tư nhân loại sống trong khung cảnh tàn nhẫn và đầy quyền lực ấy. Cũng giống nhà Minh, triều đại Mãn Thanh cuối cùng cũng sụp đổ. Nhưng thời kỳ đầu của nhà Mãn Thanh là một thời kỳ hưng thịnh, dân chúng an cư lạc nghiệp, trộm cướp không còn những nhiều nữa. Sự thành công của người Mãn thực là đáng kể vì họ chỉ có một dùm người mà cai trị cả một nước khổng lồ Trung Hoa trong gần ba thế kỷ. Văn học nghệ thuật Trung Hoa cũng phát triển mạnh mẽ dưới triều Mãn Thanh. Kịch nghệ được thịnh hành và bộ danh tác Hồng Lô Mộng của Trung Hoa cũng được sáng tác dưới triều đại Mãn Thanh.

Về chính trị, nhà Mãn Thanh đã mở rộng đất nước Trung Hoa. Lần đầu tiên Trung Hoa đã chiếm được Đài Loan, và một phần của Tân Gia Ba, Mã Lai Á và Phi Luật Tân. Nhà Thanh cũng đặt ảnh hưởng tới tận Nepal, Sikim, Bhutan. Về mặt tây và bắc, nhà Thanh thu phục cả Ngoại Mông, Tây Tạng và Tân Cương. Thời kỳ nhà Thanh bành trướng đất đai cũng là lúc Âu Châu cũng đang đi tìm thuộc địa. Người Nga cũng đang tìm đường

tiến về Thái Bình Dương từ Tây Bá Lợi Á. Người Nga cũng tiến tới tận sông Hắc Long Giang. Đây là giai đoạn xung đột đầu tiên giữa Nga và Trung Hoa tại vùng đất mênh mông bên ngoài Vạn Lý Trường Thành. Cuộc xung đột Nga Hoa còn kéo dài cho tới ngày nay và cũng đem lại cho Phổ Nghi đôi chút tiện lợi.

Tuy nhiên cuộc nam tiến của người Nga bị nhà Mãn Thanh chặn lại. Năm 1689, nước Nga phải ký hoà ước và rút lui. Cảm thấy vùng đất tổ là Mãn Châu có thể bị Nga hăm dọa, các hoàng đế Mãn Thanh mời người Nga họp hội nghị để phân chia biên giới giữa hai nước. Hoàng đế Nga phái hai tiểu đoàn và một ngàn lính kỵ mã tới nơi hội nghị, với ý định dùng sức mạnh áp lực vua nhà Thanh. Nhưng triều đình Mãn Thanh phái một lộ quân 17 ngàn người tới hội nghị. Người Nga vội rút lui khỏi bờ sông Hắc Long Giang.

Người Nga căm hận vì bị sỉ nhục, nhưng họ không bao giờ bỏ giấc mơ chiếm đồng bằng Mãn Châu và những thung lũng màu mỡ, những đồi núi nhiều cây cối, những mỏ khoáng sản và những cửa biển nước ấm. Mãn Châu thực là một vùng đất giàu tài nguyên mà lại ít người ở. Một lý do Mãn Châu không được khai thác dưới thời nhà Thanh là vì thổ dân ở đây thù nghịch tất cả các người khác giống.

Mặc dù đã được củng cố quyền lực tại Trung Hoa và đạt được chiến thắng khắp nơi, người Mãn Châu vẫn không bỏ được tâm trạng bất ổn khi họ chỉ là một số rất nhỏ trong biển người Trung Hoa. Chính vì thế nhà Mãn Thanh vẫn giữ Mãn Châu là khu vực trừ bị, hoàn toàn cho người Mãn Châu. Người Hán không được di dân tới Mãn Châu. Chỉ một số ít người Trung Hoa làm nghề buôn nhân sâm, lông thú mới thỉnh thoảng được phép vượt ra ngoài Vạn Lý Trường Thành vào đất Mãn Châu buôn bán. Mãn Châu trở thành cấm quốc đối với người Hán vì người Mãn Châu vẫn nhớ lời dặn của tổ phụ, khi nào bị người Trung Hoa chống đối thì ở đâu hãy trở về đó.

Giống như những hoàng đế cai trị Trung Hoa trước họ, các hoàng đế Mãn Thanh vẫn thường quay nhìn về đất Mãn Châu, vì họ biết rằng không một triều đại nào có được thiên mệnh cai trị Trung Hoa mãi mãi.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 5
NHÀ ĐẠI THANH CÁO CHUNG



Nếu lúc Từ Hi Thái Hậu từ trần mà nhà Thanh có được một lãnh tụ sáng suốt và cương quyết cỡ như vua Quang Tự, thì ngai vàng của nhà Thanh vẫn còn có thể giữ vững được một thời gian nữa....Nhưng bây giờ triều đình nhà Thanh nằm dưới quyền điều khiển của Nhiếp chính vương Thuần Thân Vương, một người không có khả năng và rất nhu nhược, thì không khác gì một chiếc xe đang lăn xuống dốc và không có cách nào xoay chuyển để cứu vãn được nữa.

Việc làm đầu tiên của Thuần Thân Vương là cách chức Viên Thế Khải. Việc cách chức Viên Thế Khải là do sự tuân theo lời di chúc của vua Quang

Tự. Trong suốt những ngày cuối cùng bị giam cầm, vua Quang Tự rất căm thù Viên Thế Khải đã phản bội mình, khiến nhà vua không những mất ngôi thiên tử mà còn không thực hiện được những hoài bão của nhà vua cho Trung Hoa. Khi vua Quang Tự bị đầu độc theo lệnh của Từ Hi Thái Hậu, thì Từ Hi thân hành đến thăm Quang Tự để chính mắt mình nhìn thấy cái chết của nhà vua. Khi Từ Hi tới thăm thì Quang Tự đã mệt yếu lắm rồi, phải có hai thái giám xốc nách dìu ra, đầu gục xuống và hai chân run rẩy không đứng vững. Trong một giây phút Từ Hi cũng xúc động tình dì cháu, nên phán bảo, “Ta miễn lễ, không phải quỳ nữa!” Vài giọt lệ chảy xuống trên khuôn mặt trát bột phấn của bà Thái hậu già.

Nhưng Quang Tự vẫn quỳ xuống và nói, ”Thần nhi xin được phép quỳ! Một lần cuối cùng!” Sau khi Từ Hi ra về, Quang Tự run rẩy cố gắng viết di chúc: “Sau khi ta chết, phải chắt đầu... “ Viết đến đó thì Quang Tự yếu quá không thể viết tiếp tên Viên Thế Khải được nữa, nhưng cũng cố khoanh một vòng tròn trước khi tắt thở. “Viên“ có nghĩa là “tròn”. Thuần Thân Vương muốn thi hành di chúc của ông anh nhưng không đủ can đảm chắt đầu Viên Thế Khải. Một tháng sau khi Phổ Nghi lên ngôi, Thuần Thân Vương chỉ ra một đạo dụ ngày 2 tháng 1 năm 1909, cách chức họ Viên. Đạo dụ này có chữ ký của Phổ Nghi, và viết:

“Khi Trẫm lên ngôi thì được tin bất ngờ Viên Thế Khải mắc chứng bệnh đau chân, vì thế Trẫm cho phép Viên tướng quân được rời chức vụ và trở về sinh sống tại quê nhà để chữa trị. Đây chính là lòng quý mến và nể trọng của trẫm đối với Viên tướng quân.”

Việc bãi chức Viên Thế Khải quả thực là một quyết định thiếu khôn ngoan của Thuần Thân Vương. Khi ra khỏi Bắc Kinh rồi thì con người quý quyết Viên Thế Khải còn nguy hiểm cho triều đình nhà Thanh hơn là bị giữ lại trong triều, lúc nào cũng có người nhòm ngó theo dõi. Dưới áp lực của giới quý tộc Mãn Thanh, Thuần Thân Vương phải hoãn việc thi hành những chương trình cải cách của Từ Hi Thái Hậu. Nhưng quyết định này

chỉ như đổ thêm dầu vào một lò lửa đang muốn bốc lên của một quần chúng đang muốn tiêu diệt một nền quân chủ chuyên chế lỗi thời. Rồi khi bị quần chúng phản đối thì Thuần Thân Vương lại mau lẹ thi hành chương trình cải cách, và tuyên bố sẽ thành lập quốc hội vào năm 1913, nghĩa là bốn năm sớm hơn chương trình cũ dự liệu. Thuần Thân Vương giải thích rằng ông làm như vậy là ước muốn tạo ra một nước Trung Hoa mạnh mẽ và thống nhất. Nhưng các tổ chức chống đối thì lại cho rằng đó là một dấu hiệu yếu đuối của nhà Thanh. Các tổ chức này đòi hỏi giải tán Đại Hội Đồng Quý Tộc Mãn Thanh và thay thế bằng một nội các, và yêu cầu Bắc Kinh không được vay thêm tiền của ngoại quốc nữa.

Bên trong Đại Hội Đồng Quý Tộc Mãn Châu, cuộc bàn cãi vẫn tiếp diễn trước con mắt ngậy thơ của Phổ Nghi. Phe bảo thủ trong hội đồng ở thế mạnh và yêu cầu Thuần Thân Vương không được làm bất cứ nhượng bộ chính trị nào nữa. Hội đồng đòi hỏi dùng quân đội dẹp tất cả mọi cuộc biểu tình của sinh viên và thanh niên chống lại Thanh triều. Giữa lúc tình hình chính trị đang rối rắm như thế, một bệnh dịch hoành hành tại các tỉnh miền trung Trung Hoa, và sông Dương Tử vỡ bờ gây nạn lụt lớn lao tàn phá mùa màng của cả một vùng rộng lớn. Nạn đói trầm trọng xảy ra khắp nơi khiến dân chúng oán trách nhà Thanh, và cho rằng nhà Thanh không còn được lòng trời nữa. Người Trung Hoa tin rằng ngai vàng của một triều đình là nguyên nhân đem lại phúc lợi cũng như thảm họa cho dân chúng.

Nương theo sự suy yếu của Thanh triều, các phong trào bài Thanh và bài Tây Phương bành trướng mau lẹ. Các tổ chức bí mật đổ lỗi cho nhà Thanh đã làm Trung Hoa suy yếu. Luận điệu của các phong trào phản Thanh này được nhiều người tán đồng, và đạt được một sự hậu thuẫn rộng rãi của một quần chúng đang cảm phần sự yếu kém của Thanh triều, và sự nhục nhã của người Trung Hoa trước sức mạnh của ngoại bang. Các giới sinh viên, trí thức và quân nhân tại thành thị được coi là nòng cốt cho các phong trào phản Thanh.

Các phong trào phản Thanh tuy quá sôi nổi ồn ào, nhưng lại thiếu một sự thống nhất. Tất cả mọi tổ chức đều đồng ý trong mục tiêu như: Sự cần thiết phải canh tân Trung Hoa, chống lại sự xâm xé đất nước của ngoại cường, bảo đảm quyền tự chủ cho các tỉnh, và phải có đại diện các tỉnh tại thủ đô Bắc Kinh. Nhưng làm thế nào để đạt được các mục tiêu trên đây thì chẳng ai đồng ý với ai cả. Một số người đề nghị thiết lập một chính thể Quân Chủ Lập Hiến và giữ vua Tuyên Thống, tức Phổ Nghi, trên ngai vàng. Người khác thì đòi phải lật đổ nhà Thanh, chấm dứt sự cai trị của người Mãn Châu và thành lập một nước Cộng Hoà. Một trong những lãnh tụ nổi tiếng nhất đòi chấm dứt nhà Thanh là Tôn Văn.

Tôn Văn hiệu là Trung Sơn, người huyện Dương Sơn, tỉnh Quảng Đông. Thoạt đầu Tôn Văn học y khoa tại Quảng Đông. Trước sự áp bức của ngoại cường và nền chính trị hủ bại của nhà Thanh, ông chủ trương phải lật đổ nhà Thanh và thành lập Dân Quốc để cứu Trung Hoa. Ông đứng lên buộc tội sự bất lực của nhà Thanh đã đưa Trung Hoa vào một tình trạng bán thuộc địa nhục nhã đáng xấu hổ. Năm 1892 Tôn Văn đến Áo Môn và lập ra Hưng Trung Hội, và bắt đầu dẫn thân hoạt động trong công cuộc cứu nước một cách thực tế.

Ông tới đảo Hạ Uy Di của Mỹ để lập thêm chi nhánh Hưng Trung Hội. Năm 1895, ông trở về nước để khởi nghĩa và mưu đánh chiếm Quảng Châu, nhưng việc bị bại lộ, và các đồng đảng của ông bị bắt và bị giết trên 70 người. Ông may mắn trốn thoát và xuất ngoại hoạt động. Ông liên lạc với Hồng Môn Hội, một hội chủ trương phản Thanh phục Minh. Ông và Hồng Môn Hội xác định lại mục tiêu mới là: Khu trừ người Mãn, khôi phục Trung Hoa, lập dân quốc và bình quân địa quyền. Chính nghĩa được sáng tỏ nên đảng của ông càng ngày càng mạnh thêm.

Năm 1905 Tôn Văn sang Nhật vì tại Nhật có rất nhiều thanh niên Trung Hoa du học. Ông đổi tên Hưng Trung Hội của ông thành Đồng Minh Hội, đặt trụ sở tại Đông Kinh. Rất nhiều thanh niên Trung Hoa gia nhập Đồng

Minh Hội. Thấy khí thế mạnh mẽ của Đồng Minh Hội, Thanh triều yêu cầu người Nhật trục xuất ông. Hàng loạt những cuộc nổi dậy của Đồng Minh Hội tại các tỉnh miền nam không thành công, nhưng cũng gây tiếng vang rất lớn. Năm 1911 Đồng Minh Hội quyết định hành động lớn, tung 500 cảm tử quân tấn công dinh Tổng Đốc Quảng Đông, nhưng kế hoạch có nhiều sơ hở, quân cảm tử tới nơi mà không có vũ khí, nên cuộc tấn công thất bại. Kết quả là 72 cảm tử quân bị giết. Bảy mươi hai tử thi này được đem an táng tại Hoàng Hoa Cương, và được gọi là Thất Thập Nhị Liệt Sĩ.

CUỘC CÁCH MẠNG TÂN HỘI

Vì cuộc tấn công của Đồng Minh Hội tại tỉnh Quảng Đông nên Thanh Triều rất lo ngại, và ra lệnh cho các tỉnh phải đề phòng nghiêm mật. Tổng Đốc Hồ Bắc là Thụy Trường truy lùng được nhiều đảng viên cách mạng, và còn lấy được danh sách những đảng viên khác. Quân sĩ dưới quyền Thụy Trường bí mật tham gia đảng cách mạng bỗng lâm vào thế nguy, đảng nào cũng kẹt rồi, nên họ đành phải vội vàng đứng lên hành động. Đêm ngày 10 tháng 10 năm 1911, quân sĩ Hồ Bắc nổi dậy, tự xưng là quân cách mạng, vây đánh dinh Tổng Đốc. Thụy Trường và viên chỉ huy quân sự sợ quá bỏ trốn. Quân nổi dậy liền chiếm thủ phủ Hồ Bắc là Võ Xương, và cử một sĩ quan cao cấp tên là Lê Nguyên Hồng làm thủ lĩnh để thành lập chính phủ. Chính phủ Lê Nguyên Hồng tuyên bố độc lập và tiến quân đánh Hán Dương. Trong khi đó một toán cướp đánh chiếm Hán Khẩu và giao thành phố cho chính phủ Lê Nguyên Hồng. Ngày nổi dậy tại Võ Xương được gọi là ngày Song Thập, và trở thành ngày Quốc Khánh của Trung Hoa Dân Quốc từ đó đến nay.

Ngày 11 tháng 10 năm Tân Hợi, đại biểu 17 tỉnh miền nam họp tại Nam Kinh bầu Tôn Văn làm Lâm Thời Đại Tổng Thống. Tôn Văn cử Lê Nguyên Hồng làm Phó Tổng Thống. Các đại biểu thành lập Tham Nghị Viện và tổ

chức nội các theo giống đường lối chính trị của Hoa Kỳ, và lấy danh hiệu Trung Hoa Dân Quốc. Thanh thế của phe cách mạng ngày một lớn. Thanh Triều rất lấy làm bối rối trong lúc đó Phổ Nghi còn mãi chơi đùa với lũ thái giám.

Thanh triều phái quân Mãn Thanh tới đánh Võ Xương, nhưng bị quân cách mạng đánh bại. Không những thế, quân Mãn Thanh còn đào ngũ bỏ theo quân cách mạng rất đông. Trước tình cảnh ấy, chỉ một người đủ khả năng cứu vãn tình thế là Viên Thế Khải. Thuần Thân Vương phải quên mối thù cá nhân của mình và phải hạ mình mời Viên Thế Khải ra chỉ huy quân Thanh chống lại quân cách mạng. Thoạt đầu Viên Thế Khải từ chối lời mời của Thanh triều, với lý do sức khỏe, nhưng vẫn không quên nhấn mạnh Viên chỉ chấp nhận ra cứu nước với điều kiện nắm giữ chức Tế Tướng và chức tổng tư lệnh quân đội. Ngày 1 tháng 11, Thuần Thân Vương phải chấp nhận yêu sách của Viên Thế Khải, nhưng Viên vẫn từ chối. Nhiều gia đình quý tộc Mãn Thanh đem gia đình và tài sản trốn về Mãn Châu. Thanh triều tê liệt và cách mạng vẫn tiếp tục lan tràn hết thành phố này tới thành phố khác.

Cuộc bỏ chạy của người Mãn về Mãn Châu tạo ra những cuộc cướp bóc tấn công các khu vực của người Mãn khắp nơi. Tại những thành phố cô lập, những khu vực của người Mãn Châu bị dân chúng tấn công, cướp bóc và tàn sát người Mãn, trong khi triều đình Mãn Thanh bất lực không thể bảo vệ che chở được cho thần dân của mình. Khu vực người Mãn Châu tại Tây An Phủ bị đốt cháy thành bình địa. Đàn ông, đàn bà và trẻ con, kể cả đàn bà chữa, đều bị giết hết. Nhiều người Mãn phải nhảy xuống giếng tự tử, người khác đốt nhà để chết cùng với những quân cướp hôi của.

Người Hán sẵn đuổi người Mãn khắp nơi, từ những đô thị trong nội địa tới những hải cảng, để trả thù cho sự thống trị gần ba thế kỷ của người Mãn. Người Mãn phải cải trang làm người Hán để lẩn trốn về Mãn Châu.

Khi một người Mãn bị khám phá ngoài đường phố thì lập tức bị chém đầu ngay. Hàng trăm hàng ngàn người Mãn đã bị giết như vậy. Người Mãn rất dễ bị người Hán nhận ra vì giọng nói và nhất là quần áo. Người Mãn rất ưa dùng các màu đỏ, màu vàng với đường viền màu trắng, cổ áo cao, ống tay hẹp, thắt lưng rất hoa mỹ và giày dép. Riêng đàn bà người Mãn thì lại càng dễ nhận diện hơn nữa, vì chân họ không bị bó lại như người Hán.

Ngày 15 tháng 11, Thuần Thân Vương lại tam cố thảo luận, yêu cầu Viên Thế Khải đứng ra giúp nhà Thanh một lần nữa. Lần này vì thời cơ đã đến nên Viên Thế Khải nhận lời ngay. Thực ra chủ tâm của Viên Thế Khải là cố tình chậm trễ để không còn cách nào cứu vãn nhà Thanh được nữa, và dùng chức vụ của nhà Thanh để tạo ra một triều đại mới cho mình. Chỉ sáu tuần lễ sau ngày cách mạng Song Thập thành công, nhà Thanh chỉ còn lại năm tỉnh, trong đó ba tỉnh vốn thuộc về Mãn Châu. Nhưng Viên Thế Khải rất tự tin khi ra nắm chức tổng tư lệnh quân đội miền Bắc, và mở cuộc Nam tiến đánh quân cách mạng.

Viên Thế Khải mau lẹ chiếm lại Hán Dương và tiến quân về Hán Khẩu. Nhưng thay vì tiến quân tấn công quân cách mạng, Viên Thế Khải quay trở lại Bắc Kinh và yêu cầu được gặp Thuần Thân Vương và tân Thái Hậu, mẫu hậu của Phổ Nghi. Viên Thế Khải biết rằng mình đang nắm giữ được thế quân bình giữa Phổ Nghi và Tôn Văn. Nếu Viên Thế Khải nghiêng về bên nào thì bên ấy sẽ thắng. Nhưng Viên Thế Khải không chịu nghiêng về bên nào cả, mà chỉ lo cho tham vọng cá nhân của riêng mình. Trước hết Viên Thế Khải muốn kiểm soát được triều đình nhà Thanh.

Trong một tháng tại Bắc Kinh, Viên Thế Khải bắt Thuần Thân Vương phải từ chức Nhiếp Chính. Thuần Thân Vương vui lòng từ chức, và chức Nhiếp Chính bây giờ bỏ trống. Trên thực tế, Viên Thế Khải trở thành Nhiếp Chính Vương. Rồi Viên Thế Khải chiếm ngân khố Hoàng Gia với lý do cần tiền chi dụng cho chiến phí. Như vậy Viên Thế Khải nắm chắc trong tay ba thứ quyền mạnh nhất: Chính trị, quân sự và tài chính. Sau đó Viên Thế

Khải ngẫm ra lệnh cho các nhà ngoại giao Trung Hoa tại ngoại quốc đánh điện yêu cầu vua Phổ Nghi thoái vị, để tránh một cuộc nội chiến và sự xâu xé của quân đội ngoại bang.

Viên Thế Khải vào cung uy hiếp Thái Hậu, và cho toàn thể nội các biết rằng giải pháp duy nhất là thành lập chế độ Cộng Hoà, và bãi bỏ chế độ quân chủ. Các giới quý tộc Mãn Châu hết sức kinh hoàng trước đề nghị của Viên Thế Khải. Thực ra trong thâm tâm, Viên Thế Khải đang nuôi dưỡng mộng thành lập một triều đại mới, thay thế nhà Mãn Thanh. Viên Thế Khải đứng giữa hai thế lực. Một bên là triều đình cũ đang cố gắng giữ vững ngai vàng, và một bên là nước Cộng Hoà mới đang muốn thành hình. Viên Thế Khải đã thành công tạo cho mình một địa vị rất thuận lợi mà cả hai phe đều cần đến. Nếu Viên Thế Khải có thể ép Phổ Nghi thoái vị thì Viên Thế Khải có thể dùng kết quả đó như là một công lớn để đối phó với Tôn Văn. Tôn Văn chắc sẽ phải nhường chức Tổng Thống cho Viên Thế Khải để tránh một cuộc nội chiến. Viên Thế Khải sẽ tìm cách khôi phục Đế Chế sau khi nắm được chức Tổng Thống.

Phổ Nghi cũng có mặt trong buổi hội kiến giữa Viên Thế Khải và Thái Hậu, và nghe Viên Thế Khải đề nghị Phổ Nghi thoái vị. Lúc đó Phổ Nghi mới có năm tuổi, nhưng sáu tuổi tính theo người Trung Hoa. Phổ Nghi không bao giờ quên được buổi hội kiến đó trong điện Dưỡng Tâm. Thái Hậu ngồi khóc trên một chiếc xập, và Phổ Nghi ngồi ngay bên cạnh bà. Viên Thế Khải béo phịch phịch đứng trước mặt hai mẹ con, nước mắt đầm đìa hai cặp má phính. Phổ Nghi rất ngạc nhiên thấy hai người lớn này khóc. Viên Thế Khải vừa hỉ mũi vừa nói nhưng Phổ Nghi chẳng hiểu họ Viên nói những gì. Đó cũng lần đầu tiên Phổ Nghi gặp Viên Thế Khải.

Trong buổi hội kiến, Viên Thế Khải bàn tới số phận của Phổ Nghi nếu nhà Mãn Thanh không chịu nhượng bộ. Viên Thế Khải nói với Thái Hậu, "Chậm thoái vị có thể dẫn Hoàng Đế tới số phận tương tự như số phận của vua Lô Y thập lục của nước Pháp và gia đình trong cuộc cách mạng Pháp.

Nếu nhà Mãn Thanh tìm cách bảo vệ ngai vàng thì hậu quả xấu xa không thể lường được. Trung Hoa sẽ bị tàn phá khủng khiếp trước sự can thiệp của quân đội ngoại bang, và sẽ có những sự chém giết tàn sát lẫn nhau giữa hai giống dân Hán Mãn.“

Sau đó, đại Hội Đồng Quý Tộc Mãn Thanh cũng vội vàng hội họp và thảo luận bên trong điện Thái Hoà. Thái Hậu kể lại cho hội đồng những gì Viên Thế Khải đã nói với bà. Hội đồng không quan tâm đến hậu quả của cuộc cách mạng Pháp, nhưng rất đổi xúc động và chán nản trước sự phản bội của Viên Thế Khải đối với nhà Đại Thanh. Phe quá khích phản đối đề nghị Phổ Nghi thoái vị và chủ trương dùng biện pháp quân sự chống lại cách mạng. Đúng lúc ấy, Binh Bộ Thượng Thư báo cáo một đơn vị quân Mãn Thanh đang tấn công quân cách mạng tại Nam Kinh và chiến thắng. Một nhân vật quá khích nữa là Thượng Thư Bộ Lại đề nghị rằng dù gặp hoàn cảnh tệ nhất thì vẫn có thể rút lui về Mãn Châu bên ngoài Vạn Lý Trường Thành, và giữ lại được đất nước Mãn Châu. Vị Thượng Thư này chủ trương rằng phải giữ vững ngai vàng của nhà Đại Thanh. Nhưng cuối cùng Hội Đồng bác bỏ kế hoạch rút về Mãn Châu, vì các đạo quân Mãn Thanh đóng rải rác tại phía nam Vạn Lý Trường Thành và tại Mãn Châu không đủ điều kiện chiến đấu. Hơn nữa Hội Đồng lý luận rằng, nếu cả Trung Hoa và Mãn Châu đều yếu kém thì miền đất tổ Mãn Châu cũng sẽ bị ngoại bang xâm xé ngay.

Trong lúc Hội Đồng Quý Tộc Mãn Thanh còn mãi tranh luận tìm biện pháp đối phó với tình thế, thì càng lúc Viên Thế Khải càng lo ngại thêm. Nếu Phổ Nghi chậm thoái vị bao nhiêu thì uy thế Tôn Văn, đối thủ chính trị của Viên Thế Khải, càng lúc càng mạnh thêm bấy nhiêu. Tuy nhiên Viên Thế Khải cũng hiểu rất rõ con người của Tôn Văn. Tôn Văn là một con người thuần lý tưởng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân mình cho đại cuộc, không màng chức tước và danh lợi, miễn là lý tưởng lật đổ Thanh triều và thành lập một nước Trung Hoa Dân Quốc thực hiện được, còn ai

lãnh đạo quốc gia thì không mấy quan hệ. Tôn Văn sẵn sàng nhường chức Tổng Thống cho Viên Thế Khải, nếu Viên Thế Khải áp lực được Phổ Nghi thoái vị để tránh một cuộc nội chiến tương tàn. Điều Tôn Văn mong ước nhất là Phổ Nghi thoái vị một cách êm đẹp, và lúc đó chỉ có Viên Thế Khải mới có tư thế tạo ra được một sự thoái vị mà Tôn Văn mong đợi.

Một cuộc mặc cả chính trị quyết liệt đang diễn ra giữa hai phe Tôn Văn và Viên Thế Khải. Họ Viên giao công việc quân sự cho bộ hạ Đoàn Kỳ Thụy để rảnh tay đối phó với tình hình chính trị. Viên Thế Khải cũng cử một bộ hạ khác là tướng Phùng Quốc Chương nắm quyền chỉ huy Cấm Vệ Quân, với mục đích tước bỏ sức mạnh quân sự của Thanh Triều, và cử Đường Thiệu Nghi xuống miền Nam thương nghị với phe cách mạng. Cuối cùng Tôn Văn đề nghị năm điểm:

1. Phổ Nghi phải thoái vị.
2. Viên Thế Khải tuyên bố tán thành chế độ Cộng Hoà.
3. Sau khi Phổ Nghi thoái vị, Tôn Văn sẽ từ chức Tổng Thống.
4. Tham Nghị Viện sẽ bầu Viên Thế Khải lên chức Tổng Thống.
5. Viên Thế Khải phải tuân hành Lâm Thời Ước Pháp do Tham Nghị Viện soạn định.

Viên Thế Khải chấp thuận toàn bộ đề nghị của Tôn Văn, và sai Đoàn Kỳ Thụy cùng bốn mươi tướng lãnh trong quân đội miền bắc áp lực Thanh triều phải đi đến việc thoái vị. Đoàn Kỳ Thụy và các tướng lãnh đánh điện cho Thanh triều rằng không thể chống lại được quân cách mạng, và yêu cầu Phổ Nghi thoái vị. Đạo quân miền bắc án binh bất động, không chịu tấn công lực lượng cách mạng. Thực ra nếu lúc đó Viên Thế Khải trung thành với nhà Thanh, và dùng biện pháp quân sự thì nhà Thanh vẫn có thể giữ được ngai vàng và phần lớn đất đai Trung Hoa, còn phe cách mạng sẽ bị khốn đốn.

Thanh triều vốn trông cậy vào sức mạnh của đạo quân miền bắc, một đạo quân thiện chiến và kỷ luật nhất của Trung Hoa lúc bấy giờ. Nhưng nay đạo quân đó bị Viên Thế Khải chi phối, chống lại triều đình thì Thanh triều đành phải khuất phục trước các yêu sách của con cáo già Viên Thế Khải.

Ngày 3 tháng 2 năm 1912, Hội Đồng Quý Tộc Mãn Thanh nhóm một phiên họp quan trọng nhất trong suốt gần ba thế kỷ lịch sử của nhà Đại Thanh. Xuất hiện trước hội đồng, Viên Thế Khải đưa ra những nhượng bộ quan trọng nhất cho Thái Hậu. Viên Thế Khải muốn sớm đạt được sự thoái vị nên đưa ra các điều kiện đầu hàng rất hấp dẫn cho Thanh triều và người Mãn. Các nhượng bộ của Viên Thế Khải cho Thanh triều cũng là một tính toán quỷ quyết của họ Viên. Viên Thế Khải rất ưu đãi Hoàng Gia và không tiêu diệt hẳn ngay vàng nhà Thanh, vì trong thâm tâm họ Viên vẫn chủ trương sẽ tái lập đế chế và lên ngôi Hoàng Đế khi tình hình cho phép.

Trong buổi họp, phe chủ chiến nhất quyết đòi tiếp tục chiến đấu, ít nhất cũng để trả thù cho vụ tàn sát người Mãn Châu tại Tây An và các nơi khác. Thái Hậu bước ra đặt nghi vấn, “Nếu chúng ta quyết chiến mà thất bại, thì sao? Liệu chúng ta có thể đòi lại được các điều kiện ưu đãi của Viên Thế Khải không?”

Không ai trả lời được câu hỏi của Thái Hậu, và từ đó một triều đại phải chấm dứt. Cuối cùng Thanh triều chấp nhận giải pháp thoái vị để được hưởng các điều kiện ưu đãi của Viên Thế Khải.

Những ngày kế tiếp sau đó, Thanh triều bận rộn sửa soạn các đạo dụ thoái vị và đưa ra những yêu sách cuối cùng cho Viên Thế Khải. Ngày 12 tháng 2 năm 1912, Thanh triều công bố đạo dụ thoái vị. Quyền cai trị Trung Hoa của nhà Đại Thanh chấm dứt.

Đối với đa số người bình dân Trung Hoa thì sự giải tán hệ thống cai trị của một Hoàng Đế là một điều ngoài sức tưởng tượng của họ. Đối với

người Trung Hoa thì quan niệm “một ngày không thể không có vua” đã ăn sâu vào tư tưởng họ. Không có thiên tử thì ai sẽ cai trị thần dân? Vị sứ thần tại Bắc Kinh đánh điện về Hoa Thịnh Đốn như sau: “Đây là một biến cố vô cùng ngoạn mục khi một phần tư nhân loại lật đổ một hình thức chính phủ, đó cũng là một biểu lộ tuyệt đối của nền một văn minh trên bốn ngàn năm.”

Trong lúc đó bên trong Cẩm Thành, Phổ Nghi, một đứa trẻ năm tuổi vẫn không biết gì về những làn sóng cách mạng đang tràn ngập Trung Hoa. Đối với vị tiểu Hoàng Đế này thì đời sống không có gì thay đổi, vẫn tiếp tục chơi đi trốn đi tìm với bầy thái giám.

Ba ngày sau khi Phổ Nghi thoái vị, lãnh tụ cách mạng Tôn Văn đem lễ vật tới dâng hương tại lăng tẩm của Vua Hồng Võ, vị Hoàng Đế khai sáng nhà Minh. Tôn Văn đến trước lăng tẩm này để tấu trình với hương hồn vị hoàng đế đầu tiên nhà Minh rằng ngai vàng đã lấy lại được về cho người Trung Hoa từ người ngoại lai Mãn Châu rồi.

Lời tấu trình của Tôn Văn trước ngôi cổ mộ mang đầy tính chất kỳ thị chủng tộc, và đầy tinh thần quốc gia, đã làm thế giới Tây Phương phải kinh ngạc. Hành động của cha già dân tộc Tôn Văn phản ánh lại tâm tình căm phẫn của người Trung Hoa phải sống gần ba thế kỷ dưới sự cai trị của người ngoài. Tôn Văn kính cẩn tuyên bố:

“Đã nhiên lần trong lịch sử, dân tộc Trung Hoa cao quý đã phải làm nô lệ cho các giống dân mọi rợ phương bắc. Cuối cùng ngày nay kinh đô Bắc Kinh đã phục hồi lại cho một chính phủ của người Trung Hoa. Long Hồ cường thịnh sẽ trấn giữ đế đô. Thần dân hôm nay đến đây để dâng cho Hoàng Đế chiến thắng mới của dân tộc. Cầu nguyện nơi yên nghỉ của Hoàng Đế sẽ đời đời xanh tươi nhờ biến cố ngày hôm nay, và cầu mong tấm gương sáng của Hoàng Đế sẽ là nguồn cảm hứng cho các thế hệ sắp tới. Cúi xin anh linh Hoàng Đế chấp nhận lễ vật này.”

NHỮNG ƯU ĐÃI DÀNH CHO THANH TRIỀU SAU KHI PHỔ NGHI THOÁI VỊ

Các sử gia có thể cho rằng Thanh Triều đã rất khôn ngoan khi chấp thuận để Phổ Nghi thoái vị, từ bỏ quyền chính trị tuyệt đối của một thiên tử. Có lẽ Hội Đồng Quý Tộc Mãn Thanh nghĩ rằng sự thoái vị sẽ tránh được sự can thiệp của ngoại bang, tránh được sự phân chia Trung Hoa làm hai quốc gia, và cũng bảo đảm được quyền lợi của giới quý tộc Mãn Thanh. Kết quả cuối cùng cho thấy quyền lợi của người Mãn được bảo đảm, nhưng sự thoái vị của Phổ Nghi vẫn không giúp Trung Hoa thoát khỏi một cuộc nội chiến và sự can thiệp của ngoại bang. Kể từ khi nhà Thanh sụp đổ, Trung Hoa rơi vào tình trạng hỗn loạn triền miên, và cuối cùng cảnh hỗn loạn tại Trung Hoa đã mời gọi sự can thiệp của ngoại quốc, khởi đầu là người Nhật tại phía nam Vạn Lý Trường Thành.

Bình thường một triều đại mới ít khi đối xử đẹp với triều đại cũ. Khi một hoàng đế dựng nghiệp bằng cách lật đổ một triều đại khác thì thường tìm cách chu diệt tất cả dòng họ của ông vua cũ để trừ hậu họa. Nhưng hoàn cảnh của Phổ Nghi là một trường hợp rất đặc biệt, khiến cho nhà vua được hưởng một quy chế chưa từng có trong lịch sử Trung Hoa.

Các đạo dụ thoái vị của Phổ Nghi được viết trên những cuộn lụa màu vàng. Đạo dụ giải thích rằng Hoàng Đế quyết định thoái vị vì quyền lợi của quốc gia và quần chúng. Quốc gia thực sự là một đại gia đình trong đó Thiên Tử là cha mẹ và quần chúng là con cái. Trong đạo dụ, Thái Hậu đã đại diện cho Phổ Nghi, không những tuyên cáo sự thoái vị của ấu chúa, mà còn long trọng muốn thành lập một nước Cộng Hoà Trung Hoa. Đạo dụ bắt đầu như sau:

“Vì hậu quả của cuộc nổi dậy của quân đội Cộng Hoà, có sự ủng hộ của các tỉnh, đã khiến Đế Quốc Trung Hoa chìm đắm trong cảnh máu lửa và

thần dân rơi vào cảnh khốn cùng. Chính thể của một nước một ngày không định thì nhân dân không được yên. Nay quyền cai trị quốc gia trở thành việc làm chung của dân chúng toàn quốc. Một chính thể Cộng Hoà Lập Hiến sẽ được thiết lập, trước nhất là để thoả mãn lòng mong đợi của trăm họ, sau nữa là cho hợp với ý nghĩa “Thiên hạ là của chung“ của thánh hiền ngày trước.

Làm thế nào chúng ta có thể đi ngược lại ý nguyện của hàng trăm triệu con dân mong ước cho sự vinh quang của một gia đình? Do đó, sau khi cứu xét khuynh hướng của hiện tại và nghiên cứu quan điểm của quần chúng, triều đình và Hoàng Đế quyết định trao quyền lực quốc gia tối cao vào tay dân chúng, và muốn có một hình thức chính phủ theo hiến pháp. Như vậy, triều đình quyết định chấp nhận ban hành theo ý muốn của một quần chúng đã mệt mỏi vì cảnh hỗn loạn vô chính phủ, và mong ước có hoà bình, để tạo phúc lợi cho dân chúng Trung Hoa.”

Đạo dụ kêu gọi phải thiết lập một nước Cộng Hoà Trung Hoa vĩ đại bằng cách kết hợp cả năm giống dân, gồm Mãn Châu, Hán Tộc, Mông Cổ, Hồi Hồi và Tây Tạng, và giữ nguyên lãnh thổ hiện hữu.

Đạo dụ thứ hai chú trọng đến cách đối xử lịch sự với người Mãn Châu. Nhân vụ tàn sát người Mãn Châu tại Tây An Phủ, đạo dụ kêu gọi dân chúng hãy bỏ mọi thành kiến và dị biệt về sắc tộc. Đạo dụ cũng bày tỏ mối quan tâm của Thanh triều về việc đối xử với các vị vua khai sáng ra nhà Đại Thanh, và đòi hỏi tân chính phủ phải chịu trách nhiệm về “việc tế tự trước các đền thờ và các lăng tẩm của các cựu Hoàng Đế nhà Đại Thanh, và phải xây lăng tẩm cho vị Hoàng Đế cuối cùng nhà Thanh đã từ trần là vua Quang Tự.”

Đối với Phổ Nghi thì đạo dụ thứ hai đã xác định rõ ràng như sau: “Ta, đương kim Hoàng Đế, sẽ chỉ từ bỏ quyền lực chính trị của ta mà thôi, còn

danh hiệu Hoàng Đế của ta vẫn phải được giữ nguyên vẹn như cũ.” Như vậy số phận của ông vua sáu tuổi đã được minh định. Phổ Nghi chỉ không hành sử quyền Thiên Tử mà thôi, nhưng vẫn giữ các tước hiệu Hoàng Đế như cũ. Thanh triều cố ý chờ thời cơ để có thể xoay chuyển phục hồi lại được triều đình nhà Đại Thanh. Đạo dụ tiếp tục:

“Hoàng Đế nhà Đại Thanh tuyên cáo thành lập một chính thể Cộng Hòa, và nước Cộng Hoà Trung Hoa phải nghiêm chỉnh thực thi những điều kiện ưu đãi dưới đây đối với Hoàng Đế:

1. Phải coi Phổ Nghi như là một vị nguyên thủ quốc gia.
2. Hàng năm phải cung ứng cho Phổ Nghi một ngân khoản 4 triệu quan.
3. Phổ Nghi vẫn được sống trong Cấm Thành như cũ.
4. Giữ tôn hiệu nhà Thanh khi tiếp xúc với nước ngoài.
5. Bảo hộ lăng miếu nhà Đại Thanh.
6. Các tước Vương Công vẫn được thế tập như trước.
7. Người Hoàng tộc không phải đi lính.
8. Tài sản của người Mãn Châu phải được bảo đảm.
9. Chính thể Cộng Hoà hứa tôn trọng và bảo vệ tài sản của Phổ Nghi.

Phổ Nghi vẫn được dùng vệ sĩ như trước, nhưng không được bổ nhiệm thêm thái giám nữa. Chế độ thái giám phải được bãi bỏ. Như vậy Phổ Nghi thoái vị nhưng vẫn giữ được ngai vàng, một trường hợp chưa từng xảy ra trong lịch sử. Phổ Nghi không bị giết hoặc bị đi đày như các ông vua thất thế khác. Tuy nhiên đây là một sản phẩm trong đó cả ba phe liên hệ đều có lợi. Trước hết Tôn Văn đạt được lý tưởng phản Thanh, thành lập được nước Trung Hoa Dân Quốc, tránh được nội chiến, và sự can thiệp bất lợi của ngoại bang. Phổ Nghi vẫn giữ được ngai vàng mặc dù vô quyền, nhưng cánh cửa trở lại ngôi trên vẫn hé mở, và giới quý tộc nhà Thanh vẫn hy vọng một sự trở lại.

Riêng đối với Viên Thế Khải thì đây là một thắng lợi to lớn cho tham vọng

làm hoàng đế của họ Viên. Viên Thế Khải muốn lưu giữ một chế độ Hoàng Gia để sau này gặp dịp thuận lợi sẽ tái lập lại chế độ Quân Chủ mà không gây ngỡ ngàng cho quần chúng.

Ngày 12 tháng 2 năm 1912, sau khi Phổ Nghi thoái vị thì một số gia đình hoàng gia và giới quý tộc đã phải ẩn lánh trong các khu vực ngoại giao tại Bắc Kinh. Một số khác thì trốn vào các khu vực Tô Giới thuộc quyền quản trị của các nước Tây Phương tại Thiên Tân. Thuần Thân Vương, thân phụ của Phổ Nghi cũng trở về nhà riêng. Trong khi đó Viên Thế Khải bỗng trở thành nhân vật quan trọng nhất trên chính trường, vừa là Tế Tướng của nhà Đại Thanh vừa là Tổng Thống lâm thời của nước Trung Hoa Dân Quốc.

Phổ Nghi coi như bị giam lỏng bên trong Cấm Thành và sống hết tuổi trẻ bên trong những bức tường cao và những lâu đài mái cong màu vàng. Lịch sử đôi khi có những trùng hợp lạ lùng. Năm 1644 vị hoàng đế đầu tiên của nhà Đại Thanh là Thuận Trị lên ngôi vào lúc 6 tuổi, và năm 1912 vị hoàng đế cuối cùng của nhà Đại Thanh thoái vị cũng vào năm 6 tuổi.

Khi Phổ Nghi thoái vị rồi thì Tôn Văn nhường chức Đại Tổng Thống cho Viên Thế Khải. Tôn Văn sai Thái Nguyên Bồi lên mời Viên Thế Khải xuống Nam Kinh nhận chức. Viên Thế Khải không muốn rời khỏi nơi hùng cứ của mình nên bí mật sai một nhóm binh sĩ do Tào Côn chỉ huy nổi loạn. Thái Nguyên Bồi sợ miền Bắc có biến nên đề nghị Viên Thế Khải tuyên thệ chịu chức tại Bắc Kinh. Viên Thế Khải lập chính phủ mới và dời chính phủ từ Nam Kinh đến Bắc Kinh. Tôn Văn được Viên Thế Khải bổ nhiệm làm bộ trưởng hoả xa. Bây giờ Viên Thế Khải chia xẻ Cấm Thành với Phổ Nghi, vì một phần của Cấm Thành dùng làm dinh Tổng Thống.

Ấn tượng lâu dài nhất của Phổ Nghi là màu vàng chói. Cả cái thế giới chung quanh cậu bé sáu tuổi này là thuần một màu vàng, màu của hoàng đế. Chính Phổ Nghi cũng đã kể lại: “Bất cứ khi nào tôi nhớ lại tuổi thơ ấu thì trí óc tôi thấy đầy một màn sương màu vàng.” Cung điện cũng sơn màu vàng, từ mái cho tới sàn. Quần áo, giường gối tất cả đều màu vàng, ngay cả đến chén đĩa ăn uống cũng màu vàng. Màu vàng vốn được coi là màu hoàng gia của người Trung Hoa, nguyên do là vì văn minh Trung Hoa khởi đầu từ những lớp phù sa màu vàng của sông Hoàng Hà. Từ lâu chỉ nhà vua mới được dùng màu vàng, và bất cứ một người nào khác dùng màu này đều bị trừng phạt.

Phổ Nghi hàng ngày chỉ chơi đùa với các thái giám, cho đến năm lên bảy tuổi thì mới được chơi đùa với các trẻ con khác, đó là người em trai tên là Phổ Kiệt và một người em gái. Phổ Kiệt sau này là một đồng chí đứng cạnh Phổ Nghi trong suốt những năm tháng thặng trầm sôi nổi của Phổ Nghi. Tuy nhiên tuổi trẻ của Phổ Nghi trong Cấm Thành lúc nào cũng bị bao vây bởi một đoàn thái giám đông đảo.

Việc học của Phổ Nghi bắt đầu từ lúc sáu tuổi và do một nhóm sư phó giảng dạy. Các sư phó của Phổ Nghi không được phép ngồi trước mặt Phổ Nghi và cũng không được phép khen ngợi Phổ Nghi. Các vị sư phó thường nhắc tới gương các ông vua thời trước, chẳng hạn như: “Hoàng Đế Càn Long bằng tuổi Ngài học giỏi hơn.” Phổ Nghi lúc nào cũng phải cố gắng tranh đua với các vị tiên đế. Phổ Nghi cũng học cả tiếng Mãn Châu. Nhưng Phổ Nghi không phải là người học trò gương mẫu, mà trái lại thường giả vờ đau ốm để bỏ học.

Về sau ý thức được vai trò của mình, Phổ Nghi mong ước trở thành một vị hoàng đế danh tiếng. Nhưng những sách vở khác nhau làm cậu bé hoang mang. Trong khi sách Khổng Tử dạy thần dân phải trung thành với vua, thì sách Mạnh Tử dạy “Dân vi quý” hoặc “Nếu vua coi thần dân như cỏ rác thì thần dân phải coi vua như kẻ thù.”

Lúc Phổ Nghi được tám tuổi, để khuyến khích Phổ Nghi học hành hăng hái hơn nên người ta mở rộng lớp học, cho cả Phổ Kiệt và một số trẻ con khác đồng lứa tuổi được học chung với Phổ Nghi. Mỗi sáng Phổ Nghi ngồi kiệu tới lớp học. Thường các vị sư phụ và các trẻ con khác tới trước để chờ đợi Phổ Nghi. Khi Phổ Nghi vào tới lớp, các vị sư phụ phải khấu đầu chào Phổ Nghi, và các trẻ con khác phải quỳ gối xuống. Sau đó các học sinh được ngồi vào bàn. Phổ Nghi ngồi đầu bàn về hướng Bắc và hướng mặt về phía Nam. Cách ngồi như thế có thể là lý do theo thiên văn, vì khi ngồi quay về hướng Nam, nhà vua có thể theo dõi được sự chuyển động của mặt trời.

Phổ Nghi không học về toán và khoa học như trẻ con ngày nay, mà chỉ học về nước cổ Trung Hoa, các lý thuyết âm dương, Ngũ Hành: Kim Mộc Thủy Hoả Thổ, và các nghi lễ một vị hoàng đế thường làm. Một sự học mơ hồ cả về địa lý đến nỗi Phổ Nghi không biết Bắc Kinh nằm đâu tại Trung Hoa và lúa gạo được trồng như thế nào. Năm Phổ Nghi lên 13 tuổi, các vị sư phó quyết định rằng Phổ Nghi cần phải học ngoại ngữ và Anh Ngữ được chọn cho Phổ Nghi vì sự phổ quát của Anh Ngữ, và cũng vì thiện cảm đối với người Hoa Kỳ không xâm lăng Trung Hoa.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 6

ĐỜI SỐNG CỦA PHỔ NGHI TRONG CẤM THÀNH

Bây giờ vị hoàng đế không ngại Phổ Nghi lang thang những ngày dài tháng rộng giữa những điện đài sơn toàn màu vàng rực rỡ bên trong Cấm Thành. Cấm Thành nay chẳng khác gì một nơi giam giữ Phổ Nghi. Phổ Nghi không được phép ra khỏi Cấm Thành. Cái thú đặc biệt của Phổ Nghi trong những năm thơ ấu ấy là trèo lên các mái lầu đài, để nhìn ra xem các sinh hoạt bên ngoài Cấm Thành, một thế giới khác hẳn với đời sống bên trong.

Tuy vậy về đời sống vật chất thì Phổ Nghi vẫn tiếp tục được hưởng một cuộc sống xa xỉ như cũ, đặc biệt là cách ăn uống. Người ta thiết lập một hệ thống sửa soạn và cung phụng thức ăn cho Phổ Nghi một cách cực kỳ chu đáo. Trước khi Phổ Nghi dùng một món ăn gì thì một thái giám phải nếm món ăn ấy trước, để thử xem món ăn đó có bị đầu độc không.

Phổ Nghi không ăn uống theo một thời khắc nào nhất định, mà tùy hứng, tùy lúc. Bất cứ khi nào Phổ Nghi lên tiếng đòi ăn thì lập tức các thái giám đứng kề cận vội vàng hô to lệnh của Phổ Nghi, và lệnh ấy lần lượt được tiếp vận dọc theo các hành lang vào tới tận nhà bếp. Một đoàn thái giám túc trực sẵn sàng ngày đêm tại nhà bếp, vội vàng bưng các món ăn bày la liệt trên bảy chiếc bàn sơn son thiếp vàng có trạm trổ hình rồng.

Phòng ăn của Phổ Nghi nằm về phía đông của viện Thái Hoà. Một đoàn thái giám tay áo màu trắng, đứng sắp đặt bàn ăn cho Phổ Nghi. Thường có hai bàn lớn để những món ăn chính, một bàn khác đặt những thức ăn có lò than bên dưới về mùa đông, ba chiếc bàn khác để bánh ngọt và cơm, và một chiếc bàn nhỏ để các món rau muối mặn. Tất cả những tô đĩa đựng đồ ăn đều có in hàng chữ "Vạn Vạn Tuế" và có nắp đậy cẩn thận. Khi các món ăn đem tới thì một thái giám hô to "Mở nắp." Lập tức có vài thái giám nháy ra khỏi hàng, và mở những chiếc nắp bạc, và đặt những đĩa đồ ăn vào những chiếc hộp sơn mài khắc hình rồng vàng.

Thức ăn của Phở Nghi chỉ được đem ra khi có lệnh của Phở Nghi chứ không theo đúng giờ nhất định. Có thể là ba giờ sáng, mà cũng có thể là ba giờ chiều. Tại Ngự Trù Phòng, đồ ăn được nấu nướng suốt ngày vì nhà bếp không biết lúc nào Phở Nghi sẽ đòi ăn. Đồ ăn nấu xong rồi phải giữ nóng trong lò. Thường mỗi bữa ăn của một hoàng đế có chừng một trăm món. Nhưng vì Phở Nghi còn nhỏ quá nên mỗi bữa ăn chỉ được dùng 25 món thôi. Trong một cuốn hồi ký, Phở Nghi ghi lại những món ăn của một bữa điểm tâm vào hồi tháng Ba năm 1912. Bữa điểm tâm của một đứa trẻ sáu tuổi buổi sáng hôm ấy gồm có:

Chả giò, Gà hầm với nấm, Vịt ba món, Gà xào rau cải, Thịt muối hấp, Thịt nguội Vân Nam, Thịt bò xào rau cải, Thịt cừu, Khoai lang hầm với cherries, Thịt heo hấp bông cải, Vịt Bắc Kinh, Thịt vịt gia vị, Thịt heo nấu với cải làn, Rau cải muối cay, Ôc biển nấu thịt vịt, Thịt cừu nấu với hẹ, Sữa đậu nành, Giá sống. . .

Trong mỗi bữa ăn của Phở Nghi đều có thêm một món mà Phở Nghi không bao giờ đụng tới: Đó là món “Cháo tổ tiên.” Tô cháo này dọn lên để dâng cho tổ tiên của Phở Nghi mà người ta tin rằng hương hồn còn phảng phất trong phòng ăn. Đúng ra mỗi ngày Phở Nghi dùng hai bữa chính, một bữa vào lúc mười giờ sáng, và một bữa vào lúc sáu giờ chiều. Về các món thịt thì thực đơn của Phở Nghi nặng phần thịt cừu nhẹ phần thịt bò. Bao tử của một cậu bé vài tuổi đâu có thể ăn và chứa được nhiều đồ ăn. Vì thế tuy đồ ăn làm nhiều nhưng Phở Nghi chỉ chọn lựa một vài món ưa thích mà thôi, còn phần lớn lại đổ đi.

Trong lúc ăn, Phở Nghi có ít nhất tám người hầu: một chuyên viên về thái thịt giúp nhà vua ăn thịt heo quay và chim quay được dễ dàng; một y tá để đề phòng trường hợp nhà Vua bất thần bị trúng bệnh trong lúc ăn; hai người giúp nhà vua chọn những miếng thịt trong những đĩa lớn; và bốn thái giám có nhiệm vụ đuổi ruồi muỗi khỏi các đĩa đồ ăn.

Bất cứ khi nào Phở Nghi ăn uống thì một thái giám sẽ báo cáo trực tiếp cho Thái Hậu và ba Mẫu Hậu biết về sự ăn ngon miệng hay không của Phở Nghi. Hãn quý gối và kính cẩn tâu: “Kẻ nô tài kính cẩn bẩm Thái Hậu, Đức Vạn Tuế đã dùng một chén cơm trắng, một khoanh bánh mì và một tô cháo.

Đức Vạn Tuế ăn ngon miệng lắm.”

Những sự phí phạm bên trong Cấm Thành thực là lớn lao. Theo tài liệu chính thức của triều đình thì trong năm trì vì thứ hai của Phổ Nghi, Phổ Nghi và những người trong vương tộc đã tiêu thụ trung bình mỗi tháng hai tấn thịt bò, thịt cừu, thịt heo, 388 con gà và vịt. Hiển nhiên là sự phí phạm và sự ăn bớt ăn xén của các thái giám là phần lớn của số thực phẩm khổng lồ hàng tháng này.

Ngoài ra lại còn phần ăn của những người khác cư ngụ trong Cấm Thành nữa, chẳng hạn như các quan trong Hội Đồng Quý Tộc, các vệ sĩ, các học giả, ca kỹ, thái giám, các vị sư và còn nhiều người khác nữa. Như vậy tổng số lương thực nấu nướng hàng tháng là khoảng tám tấn. Hơn thế nữa, còn có những món ăn đặc biệt mà ngự phòng phải sửa soạn hàng ngày, đòi hỏi thêm ít nhất 20 tấn thịt bò, thịt cừu và heo, một ngàn cân mỡ, 4786 gà vịt và một số lượng tương tự tôm cá và trứng gà. Ngân quỹ phải dành một số tiền khá lớn để duy trì phòng chứa thực phẩm trong hoàng cung. Trong lúc dân chúng phải trải qua những nạn đói triền miên thì bàn ăn bên trong Cấm Thành lúc nào cũng ê hề, thừa thãi và phí phạm như bao giờ.

Sự phí phạm được phản ánh qua lời nhận xét của chính Phổ Nghi sau này: “Đồ ăn được nấu nướng thực là nhiều nhưng chẳng có ai ăn, cũng như quần áo may rất nhiều mà chẳng ai mặc”.

Về y phục, Phổ Nghi không bao giờ mặc một bộ quần áo nào tới hai lần. Trung bình một năm, các thợ may trong Hoàng Cung may cho Phổ Nghi mười một chiếc áo choàng bằng da thú loại cực tốt, sáu bộ mặc bên trong và bên ngoài bằng da thú, ba chục áo bông và ba chục chiếc quần. Không kể các phí tổn về vải, lông thú và công thợ, số tiền chi dùng hàng năm cho những thứ lặt vặt như túi, khuy áo và chỉ cũng lên tới hai ngàn quan tiền bạc. Phổ Nghi không được tự do chọn quần áo để mặc mỗi ngày. Quần áo mặc hàng ngày phải theo đúng luật lệ hoàng gia và đó là phần trách nhiệm của các thái giám phụ trách về y phục của hoàng đế.

Ngay các y phục hàng ngày của tiểu Hoàng Đế này cũng được may theo hai mươi tám kiểu khác nhau, nhưng kiểu nào cũng phải có màu vàng rực rỡ. Vào những ngày hội hè hoặc đại lễ, quần áo của Phổ Nghi lại càng được

may cầu kỳ hơn nữa, và được gắn thêm lông công, những đường viền bằng da thú màu trắng hoặc đen, và được thêu rất hoa mỹ. Phổ Nghi cũng thích được mặc những y phục kỳ lạ. Có lần Phổ Nghi đòi mặc một bộ quân phục đại tướng và một cái nón có cắm lông chim, và đeo kiếm. Khi Thái Hậu nghe tin Phổ Nghi vi phạm luật lệ của Hoàng Gia về y phục thì bà nổi cơn thịnh nộ. Bà ra lệnh điều tra về y phục của Phổ Nghi, và người ta khám phá ra rằng Phổ Nghi còn dùng cả vợ dãi của ngoại quốc nữa. Các thái giám phụ trách y phục của Phổ Nghi bị trừng phạt nặng nề. Mỗi người bị đánh hai trăm roi và cách chức xuống hàng thái giám nô tì chuyên lo việc lau nhà. Phổ Nghi cũng bị trách mắng và phải nghe giảng về hành động làm nhục Hoàng Gia của mình. Hoàng Gia không thể tưởng tượng được một việc vô ý thức hơn là Hoàng Đế nhà Đại Thanh lại có thể mặc quân phục của một viên tướng Cộng Hòa và dùng vợ của giống Bạch Quý, hai kẻ thù bất cộng đái thiên của Thanh Triều.

Phổ Nghi được lệnh phải vất bỏ bộ quân phục và thanh kiếm gỗ đi, và mặc lại quần áo của Hoàng Đế: một chiếc áo long bào viền lông thú. Y phục của Phổ Nghi nhằm biến Phổ Nghi là một con người đặc biệt duy nhất không giống ai. Phổ Nghi được cẩn thận nhắc nhở rằng Phổ Nghi là một ông Vua, một Thiên Tử, và không được ăn mặc giống bất cứ một người nào khác. Để nhấn mạnh việc giáo dục này cho Phổ Nghi, các thái giám vi phạm luật lệ y phục của hoàng đế phải bị trừng phạt, bị đánh bằng roi theo đúng cách trừng phạt cổ truyền ngay trước mặt Phổ Nghi. Quần của các thái giám tội nghiệp này bị kéo trễ xuống để hở mông, và những chiếc roi bằng tre liên tiếp vụt xuống. Nhưng Phổ Nghi không hiểu được ý nghĩa giáo dục của cảnh trừng phạt dã man này. Trái lại Phổ Nghi bị nhiễm phải một cái thú thoả mãn tình dục bằng cách nhìn những sự trừng phạt như vậy.

Sự kích thích tình dục của Phổ Nghi còn được gia tăng nhờ sự vâng phục hoàn toàn của các thái giám trước bất cứ mệnh lệnh nào của Phổ Nghi. Bất cứ khi nào ông vua tí hon này buồn chán hay cáu kỉnh thì người ta vội vàng làm ông vua vui lên bằng cách lột quần vài thái giám và đánh bằng roi tre. Vào lúc bảy tuổi, Phổ Nghi thường sai đánh thái giám cho thoả thích. Những cảnh đánh thái giám này càng gia tăng khi Phổ Nghi bắt đầu bước

vào tuổi dậy thì. Có một lần Phổ Nghi bắt mười bảy thái giám bị đánh cùng một lúc chỉ vì một tội rất nhẹ. Việc đánh thái giám không những thoả mãn ước muốn tình dục của Phổ Nghi, mà còn cho Phổ Nghi hưởng uy quyền tuyệt đối của mình bên trong Cấm Thành.

Dẫu sao thì trong giai đoạn này Phổ Nghi chẳng khác gì một đứa trẻ mồ côi, mặc dù vẫn còn đầy đủ cha mẹ. Kể từ lúc được Từ Hi Thái hậu triệu vào Cấm Thành giữa một đêm tăm tối, Phổ Nghi không còn được cha mẹ nuôi dưỡng nữa. Cha mẹ Phổ Nghi là những người khác hẳn theo nhận xét của Phổ Nghi. Thân Phụ của Phổ Nghi là Thuần Thân Vương từ trần vào năm 1951. Khi còn sống, Thuần Thân Vương có hai vợ và bốn con trai và bảy con gái. Như vậy Phổ Nghi là con của một gia đình đông anh em. Theo tục lệ của người Mãn Châu thì đàn bà là chủ gia đình, và thường tháo vát hơn đàn ông. Ngay từ lúc mới sinh, con gái người Mãn Châu được đối xử đặc biệt vì tất cả con gái Mãn Châu đều có cơ hội được vào cung cấm, và có thể trở thành cung phi hoặc hoàng hậu.

Gia đình Phổ Nghi cũng giống phần lớn gia đình Mãn Châu trong vấn đề đối xử với đàn bà. Thân mẫu của Phổ Nghi có quyền hành rất lớn trong nhà. Bà rất hoang phí và ông chồng thì quá hiền lành và nhu nhược. Thuần Thân Vương không thể ngăn cản được sự tiêu sài hoang phí của bà vợ. Tất cả bổng lộc một năm của Thuần Thân Vương là 50 ngàn quan và do chính phủ Cộng Hoà trả. Nhưng số tiền này được bà vợ tiêu thật mau lẹ. Thuần Thân Vương đã tìm nhiều biện pháp để đối phó với sự hoang phí của bà vợ nhưng đều vô hiệu. Ông đã nổi giận đập phá các bình hoa quý nhưng bà vợ vẫn không nao núng. Thuần Thân Vương phải thay thế các đồ sứ bằng đồ đồng để khi giận dữ có đập có ném cũng không tổn hại. Nhưng về sau Phổ Nghi khám phá ra rằng bà mẹ không dùng tiền cho những thứ xa xỉ, mà trái lại bà dùng tiền cho các hoạt động chính trị, với một hy vọng khôi phục lại ngai vàng cho nhà Thanh.

Phổ Nghi vào Cấm Thành lúc lên ba tuổi. Trong suốt bảy năm đầu trong Cấm Thành, Phổ Nghi không được gặp mẹ. Khi cuối cùng mẹ và bà nội của Phổ Nghi vào thăm Tử Cấm Thành thì Phổ Nghi coi họ như người xa lạ. Trong buổi gặp gỡ lần đầu sau bảy năm xa cách, bà nội Phổ Nghi mắt

nhà lệ còn bà mẹ thì đầy cảm tức. Bà phản đối cách nuôi dưỡng Phổ Nghi và tức giận bày tỏ quan điểm với Thái hậu, nhưng cũng không thay đổi được gì. Tất cả đời sống trong cung cấm phải tuân theo các luật lệ đã có từ lâu đời. Chính Phổ Nghi cũng phải than: “Tôi có nhiều mẹ, nhưng tôi không được biết tình mẫu tử là thế nào.”

Câu nói có “nhiều mẹ“ của Phổ Nghi có nghĩa là khi vào Cấm Thành, Phổ Nghi đã chính thức trở thành con nuôi của những vị hoàng đế đã chết trong thời Từ Hi cầm quyền, nghĩa là con nuôi của các hoàng hậu của vua Đồng Trị và vua Quang Tự. Đồng Trị có ba bà vợ còn lại, và tất cả đều trở thành mẹ của Phổ Nghi. Còn vợ vua Quang Tự trở thành Thái hậu. Cả bốn người đàn bà này tranh chấp với nhau triền miên để dành quyền kiểm soát Phổ Nghi. Phổ Nghi gọi cả bốn bà là “Mẫu Hậu” và cả bốn bà đều gọi Phổ Nghi là “Hoàng Đế.” Người mẹ thực sự của Phổ Nghi bị bốn bà mẹ nuôi này loại ra ngoài. Ba năm sau khi gặp con trai trong Cấm Thành, mẹ ruột của Phổ Nghi tự tử năm 1921. Bà uống một liều thuốc phiện mạnh để lìa đời, vì đau đớn trước cách nuôi dưỡng con trai mình trong Cấm Thành. Sau này Phổ Nghi nhìn nhận được cái chết của mẹ là một cái giá quá mắc phải trả để làm một Hoàng Đế không quyền.

Phổ Nghi chỉ biết thân phụ ba năm trong thời gian Thuần Thân Vương đảm nhận chức Nhiếp Chính. Từ năm 1908 đến năm 1911, Thuần Thân Vương thường đến thăm Phổ Nghi tại lớp học và kiểm soát tập vở của con. Các cuộc viếng thăm này thường rất ngắn. Khi ông tới thăm thì một thái giám thông báo trước, và một lát sau, một người đàn ông béo phục phịch, mày râu nhẵn nhụi đầu đội nón lông công bước vào trước cửa lớp học, và đứng ngay ngắn trước tiểu Hoàng Đế.

Hai cha con chào nhau một cách lạnh lùng theo đúng nghi lễ, và Phổ Nghi đọc một vài câu trong cuốn sách học. Rồi ông bố luống cuống gục gặc đầu và lắp bắp nói ”Tốt lắm. Học chăm chỉ.” Sau đó Thuần Thân Vương quay gót ra về. Mỗi lần viếng thăm như thế chỉ lâu khoảng hai phút. Cứ hai tháng Thuần Thân Vương đến thăm con một lần và không bao giờ ở lâu quá hai phút. Nhưng ít nhất Phổ Nghi cũng nhận biết được thân phụ mình, một người mặt mũi phì nộn, không có râu, và chiếc lông công trên nón lúc

nào cũng ngã xuống, giống như một cây lúa bị gió thổi rạp xuống. Về sau Phổ Nghi khám phá rằng thân phụ cũng nói lắp như ông anh là vua Quang Tự. Sở dĩ chiếc lông công trên nón của Thuần Thân Vương thường hay lúc lắc là vì ông luôn luôn gật đầu.

Không quan tâm đến quyền lực và chính trị, Thuần Thân Vương không phải là người của thời cuộc và sự nắm quyền Nhiếp Chính của ông là một bất lợi cho nhà Thanh. Tư tưởng của ông hướng về tương lai và cuộc cách mạng kỹ nghệ. Nhưng sự canh tân Trung Hoa của ông không hữu hiệu. Ông là một người quý tộc Mãn Thanh đầu tiên lái xe hơi và dùng điện thoại trong nhà. Ông cũng là vị Thân Vương đầu tiên cắt tóc ngắn và ăn mặc âu phục tại nơi công cộng. Ông rất chú tâm tới thiên văn. Trong cuốn nhật ký của ông có ghi chép đầy đủ sự chuyển động của các tinh thể. Có một sự tương phản rõ rệt giữa đời sống khô cứng hàng ngày và sự say mê thiên văn của ông.

Phổ Nghi cho biết nếu Thuần Thân Vương có quyền tự do lựa chọn thì ông đã trở thành một nhà thiên văn rồi. Trái lại ông mang dòng máu hoàng tộc và trở thành Thân Vương lúc ông lên chín tuổi, khi người anh là Vua Quang Tự được chọn lên ngôi thiên tử. Ông phải sống và chết như một tù nhân của một dòng vua chúa. Khi cuộc cách mạng 1911 tước đoạt quyền hành của ông, ông vui vẻ rời bỏ Cấm thành trở về nhà. Ông tuyên bố: “Kể từ hôm nay ta có thể ở nhà và bồng bế con cái của ta.” Sau khi chết, hai câu nói của Thuần Thân Vương viết ra lúc ông còn sống, được coi như bộc lộ tất cả vai trò bất như ý của ông trong chức vụ cầm vận mệnh quốc gia: “Sách vở là sự giàu sang đích thực, và nhàn tản là gần trở thành bất tử.” Ba năm đau khổ nhất trong đời ông là ba năm phải làm Nhiếp Chính Vương.

Khi không được cha mẹ nuôi dưỡng và không được hưởng tình yêu của cha mẹ, Phổ Nghi đã được thái giám nuôi dưỡng như vua Quang Tự. Thái giám hầu hạ khi Phổ Nghi ăn, mặc quần áo, đi theo tới lớp học, kể chuyện, và đền bù lại họ được Phổ Nghi ban thưởng hoặc trừng phạt. Thái giám không bao giờ để Phổ Nghi ở một mình. Phổ Nghi kể lại: “Thái giám là bạn của tôi trong thời thơ ấu, là nô lệ của tôi và cũng là những sự phụ đầu tiên của tôi.”

Lúc nào thái giám cũng vây quanh Phổ Nghi cho tới khi Phổ Nghi bị quân đội Nga bắt năm 1945. Lúc đó bên mình Phổ Nghi chỉ còn bảy thái giám trong số ba ngàn người mà Phổ Nghi thừa hưởng từ Từ Hi Thái Hậu. Được thái giám luôn luôn chú ý và vuốt ve, Phổ Nghi mắc phải chứng đồng tính luyến ái như các vị vua trước. Phổ Nghi đã bị hệ thống hoàng gia hủy hoại như đã từng hủy hoại nhiều trong số các hoàng đế thời trước.

Từ ngày vào Cấm Thành, Phổ Nghi đã bị nhồi sọ rằng mình là một ông vua toàn năng, một người thống trị thế giới. Ngay cả sau khi thoái vị, Phổ Nghi vẫn được giữ tước hiệu Thiên Tử và Đức Vạn Tuế. Một lần lúc tám tuổi, Phổ Nghi muốn thử xem các thái giám có còn tuân lệnh của Thiên Tử hay không. Phổ Nghi chọn một thái giám và chỉ một hòn đất dưới sàn nhà và ra lệnh: "Hãy ăn hòn đất này cho ta." Tên thái giám run sợ và quỳ xuống rồi cố gắng nuốt hòn đất.

Các sư phụ của Phổ Nghi thường nhắc lại lời các thánh hiền và sự cần thiết phải "thương người và từ thiện," nhưng đồng thời họ vẫn phải khấu đầu trước mặt vị tiểu Hoàng Đế và huấn luyện cho Phổ Nghi phải tỏ ra hống hách uy quyền. Có lẽ chỉ có bà mẹ ruột của Phổ Nghi mới nhận thấy rằng con mình đang được đào luyện để trở thành một con quái vật. Cái chết bằng cách tự tử của bà chính là một sự phản kháng hệ thống hoàng gia vô nhân đạo.

Phổ Nghi là một đứa trẻ gầy ốm bệnh hoạn và luôn luôn bị cảm mạo vì thời tiết. Phổ Nghi thiếu hẳn sức mạnh về thể xác và tinh thần của các vị hoàng đế trước. Có lẽ dòng vua Mãn thanh đang chết dần mòn. Vua Đồng Trị con của Từ Hi Thái Hậu không có con nối nghiệp, và Vua Quang Tự cũng vậy. Rồi đến Phổ Nghi cũng không có con.

Mỗi sáng sớm, khi mặt trời mọc ở phương đông bên ngoài Cấm Thành, vị tiểu Hoàng Đế nghe thấy các âm thanh của các sinh hoạt bên ngoài Cấm Thành: Tiếng rao hàng của người bán hàng rong, tiếng xe bò lăn bánh trên đường và thỉnh thoảng tiếng ca hát của các binh sĩ. Các thái giám gọi đó là "Thành phố của âm thanh," trong khi đó cậu bé Phổ Nghi trèo lên những mái nhà lóng lánh màu vàng và nhìn ra cái thế giới bên ngoài cung điện vàng son. Bên ngoài kia là cấm địa đối với Phổ Nghi. Phổ Nghi càng lớn

lên thì cái “thành phố của âm thanh” bên ngoài không còn hấp dẫn nữa. Trái lại Phổ Nghi nghe được những âm thanh khác, những tiếng gọi phục hồi ngai vàng của nhà Thanh. Dần dần Phổ Nghi coi mình có một sứ mạng phục hồi lại di sản của tổ tiên để trở lại với sự vinh quang cũ.

Trong khi thế giới đang là bãi chiến trường của các cường quốc tây phương đang tranh hung, thì người Mãn Châu tìm cách đưa Phổ Nghi trở lại với ngai vàng, và phục hưng lại đại di sản của nhà Đại Thanh với mục đích thống trị bốn trăm triệu thần dân Trung Hoa.

Nguyễn Vạn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Chương 7

NHỮNG ÂM MƯU PHỤC HỒI NỀN QUÂN CHỦ

Ngay khi Phổ Nghi thoái vị năm 1912, Tôn Văn giữ lời hứa nhường chức Tổng Thống cho Viên Thế Khải. Tôn Văn là người thiên về lý tưởng và trọng nguyên tắc. Trái lại Viên thế Khải là một người gian hùng, đầy tham vọng và dùng mọi thủ đoạn để đạt được mộng làm vua. Khi đã nắm chức tổng thống rồi, Viên Thế Khải lập tức phản lại chính thể Cộng Hoà do Tôn Văn thành lập.

Trước hết Viên Thế Khải từ chối không chịu rời thủ đô về Nam kinh, nơi chế độ Cộng Hoà thành lập chính phủ.

Mục tiêu cuối cùng của Viên Thế Khải là trở thành hoàng đế trên ngai vàng trong Cấm Thành, và do đó Viên Thế Khải cần phải ở lại Bắc Kinh, nơi phù hợp nhất cho tham vọng của mình. Trong vòng một năm, Viên Thế Khải giải tán Quốc Dân Đảng của Tôn Văn. Tôn Văn và các lãnh tụ Quốc Dân Đảng quan trọng như Tống Giáo Nhân, phải trốn tránh sang Nhật. Viên Thế Khải phái nhiều toán thích khách đi khắp nước để ám sát các lãnh tụ đối lập. Một phương pháp ám sát thịnh hành nhất thời bấy giờ là đầu độc, vì người Trung Hoa rất ưa ăn tiệc.

Trong năm đầu tiên làm tổng thống, Viên Thế Khải bỏ ước pháp. Rồi Viên Thế Khải triệu tập đại biểu các tỉnh để định ước pháp mới. Ước pháp mới gia nhiệm tổng thống của Viên Thế Khải từ ba năm lên mười năm, rồi cuối cùng cho phép Viên Thế Khải làm tổng thống suốt đời, đổi Nội Các Chế thành Tổng Thống Chế, các bộ trưởng đều do tổng thống bổ nhiệm.

Đồng thời Viên Thế Khải ra lệnh đình bãi chế độ tự trị tại các tỉnh. Chế độ Cộng Hoà biến thành chế độ chuyên chế.

Viên Thế Khải đã đoạt được quyền hành tối cao của quốc gia, nhưng như Viên Thế Khải vẫn chưa vừa lòng. Ngai vàng còn đó, nhưng ngai vàng ấy hiện thuộc về Phổ Nghi. Muốn đoạt được ngai vàng thì trước hết Viên Thế Khải phải loại được Phổ Nghi.

Thoạt đầu, Viên Thế Khải tạo ra một hoàn cảnh thuận lợi cho việc trở lại nền Quân Chủ bằng một sự hoài niệm hoàng đế và ngai vàng. Trong dịp Tết Nguyên Đán năm đầu tiên, Viên Thế Khải đã phái đại diện của chính phủ Cộng Hoà tới Cấm Thành, chuyển đạt những lời chúc Tết đầu năm cho Phổ Nghi. Trong dịp đó, Phổ Nghi ngồi trên ngai rồng, mặc phẩm phục của một hoàng đế rất uy nghi, chung quanh có các đại thần và vệ sĩ nghiêm chỉnh đứng hầu. Sau đó ít lâu, vào dịp sinh nhật bảy tuổi của Phổ Nghi, Viên Thế Khải phái một đại diện chính phủ tới dâng lời cầu chúc.

Những hành động của Viên Thế Khải đã khuyến khích các thân vương Mãn Châu ăn mặc lại phẩm phục cũ và đeo lại những huy hiệu vương tước, gồm có cả những nút áo màu đỏ và nón cắm lông công. Các thân vương trong năm đầu tiên của nền Cộng Hoà đã phải ẩn lánh im hơi lặng tiếng. Bây giờ được thế, nhiều người làm sống lại không khí vương giả cũ, như sai kẻ hầu dẹp đường trước cho kiệu của họ đi lại ngoài đường phố Bắc Kinh. Các viên chức trong triều trước kia ăn mặc thường phục khi đi làm việc, và chỉ mặc phẩm phục tại nơi làm việc, nay họ lại ngang nhiên mặc phẩm phục triều đình khi đi ra đường phố.

Khi Thái hậu từ trần năm 1913, một năm sau khi Phổ Nghi thoái vị, một

tang lễ theo nghi lễ hoàng gia đã được cử hành trọng thể ngoài đường phố Bắc Kinh. Trong dịp này, Viên Thế Khải đeo khăn tang trên cánh tay, và ra lệnh treo cờ rũ trong hai mươi ngày. Tất cả những người thuộc hoàng gia và các nhà quý tộc mặc đồ tang trong một trăm ngày. Đây là dịp hoàng gia và giai cấp quý tộc hạ hê mặc tang phục này như là một dấu hiệu trung thành với hoàng đế. Ngay cả Từ Thế Xương, một học giả nguyên là Đại Sư phụ cho Phổ Nghi, đã bỏ trốn ra Thiên Tân khi Phổ Nghi thoái vị, nay cũng trở về Bắc Kinh để bày tỏ lòng tôn kính đối với tiểu Hoàng Đế.

Đến năm 1914, năm thứ ba của chính thể Cộng Hòa, các hành động thiên về quân chủ của Viên Thế Khải đã khiến người ta tin rằng việc tái lập đế chế sẽ xảy ra. Viên Thế Khải quay trở về với Khổng Tử, dùng lại các tước hiệu hoàng gia trong chính phủ và ra lệnh phải thờ phụng Khổng Tử khắp nơi trong nước. Viên Thế Khải mượn danh của Khổng Tử để thực hiện dã tâm xưng đế của mình, vì Khổng Tử chủ trương Tôn Quân.

Báo chí bị Viên Thế Khải mua chuộc cũng đã kêu gọi phải tái lập nền quân chủ. Một bài báo đã viết: “Đại đa số quần chúng không hiểu chính thể cộng hòa là gì, và cũng chẳng biết gì về hiến pháp và cũng không có một ý niệm gì về bình đẳng và tự do. Khi lật đổ chính thể quân chủ và thiết lập chế độ cộng hòa, nhiều người tưởng rằng họ sẽ không còn phải lễ phép với ai nữa, và có thể làm bất cứ điều gì họ thích. Ngay lúc Hoàng Đế bị hạ bệ, quyền hành của chính phủ trung ương bị hủy diệt. Dù bất kể ai đứng đầu quốc gia cũng không tái lập được trật tự hòa bình, trừ phi phải tái lập chế độ quân chủ.”

Khi bị các nhân vật trong Chính Phủ cật vấn, Viên Thế Khải vẫn phủ nhận ý định tái lập đế chế của mình. Viên Thế Khải nhân cơ hội này thành lập một Hội Trù An, gồm nhiều học giả, và yêu cầu họ nghiên cứu và cân

nhắc những sự hơn thiệt của việc tái lập nền quân chủ. Viên Thế Khải long trọng tuyên bố: "Sự thay đổi chính thể của một quốc gia cần phải làm một cách thực thận trọng." Viên Thế Khải đề nghị mở một cuộc trưng cầu dân ý để giải quyết vấn đề quốc thể. Nhưng họ Viên lại lý luận rằng việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý đòi hỏi một thời gian khá lâu dài, trong lúc quốc dân nóng lòng mong đợi nên phải gấp rút giải quyết bằng cách thành lập một ủy ban Thịnh Nghiệm Ý Dân, gồm 1993 người cũng do Hội Trù An điều hành. Ủy ban này có nhiệm vụ đi thu thập những lời thỉnh cầu của các tỉnh, nộp cho Tham Chính Viện để trình lên tổng thống để giải quyết vấn đề Quốc Thể. Tháng 10 năm Dân Quốc thứ 4, tất cả 1993 ủy viên này đều bỏ phiếu tán thành tái lập nền quân chủ vì tất cả đều là người của Viên Thế Khải bổ nhiệm. Không những thế, ủy ban còn tôn Viên Thế Khải lên làm tân Hoàng Đế nữa.

Ủy Ban Thỉnh Cầu Ý Dân trình trọng tuyên bố: "Long trọng đại diện quan điểm của quần chúng, chúng tôi thỉnh cầu tổng thống Viên Thế Khải lên ngôi Thiên Tử để mưu cầu phúc lợi cho trăm họ." Viên Thế Khải rất đẹp lòng chấp nhận lời thỉnh cầu này, và định ngày mừng một tháng Giêng năm sau sẽ lên ngôi, và lấy niên hiệu là Hồng Hiến.

Tại Trung Hoa, biểu tượng quyền hành là chiếc ngọc tủy. Viên Thế Khải sai người tới Cấm Thành và đòi lấy ngọc tủy của Phổ Nghi. Vị tiểu Hoàng Đế chín tuổi này rất đỗi kinh hoàng trước các biến chuyển của tình thế. Các vị sư phụ của Phổ Nghi từng giảng dạy Phổ Nghi nhiều lần rằng: "Không thể có hai mặt trời bên trên và bên dưới không thể có hai vua trong một nước." Như vậy sự lên ngôi hoàng đế của Viên Thế Khải có nghĩa là bản án tử hình cho Phổ Nghi. Phổ Nghi biết rằng trong lịch sử Trung Hoa đã xảy ra rất nhiều vụ giết vua để tranh ngai vàng. Giữa hai kẻ tranh nhau một ngai vàng thì kẻ yếu thế nhất định phải chết, không có một sự hòa giải nhân đạo. Trong thời Xuân Thu giữa thế kỷ thứ sáu và thứ bảy trước Tây Lịch, đã có

tới 36 vụ giết vua để tranh chức thiên tử.

Tuy nhiên ngọc tỷ của Phổ Nghi tỏ ra không thích hợp cho Viên Thế Khải, vì ngọc tỷ này được khắc bằng hai thứ tiếng Trung Hoa và Mãn Châu. Viên Thế Khải muốn khai sáng một triều đại mới hoàn toàn Trung Hoa, nhằm tiếp nối sự vinh quang của những hoàng đế cuối cùng của nhà Minh.

Trong khi đó, giới quý tộc Mãn Châu rất lo ngại cho mạng sống của Phổ Nghi, và bí mật thương thuyết một giải pháp với Viên Thế Khải. Giới quý tộc Mãn Châu đồng ý ủng hộ Viên Thế Khải làm hoàng đế, nhưng đổi lại Viên Thế Khải phải tôn trọng các điều kiện ưu đãi dành cho Phổ Nghi và người Mãn Châu. Viên Thế Khải nồng nhiệt bảo đảm sự an toàn cho Phổ Nghi. Để chứng tỏ thực tâm của mình, Viên Thế Khải còn đề nghị gả con gái cho Phổ Nghi nữa. Người ta không biết rõ một người nham hiểm tráo trở như Viên Thế Khải có giữ đúng lời hứa hay không, nhưng các giới quý tộc Mãn Châu không còn cách nào hơn là tuân theo thỏa hiệp đã đạt với họ Viên.

Vào cuối năm 1915, Viên Thế Khải bắt đầu sửa soạn cho việc lên ngôi. Lúc đó các quốc gia Tây phương đang mải mê với cuộc đệ nhất thế chiến tại Âu Châu, để mặc Nhật Bản một mình một chợ tại Á Châu. Nhật Bản muốn thừa dịp này thay thế các nước Tây phương để chiếm địa vị Minh Chủ Á Đông và phá cuộc diện cơ hội đảng quân của Tây phương tại Trung Hoa. Nhật Bản biết Viên Thế Khải đang vận động đế chế và có thể lợi dụng Viên Thế Khải để đạt mục tiêu của Nhật.

Trước hết Nhật tuyên chiến với Đức, với tư cách đồng minh của Anh

Quốc. Nhật yêu cầu hạm đội Đức phải rút ra khỏi biển Nhật Bản và biển Trung Hoa, và giao nhượng địa Giao Áo của Đức cho Nhật. Đức không trả lời. Nhật liền tấn công Giao Áo, nhưng lại cố tình đổ bộ lên Long Khẩu là đất của Trung Hoa, rồi tiến chiếm Tế Nam. Viên Thế Khải phản đối Nhật Bản thì người Nhật gửi cho Viên Thế Khải một bản 21 điều khoản yêu sách, đòi thừa kế tất cả chủ quyền của Đức tại Sơn Đông và các đặc quyền tại Mông Mãn và Hoa Bắc. Sau hơn bốn tháng đàm phán, Viên Thế Khải phải thừa nhận các điều khoản của Nhật. Từ đó Nhật thay thế Anh và Nga làm chủ tình hình tại Đông Á, và Trung Hoa trở thành một chư hầu của Nhật. Hoa Kỳ là nước duy nhất phản đối sự bành trướng của Nhật, nhưng không có kết quả gì. Sự nghiệp chính trị của Viên Thế Khải thực ra chỉ là một chuỗi những sự phản bội. Trước hết Viên Thế Khải phản bội vua Quang Tự, rồi phản bội nhà Mãn Thanh, phản bội chính thể Cộng Hòa, và bây giờ phản bội ngay chính nước Trung Hoa vì quyền lợi riêng của mình.

Nhưng Viên Thế Khải gặp một sự chống đối mạnh mẽ nhất từ mọi phía. Bây giờ không còn ai tin được Viên Thế Khải nữa, vì họ Viên phản bội mọi người. Ngay khi Viên Thế Khải nhận làm Hoàng Đế thì Thái Ngạc, nguyên là đô đốc của Vân Nam, bỏ trốn về Vân Nam và cùng Đường Kế Nghiêu đánh điện xin Viên Thế Khải thủ tiêu đế chế, và tuyên bố độc lập đối với Bắc Kinh. Thái Ngạc đem quân lấy Tứ Xuyên, Lý Liệt Quân chiếm Quảng Đông. Viên Thế Khải sai Tào Côn và Ngô Bội Phu chống lại Thái Ngạc, Long Tế Quang chống lại Lý Liệt Quân. Nhưng các tỉnh Quảng Tây, Chiết Giang, Hồ Nam, Thiểm Tây, Quý Châu cũng lần lượt theo nhau tuyên bố độc lập. Đến đây các bộ hạ thân tín nhất của Viên Thế Khải là Đoàn Kỳ Thụy và Phùng Quốc Chương tại miền Bắc cũng theo phe miền Nam phản đối đế chế. Sự chống đối Viên Thế Khải bây giờ cũng lan nhanh và rộng như cuộc cách mạng chống nhà Thanh năm 1911. Thực vậy, năm 1916, khắp Trung Hoa đều chống lại Viên Thế Khải và họ Viên trở thành một lãnh tụ cô đơn tại Bắc Kinh.

Khi bị quân đội miền Bắc chống lại thì Viên Thế Khải biết rằng giấc mộng làm vua không thể thành tựu được. Họ Viên liền ra lệnh thủ tiêu ý định làm hoàng đế, và còn chỉ giữ chức tổng thống mà thôi. Nhưng các phe chống đối không chịu, nhất định bắt Viên Thế Khải phải từ bỏ tất cả quyền hành. Đang quyền uy nhất nước, một bước nữa lên ngôi vua bỗng nhiên tay trắng, Viên Thế Khải vô cùng uất hận. Trong một cơn giận không kiềm chế được, Viên Thế Khải xách kiếm đập cửa phòng một người hầu thiếp yêu dấu nhất trong số hai mươi người vợ của họ Viên, đặc biệt là người hầu thiếp xinh đẹp này vừa mới hạ sinh một con trai cho nhà họ Viên. Khi bước vào phòng, Viên Thế Khải trông thấy người hầu thiếp đang nằm ôm đứa con vừa mới sinh. Trong một cơn giận dữ mất trí, Viên Thế Khải vung kiếm đâm chết hai mẹ con. Một tuần sau đó, Viên Thế Khải quá ưu uất một sớm một chiều mất hết quyền lực, và cũng vì lòng đau đớn hối tiếc đã giết vợ và con, nên Viên Thế Khải bị đứt gân máu và chết vào ngày 6 tháng 6 năm 1916.

Tuy Viên Thế Khải đã chết, nhưng ý tưởng phục hồi đế chế của họ Viên như là một hạt giống đã gieo xuống rồi, thì không thể không nảy mầm trong lòng giới quý tộc Mãn Châu. Tin Viên Thế Khải chết là một tin rất vui mừng cho phe Phổ Nghi và Mãn Thanh. Sau này Phổ Nghi kể lại: “Tin Viên Thế Khải chết được tiếp nhận với một niềm cực kỳ hoan lạc bên trong Cấm Thành. Các thái giám chạy loạn xạ để báo tin mừng, và các mẫu hậu vội thắp hương bái tạ thần thánh, và hôm đó tôi không phải đi học.” Bên trong Tử Cấm Thành, mọi người đều nghĩ rằng thời cơ đã tới để phục hồi ngai vàng của nhà Thanh. Người Mãn Châu tin rằng Viên Thế Khải thất bại không lập được đế chế là vì họ Viên không có các tiên đế phù trợ, trong khi đó người Mãn Châu có thể trông cậy vào thần linh của các đấng anh quân

của nhà Thanh.

Chính vì thế bên trong Cấm Thành nao nức chờ đợi sự tái lập ngai vàng của nhà Thanh. Giới quý tộc đã tính tới việc phong tước cho những người đã chết, và họ bắt đầu cảm lông công trên mũ. Họ cũng bận rộn tuyển thêm con gái vào cung hầu hạ các hoàng hậu và mua thêm thái giám. Trong những bữa tiệc liên miên, họ bàn thảo thương thuyết với các nhân viên chính phủ cộng hòa và các đại biểu trong Tham Chính Viện để tìm cách đưa Phổ Nghi trở lại ngai vàng. Chính lãnh tụ Nga xô Lê-Nin cũng vội vàng kết luận rằng các cố vấn của Phổ Nghi đã thành công kết hợp được giới phong kiến, giới thư lại và tôn giáo Trung Hoa để phục hồi lại nhà Đại Thanh.

Năm 1917, phong trào phục hưng nhà Thanh đã lên tới cực điểm. Một sứ quân là Trương Huân đã tự nguyện phụng sự cho Phổ Nghi. Trương Huân đã từng chỉ huy quân Thanh chống lại quân Pháp tại Bắc Việt và trong cuộc cách mạng Tân Hợi 1911, Trương Huân đứng về phía nhà Mãn Thanh. Trương Huân là một người tôn thờ Khổng Tử và tuyên bố: “Tất cả các viên chức của chính quyền cộng hòa đều là thần dân của hoàng đế nhà Đại Thanh.” Trương Huân bày tỏ lòng trung thành với nhà Thanh bằng cách không chịu cắt bỏ mớ tóc đuôi sam của mình. Tất cả đạo quân hai mươi ngàn người của Trương Huân cũng không chịu cắt tóc, và được gọi là “đạo quân đuôi heo.”

Theo tục lệ của người Mãn Châu, không ai được phép hiện diện khi hoàng đế tiếp kiến một nhân vật cao cấp trong chính phủ. Khi Trương Huân vào Cấm Thành để bái yết Phổ Nghi, thì Phổ Nghi được chỉ dẫn cách cư xử đúng tư cách của một thiên tử đối với một thần dân trung thành, và cũng là một tướng tư lệnh của chính phủ cộng hòa. Phổ Nghi được dặn dò phải

khen ngợi lòng trung thành của Trương Huân đối với triều đình nhà Thanh, và phải trả lời các câu hỏi của Trương Huân một cách vừa phải để giữ tính cách thiêng liêng thần thánh của một bậc thiên tử.

Tiểu hoàng đế mặc áo long bào ngồi trên ngai vàng và Trương Huân quỳ gối khấu đầu theo đúng nghi lễ hoàng gia cổ truyền. Từ lúc Phổ Nghi thoái vị, hình thức trong triều đã dân chủ hóa rất nhiều và các quan lại không phải quỳ tâu trình Phổ Nghi như trước nữa. Bây giờ Phổ Nghi đối xử với Trương Huân một cách dễ dãi và chỉ cho Trương Huân ngồi lên một chiếc ghế gần đó. Khi Trương Huân ngồi xuống ghế, chiếc đuôi sam màu muối tiêu của Trương Huân khẽ vung vẩy theo cử động của Trương Huân. Hình ảnh chiếc đuôi sam vung vẩy đó làm đẹp lòng Phổ Nghi.

Trương Huân trịnh trọng mở đầu cuộc bái kiến bằng một lời xu nịnh: “Đức Kim Thượng thực là anh minh.”

Lúc đó Phổ Nghi mới chín tuổi rưỡi, nhưng cũng tỏ ra có khả năng ngoại giao, và trả lời Trương Huân một cách bình tĩnh, “Trẫm còn ít tuổi và chưa hiểu biết nhiều.”

Trương Huân rất xúc động trước sự khiêm nhường của ông vua trẻ. Trương Huân nhắc đến một vị vua nổi tiếng của nhà Đại Thanh là vua Khang Hy, “Đức tiên đế Khang Hy cũng lên ngôi vào lúc còn rất trẻ.”

Phổ Nghi vội ngắt lời Trương Huân: “Làm sao ta có thể ví với tổ tiên anh minh như thế?”

Cuộc đối thoại cứ tiếp diễn như vậy, và Trương Huân rất đỗi thán phục sự khiêm tốn và thông minh của Phổ Nghi. Phổ Nghi cũng rất hài lòng với sự cư xử của mình. Đây là lần đầu Phổ Nghi bước vào chính trường, một nơi người ta đấu trí với nhau bằng lời nói, bằng xảo thuật và bằng mưu trí. Phổ Nghi kể lại: “Tôi tự hỏi tại sao Trương Huân xin bãi kiến tôi, hoặc tại sao các sư phụ của tôi lại tỏ ra khích động hào hứng như vậy, và cũng lấy làm lạ tại sao hoàng cung lại tặng cho Trương Huân nhiều đồ quý giá như thế, và tại sao các mẫu hậu lại phải mở yến tiệc khoản đãi Trương Huân.”

Khoảng hai tuần sau đó, vào ngày 1 tháng 7, Trương Huân trở lại Cấm Thành dẫn theo quân đội riêng của mình. Khi được báo tin Trương Huân trở lại, thoạt đầu Phổ Nghi tưởng Trương Huân đến để tỏ lòng tôn kính mình. Nhưng Phổ Nghi vô cùng kinh ngạc và mừng rỡ khi được biết Trương Huân trở lại với mục đích đứng ra phục hồi ngai vàng của nhà Đại Thanh.

Khi gặp Phổ Nghi, Trương Huân long trọng trình bày: “Một chính phủ cộng hòa không thích hợp với quốc gia của chúng ta. Chỉ có sự phục hồi Ngai Vàng của Chúa Thượng mới cứu vớt được trăm họ. Xin Thánh Thượng chuẩn nhận sự thỉnh cầu này.”

Phổ Nghi đẹp lòng tuyên phán, “Trẫm còn trẻ quá và tài hèn đức bạc...Nhưng nếu tình thế như vậy thì Trẫm sẽ đành bắt buộc phải làm điều khanh yêu cầu.”

Cuộc hội kiến giữa Trương Huân và Phổ Nghi vừa chấm dứt thì các thái giám vội vàng chạy đi lấy tất cả chín đạo dụ đã viết sẵn. Đạo dụ thứ nhất

tuyên cáo Phổ Nghi trở lại ngai vàng, và một đạo dụ khác bổ nhiệm một Hội Đồng Nhiếp Chính gồm bảy người, và Trương Huân đứng đầu Hội Đồng Nhiếp Chính.

Một lần nữa, chính trường Trung Hoa lại xao động vào giữa nửa đêm. Khoảng 4 giờ sáng ngày 1 tháng 7, trong lúc quân đội dưới quyền chỉ huy của Trương Huân bắt đầu bố trí các yếu điểm tại Bắc Kinh, thì Phổ Nghi bước lên ngôi vua lần thứ hai trong tuổi niên thiếu của mình. Chung quanh Phổ Nghi lúc đó là giới quý tộc Mãn Châu và giới quan lại người Trung Hoa hợp tác với Thanh triều.

Sáng hôm sau, thủ đô Bắc Kinh trở dậy để thấy đạo quân đuôi sam của tướng quân Trương Huân canh gác các công thự, và lá cờ màu vàng vẽ hình một con rồng có năm móng vuốt phất phới trên Cấm Thành. Lá cờ này là biểu tượng của nhà Thanh. Dân chúng xúm xít đọc báo chí buổi sáng, và đọc cho nhau nghe một đạo dụ mới của triều đình.

“Trong lúc còn nhỏ, Trẫm được trao cho cơ nghiệp của nhà Đại Thanh, và lúc ấy Trẫm cô đơn một mình, nên đã không thể đương đầu được với mọi khó khăn xảy ra. Vì thế chủ quyền quốc gia đã được trao cho toàn dân với hy vọng rằng những tranh chấp sẽ không còn nữa, và những xáo trộn sẽ chấm dứt và trăm họ có thể sống trong an bình. Nhưng kể từ khi chính thể quốc gia đổi thành chính thể cộng hòa, những cuộc tranh chấp vẫn tiếp tục, và chiến tranh đã xảy ra. Những sự việc đáng tiếc như dùng bạo lực để chiếm đoạt tài sản của người khác, và thuế má gia tăng quá đáng đã xảy ra hàng ngày...

Bởi vậy trẫm đã ngày đêm cầu nguyện Hoàng Thiên, suy ngẫm và than

khóc thầm lặng cho sự đau khổ của trăm họ. Bây giờ trăm quyết định tạo lập một sự khởi đầu tốt đẹp cho trăm họ.”

Tại Bắc Kinh, lòng ngưỡng vọng và ủng hộ chế độ quân chủ thực là nồng nhiệt, đặc biệt đây là cơ hội làm giàu cho một số người. Các thợ may làm việc ngày đêm không đủ sản xuất các lá cờ thêu hình rồng để cung cấp cho nhu cầu của quần chúng, các tiệm quần áo cũ tràn ngập khách hàng tìm mua các áo quần áo cũ của người Mãn Châu; người ta đổ xô tới các rạp hát để tìm những mớ tóc giả làm bằng đuôi ngựa. Báo chí phải in thêm những số đặc biệt. Khắp nơi tràn ngập một màu vàng rực rỡ, màu tượng trưng của nhà Đại Thanh. Sự kiện vị tiểu hoàng đế bị cưỡng bức thoái vị này trở lại ngai vàng đã làm cả thế giới kinh ngạc, mặc dầu lúc đó người ta đang quan tâm đến các chiến cuộc tại Âu Châu. Nhưng tờ Thời Báo của Anh quốc viết: “Hãy còn quá sớm để xác nhận những sự kiện gần đây là một cuộc phục hưng nền quân chủ tại Trung Hoa, bởi vì chỉ có hình thức xuất hiện chứ chưa thấy tinh thần. Chúng ta chưa biết phản ứng của dân chúng miền Nam, nơi chế độ cộng hòa được ưa thích hơn là tại miền Bắc.” Tờ Thời Báo có lẽ phản ảnh quan điểm của bộ Ngoại Giao Anh, cho rằng các đạo dụ thoái vị của nhà Thanh chỉ nói triều đình không cai trị nữa, thì không đủ yếu tố làm thành một cuộc thoái vị. Sự sơ hở này là cơ hội tạo ra một cuộc phục hưng.

Nhưng bộ Ngoại Giao Anh đi đến một kết luận: “Điều Trung Hoa cần có là một hình thức chính phủ ổn định, không tham nhũng và tiến bộ, và triều đình Mãn Thanh không thể tạo ra được một chính phủ như thế.” Cùng lắm thì Phổ Nghi sẽ trở thành một vị hoàng đế bù nhìn trong tay những tay phiêu lưu quân phiệt.

Trong 48 giờ đầu tiên, Trung Hoa rơi vào một tình trạng vừa cuồng nộ

vừa hoang mang. Rồi đến ngày 3 tháng 7, tổng thống thừa kế Viên Thế Khải là Lê Nguyên Hồng đang bị quản thúc tại gia tại Bắc Kinh, đã tìm cách trốn ra khỏi nhà vào ban đêm, và xin tỵ nạn chính trị tại tòa đại sứ Nhật Bản, sau khi bị tòa đại sứ Pháp từ chối không cho vào. Từ nơi trú ẩn, Lê Nguyên Hồng cho biết, ngay khi quân đội của Trương Huân tiến vào Bắc Kinh thì Lê Nguyên Hồng đã chuyển ấn tín tổng thống đến một căn cứ quân sự cộng hòa tại Thiên Tân. Đối với người Trung Hoa thì ấn tín tượng trưng cho quyền hành. Lê Nguyên Hồng viết: “Tôi được dân chúng tin tưởng và giao phó trọng trách, vì thế tôi có bốn phận phải bảo vệ chế độ cộng hòa cho tới cùng. Tôi đã gửi ấn tín về Thiên Tân, và tôi bổ nhiệm tướng quân Đoàn Kỳ Thụy làm thủ tướng và ra lệnh cho Đoàn thủ tướng phải bảo vệ ấn tín.”

Đoàn Kỳ Thụy tuân lệnh Lê Nguyên Hồng, và lập tức điều động quân đội cộng hòa đang chia rẽ nhau, và ra một tuyên cáo xác định rằng, những sự tranh chấp nội bộ giữa người Trung Hoa chỉ mời gọi sự can thiệp của ngoại bang và có thể đưa Trung Hoa tới hiểm họa diệt vong. Đoàn Kỳ Thụy kêu gọi các nhóm cộng hòa đang chống đối nhau: “Đứng trước biến cố trọng đại này, sự phẫn nộ của chúng ta là một.” Thực vậy, phe cộng hòa nhận thức được rằng đứng trước viễn ảnh nhà Thanh phục hưng và quyền lực sẽ được tập trung vào tay một dòng họ, phe cộng hòa thấy cần phải đoàn kết vì họ bây giờ có cùng một mục tiêu.

Nội chiến đang hăm dọa Trung Hoa. Phe cộng hòa biết rằng nếu dùng biện pháp mạnh để hạ bệ Phổ Nghi thì dân chúng Mãn Châu bên ngoài Vạn Lý Trường Thành sẽ phẫn nộ, và hậu quả có thể đưa tới sự phân chia Trung Hoa làm hai quốc gia dọc theo Vạn Lý Trường Thành, và chắc chắn người Nhật sẽ nhảy vào ăn có, lấy cớ ủng hộ và bảo vệ Mãn Châu. Bản tuyên cáo của Đoàn Kỳ Thụy đã thành công giữ được thể diện cho Phổ Nghi và ngăn được sự phân hóa Mãn Châu. Bản tuyên cáo đã buộc tội những kẻ lợi dụng

danh nghĩa của Phổ Nghi để hoàn thành mục tiêu lật đổ nền cộng hòa. Bản tuyên cáo còn ca ngợi người Mãn Châu đã thành thực và khiêm tốn nhường lại quyền cho quốc dân một cách hòa bình, và chấm dứt hơn hai mươi triều đại trong lịch sử Trung Hoa. Bản tuyên cáo còn nói:

“Không triều đại nào có thể so sánh với nhà Đại Thanh về hòa bình và an ổn. Thiếu đế đã bị lôi lên ngai vàng trở lại trái với ý muốn của ngài. Lịch sử đã cho chúng ta biết không một triều đại nào có thể tồn tại mãi mãi. Thực là một ân điển vô tiền khoáng hậu khi nhà Thanh đã có thể chấm dứt bằng một sự đả ngộ đặc biệt. Đem đặt nhà Thanh lên đỉnh một bức tường để có thể bị đổ xuống một lần nữa thì thực là ngớ ngẩn.”

Như vậy vừa tha thứ cho Phổ Nghi vừa đe dọa triều đình Mãn Thanh rằng, nếu triều đình chịu hàng phục một cách hòa bình thì các điều khoản đặc biệt đối với người Mãn Châu vẫn còn được áp dụng. Nếu làm trái lại thì cả Phổ Nghi và người Mãn Châu sẽ bị nguy hiểm.

Quân đội cộng hòa thống nhất bắt đầu tiến vào Bắc Kinh. Mười ngày sau, sau một vài trận đụng độ, quân đội cộng hòa đã bao vây được kinh đô. Ngày 7 tháng 7, quân đội cộng hòa sử dụng một chiếc máy bay và làm chủ không phận Bắc Kinh và oanh tạc Cấm Thành. Phổ Nghi kể lại kinh nghiệm được chứng kiến cảnh máy bay oanh tạc Cấm Thành: “Ngày hôm ấy tôi đang ngồi trong lớp học nói chuyện với các sư phụ của tôi. Tôi kinh sợ đến run rẩy cả người và mặt các sư phụ của tôi tái xanh khi nghe thấy một tiếng bom nổ.”

Cấm Thành hoàn toàn rối loạn khi chiếc phi cơ nhào xuống Cấm Thành. Có thể viên phi công thiếu kinh nghiệm hoặc kỹ thuật oanh tạc lúc đó chỉ

mới phôi thai, nên ba trái bom liệng xuống không gây thiệt hại mấy. Một trái rơi xuống hồ sen; trái thứ hai rơi xuống mái cổng Tây Môn, tại đó một số đông thái giám đang ngồi đánh bạc, nhưng trái bom không nổ; trái thứ ba rơi xuống bên ngoài cổng và làm bị thương một phu khiêng kiệu. Sau ba trái bom này, trong Cẩm Thành nghe thấy tiếng súng nổ mỗi lúc một gần hơn. Đến đây thì công cuộc phục hưng nhà Thanh tan rã hoàn toàn.

Phổ Nghi viết: “Những trái bom trừng phạt quân của Trương Huân đã thay đổi cục diện hoàn toàn. Bây giờ không còn ai đến khấu đầu với tôi nữa, và cũng không còn các đạo dụ của triều đình nữa, và tất cả các nhiếp chính của tôi biến mất, trừ một vị sư phụ trung thành nhất của tôi là Trần Bảo Châu là còn đứng với tôi.”

Trương Huân bỏ trốn vào tòa Đại Sứ Hòa Lan. Khi quân đội cộng hòa chiến thắng tiến vào Bắc Kinh ngày 12 tháng 7, người ta có thể lượm được rất nhiều mớ tóc đuôi sam của quân lính trong đạo quân của Trương Huân; họ quá hoảng sợ nên vội vàng cắt tóc và liệng bỏ ngoài đường phố.

Trong hoàn cảnh ấy, triều đình vội vàng ban hành sắc lệnh thoái vị một lần nữa, một lần thứ hai trong quãng đời niên thiếu của Phổ Nghi. Đạo dụ thoái vị lần thứ hai này làm Phổ Nghi hoảng sợ và òa khóc. Có lẽ Phổ Nghi cảm thấy rằng sẽ chẳng bao giờ lấy lại được ngôi vua nữa, từ nay không còn cơ hội phục hồi lại cơ nghiệp nhà Đại Thanh nữa.

Bản đạo dụ thoái vị lần này cũng giống như bản thoái vị lần trước, cũng dùng đặc những chữ nghĩa của Khổng Tử.

“Vị trẫm còn trẻ và vì sống trong Cấm Thành nên đã nghe lời xàm tấu của Trương Huân cho rằng quốc gia đang rối loạn. Trẫm được yêu cầu đứng ra cứu giúp quốc gia và trẫm họ, nên trẫm đành phải quên mình vì quốc dân mà phải trở lại nắm quyền hành. Nhưng viễn ảnh một cuộc nội chiến đã thay đổi tất cả. Trẫm họ đã phải chịu cảnh khổ cực trong bao nhiêu năm, và hoàn cảnh của họ thực bi đát như tình cảnh của một người chết đuối. Như vậy làm sao trẫm có thể để trẫm họ cực khổ thêm vì nạn chiến tranh? Nghĩ đến những điều đó, trẫm thực tình áy náy và không thể yên nghĩ được. Bởi vậy trẫm quyết định sẽ không nắm quyền chính trị nữa.”

Tuy nhiên đạo dụ thoái vị này không được công bố. Trái lại chính phủ cộng hòa ra một bản tuyên cáo rằng việc phục hồi triều đình nhà Thanh là man trá, và Phổ Nghi chỉ là một đứa trẻ sống cô lập bên trong Cấm Thành nên không còn có một chọn lựa nào khác. Vì hai lý do sau đây, chính phủ cộng hòa đã phải ngăn chặn việc phục hồi nền quân chủ. Trước hết là chính phủ sợ việc phục hồi đế chế bị thất bại này có thể khuyến khích việc tách rời các tỉnh miền Bắc bên ngoài Vạn Lý Trường Thành ra khỏi Trung Hoa, và sẽ bị quân Nhật xâm chiếm. Thứ hai là vì tình trạng chính trị bất ổn. Sở dĩ cuộc phục hồi ngại vàng có cơ hội bùng lên là vì một số tướng lĩnh quân đội cộng hòa đi hai hàng để thủ lợi cho cá nhân mình. Mặc dầu sự lầm lỗi phục hồi đế chế là do Trương Huân, nhưng chính phủ cộng hòa vẫn khoan dung cho Trương Huân, vì Trương Huân có đủ tài liệu chứng minh nhiều viên chức cao cấp của phe cộng hòa cũng âm mưu việc phục hồi đế chế.

Phổ Nghi rất lấy làm hoan hỉ khi thấy rất nhiều tướng quân và các lãnh tụ cộng hòa là những người nồng nhiệt ủng hộ chế độ quân chủ, và họ chủ trương phải bảo vệ Phổ Nghi. Trong lúc đó họ tranh nhau chức vụ trong Hội Đồng Nhiếp Chính. Thực ra các kẻ thù chống lại Phổ Nghi không có ý chống lại chế độ quân chủ. Điều họ lo lắng nhất là ai sẽ là Thiên tử. Sau khi

vụ phục hồi đế chế bị chết yếu, người ta nghĩ rằng nếu sự phục hồi do Từ Thế Xương lãnh đạo, thì đã có cơ thành công hơn là do viên tướng vô mưu thiếu khả năng chính trị Trương Huân.

Một năm sau, Từ Thế Xương được cử làm tổng thống. Cấm Thành lại một lần nữa bùng lên những làn sóng hy vọng một cuộc trở lại, vì Từ Thế Xương vốn là Đại Sư Phụ của Phổ Nghi. Hành động đầu tiên của tổng thống Từ Thế Xương là ân xá cho tướng Trương Huân trong việc phục hồi nhà Thanh. Từ Thế Xương còn làm lễ tạ trời đất theo nghi lễ của Khổng Tử, và kêu gọi học lại các kinh sách cũ của Khổng Tử. Trong bất cứ trường hợp nào, Từ Thế Xương cũng vẫn gọi nhà Thanh là “triều đại hiện tại” và gọi Phổ Nghi là đương kim hoàng đế. Người ta e ngại một cuộc phục hồi đế chế lần thứ ba có thể xảy ra.

Một lần trong một buổi dạ tiệc trong Đại Nội, tổng thống Từ Thế Xương đã xác nhận rằng ông nhận chức tổng thống là để phục hồi lại chức vị hoàng đế, và sẽ đóng vai nhiếp chính cho vị tiểu hoàng đế. Người Mãn Châu rất khó xử trước vấn đề này, vì nhiếp chính vương không phải là người Mãn Châu. Đáng ngờ hơn nữa là Từ Thế Xương đề nghị Phổ Nghi kết hôn với con gái ông ta là một người Hán và phong chức hoàng hậu cho con gái ông ta. Người Mãn Châu không bao giờ chấp nhận một người con gái nòi Hán mà lại được ở trong cung với một thiên tử! Nếu việc ấy xảy ra thì các đấng tiên đế của Phổ Nghi sẽ phải cau mày uất hận dưới mồ. Kể từ đó trong Cấm Thành không còn hào hứng với Từ Thế Xương nữa.

Trong khi đó chức vị của Từ Thế Xương ngày càng bất lực, trong khi các sứ quân chia rẽ, mạnh ai nấy lộng hành. Trong bối cảnh đó hai nhân vật Trung Hoa nổi bật và nắm vai trò lãnh đạo Trung Hoa, đó là Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông. Có lẽ hai nhân vật này sinh ra để trở thành hai

kẻ tử thù với nhau, trong một cuộc tranh chấp quyền lãnh đạo Trung Hoa quyết liệt nhất kéo dài trên nửa thế kỷ.

Năm 1911, vào lúc hai mươi ba tuổi, Tưởng đã học quân sự tại một trường quân sự của Mãn Châu. Sau đó, Tưởng cắt mớ tóc đuôi sam và gia nhập cuộc cách mạng chống lại triều đình. Lúc đó các sứ quân mỗi người hùng cứ một tỉnh, và quyền hành mỗi lúc một bành trướng, vì hoàn cảnh vô chính phủ của Trung Hoa. Năm 1919, cuộc nội chiến đã phân chia Trung Hoa thành hai miền Nam Bắc. Tuy nhiên khi các sứ quân ngày một mạnh, người ta thấy xuất hiện một nét đặc thù chính trị tại Trung Hoa: Đó là sự xuất hiện của đảng phái chính trị. Quan niệm đảng phái chính trị xuất phát từ Tây phương, nhưng các đảng phái chính trị Trung Hoa lúc đầu không giống những chính đảng tại Âu Châu, trừ hai đảng Cộng sản và đảng Phát xít bắt nguồn từ Âu Châu. Mục tiêu quan trọng nhất của các chính đảng Trung Hoa lúc đó là làm sao nắm được chính quyền, và muốn quần chúng để ý tới tư tưởng chính trị của họ. Điều này phản ảnh trung thực đường lối chính trị cổ truyền Trung Hoa, trong đó nhiệm vụ của những kẻ nắm được quyền hành thường đặt ra một gương mẫu cho quần chúng noi theo.

Chính vì thế trong giai đoạn này, Trung Hoa bị phân chia ra làm nhiều khu vực “độc lập” và “bán độc lập,” trong khi các sứ quân luôn luôn tìm cách tấn công nhau và các đảng chính trị cũng kình chống nhau trong mục đích làm chủ quốc gia. Trong nhiều trường hợp, các đảng chính trị cũng bắt chước đường lối của các sứ quân. Chẳng hạn Quốc Dân Đảng của Tôn Văn và đảng Cộng sản đều tổ chức quân đội riêng. Vào lúc có các phong trào phục hồi đế chế thì Tưởng Giới Thạch là một sĩ quan cấp nhỏ đang có nhiều triển vọng. Lúc đó Mao Trạch Đông còn để tóc đuôi sam, và đang học theo đường lối cổ truyền. Cũng giống Tưởng, Mao Trạch Đông cũng cắt bỏ mái tóc đuôi sam và gia nhập phong trào phản Thanh. Mao là một người có bản chất láu cá, ma lạnh, bắt nạt các thanh niên ốm yếu, không

chịu cắt bỏ mớ tóc đuôi sam, nhưng khi một lần có cuộc xung đột giữa sinh viên và quân lính thì Mao bỏ chạy vào cầu tiêu, nấp trong đó cho đến lúc cuộc xung đột chấm dứt rồi mới dám lộ đầu ra.

Sau cuộc phục hưng ngai vàng cho Phổ Nghi năm 1917 thất bại, Mao Trạch Đông lần mò tới Bắc Kinh. Lúc đó Mao mới hai mươi sáu tuổi và lần đầu được trông thấy Cấm Thành. Mao ở lại chốn kinh đô và kiếm được một chức vụ nhỏ trong thư viện tại Bắc Kinh, và dần dần trở thành một phần tử Mác Xít. Mặc dầu Phổ Nghi không bao giờ gặp Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch, nhưng số phận của cả ba người dường như đã nối liền với nhau.

Trong lúc thế chiến thứ nhất tại Âu Châu đang chấm dứt với hội nghị Versailles thì người Mãn Châu vẫn tiếp tục âm mưu và hoạt động cho việc phục hồi nhà Thanh. Nhìn cảnh hỗn loạn vô chính phủ tại Trung Hoa lúc đó đang bị xâu xé bởi các sứ quân, người Mãn Châu tin rằng thiên mệnh vẫn còn thuộc về nhà Thanh. Người Mãn Châu nghĩ rằng cuộc phục hưng năm 1917 bị thất bại, là vì họ không tìm được sự ủng hộ và bảo vệ của một thế lực ngoại quốc. Sau năm 1917, các phe phái Thanh cực đoan tại Trung Hoa đòi hỏi chính quyền cộng hòa phải chấm dứt các điều kiện ưu đãi cho Phổ Nghi và người Mãn Châu, và đuổi Phổ Nghi ra khỏi Cấm Thành, vì họ nghĩ rằng chừng nào Phổ Nghi còn ở trong Cấm Thành, thì Phổ Nghi vẫn còn là một hăm dọa cho chính thể cộng hòa.

Thế chiến tại Âu Châu đã lật đổ nhiều đế quốc, nhiều ngai vàng tại Âu Châu, nhưng người Mãn Châu vẫn không hề sờn lòng và vẫn quyết tâm khôi phục lại sự nghiệp của tổ tiên. Họ cho rằng cái khó của họ là vì Phổ Nghi ở bên trong Cấm Thành, dưới sự canh chừng nghiêm mật của chính phủ cộng hòa, nên không thể có cơ hội liên lạc với người ngoại quốc. Vì

thế triều đình cần tìm một đường lối che giấu âm mưu này, và họ tìm thấy đường lối ấy trong việc học của Phổ Nghi. Phổ Nghi cần phải học ngoại ngữ và lúc đó người Anh là kẻ chiến thắng tại Âu Châu, và sức mạnh của Anh đang bành trướng và do đó Phổ Nghi cần phải học tiếng Anh.

Chức vụ giáo sư Anh ngữ của Phổ Nghi lúc đầu được giao phó cho một nhà ngoại giao Mỹ, nhưng cuối cùng nhà ngoại giao này phải từ chối vinh dự này, vì ông ta sắp được bổ nhiệm làm Lãnh sự tại Bắc Kinh. Việc lựa chọn một nhà ngoại giao làm giáo sư cho Phổ Nghi thay vì một giáo sư chuyên nghiệp, chứng tỏ âm mưu của triều đình nhà Thanh. Đây quả thực là một vấn đề chính trị chứ không phải là vấn đề giáo dục thuần túy.

Sau đó triều đình mời một nhân viên cao cấp của văn phòng thuộc địa Anh Quốc vào chức vụ này. Đó là ông Reginal Fleming Johnston, một người Anh nói lưu loát tiếng Trung Hoa. Johnston đã từng làm việc trên hai mươi năm tại Trung Hoa, và sẵn sàng chấp nhận chức vụ giáo sư cho Phổ Nghi, miễn là cấp trên tại Luân Đôn chấp thuận. Chính phủ Anh mau lẹ chấp thuận cho Johnston vào chức vụ sư phụ cho Phổ Nghi. Thực ra người Anh cũng rất muốn có một người Anh làm tai mắt, và tạo được ảnh hưởng bên trong Cấm Thành. Johnston cũng không phải chỉ muốn vào Cấm Thành để dạy một cậu bé học đọc, học viết tiếng Anh và làm toán mà thôi. Tuy thế ông cũng bình vực nhiệm vụ của ông bên trong Cấm Thành: “Thực là sai lầm khi cho rằng việc dạy học này là một âm mưu nhằm đưa vị tiểu hoàng đế trở lại ngai vàng.”

Nhưng Johnston cũng công nhận rằng lúc đó nhiều người Trung Hoa cũng muốn ngai vàng nhà Thanh được phục hồi, kể cả vị đương kim tổng thống của chính phủ cộng hòa. Nhiều người lúc đó muốn rằng Phổ Nghi phải được học về lịch sử và các định chế của các nước Tây Phương, để đề

phòng trường hợp chính phủ cộng hòa thất bại thì Phổ Nghi có thể nắm được vai trò lãnh đạo quốc gia trong một thể chế quân chủ lập hiến.

Đúng ra Johnston vào Cấm Thành với hai nhiệm vụ: Làm tai mắt cho chính phủ Anh Quốc và cũng là dụng cụ âm mưu phục hồi nhà Thanh của người Mãn Châu. Lúc đó Johnston đã bốn mươi tuổi và vẫn độc thân. Johnston sống một cuộc đời độc thân giữa một thế giới đầy rẫy những người đàn ông đa thê. Tại Trung Hoa lúc đó, người ta có thể mua đàn bà về làm vợ dễ dàng và rẻ như mua lúa gạo.

Lúc đó Phổ Nghi được mười một tuổi, và rất ngạc nhiên khi được biết sẽ có một vị sư phụ là người ngoại quốc. Mặc dầu vẫn còn rất trẻ, Phổ Nghi cũng nhận thức rằng mình và người Mãn Châu rất cần có một sự ủng hộ của người ngoại quốc, để có thể sinh tồn được trong biển người Trung Hoa đầy thù nghịch.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 8
Người Sư Phụ Mắt Xanh

Khi Johnston vào Cẩm Thành nhận nhiệm vụ giảng dạy Anh ngữ cho Phổ Nghi thì Phổ Nghi có một tâm trạng bâng khuâng lo sợ. Đây là lần đầu tiên Phổ Nghi gặp gỡ một người đàn ông Tây phương. Trước kia khi thái hậu, vợ của vua Quang Tự, mở yến tiệc khoản đãi các bà vợ các nhà ngoại giao tại Bắc Kinh, Phổ Nghi đã có dịp gặp gỡ đàn bà Tây phương và nhận xét: “Ta nghĩ y phục kỳ lạ của họ cũng như kiểu tóc và màu mắt của họ vừa xấu xa vừa đáng sợ.” Lần ấy Phổ Nghi chỉ trông thấy đàn bà Tây phương thôi. Không có một người đàn ông nào được dự tiệc của thái hậu.

Phổ Nghi vẫn xem các tạp chí Tây phương; đối với Phổ Nghi thì một người đàn ông Tây phương điển hình thường để râu mép, quần thẳng nếp và tay cầm can. Một số thái giám cho Phổ Nghi biết râu mép của người Tây phương cứng lắm, có thể treo đèn lồng vào đuôi râu của họ được. Một điểm đặc biệt của người Tây phương là ống chân của họ rất thẳng, khác hẳn người Trung Hoa, có lẽ tại thói quen đi đứng của người Tây phương luôn thẳng người, chứ không lom khom lúc nào cũng sẵn sàng quỳ lạy như người Trung Hoa. Người Trung Hoa cho rằng ống chân của người Tây phương là một khí giới quan trọng, vì thế khi loạn Quyền Phi nổi dậy tấn công người Tây phương, họ thường nhắm đánh vào ống chân người Tây phương trước, cho ngã quỵ xuống không thể đứng dậy được.

Ngày 4 tháng 3 năm 1919, Johnston vào Cẩm Thành và thầy trò gặp nhau lần đầu. Thuần Thân Vương, thân phụ của Phổ Nghi đón Johnston tại cổng, nắm tay Johnston và dẫn vào gặp Phổ Nghi. Hôm đó Johnston gặp Phổ Nghi hai lần. Lần đầu là lễ ra mắt vua tôi của một thần dân bá kiến thiên tử. Lúc đó Phổ Nghi ngồi trên ngai vàng. Johnston phải cúi đầu vái chào. Phổ Nghi đứng dậy bước xuống khỏi ngai vàng và bắt tay Johnston. Johnston cúi mình vái mọi lần nữa rồi rút lui. Vài phút sau Johnston trở lại, lần này là lần thầy trò gặp nhau, và Phổ Nghi phải cúi đầu chào Johnston

trước, một dấu hiệu bá nhận Johnston làm sử phụ.

Phổ Nghi rất khâm phục dáng dấp của Johnston. Mặc dầu Johnston không còn trẻ nhưng ông đi lại rất nhanh nhẹn và cử chỉ khéo léo. Ông đi đứng rất ngay thẳng đến nỗi lúc đầu Phổ Nghi tưởng bên trong quần áo của ông có một cái khung để giữ cho ông thật thẳng. Mặc dầu Johnston không có râu mép, không cầm cần và chân ông không được thẳng lắm, nhưng Phổ Nghi vẫn cho rằng ông rất cứng nhắc. Phổ Nghi cũng cảm thấy hơi khó chịu vì cặp mắt của ông màu xanh và mái tóc vàng đã ngả màu xám.

Ngay sau khi gặp Phổ Nghi lần đầu, Johnston viết một bản báo cáo cho sở tình báo Anh Quốc về những nhận xét của ông về vị tiểu hoàng đế. Đây là một bản báo cáo tràn đầy lạc quan và thiện cảm. Johnston và Phổ Nghi đã có một sự thân thiện ngay tức khắc. Dưới đây là những nhận xét đầu tiên của Johnston:

“Vị tiểu hoàng đế không biết một chút gì về Anh Ngữ hoặc bất cứ ngôn ngữ Âu Châu nào, nhưng lại có vẻ rất thích học hỏi và tinh thần khá minh mẫn. Hoàng đế được phép đọc báo bằng tiếng Trung Hoa, và có một sự chú ý rất sáng suốt về tin tức trong ngày, đặc biệt về chính trị trong nước và ngoài nước. Ngài có một kiến thức khá vững về địa lý tổng quát và rất thích du lịch và thám hiểm. Ngài cũng hiểu đôi chút về hiện trạng của Âu Châu và hậu quả của cuộc đại chiến, và không có những ảo tưởng về vị trí chính trị và sự quan trọng của Trung Hoa. Ngài có vẻ to lớn so với tuổi của ngài. Ngài là một thiếu niên rất đầy nhân tính với vẻ nhanh nhẹn, thông minh và một tinh thần hài hước sâu xa. Ngoài ra, ngài rất có tư cách và không hề kiêu căng. Đây là một điều rất đáng chú ý, nếu xét về lối sống rất giả tạo và tự phụ trong một bầu không khí tráng lệ chung quanh ngài. Ngài được triều thần cung kính đúng như một vị thiên tử. Ngài không bao giờ đi ra ngoài Cấm Thành, và chưa hề có cơ hội được chơi đùa với các trẻ con khác, ngoại trừ thỉnh thoảng người em của ngài và vài đứa trẻ thuộc hoàng gia được phép vào thăm ngài trong giây lát. Ngay việc đi học hàng ngày của ngài cũng được coi như là một buổi rước kiệu trang trọng. Ngài được khiêng trong một chiếu kiệu màu vàng của hoàng gia, và chung quanh rất đông người hầu hạ.”

Chỉ ít lâu sau Johnston và Phổ Nghi trở nên rất thân mật. Phổ Nghi dần dần nhận thấy Johnston thực sự hết lòng dạy dỗ mình, và Phổ Nghi cũng rất hài lòng trong việc học tập với Johnston. Johnston không những chỉ dạy Phổ Nghi Anh ngữ mà thôi, mà còn huấn luyện Phổ Nghi trở thành một người Anh lịch sự. Chẳng hạn Johnston giải thích cho Phổ Nghi biết rằng, nếu bao giờ Phổ Nghi đến viếng thăm Luân Đôn thì thế nào cũng được mời dùng trà, thường là vào ngày thứ Tư. Tại những buổi uống trà ấy, Phổ Nghi sẽ có cơ hội gặp gỡ các nhà học giả, các người cùng giai cấp với mình, các nhân vật nổi tiếng và tất cả mọi loại người Phổ Nghi cần gặp. Trong những buổi uống trà ấy, Phổ Nghi không cần phải mặc y phục quá trịnh trọng, nhưng tư cách và cách cư xử mới thật là quan trọng.

Từ lúc sinh ra, Phổ Nghi đã được tập cách ăn uống trong chén và dùng đũa như hàng triệu người Trung Hoa khác. Thế mà Johnston đã có lần rầy Phổ Nghi về cách ăn uống, và căn dặn Phổ Nghi không được uống trà như uống nước, và cũng không được ăn bánh như là một bữa ăn chính, và cũng không được khua to bát đũa.

Ngoài việc dạy uống trà theo nghi thức uống trà của người Anh theo lối Nhật Bản, Johnston đã ảnh hưởng rất nhiều đến tâm trí Phổ Nghi, và Johnston giảng dạy cho Phổ Nghi rất nhiều vấn đề khác nhau. Cái điều làm cho thầy trò thân mật chính là sự kiên nhẫn của Johnston, bởi vì rất khó thay đổi được thái độ của một người đã được nhồi sọ là Đức Vạn Tuế, là vị hoàng đế toàn năng có thiên mệnh như Phổ Nghi.

Johnston mua các tuần báo bằng Anh Ngữ cho Phổ Nghi, và Phổ Nghi rất chú ý tới các hình ảnh máy bay, xe tăng và pháo binh. Johnston đã giảng dạy cho Phổ Nghi công dụng của chiến xa trong chiến tranh. Phổ Nghi phải sống cấm cung trong Cấm Thành từ lúc ba tuổi, nên những điều giảng dạy của Johnston mở cho Phổ Nghi một chân trời mới, đầy hào hứng và lạ lùng.

Phổ Nghi cũng rất khâm phục cách quảng cáo hàng trên báo chí ngoại quốc nữa. Phổ Nghi đã ra lệnh cho thái giám đặt mua những món hàng đúng như hình ảnh đã đăng trên báo chí. Phổ Nghi cũng đặt mua những bộ bàn ghế của Tây phương, và biến phòng riêng của Phổ Nghi thành một nơi hỗn độn nửa Âu nửa Á. Phổ Nghi bắt trước Johnston, mua tất cả những gì

Johnston có, chẳng hạn như đồng hồ, cà rá, kim kẹp cà vạt, và khuy tay áo. Tất cả những gì Johnston có đều hấp dẫn với vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa này.

Phổ Nghi kể lại: “Tôi không nghĩ rằng ông Johnston biết được ông đã ảnh hưởng đến tôi sâu xa tới mức nào. Bộ quần áo bằng len của ông khiến tôi nghi ngờ giá trị của các thứ hàng lụa và sa tanh của Trung Hoa, và cây viết máy của ông đã thật sự làm tôi xấu hổ vì chiếc bút lông của người Trung Hoa.”

Dần dần các bài học Anh Ngữ và tập làm người lịch sự giảm dần. Thay vào đó là những đề tài khác. Johnston kể cho Phổ Nghi biết về đời sống của hoàng gia Anh, nền chính trị của nhiều quốc gia khác, sức mạnh của các cường quốc sau đệ nhất thế chiến, những địa danh và phong tục trên thế giới của đế quốc Anh, và cuộc nội chiến tại Trung Hoa. Ảnh hưởng của Johnston đối với Phổ Nghi mạnh đến nỗi một hôm Johnston chỉ buột miệng nói mớ tóc đuôi sam của người Trung Hoa trông giống đuôi heo, là lập tức vị hoàng đế trẻ tuổi cuối cùng của Trung Hoa cắt ngay đuôi sam của mình.

Kể từ khi Phổ Nghi thoái vị năm 1912, bộ trưởng nội vụ của chính phủ cộng hoà liên tục viết văn thư cho triều đình, yêu cầu triều đình khuyến dụ các đạo quân cũ của người Mãn Châu cắt đuôi sam của họ đi. Chính phủ cộng hoà cũng hy vọng triều đình cũng làm như vậy. Các văn thư rất là nhã nhặn lịch sự, và không bao giờ dám ám chỉ tới Phổ Nghi. Trái lại triều đình dùng đủ mọi lý do để trì hoãn lời yêu cầu của chính phủ cộng hoà. Chẳng hạn triều đình cho biết mớ tóc đuôi sam đó rất hữu ích để phân biệt được những ai có thể vào Cấm Thành và những ai không được vào Cấm Thành. Năm 1919 khi Johnston vào Cấm Thành thì Cấm Thành được coi là một thành phố của tóc đuôi sam. Thế mà chỉ một lời nói nhẹ nhàng của Johnston mà Phổ Nghi vội cắt bỏ đuôi tóc của mình. Khi Phổ Nghi ra lệnh cho các thái giám cắt bỏ đuôi tóc cho mình thì các thái giám chường hững giật mình thối lui. Phổ Nghi liền tự tay cắt bỏ đuôi tóc đi.

Trong vòng vài ngày, trên một ngàn đuôi sam biến mất khỏi Cấm Thành khi các thân vương, quan lại và thái giám bắt chước gương của Phổ Nghi. Các mẫu hậu rên rỉ than khóc và các vị sư phụ người Trung Hoa rất rầu rĩ.

Nhưng cuối cùng chỉ có một vị sứ phó Trần Bảo Châu vốn là người cố vấn thân cận nhất của Phổ Nghi, và một vài đại thần khác là còn giữ lại đuôi tóc như cũ.

Vì tiếng Trung Hoa không có mẫu tự và rất khó phiên dịch các tên riêng của người Tây phương, nên người Trung Hoa thường đặt tên Trung Hoa cho người ngoại quốc cho tiện. Chính vì thế, Johnston cũng được ban cho một tên mới là Trang Chân Tâm. Khi mối liên hệ giữa Johnston và Phổ Nghi sâu đậm hơn, Phổ Nghi đòi Johnston chọn cho mình một tên bằng tiếng Anh. Johnston đưa cho Phổ Nghi một danh sách những tên vua chúa của Anh Quốc và yêu cầu Phổ Nghi chọn. Phổ Nghi chọn tên Henry. Kể từ đó các báo chí Anh Quốc thường gọi vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa là Henry Phổ Nghi.

Trong lớp học, Johnston thường thấy Phổ Nghi phải cố gắng lắm mới đọc được giờ trên một chiếc đồng hồ lớn trong phòng. Johnston nghi ngờ Phổ Nghi bị cận thị nặng, và yêu cầu triều đình mời một bác sĩ nhãn khoa người ngoại quốc vào khám mắt cho Phổ Nghi. Nhưng Johnston vô cùng kinh ngạc khi thấy lời đề nghị hợp lý và cần thiết của mình gây ra một sự công phẫn. Cấm Thành dường như bùng nổ với lời đề nghị của Johnston.

Triều đình giận dữ trước ý kiến một vị thiên tử cao quý lại để cho một tên bạch quỷ khám mắt. Hơn nữa Đức Vạn Tuế còn rất trẻ thì tại sao phải mang kiếng như một ông già? Tuy nhiên Phổ Nghi nhất định đòi khám mắt, nên cuối cùng một bác sĩ nhãn khoa được mời vào và vị bác sĩ này mạnh mẽ khuyến cáo Phổ Nghi cần phải đeo kính. Kể từ đó lúc nào Phổ Nghi cũng đeo kính cho tới lúc chết.

Khi ảnh hưởng của Johnston mở rộng thêm thì các thái giám và các quan lại có thái độ thù ghét Johnston. Sự thù ghét lên đến cực điểm khi Johnston khuyên Phổ Nghi phải đặt ra một ngân sách để có thể kiểm soát được việc chi thu trong Cấm Thành. Trong Cấm Thành đã có một sự tham nhũng và gian lận trong việc chi tiêu lên tới mức đại quy mô. Vào những ngày đó sự chi tiêu trong Cấm Thành vẫn còn lớn lao, và sự tài trợ của chính phủ cộng hoà thường không đủ. Để đáp ứng nhu cầu trong Đại Nội, ban tài chánh phải đem bán các quý vật như đồ cổ, các bức họa, thiếp tự,

ngọc, đồ sứ, đồ vàng bạc và những nghệ phẩm hiếm có tương tự. Johnston và Phổ Nghi biết việc bán các quý vật không được minh bạch.

Chẳng hạn một hôm, một viên chức đến xin phép Phổ Nghi cho bán một tượng Phật bằng vàng khối cao gần hai thước. Viên chức đề nghị bán tượng Phật theo trọng lượng. Theo Johnston thì chỉ có kẻ khờ mới bán pho tượng vàng theo trọng lượng, mà phải bán theo trị giá nghệ thuật. Phổ Nghi nghe theo lời Johnston và không đồng ý. Vì thế giới quan chức trong triều cho rằng Johnston đã phá hoại công việc làm ăn của họ.

Đến năm 1923 Johnston được biết có nhiều tiệm mua bán đồ cổ mới được mở, dọc theo công trường Thiên An Môn, ngay bên ngoài Cấm Thành. Johnston cũng biết các thái giám tổ chức một hệ thống ăn cắp các bảo vật đem bán, và thay thế vào chỗ cũ bằng những đồ giả. Khi Phổ Nghi ra lệnh đem các thái giám bị tình nghi ra tra hỏi, thì một cung điện tàng trữ các bảo vật và kho tàng của vua Càn Long bị đốt cháy, thiêu hủy mọi chứng cứ. Vài ngày sau, một trận hoả hoạn khác xảy ra ngay nơi ở của Phổ Nghi. Lần này những kẻ gian còn có ý giết cả Phổ Nghi nữa.

Tháng 7 năm 1923, Phổ Nghi đi đến một quyết định, để giải quyết vấn đề tham nhũng và ăn cắp bên trong Cấm Thành. Phổ Nghi sai lính cấm vệ tập trung khoảng một ngàn thái giám và đuổi tất cả ra khỏi Cấm Thành trong vòng một giờ. Chỉ có khoảng một trăm thái giám còn được giữ lại.

Bằng hành động này, một cậu bé vẫn thường được coi là yếu đuối, thụ động chưa trưởng thành, bỗng có hành động phun ra lửa như các vị thiên tử trước. Phổ Nghi đã hành động một cách cương quyết. Hành động quyết liệt của Phổ Nghi tỏ ra khác hẳn với bề ngoài yếu đuối. Có thể chính cái bề ngoài khờ khạo của Phổ Nghi đã khiến các thái giám lộng hành bên trong Cấm Thành, không cần kiêng nể lệnh của vị tiểu hoàng đế. Phổ Nghi đã trở thành một con rồng phun ra lửa như các vị tiên đế trong truyền thống vua chúa. Báo chí tại Bắc Kinh vẫn chăm chú theo dõi sự trưởng thành của ông vua nhỏ tuổi này, từ khi Phổ Nghi cắt bỏ mớ tóc đuôi sam cho tới lúc đuổi thái giám ra khỏi Cấm Thành, đã nòng nhiệt hoan nghênh Phổ Nghi như là một trong số những lãnh tụ tiên tiến nhất của nhà Mãn Thanh. Một tờ báo còn tiến xa hơn nữa khi kết luận: “Nếu Phổ Nghi sinh ra sớm hơn ba chục

hoặc bốn chục năm thì đã không có chế độ cộng hòa.”

Cứ như thế năm tháng trôi qua, Johnston trở thành một phần quan trọng trong việc đào tạo tâm trí Phổ Nghi. Về phần Johnston, ông gọi Phổ Nghi là “Tiểu Long” (Con Rồng Nhỏ). Johnston không lập gia đình và không có con, vì thế Johnston coi Phổ Nghi như con của mình, và đã dạy dỗ Phổ Nghi mau chóng trở thành một thiếu niên trưởng thành. Về phần Phổ Nghi vốn là một đứa trẻ phải sống cô đơn giữa một bầy thái giám xa lạ, không được hưởng tình yêu gia đình, nên rất cần có một tình yêu phụ tử và sự hướng dẫn của một người có kinh nghiệm và thực tình yêu thương mình như Johnston. Vì thế tình cảm nảy nở giữa Phổ Nghi và Johnston là một điều tất yếu phải xảy ra.

Tuy nhiên sự giáo dục của Johnston cho Phổ Nghi đã trở thành một sự giáo dục hai chiều. Như Khổng Tử đã từng nói rằng Trung Hoa sẽ không bao giờ bị chinh phục, vì kẻ chinh phục được Trung Hoa rồi cũng sẽ trở thành người Trung Hoa. Trường hợp Johnston cũng vậy. Johnston đến để dạy Phổ Nghi, nhưng cuối cùng Johnston cũng say mê và học được văn hoá Trung Hoa. Johnston đã đam mê văn hoá và ngôn ngữ Trung Hoa, vì cái đẹp của chữ viết Trung Hoa và âm thanh rất thích hợp cho thơ văn. Chỉ ở trong Cấm Thành vài tháng, Johnston càng ngày càng trở nên giống những vị sư phụ khác của Phổ Nghi. Johnston đã học cách dùng những lời nói trang trọng đặc Trung Hoa để nói với Phổ Nghi. Johnston đã nhiễm phải lối sống của người Trung Hoa, và bị văn hoá Trung Hoa chinh phục một phần nào.

Trong suốt hai mươi tám năm sống tại Trung Hoa, Johnston chỉ trở về thăm Châu Âu hai lần. Ông đã thuộc lòng lịch sử Trung Hoa, rất quen thuộc các nơi danh lam thắng cảnh của Trung Hoa vì ông đã đi du lịch khắp nước, ông hiểu biết rất sâu xa về đạo Khổng, đạo Lão và đạo Phật; ông cũng là một tay sính thơ phú Trung Hoa; một người rất sành về trà và đọc rất nhiều cổ văn. Phổ Nghi rất ngạc nhiên và thán phục Johnston, và nói: “Tôi không biết ông ta đọc được bao nhiêu cổ thư, nhưng tôi nhớ là ông ta thường lúc lắc đầu khi ngâm thơ Đường giống như một thầy đồ người Trung Hoa, giọng của ông cũng lên bổng xuống trầm và có khi ngừng bật.”

Khi Phổ Nghi ban cho Johnston một chiếc nón của một quan chức cực phẩm để tỏ lòng biết ơn Johnston, thì Johnston đã mặc quần áo Mãn Châu trong buổi lễ trao tặng chiếc nón ấy. Khi triều đình thuê một biệt thự cho Johnston ở, thì ông đã trang hoàng căn biệt thự như là tư thất của một người thuộc triều đại Mãn Thanh: trước cửa có treo những hàng đại tự kể những đặc quyền do triều đình nhà Thanh ban thưởng. Mỗi khi được Phổ Nghi ban thưởng một ân sủng gì, Johnston thường viết thơ phú hoặc văn bài dâng lên cho Phổ Nghi, ca tụng lòng đại lượng của vị tiểu hoàng đế.

Tuy nhiên dù sao Johnston cũng là một sản phẩm của Tây phương, dù ông yêu thích Trung Hoa và văn hoá Trung Hoa đến thế nào. Chính ông đã được Anh Hoàng đệ ngũ ban tước “Sir,” nhưng ông vốn ưa thích một chế độ dân chủ. Ông rất thích đọc sách của Mạnh Tử, một triết gia chủ trương dân chủ (dân vi quý) của Trung Hoa. Johnston đã giảng dạy các lý thuyết chính trị của Mạnh Tử cho Phổ Nghi. Sách Anh ngữ của Phổ Nghi đầy những câu nói của Mạnh Tử, chẳng hạn như: Mạnh Tử viết: “Yếu tố quan trọng nhất của một quốc gia là người dân, thứ mới tới thần linh và cuối cùng mới tới vua.” Như vậy Johnston chuẩn bị cho Phổ Nghi trở lại ngai vàng, không phải với tư cách một ông vua có quyền tuyệt đối, mà chỉ là một ông vua trong thể chế quân chủ lập hiến như Anh Quốc.

Johnston càng yêu thích đời sống Trung Hoa bao nhiêu thì ông lại càng muốn canh cải đời sống ấy bấy nhiêu. Sự tương phản trong lòng Johnston được bộc lộ rõ ràng trong một báo cáo của ông gửi cho Bộ Ngoại Giao Anh Quốc. Ông đã thẳng thắn bày tỏ một sự báo động về những nguy hiểm luân lý mà ông vua trẻ sẽ phải đương đầu, như ảnh hưởng nặng nề của thái giám, viễn ảnh Phổ Nghi sẽ trở lại với chế độ tam cung lục viện, và sự cô lập tuyệt đối của Cấm Thành đối với thế giới thực sự bên ngoài. Johnston viết trong bản báo cáo:

“Mặc dầu Phổ Nghi chưa có vẻ bị làm hư hỏng bởi những sự điên rồ chung quanh, tôi sợ rằng không có hy vọng nhà vua sẽ không nhiễm phải những thứ đó trong những nguy cơ về luân lý trong vài năm sắp tới đây – cái giai đoạn cực kỳ quan trọng trong những năm niên thiếu – trừ phi nhà vua phải được lôi ra khỏi ảnh hưởng của bầy thái giám và các viên chức vô

dụng mà lúc nào cũng quây quần chung quanh nhà vua.”

Johnston cũng chủ trương phải tái lập lại triều đại nhà Thanh. Johnston đã giảng cho Phổ Nghi: “Người ta có thể nhìn thấy rõ ràng trên các báo chí rằng người Trung Hoa đang nghĩ tới một triều đại, và mọi người đều chán nản chế độ cộng hoà rồi. Tôi nghĩ rằng hoàng thượng không cần phải lo lắng về các chính trị gia cộng hoà hoặc các sứ quân. Sứ phụ Trần Bảo Châu rất có lý khi nói rằng, điều quan trọng nhất của hoàng thượng hiện nay là trau dồi tài đức của mình.”

Trong lúc Trung Hoa đang bị xâu xé bởi các xáo trộn, nội chiến, cướp bóc và nạn đói thì bên trong Cấm Thành, Johnston tìm thấy một mảnh đất Trung Hoa ít nhất đã có một bộ mặt ổn định và trang nghiêm, một căn cứ từ nguyên thủy trong đó các lễ nghi và lối sống của một quá khứ đang biến dần, nhưng vẫn còn là một phần của nếp sống hàng ngày.

Trong tình trạng Trung Hoa lúc đó thì giai cấp nông dân chịu thiệt thòi nhất. Vào năm 1921, cứ mười người nông dân thì có chín người mù chữ và ngu đần như heo như chó. Thật là một tình trạng đáng thương hại. Họ không có một ý niệm gì về tự do, quyền lợi chính trị và chính phủ. Tất cả những điều họ biết là lo đóng thuế cho các sứ quân, và lo có được miếng ăn mỗi ngày. Một báo cáo của phái bộ Hoa Kỳ về Bộ Ngoại Giao đã viết: “Dưới chính thể cộng hoà, tham nhũng còn tệ hại hơn dưới triều đại Mãn Thanh.” Trong khi đó người dân vẫn hỏi nhau: “Bây giờ hoàng đế Tuyên Thống (niên hiệu của Phổ Nghi) ra sao?” “Bây giờ ai cai trị trong hoàng gia?” “Liệu thiên hạ có thái bình không, khi một con rồng thật sự ngồi trên ngai vàng?” Ngay cả những người trước kia cực lực chống đối nhà Thanh nhất cũng bất mãn với chính thể cộng hoà. Mọi người đã bị thương tổn quá nhiều vì chế độ sứ quân.

Một tờ báo lớn ở Thiên Tân làm một cuộc điều tra về sự bất mãn của quần chúng đã viết: “Một kết luận duy nhất từ chế độ cộng hoà này là Trung Hoa đã được đem thí nghiệm, và thấy rằng chế độ này không đúng. Giới thương gia và giới sĩ phu vốn là nòng cốt của xã hội, đã mệt mỏi vì nền chính trị hiện nay, và chúng tôi tin chắc rằng họ sẽ nồng nhiệt ủng hộ bất cứ một chính phủ nào có thể tạo được hoà bình.”

Lúc đó Phổ Nghi đã mười lăm tuổi, người mảnh khảnh và lúc nào cũng đeo kính. Phổ Nghi cũng rất nhạy cảm với tình hình có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Phổ Nghi không tin rằng quân chúng muốn phục hồi nhà Thanh như là họ đã chán ngấy chế độ sứ quân. Trước cảnh ngộ ấy, Phổ Nghi cảm thấy ngột ngạt trong đời sống cầm tù giữa Cấm Thành, và thù ghét những bức tường cao vây quanh. Thuần Thân Vương, Trần Bảo Châu, Johnston, các mẫu hậu, thái giám và các quan được tự do đi ra vào Cấm Thành. Chỉ mình Phổ Nghi không được ra khỏi Cấm Thành như họ. Phổ Nghi thường trèo lên mái các lầu đài cao nhất để nhìn một cách thèm khát ra thế giới bên ngoài, và thù ghét Cấm Thành như một nhà tù. Hơn nữa những điều Johnston kể về thế giới bao la đã làm Phổ Nghi thèm thuồng một cuộc ra đi, tìm một chân trời rộng mở bên ngoài. Vì thế Phổ Nghi đã cùng người em là Phổ Kiệt tổ chức một cuộc trốn khỏi Cấm Thành, một cái nhà tù vàng son đã cầm giữ Phổ Nghi trên mười năm trời.

Phổ Kiệt được tự do đi ra vào Cấm Thành, nhưng lúc nào cũng nhớ rằng anh mình đã được Trời chọn làm chúa tể giòng giống người Mãn Châu. Bước đầu của kế hoạch bỏ trốn là phải lo có đủ tiền. Giống như những thái giám tham nhũng chung quanh, Phổ Nghi lén lấy các đồ quý giá như thiệp tự, hoạ phẩm, sách quý đưa cho Phổ Kiệt dấu trong quần áo đem ra ngoài. Khi có được đủ tiền rồi, hai anh em hối lộ các lính canh cổng để mặc hai người được đi ra khi có cơ hội.

Trong đêm bỏ trốn, khi hai anh em vừa ra khỏi cổng nơi Phổ Nghi ở, thì được biết rằng toàn thể khu vực Tử Cấm Thành đã bị bao vây. Tất cả các cổng bên trong cũng như bên ngoài bị đóng lại cẩn thận. Các lính cấm vệ tuần hành nghiêm mật toàn thể khu vực. Thực ra các lính gác được mua chuộc hối lộ, đã phản lại Phổ Nghi. Bây giờ Phổ Nghi nhận chân rằng dù thế giới bên ngoài coi mình là một thiên tử, nhưng thực tế mình chỉ là một tên tù của các lực lượng lịch sử. Thất bại trong cuộc bỏ trốn, Phổ Nghi càng trở nên tuyệt vọng và chán nản cảnh sống chung quanh. Thuần Thân Vương và các thái hậu giải thích sự chán nản của Phổ Nghi như là dấu hiệu của sự thay đổi sinh lý, thay đổi từ tuổi ngây thơ sang tuổi dậy thì. Lập tức

họ tìm một giải pháp chữa bệnh cho Phỗ Nghi: tìm vợ cho Hoàng Đế cuối cùng.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 9
LONG PHỤNG KỶ DUYÊN

Giải pháp tìm hoàng hậu cho Phổ Nghi được cả Thuần Thân Vương, thân phụ của Phổ Nghi, và các mẫu hậu đồng ý như là một giải pháp hữu hiệu nhất, để hoá giải sự chán nản của tuổi dậy thì, cũng như đáp ứng nhu cầu về tình dục của Phổ Nghi.

Tuy nhiên việc nhân duyên của Phổ Nghi đã bị nhiều biến cố bất ngờ làm trì hoãn vài năm. Các mẫu hậu là những người quan tâm đến vấn đề tìm hoàng hậu cho Phổ Nghi nhất. Đầu năm thứ mười của nền cộng hòa, tức là năm 1921, khi Phổ Nghi được 15 tuổi, thì các mẫu hậu đã cho mời Thuần Thân Vương và khoảng mười vị thân vương khác vào Cấm Thành để hỏi ý kiến, nhưng phải hai năm sau việc hôn nhân của Phổ Nghi mới thành tựu. Trước hết vì cái chết của mẫu hậu Chương Hà, và sau đó là vụ tự tử của chính thân mẫu của Phổ Nghi. Lý do thứ hai là các sư phụ của Phổ Nghi khuyên Phổ Nghi nên hoãn việc hôn nhân vì tình hình chính trị bất ổn. Lý do thứ ba quan trọng hơn là sự tranh chấp giữa các mẫu hậu về việc chọn vợ cho Phổ Nghi

Hai mẫu hậu có quyền thế nhất là Đoan Khang và Thanh Di thì muốn chọn hoàng hậu là người của phe mình. Thực ra hai mẫu hậu này quan tâm đến việc chọn vợ cho Phổ Nghi không phải vì thương yêu Phổ Nghi, hoặc yêu thích người hoàng hậu tương lai, mà vì lo cho địa vị tương lai của chính họ. Thanh Di là thứ phi của hoàng đế Đồng Trị, và bà không bao giờ quên rằng Tư Hi Thái Hậu đã viết di chúc, bắt Phổ Nghi làm thừa kế của vua Đồng Trị, nghĩa là Phổ Nghi phải được coi như là con của bà. Tư Hi cũng cho phép Phổ Nghi được coi là con của vua Quang Tự nữa. Như vậy Phổ Nghi phải là con của Thanh Di và Thanh Di phải có nhiều quyền hạn hơn các mẫu hậu khác.

Nhưng khi Viên Thế Khải nắm quyền nhiếp chính, đã can dự vào việc nội bộ trong Cấm Thành, khi chỉ định mẫu hậu Đoan Khang được quyền

cai quản bên trong Cấm Thành. Vì thế mẫu hậu Thanh Di cảm thấy không được kính trọng đúng mức, và chúc thư của Từ Hi không được áp dụng. Do đó Thanh Di và Đoan Khang thù nghịch nhau. Người mà Đoan Khang chọn cho Phổ Nghi thì Thanh Di chê, trong khi Đoan Khang không chấp nhận người Thanh Di vừa ý.

Hai người chú của Phổ Nghi cũng bất đồng ý về việc chọn lựa này. Cuối cùng mọi người quyết định phải để Phổ Nghi tự mình chọn lấy. Trong các triều vua trước, việc chọn hoàng hậu cho vua được thực hiện như sau: các con gái đẹp của các nhà quý tộc hoặc đại thần được đưa vào cung, và đứng xếp hàng trình diện nhà vua, và ông vua kén vợ sẽ tự mình chọn lấy một người. Nhà vua sẽ đưa một kỷ vật cho cô gái mà nhà vua ưng ý. Kỷ vật đó có thể là một cây nấm bằng ngọc, hoặc nhà vua đặt một cái túi nhỏ vào cây trâm của người con gái ưng ý.

Nhưng vào thời Phổ Nghi, người ta nghĩ rằng bắt các cô gái con nhà quyền quý phải đứng sắp hàng như thế thì thật là bất tiện. Người ta nghĩ ra một kiểu kén vợ mới là chỉ gửi hình của các tiểu thư đủ tư cách làm hoàng hậu cho Phổ Nghi. Bốn tấm hình của bốn cô gái được coi là đẹp nhất, được chuyển đến điện Dưỡng Tâm để Phổ Nghi chọn lựa. Nhưng đối với Phổ Nghi thì hình bốn cô gái này rất giống nhau. Hơn nữa hình quá mờ và quá nhỏ nên không thể biết rõ được vẻ đẹp của người trong ảnh. Phổ Nghi cũng không quan tâm đến việc lấy vợ, nên dùng bút chì khoanh đại một vòng tròn trên một tấm hình mà Phổ Nghi coi là khá nhất.

Người con gái đó thuộc một gia đình quý tộc Mãn Châu tên là Văn Tú. Văn Tú kém Phổ Nghi ba tuổi, nghĩa là lúc đó mới có mười hai tuổi. Nhưng Văn Tú là người do mẫu hậu Thanh Di chọn, nên mẫu hậu Đoan Khang rất bất mãn sự chọn lựa của Phổ Nghi. Bà sai triệu tập các thân vương và các đại thần lại để khuyến dụ Phổ Nghi chọn lại, và phải chọn người của Đoan Khang. Thanh Di phản kháng sự phi lý của Đoan Khang, nhưng bà thất bại. Đoan Khang lý luận rằng Văn Tú xuất thân từ một gia đình tầm thường và không đẹp lắm, trong khi người của bà chọn vừa giàu có, vừa có thể lực lớn và đẹp hơn Văn Tú nhiều. Người mà Đoan Khang chọn là Uyển Dung và bằng tuổi Phổ Nghi. Phổ Nghi phải nghe theo lời

của các thân vương và các đại thần, và khoanh một vòng tròn trên hình của Uyển Dung.

Mẫu hậu Đoan Khang rất đẹp lòng, nhưng sự lựa chọn lần thứ hai này đã khiến mẫu hậu Thanh Di rất phẫn nộ. Sau nhiều cuộc bàn cãi gay go sôi nổi giữa các mẫu hậu và thân vương, mẫu hậu thứ ba còn lại là Long Hội đã đưa ý kiến: “Vì hoàng đế đã khoanh vòng tròn chọn Văn Tú rồi thì Văn Tú sẽ không thể kết hôn với bất cứ một thần dân nào khác được. Bởi vậy hoàng đế nên chọn Văn Tú làm thứ phi.” Phổ Nghi không muốn và không cần lấy vợ vì bệnh đồng tính luyến ái, nay phải lấy đến hai vợ thì hơi nhiều và khá phiền lòng. Nhưng vì áp lực của các thân vương và các quan, Phổ Nghi đành phải chấp nhận kết duyên với cả Uyển Dung và Văn Tú, cho đúng với truyền thống “một hoàng đế phải có hoàng hậu và một thứ phi.”

Tuy thế cũng phải mất một năm nữa hôn lễ mới cử hành được, một phần vì cuộc nội chiến của các sứ quân tại Phụng Thiên đã khiến hôn lễ phải hoãn tới ngày 1 tháng 12 năm 1922. Lúc đó chính phủ cộng hòa đã có tân tổng thống. Lê Nguyên Hồng được bầu làm tổng thống thay thế Từ Thế Xương, và hoàng gia rất lo sợ tân tổng thống sẽ can dự vào việc hôn nhân của Phổ Nghi. Nhưng chính phủ cộng hòa tỏ ra rất ủng hộ việc hôn nhân nhiều hơn là hoàng gia trong Cấm Thành mong đợi. Một lá thư của bộ trưởng Tài chính cho biết chính phủ sẽ chuyển cho hoàng gia một số tiền một trăm ngàn quan, để giúp triều đình chi phí cho hôn lễ. Quân đội cộng hòa và cảnh sát tình nguyện đứng ra bảo vệ an ninh để cho hôn lễ thêm phần long trọng. Hơn nữa chính phủ cộng hòa còn cho phép khiêng kiệu Phượng Hoàng chở cô dâu được dùng cửa Đông Môn vào Cấm Thành. Từ lâu chính phủ cộng hòa đã không cho nhà Thanh được phép sử dụng cửa Đông Môn để đi vào Cấm Thành.

Hôn lễ được cử hành trong năm ngày. Ngày 29 tháng 11, các đồ dùng và quần áo của Uyển Dung và Văn Tú được chuyển trước vào cung. Thời gian khoảng từ 11 giờ trưa tới 1 giờ chiều là giờ dành riêng cho Uyển Dung, và từ 1 giờ đến 3 giờ là của Văn Tú. Ngày 1 tháng 12, từ 3 đến 5 giờ sáng là lễ đón dâu, và ngày hôm sau là lễ tạ ơn các vị tiên đế. Ngày 3 tháng 12, hoàng đế sẽ tiếp nhận lời chúc mừng của các thân vương Mãn Châu và

Mông Cổ, các quan lại và các cựu thần tại điện Quang Thiên. Sau đó là các nghi lễ tặng quà cho hoàng hậu, thăng chức cho các mẫu hậu và ban các tước hiệu danh dự cho các thân vương và đại thần, trong khi đó các đoàn hát trình diễn nhiều vở tuồng liên tiếp trong ba ngày. Có một chi tiết mà Johnston rất ngạc nhiên là thứ phi Văn Tú được rước vào cung trước hoàng hậu Uyển Dung một ngày. Thực ra đây là một nghi lễ cần thiết, vì thứ phi phải vào cung trước, để ngày hôm sau sẽ đứng đầu các đàn bà trong Cấm Thành đón tiếp hoàng hậu, khi hoàng hậu vào cung lần đầu.

Thái độ của chính quyền cộng hoà đối với hôn lễ của Phổ Nghi cũng đáng ngạc nhiên. Các nghi lễ đã làm sống lại sự huy hoàng của thời vua chúa, đặc biệt là các thân vương ăn mặc phẩm phục triều đình, các đám rước có quân nhạc dẫn đầu có quân đội và cảnh sát cưỡi ngựa hộ tống. Đoàn rước dâu do hai thân vương đại diện đi đầu, theo sau có 72 cờ huy hiệu hoàng gia, cờ long phụng và ba mươi cặp đèn lồng, tiến đến dinh thự của gia đình hoàng hậu. Tại trước dinh thự của gia đình hoàng hậu, một đại đội binh sĩ và cảnh sát đứng canh gác và bảo vệ cho gia đình cô dâu. Tất cả thân phụ và anh em của hoàng hậu đứng chờ sẵn ngoài cửa, và đồng loạt quỳ gối đón chào hai thân vương có nhiệm vụ tới đón dâu, đem theo chiếu chỉ của triều đình.

Những món lễ vật đắt giá của các viên chức cao cấp trong chính phủ được người ta chú ý nhất. Tổng thống Lê Nguyên Hồng gửi thiệp hồng và gọi Phổ Nghi là Tuyên Thống hoàng đế. Tặng vật của Lê Nguyên Hồng gồm có nhiều đồ quý hiếm và cầu chúc Phổ Nghi được hưởng Phúc Lộc Thọ. Cựu tổng thống Từ Thế Xương tặng hai chục ngàn quan và nhiều đồ quý giá, như hai mươi tám bộ đồ sứ, một tấm thảm tuyệt đẹp thêu hình long phụng. Nhiều sứ quân như Trương Tác Lâm và Ngô Bội Phu cũng gửi quà tặng. Tôn Văn lúc đó ở miền Nam đang mải lo lắng củng cố lại chính thể cộng hòa, trong một tình trạng chính trị hỗn loạn vô chính phủ, và rất lo lắng khi thấy quần chúng vẫn còn hoài niệm và trung thành với chế độ quân chủ. Cho tới lúc chết, Tôn Văn vẫn chưa thực hiện được hoài bão thành lập một nước Trung Hoa Dân Quốc thống nhất và đi theo Tam Dân Chủ Nghĩa của ông. Ngay vị đại diện chính phủ cộng hoà khi gặp Phổ Nghi để chúc

mừng hôn lễ, đã trịnh trọng chúc mừng Phổ Nghi như một vị nguyên thủ ngoại quốc, rồi ngay sau đó ông ta cúi đầu và nói: “Vừa rồi hạ thần đại diện cho chính phủ cộng hoà. Bây giờ kẻ thần dân này xin kính mừng Đức Kim Thượng.” Nói xong ông ta quỳ gối xuống ba lần và khấu đầu chín lần trước mặt Phổ Nghi. Hành động của một nhân vật quan trọng trong chính phủ cộng hoà quỳ lạy ông vua trẻ, đã làm Phổ Nghi và triều đình phẫn khởi. Những món tặng vật tuy quý giá, nhưng không đáng kể so với hành động của phe cộng hoà. Những hành động ấy cho thấy Phổ Nghi có thể hy vọng một viễn tượng sáng sủa.

Nhân dịp này các cự thần nhà Thanh cũng xuất hiện tại Bắc Kinh rất đông đảo, đem theo rất nhiều tiền bạc và quý vật tặng cho triều đình. Các nhân vật thuộc ngoại giao đoàn cũng được mời vào Cấm Thành tham dự lễ tiếp tân tại điện Quang Thiên. Trong dịp này Phổ Quang đọc một lời chào mừng ngắn bằng Anh Ngữ như sau:

“Hôm nay chúng ta đã có hân hạnh được gặp gỡ thật nhiều quý khách từ khắp nơi trên thế giới. Ta, Hoàng đế, cảm thấy vinh hạnh và ta cảm ơn tất cả quý vị đã tới đây và chúc quý vị sức khoẻ và may mắn.”

Trong giữa sự ồn ào náo nhiệt và huy hoàng của buổi hôn lễ, Phổ Nghi vẫn tự hỏi: “Bây giờ ta đã có một hoàng hậu và một thứ phi rồi và ta đã có gia đình, vậy thì sự khác biệt giữa bây giờ và trước kia là gì? Phải chăng ta đã đến tuổi trưởng thành. Nếu không có cuộc cách mạng Tân Hợi thì nay là lúc ta có thể bắt đầu cai trị mà không cần nhiếp chính nữa.”

Phổ Nghi không hề quan tâm đến vấn đề vợ chồng hoặc trách nhiệm tạo dựng một gia đình. Mọi quan tâm của một ông vua trẻ không quyền và có bệnh đồng tính luyến ái này là quyền hành của một hoàng đế, và việc khôi phục lại cơ đồ nhà Thanh. Nhưng khi kiệu Phụng Hoàng đưa Uyển Dung vào cung, thì Phổ Nghi cũng tò mò muốn lật tấm khăn che mặt của tân hoàng hậu lên, để xem mặt nàng như thế nào.

Đêm động phòng hoa chúc của Phổ Nghi và Uyển Dung tại điện Trần An không bình thường như các đêm động phòng bình thường khác. Căn phòng hẹp cỡ khoảng trên 10 thước vuông. Trong phòng không có nhiều đồ đạc, ngoài chiếc giường thực lớn chiếm một phần tư căn phòng. Tất cả đều

màu đỏ, từ màn cửa, đến nệm, gối, chăn và màn. Sau nghi lễ vén mạng che mặt hoàng hậu, uống rượu hợp cẩn và ăn bánh tượng trưng cho nhiều con cháu, Phổ Nghi và hoàng hậu cùng nhau bước vào căn phòng màu đỏ. Phổ Nghi chợt cảm thấy ngọt ngào vì màu đỏ, ngay cả hoa và mặt người cũng là màu đỏ. Người Trung Hoa vẫn cho màu đỏ là màu của vui mừng hạnh phúc, nhưng Phổ Nghi có cảm tưởng là màu đỏ chung quanh như một chất lỏng chảy ra từ những cây đèn sáp màu đỏ vậy.

Phổ Nghi lung túng, không biết nên đứng hay nên ngồi. Uyển Dung vẫn ngồi bên mép giường, mặt cúi xuống e lệ. Bỗng nhiên Phổ Nghi cảm thấy nhớ nơi ở quen thuộc hàng ngày là điện Dưỡng Tâm. Lập tức Phổ Nghi mở cửa và quay trở lại điện Dưỡng Tâm, để mặc cô dâu mới ngồi trong phòng tân hôn một mình. Có lẽ đây là lần đầu Phổ Nghi nhận thức rằng, thái giám đã sờ mó thân thể Phổ Nghi từ lúc ba tuổi, và bây giờ các thái giám đã chiến thắng, đã biến Phổ Nghi thành một người như họ về tình dục. Đây là một chiến thắng tượng trưng cho số phận buồn thảm của họ, những người đàn ông không bao giờ được hưởng hạnh phúc tuyệt diệu ở người đàn bà. Bệnh đồng tính luyến ái còn là bệnh “chia đào” hoặc “cắt tay áo.” Đó là một điển tích từ thời Xuân Thu: một vị quân vương đi dạo trong vườn ngự uyển cùng với một người thái giám yêu quý. Nhà vua hái một trái đào, cắn một miếng và đưa phần còn lại của trái đào cho người thái giám trẻ. Một lần khác nhà vua ngủ trưa, khi tỉnh giấc nhà vua thấy người thái giám yêu quý đang ngủ, đầu gối lên tay áo nhà vua. Nhà vua không dám kéo tay áo, sợ phá giấc ngủ của “người yêu,” nên dùng kiếm cắt đứt tay áo trước khi đứng lên.

Ngay khi trở về điện Dưỡng Tâm, Phổ Nghi lại suy nghĩ: “Bây giờ ta đã có hoàng hậu và thứ phi. Ta đã có gia đình và đến tuổi trưởng thành rồi. Bây giờ có sự gì khác biệt gì không?” Phổ Nghi không hề quan tâm đến hoàng hậu Uyển Dung bị bỏ mặc một mình trong điện Trần An sẽ nghĩ gì, và cô gái nhỏ Văn Tú mới 14 tuổi đang nghĩ gì. Phổ Nghi hoàn toàn không quan tâm đến hai người con gái trẻ mà định mạng đã gắn họ với cuộc đời mình. Điều quan tâm của Phổ Nghi là quyền hành của hoàng đế. Khi đến tuổi trưởng thành được quyền cai trị hàng trăm triệu người, nỗi sầu buồn

lớn nhất của ông vua trẻ này là không được hưởng quyền cai trị như các vị vua trước, chứ không nghĩ gì đến vấn đề trai gái trong đêm tân hôn.

Về phần Uyên Dung, nàng nhìn cuộc hôn nhân bằng một cái nhìn khác. Giống như những người con gái Mãn Châu quý tộc khác, nàng đã được sửa soạn từ tuổi thơ ấu để một ngày nào đó nàng có thể được tuyển vào cung. Đó là vinh dự cao quý nhất mà một hoàng đế Mãn Thanh có thể ban cho một người đàn bà Mãn Châu. Nàng vừa ngạc nhiên vừa sung sướng khi được tin nàng được chọn làm hoàng hậu. Nàng kể lại kinh nghiệm với một người bạn:

“Hôn lễ của tôi năm 1922 có lẽ là một hôn lễ hoàng hậu cuối cùng của người Mãn Châu. Tất cả đều được chuẩn bị hết sức tỉ mỉ theo đúng nghi lễ đã có từ nhiều thế kỷ, để làm hôn lễ của thiên tử là một cảnh huy hoàng nhất trần gian. Mùi hương của hoa tỏa khắp nơi. Tất cả các thân vương đều tới tham dự, cùng với vợ con của họ. Mọi người đều mặc áo choàng, đeo ngọc ngà châu báu đầy mình. Tôi là cô dâu trong hôn lễ đó, và tôi vui thích lắm. Hồi nhỏ tôi đã được các nữ mẫu kể cho nghe nhiều chuyện thần tiên. Hôn lễ của tôi cũng giống như một chuyện thần tiên đã thành sự thực. Tôi và hoàng đế sống một cuộc đời ẩn dật trong cung. Chúng tôi chiếm một phần của Cấm Thành. Có một cái hồ rất đẹp, về mùa hạ sen nở đầy, về mùa đông khi nước đóng băng lại, chúng tôi trượt tuyết trên đó, và về mùa thu và mùa xuân, chúng tôi chèo những con thuyền màu tím trên hồ vào những buổi tối ấm áp. Chúng tôi giết thì giờ bằng cách soạn những vở tuồng. Tuy phải sống cấm cung như thế, nhưng chúng tôi coi là sự thưởng vì hoàng đế Mãn Thanh thường sống một cuộc đời như vậy.”

Có lẽ Uyên Dung cũng biết truyền thống “chia đào” và “cắt tay áo” trong cung cấm. Cảnh hoàng hậu phải nằm một mình trong đêm động phòng hoa chúc đã báo trước một cuộc sống lửa đôi lạnh lẽo giữa Phổ Nghi và Hoàng hậu Uyên Dung, cũng như giữa Phổ Nghi và Thục Phi Văn Tú. Phổ Nghi, một con rồng đến tuổi trưởng thành, chỉ bản khoán tìm tự do bên ngoài, và khôi phục lại quyền làm hoàng đế của mình. Trong lúc các phe phái chính trị chống đối lẫn nhau, Phổ Nghi biết rằng phe nào cũng quan tâm đến lá

bài của mình. Bây giờ Phở Nghi biết rằng mình là một đe dọa cho nền cộng hòa còn non yếu.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 10
BỊ TRỰC XUẤT KHỎI CẨM THÀNH

Sau khi đã có hoàng hậu và thứ phi, mối quan tâm chính của Phổ Nghi vẫn là phục hồi ngai vàng nhà Thanh. Phổ Nghi cũng biết rằng muốn hoạt động chính trị thì cần phải có nhiều tiền, do đó Phổ Nghi tìm cách tổ chức lại đời sống và sự chi tiêu trong Cẩm Thành để có thể dành được tiền, và có thể tài trợ cho các hoạt động chính trị. Phổ Nghi cắt giảm nhân viên hành chánh từ 700 xuống còn 300 người. Thanh triều không bao giờ bổ nhiệm một người Hán vào một chức đứng đầu triều đình, nhưng nay Phổ Nghi phá luật lệ cũ, cử một người Hán là Trịnh Thiếu Tự làm cố vấn điều khiển tất cả công việc trong Cẩm Thành. Sự bổ nhiệm này là do ý kiến của Johnston. Theo Johnston thì không ai có thể sánh với Trịnh Thiếu Tự về nhân cách, tài năng và sự hiểu biết uyên thâm. Họ Trịnh vốn là một viên chức Mãn Thanh và phục vụ cho nhà Thanh tại Nhật Bản. Sau cuộc cách mạng Tân Hợi 1911, Trịnh Thiếu Tự từ chối làm việc cho chính phủ cộng hòa, và phải sống một cuộc đời túng thiếu bằng cách bán thiệp tự. Sau khi được Phổ Nghi bổ nhiệm vào chức vụ quan trọng này, Trịnh Thiếu Tự đã cải tổ lại các văn phòng trong Cẩm Thành, và giúp tiết kiệm được nhiều cho công quỹ. Ngay phòng ngự trù, nơi sửa soạn đồ ăn cho Phổ Nghi, cũng bị bãi bỏ. Con số đầu bếp tiết giảm từ hai trăm xuống còn ba mươi bảy người.

Nhiều cựu thần nhà Thanh tìm gặp Phổ Nghi và dâng kế hoạch phục hưng. Một tổ chức của người Mãn Châu hoạt động mạnh mẽ tại cả trong nước và ngoại quốc, đông tới một trăm ngàn hội viên, tự nhận là đảng Quân Chủ Lập Hiến Trung Hoa. Tổ chức này có năm tờ báo. Các tin tức hoạt động của nhóm này được chuyển tới Phổ Nghi qua Johnston.

Về phần Phổ Nghi cũng cố giữ tên tuổi mình được nhắc nhở thường xuyên, bằng cách tham gia các công cuộc từ thiện trợ giúp các gia đình bần

bách. Mỗi khi Phổ Nghi cho tiền bạc một gia đình nghèo nào thì các báo chí đều loan tin đầy đủ. Đôi khi một viên chức nhà Thanh thay mặt Phổ Nghi đem tặng vật đến cho người nghèo. Tài sản của Phổ Nghi thật là lớn lao, và chỉ cần một phần nhỏ, Phổ Nghi có thể làm được một chiến dịch quảng bá cho tên tuổi mình không bị quên chúng quên.

Một đầu tư lớn nhất của Phổ Nghi là sự trợ giúp nạn nhân động đất tại Nhật Bản. Ngày 3 tháng 9 năm 1923, một vụ động đất khủng khiếp xảy ra tại Đông Kinh, gây thiệt mạng cho trên 140 ngàn người. Trong nhiều tuần lễ, các tin tức về trận động đất xuất hiện liên tiếp trên trang nhất của báo chí thế giới. Sự đau khổ của dân Nhật làm cả thế giới xúc động, và Phổ Nghi không bỏ lỡ dịp phô bày lòng nhân từ của mình, bỏ ra một ngân khoản lớn giúp đỡ các nạn nhân Nhật Bản. Sư phụ Trần Bảo Châu đã ca ngợi lòng hảo tâm của Phổ Nghi như là “sự huy hoàng của lòng đại lượng của hoàng gia và lòng nhân đạo của thiên tử, mà hành động này còn có ảnh hưởng tốt cho tương lai.” Hiển nhiên người ta kỳ vọng người Nhật sẽ giúp đỡ khôi phục lại ngai vàng của nhà Thanh. Đúng ra lúc đó Phổ Nghi cũng không có sẵn tiền mặt. Nhà vua phải đem các đồ cổ, các họa phẩm và thiếp tự tặng Nhật Bản và bán được khoảng 300 ngàn đô la Mỹ. Chính phủ và Quốc Hội Nhật Bản rất xúc động và cử bộ trưởng Yoshizawa cầm đầu một phái đoàn sang cảm ơn Phổ Nghi.

Cuộc đời êm đềm của Phổ Nghi cứ thế lặng lẽ trôi qua cho đến ngày 5 tháng 11 năm 1924. Lúc đó các sự tranh chấp của các sứ quân miền Hoa Bắc đã lên đến mức tột đỉnh. Cuộc nội chiến giữa hai phái Trực Lệ và Phụng Thiên của Ngô Bội Phu và Trương Tác Lâm bùng nổ lần thứ hai. Thoạt đầu Ngô Bội Phu có vẻ thắng thế, nhưng khi Ngô Bội Phu mãi tấn công vùng biên giới Mãn Châu của Trương Tác Lâm, thì bộ hạ của Ngô Bội Phu là Phùng Ngọc Tường làm phản. Phùng Ngọc Tường chỉ huy lộ quân thứ ba của Ngô Bội Phu, đã bí mật liên kết với Trương Tác Lâm, quay binh cùng Trương Tác Lâm đánh Ngô Bội Phu, khiến Ngô Bội Phu không chống nổi, quân của Ngô Bội Phu tan vỡ và họ Ngô phải vượt biển trốn

xuống miền Nam. Hai năm sau Ngô Bội Phu quật khởi lại, và trở thành một sứ quân hùng mạnh tại miền Hoa Bắc.

Phùng Ngọc Tường là một trong những sứ quân nhiều màu sắc của thời kỳ sứ quân vô chính phủ này. Phùng Ngọc Tường theo đạo Thiên Chúa Giáo và thường được gọi là Thiên Chúa Giáo tướng quân. Họ Phùng bắt quân sĩ dưới quyền phải rửa tội vào đạo Thiên Chúa. Vì quân sĩ quá đông, họ Phùng phải dùng vòi nước để rửa tội cho quân sĩ, đôi khi họ Phùng bắt quân sĩ đứng sắp hàng bên bờ sông Hoàng Hà và chúi đầu xuống sông để rửa tội. Phùng Ngọc Tường đã từng đứng về phe Trục Lệ để giúp Ngô Bội Phu trong hai cuộc chiến tranh giữa Trục Lệ và Phụng Thiên, nhưng Phùng Ngọc Tường tuy công lớn mà chỉ được phong một chức hữu danh vô thực là Lục Quân Kiểm Duyệt Sứ vì thế họ Phùng rất bất mãn. Trong cuộc chiến lần thứ hai, Ngô Bội Phu sai Phùng Ngọc Tường xuất quân từ Tuy Viễn và Nhiệt Hà để tấn công Trương Tác Lâm, nhưng họ Phùng chờ cho quân của Ngô Bội Phu rời khỏi Bắc Kinh rồi, liền đem quân quay về chiếm Bắc Kinh. Phùng Ngọc Tường cùng các sứ quân Hồ Cảnh Dục và Tôn Nhạc đánh điện yêu cầu đình chiến giữa Trục Lệ và Phụng Thiên, rồi ba người thống lãnh ba đạo quân tự xưng là Quốc Dân Quân, chiếm cứ các vùng phụ cận Bắc Kinh, và phái binh giúp Trương Tác Lâm đánh bại Ngô Bội Phu. Phùng Ngọc Tường vào Bắc Kinh, giải tán Quốc Hội và quản thúc Tổng thống Lê Nguyên Hồng tại gia.

Đây là một cuộc đảo chánh rất nguy hiểm cho Phổ Nghi, vì Phùng Ngọc Tường là sứ quân chống đối nhà Thanh quyết liệt nhất. Quân của Phùng Ngọc Tường đã mau lẹ tước khí giới của vệ binh tại Cấm Thành và bao vây Cấm Thành. Từ bên trong, Phổ Nghi dùng kính viễn vọng có thể trông thấy quân của họ Phùng đông như kiến cỏ chung quanh Cấm Thành. Phổ Nghi nhớ lại chính họ Phùng từng đánh điện đòi đuổi nhà Thanh ra khỏi Cấm Thành. Phổ Nghi tìm cách sai Johnston đến khu vực ngoại giao đoàn để tìm chỗ lánh nạn cho Phổ Nghi tại đó.

Tất cả các thân vương đều lo lắng và đã giành chỗ trước trong khách sạn Wagonlits trong khu vực ngoại giao đoàn. Nhưng khi họ nghe thấy ý định rời bỏ Cấm Thành của Phổ Nghi thì họ lại cho rằng việc đó không cần thiết. Họ lấy lý do rằng tất cả các cường quốc lúc đó đều công nhận điều ước về sự cư xử với Phổ Nghi rồi, thì không một sự nguy hiểm nào có thể xảy ra cho Phổ Nghi.

Nhưng điều nhà Thanh sợ nhất đã xảy tới. Vào khoảng 9 giờ sáng ngày 5 tháng 11, lúc đó Phổ Nghi và hoàng hậu Uyển Dung đang ngồi ăn trái cây, thì một số viên chức do viên quan đứng đầu bộ nội là Thiệu Dương dẫn đầu. Thiệu Dương tay cầm một tài liệu và nói:

“Bẩm Chúa Thượng...bẩm Chúa Thượng,” hăn thở hển hển vì quá mệt, “Phùng Ngọc Tường sai lính và người đại diện đến bảo rằng, chính phủ cộng hoà sẽ bãi bỏ các điều kiện ưu đãi hoàng gia. Họ đưa văn kiện này và họ muốn hoàng thượng ký vào đây.”

Phổ Nghi vùng đứng dậy, đánh rơi cả trái táo đang ăn dở, và giật lấy tập tài liệu trong tay Thiệu Dương. Đó là một văn kiện sửa đổi lại các điều kiện ưu đãi triều đình nhà Thanh. Bản sửa đổi này bãi bỏ chức hoàng đế của Phổ Nghi, biến Phổ Nghi thành một công dân thường, giảm số tiền trợ cấp hàng năm từ bốn triệu xuống năm trăm ngàn, bắt buộc Phổ Nghi phải rời bỏ Cấm Thành, nhưng bên phía cộng hoà hứa sẽ bảo vệ lăng miếu nhà Thanh, và hứa cho Phổ Nghi được giữ tất cả tài sản riêng. Đối với Phổ Nghi thì bản văn sửa đổi này cũng không đến nỗi quá tệ như Phổ Nghi vẫn trông đợi. Tuy nhiên lời xác nhận thêm của Thiệu Dương làm Phổ Nghi giật mình: “Họ cho biết chúng ta phải rời khỏi Cấm Thành trong ba giờ.”

Phổ Nghi rất đổi hoang mang, đi đi lại lại trong phòng và hỏi: “Ta làm sao đem hết được tài sản đi? Còn các mẫu hậu thì sao?” Cuối cùng Phổ Nghi quay lại ra lệnh cho Thiệu Dương gọi điện thoại cho Johnston.

Thân phụ của Uyển Dung hoàng hậu vội cho biết: “Đường dây điện thoại bị cắt rồi.”

Phổ Nghi nói gay gắt, “Phái người đi tìm Nhiếp Chính Vương. Ta đã nói việc này thế nào cũng xảy ra nhưng các người không chịu cho ta ra đi. Hãy tìm Nhiếp Chính Vương.”

Thiếu Dương vội trả lời: “Nhưng chúng ta không thể đi ra được, quân lính bên kia đứng canh gác ngoài cổng, và không cho phép ai được đi ra.”

“Người hãy đi thương thuyết với bọn chúng cho ta.”

“Xin tuân ý thánh thượng.”

Về phần các mẫu hậu thì mẫu hậu Đoan Khang đã từ trần trước đó mấy ngày rồi, chỉ còn lại hai mẫu hậu là Thanh Di và Long Hội. Hai mẫu hậu này nhất định không chịu rời bỏ Cấm Thành. Dùng lý do này làm một cái cớ, Thiếu Dương ra thương thuyết với đại diện của Phùng Ngọc Tường, và thành công xin kéo dài giờ phải rời Cấm Thành tới ba giờ chiều hôm đó. Thực ra Phùng Ngọc Tường biết bên trong Cấm Thành còn nhiều của cải rất đáng giá, và nếu không cho bên trong nhiều thời giờ sửa soạn thì các tài sản quý giá đó sẽ phải để lại và đây là dịp may cho họ Phùng vợ vét làm giàu.

Khoảng trưa thì Thuần Thân Vương được phép vào Cấm Thành cùng với các vị sư phó như Trần Bảo Châu và Chu Dĩ Phan. Nhưng Johnston vẫn không được phép vào. Khi nghe tin Thuần Thân Vương vào, Phổ Nghi vội chạy ra hỏi: “Đại nhân, chúng ta phải đối phó thế nào?”

Khi nghe tiếng con hỏi, Thuần Thân Vương đứng khựng lại thực nghiêm chỉnh, đôi môi run rẩy và bật ra một câu nói không ăn nhập gì tới câu hỏi: “Tôi tuân theo đạo dụ. Tôi tuân theo đạo dụ...”

Phổ Nghi vừa lo lắng vừa tức giận, quay gót trở về phòng riêng. Về sau một thái giám kể cho Phổ Nghi biết khi Thuần Thân Vương được biết Phổ Nghi đã ký văn bản sửa đổi các điều kiện ưu đãi, thì ông lật nón xuống và nhổ chiếc lông công và ném xuống, miệng lẩm bẫm: “Thế là hết rồi, thế là hết rồi. Ta sẽ không cần cái này nữa.”

Kế đó Thiếu Dương vào phòng Phổ Nghi, mặt khẩn trương lo sợ hơn trước. Ông ta run lẩy bẩy và nói: “Đại diện của bên kia đang áp lực chúng ta. Hẳn nói chúng ta chỉ còn hai mươi phút nữa thôi; và nếu chúng ta không ra khỏi trong hai mươi phút nữa, thì họ sẽ pháo kích vào từ các ngọn đồi bên ngoài.”

Mặc dù đại diện của họ Phùng chỉ đem theo có hai mươi người lính vũ trang bằng súng lục, nhưng lời hăm dọa của ông ta cũng rất có hiệu quả.

Thân phụ của Uyển Dung hoàng hậu sợ đến nỗi ông chạy vào vườn ngự uyển, và tìm chỗ nấp thật kín để tránh pháo kích và không chịu rời chỗ ẩn nấp. Trông thấy sự kinh hoàng của các thân vương, Phổ Nghi quyết định chấp nhận yêu sách rời khỏi Cẩm Thành ngay tức khắc, và di chuyển đến dinh thự của Thuần Thân Vương. Trước khi rời Cẩm Thành, Phổ Nghi cũng vẫn có đủ thì giờ lấy một chiếc cặp lớn, vốc thật nhiều các viên ngọc to và quý nhất dồn đầy chiếc cặp. Phổ Nghi cũng không quên đem theo chiếc ngọc tỷ, một tài sản quý giá nhất của mình.

Quân đội của Phùng Ngọc Tường cung cấp năm chiếc xe hơi cho hoàng gia lánh nạn. Đại diện của Phùng Ngọc Tường ngồi trên chiếc xe thứ nhất. Phổ Nghi ngồi trong chiếc xe thứ hai, hoàng hậu Uyển Dung và Thục phi Văn Tú cùng với Thiếu Dương ngồi trong ba chiếc xe còn lại. Khi Phổ Nghi bước xuống xe tại cổng dinh thự của Thuần Thân Vương, thì viên đại diện của họ Phùng bước lại, bắt tay Phổ Nghi và nói: “Chào ông Phổ Nghi. Trong tương lai, ông định sẽ làm hoàng đế hay làm một thường dân?”

Lần đầu tiên trong đời, Phổ Nghi được gọi bằng “ông” thay vì “đức vạn tuế”, nhưng dường như Phổ Nghi không quan tâm đến sự thay đổi đột ngột này. Nhà vua thất thế bình tĩnh trả lời: “Từ nay trở đi tôi chỉ ước muốn làm một thường dân.”

Viên đại diện tươi cười: “Tốt lắm, như vậy chúng tôi sẽ bảo vệ ông.”

Phổ Nghi giải thích, “Từ ít lâu nay tôi cảm thấy rằng tôi không cần đến các điều kiện ưu đãi, và tôi hài lòng thấy các điều kiện này được huỷ bỏ. Trong khi làm hoàng đế tôi đã không có tự do, nhưng bây giờ tôi đã tìm thấy tự do.”

Sau lời giải thích của Phổ Nghi, các binh sĩ của Phùng Ngọc Tường đứng gần đó nghe thấy và vỗ tay khen ngợi. Phổ Nghi giật mình quay lại cúi chào các binh sĩ và họ cũng cúi đầu chào đáp lễ lại. Thực ra câu nói “bây giờ tôi đã tìm thấy tự do” của Phổ Nghi không đúng lắm, vì Phổ Nghi vẫn còn bị vây hãm bởi các ngăn cấm của các thân vương và đại thần bên mình, và quân lính của Phùng Ngọc Tường vẫn bao vây quanh nơi ở mới của Phổ Nghi. Phổ Nghi chỉ muốn có tự do khôi phục lại ngai vàng của nhà Thanh theo đường lối riêng của mình.

Sau đó Phổ Nghi vội vã vượt qua quân lính canh gác của Phùng Ngọc Tường, để vào dinh của Thuần Thân Vương. Nhưng ngay khi Phổ Nghi ngồi xuống phòng vấn của thân phụ, thì Phổ Nghi cảm thấy đây chính là chỗ miệng cọp, chứ không phải là tư dinh của một thân vương. Điều đầu tiên Phổ Nghi phải làm là tìm hiểu mình đang bị nguy hiểm tới mức nào.

Phổ Nghi rất thất vọng ông bố vô tích sự, lúc nào cũng hoảng hốt cuống quýt. Từ lúc Phổ Nghi bước vào dinh, Thuần Thân Vương không thể đứng im lặng được một giây lát. Ông cứ đi đi lại lại, lăm bắm một mình, rồi chột chạy ra rồi chạy vào như gà mắc đẻ. Phổ Nghi không chịu nổi cảnh nhìn ông bố lo âu như vậy, và phải lên tiếng: “Xin đại nhân ngồi xuống đây và mình bàn bạc với nhau. Chúng ta phải quyết định sẽ làm gì, và trước khi quyết định, chúng ta phải có thêm tin tức từ phía bên ngoài.”

“Quyết định phải làm gì ư? Phải lắm.” Ông ngồi xuống, nhưng chỉ hai phút sau lại đứng dậy, làm một vài cử chỉ vô nghĩa, rồi lại bắt đầu đi đi lại lại.

Phổ Nghi lập lại: “Chúng ta phải có thêm tin tức mới.”

“Phải có thêm tin tức? Đúng lắm, đúng lắm.” Rồi Thuần Thân Vương bước ra khỏi phòng, nhưng chỉ một lát thì quay lại lắp bắp nói: “Họ không cho chúng ta đi ra. Lính canh gác ở cổng chính.”

“Hãy dùng điện thoại.”

“Điện thoại, phải, phải, điện thoại.” Nhưng vừa đi được vài bước ông ta liền quay lại và hỏi: “Gọi điện thoại cho ai?”

Phổ Nghi chán ngán và sai các thái giám gọi các viên chức cao cấp trong triều, nhưng chỉ có một mình Thiếu Dương có mặt, còn thân phụ của hoàng hậu Uyển Dung đã vào nằm bệnh viện vì tâm thần hoảng hốt, và ông ta phải nằm trong bệnh viện đến hai tháng. Các viên chức cao cấp khác còn mãi chăm sóc hai mẫu hậu không chịu rời Cấm Thành; các người khác thì còn mãi lo đôn đốc cái thái giám và thị nữ. Thiếu Dương cũng hoàn toàn bất lực, không thể gọi được một cú điện thoại.

Cũng may cho Phổ Nghi là các thân vương khác và các vị sư phó cũng tề tựu đến châu, nếu không thì Phổ Nghi cũng không biết phải làm sao trước sự hỗn loạn trong dinh của Thuần Thân Vương. Cuối cùng Johnston

chuyển đến một tin mừng. Theo Johnston thì sứ thần Hoà Lan, với tư cách là niên trưởng ngoại giao đoàn, cùng với sứ thần Anh quốc và Nhật Bản, đã phản kháng với tân bộ trưởng ngoại giao về sự đối xử với Phổ Nghi. Tân bộ trưởng ngoại giao của chính phủ cộng hoà đã hứa bảo đảm sinh mạng và tài sản của Phổ Nghi. Tin này làm mọi người bình tĩnh trở lại, trừ Thuần Thân Vương.

Sau một vài ngày gay cấn, tình hình Bắc Kinh có vẻ dịu đi, và việc canh gác tại dinh của Thuần Thân Vương cũng bớt nghiêm ngặt. Giống như các cuộc đảo chánh chớp nhoáng thiếu tổ chức thường xảy ra thời đó không được sự hậu thuẫn của ai cả, cuộc đảo chánh của Phùng Ngọc Tường cũng sụp đổ mau lẹ. Ngoại giao đoàn từ chối đến dự một buổi dạ tiệc chào mừng tân chính phủ. Bị áp lực cả bên trong lẫn bên ngoài, Phùng Ngọc Tường phải tạm rút lui khỏi Bắc Kinh ngày 28 tháng 11 năm 1924 sau hai mươi ba ngày nắm quyền sinh sát tại thủ đô.

Sự ngăn chặn của quân đội chính phủ bên ngoài đã giảm bớt, nên mọi người ra vào được, tuy vậy cũng chỉ có các vị sứ phó Trần Bảo Châu và Chu Dĩ Phan và một số viên chức cao cấp trong triều được đi lại tự do; người ngoại quốc vẫn bị cấm tuyệt đối. Điều này gây lo lắng cho Phổ Nghi, vì nếu quân đội không kính trọng người ngoại quốc, thì tương lai của Phổ Nghi sẽ không được bảo đảm, vì Phổ Nghi bây giờ chỉ còn trong cậy vào thế lực ngoại quốc để đương đầu với biến người Trung Hoa đầy thù nghịch.

Cơ bản tổ thối bay Phổ Nghi ra khỏi Cấm Thành, đã bỏ rơi Phổ Nghi tại một ngã ba đường. Trước mặt Phổ Nghi lúc đó có ba lựa chọn. Con đường thứ nhất là tuân theo các đặc ân mới sửa đổi lại của Phùng Ngọc Tường: từ bỏ tước hiệu hoàng đế và những tham vọng cũ và trở thành một công dân thường giàu có. Con đường thứ hai là tìm sự trợ giúp của những người còn có cảm tình với nhà Thanh để huỷ bỏ sự sửa đổi những đặc ân, giữ lại tước hiệu hoàng đế và trở lại Cấm Thành sống cuộc đời như trước. Con đường thứ ba có thể khó khăn hơn: trước hết Phổ Nghi bỏ ra ngoại quốc để rồi trở lại Cấm Thành, như là Cấm Thành hồi năm 1911, nghĩa là dùng sức mạnh của ngoại quốc để khai phục lại ngai vàng.

Lúc đó Phổ Nghi bị vây quanh bởi các cố vấn có những ý tưởng khác

nhau và họ tranh luận kịch liệt để tìm ra lợi hại của những lựa chọn trên đây. Theo họ thì con đường thứ nhất không đáng theo, vì theo họ thì một vị Thiên tử bỏ ngôi rồng mà không chiến đấu thì là một sự sỉ nhục cho các bậc tiên đế. Do đó họ chỉ bàn về hai con đường còn lại.

Thực ra trong lúc đó còn có một con đường thứ tư cho Phổ Nghi mà các cố vấn của Phổ Nghi không nghĩ tới: chạy trốn về Mãn Châu và thiết lập lại nhà Thanh tại vùng đất tổ. Tình hình lúc đó rất thuận lợi cho con đường thứ tư này. Lúc cuộc cách mạng Tân Hợi bắt đầu, Mãn Châu công khai phản đối việc thành lập chính phủ cộng hòa. Nhưng khi Phổ Nghi thoái vị rồi thì người Mãn Châu đành phải chấp nhận nền cộng hòa như là một việc đã rồi, mặc dầu họ vẫn trung thành với nhà Thanh. Vào năm 1924 Mãn Châu nằm dưới quyền cai trị độc lập của sứ quân hùng mạnh Trương Tác Lâm. Họ Trương rất có thiện cảm với Phổ Nghi. Trương Tác Lâm khi thì ủng hộ chế độ cộng hòa, khi thì chống lại và tuyên bố Mãn Châu độc lập. Phổ Nghi có thể tìm cách tái chinh phục Trung Hoa như vị vua sáng lập nhà Thanh, từ một nước Mãn Châu độc lập.

Tuy nhiên nhiều biến chuyển mới có vẻ hăm dọa Phổ Nghi. Trung Hoa lúc đó có thể bùng nổ trong một tình trạng vô chính phủ, và Tôn Văn vội vã rời Nam Kinh lên Bắc Kinh trong một nỗ lực ngăn chặn quốc gia rơi vào một tình trạng hỗn loạn. Sau nhiều cuộc thương thuyết trong năm 1924 nhằm thống nhất đất nước, Tôn Văn gần như sắp đi tới được một sự thỏa hiệp với các sứ quân miền Bắc, kể cả Trương Tác Lâm. Nhưng Tôn Văn chết trước khi thực hiện được giấc mộng lớn thống nhất quốc gia. Nếu Tôn Văn đạt được thỏa hiệp thống nhất Trung Hoa thì Phổ Nghi không còn hy vọng gì khôi phục lại ngai vàng.

Một biến chuyển khác cũng làm Phổ Nghi hết sức lo ngại: đó là sự nghiêng về Nga Sô của Tôn Văn và Quốc Dân Đảng. Sau khi thất bại kêu gọi Tây Phương giúp đỡ công cuộc thống nhất Trung Hoa, Tôn Văn đành phải quay sang nhờ Nga Sô. Nga Sô bề ngoài có vẻ từ bỏ mọi quyền lợi tô giới tại Trung Hoa, nhưng thực ra Nga Sô vẫn nắm chặt miền đất Mông Cổ và một phần Mãn Châu. Nga còn ký hiệp ước riêng với Trương Tác Lâm. Quân đội cộng sản tiến vào Mông Cổ, lấy cớ đuổi theo tàn quân của Nga

Hoàng, và không bao giờ rút lui khỏi Mông Cổ. Nga Sô giúp thành lập một chính phủ lâm thời Mông Cổ, biến Mông Cổ thành một nước chư hầu, mặc dầu vẫn công nhận Mông Cổ thuộc Trung Hoa.

Ảnh hưởng của Nga Sô gia tăng tại Mãn Châu đã làm Phổ Nghi và nhà Thanh lo sợ. Phổ Nghi lo lắng quá và mắc bệnh hút thuốc lá liên miên. Thường Phổ Nghi chỉ hút độ vài ba hơi là liệng điếu thuốc đi ngay, hoặc đôi khi đi đi lại lại trong phòng, tay vò nát điếu thuốc lá trong tay. Hiển nhiên Phổ Nghi quá đổi lo lắng không biết phải làm gì. Ước vọng khôi phục nhà Thanh luôn luôn đè nặng tâm trí Phổ Nghi, nhưng đồng thời Phổ Nghi cũng muốn bỏ tất cả để trốn ra ngoại quốc. Trong khi đó Phổ Nghi lúc nào cũng lo ngại bị giết, và dần dần Phổ Nghi nghiêng về con đường tìm sự an toàn cho bản thân.

Nhiều phe phái muốn xoá bỏ mọi tàn tích của nhà Thanh, và nhiều phe phản Thanh muốn đem xử tử Phổ Nghi như một tên phản quốc, nhưng vì nhiều phe còn mãi tranh nhau nên âm mưu bắt giết Phổ Nghi không thành. Nhiều phe khác muốn trục xuất Phổ Nghi ra khỏi Trung Hoa, nhưng Phổ Nghi sợ rằng tính mạng khó an toàn trong lúc bị bắt giữ để đưa ra nước ngoài.

Trong khi đó tình hình tại Bắc Kinh mỗi lúc một đen tối hơn. Vị sứ phó Lỗ Chấn Du nhất định cho rằng Phùng Ngọc Tường đang dự định giết Phổ Nghi bất cứ lúc nào. Họ Lỗ đề nghị, “Hoàng thượng phải rời bỏ nơi đây ngay càng sớm càng tốt, và lánh vào khu vực ngoại quốc.”

Sau khi quân đội của Phùng Ngọc Tường rút lui khỏi công dinh thì Johnston vào được để thăm Phổ Nghi, và báo một tin mới nhất là Phùng Ngọc Tường đang dự định tung ra một chiêu mới chống lại Bắc Kinh. Sứ phụ Trần Bảo Châu liền đề nghị, trong lúc không có quân của Phùng Ngọc Tường canh gác ngoài cửa, Phổ Nghi nên trốn vào khu ngoại giao đoàn. Họ Trần còn đề nghị trên đường trốn vào khu ngoại giao đoàn, trước hết Phổ Nghi nên vào một bệnh viện của người Đức trong đó có một bác sĩ quen biết với Phổ Nghi. Khi đã vào đó rồi thì sẽ xúc tiến việc sắp xếp cho Phổ Nghi tỵ nạn tại một tòa đại sứ. Phổ Nghi cùng với Johnston và Trần Bảo Châu thảo luận kế hoạch này rất bí mật, vì không những họ sợ quân của

Phùng Ngọc Tường biết được kế hoạch này, mà còn sợ chính Thuần Thân Vương cực lực phản đối đưa con trai của ông trốn khỏi dinh của ông.

Ngày 29 tháng 1 năm 1924, ba người thi hành kế hoạch bí mật và bắt đầu chặng thứ nhất. Trước hết Phổ Nghi đi cùng với Trần Bảo Châu để thăm viếng hai mẫu hậu đang sống tại Chí Linh Bắc rồi sẽ trở về dinh của Thuần Thân Vương. Điều này cốt để những người trong dinh tin tưởng Phổ Nghi không có ý định bỏ trốn. Ngày hôm sau sẽ thi hành giai đoạn thứ hai: Phổ Nghi sẽ đi thăm một căn nhà tại đường Bảo Bình mà Phổ Nghi dự định mua để ở. Một khi đã ra khỏi nhà rồi, Phổ Nghi sẽ lên vào bệnh viện Đức. Giai đoạn thứ ba sẽ là trốn vào khu vực ngoại giao đoàn, rồi thì bước thứ tư sẽ là đem Uyển Dung và Văn Tú theo. Nhưng khi ba người bắt đầu thi hành giai đoạn thứ hai thì Thuần Thân Vương cử tên quản gia đi theo. Phổ Nghi ngồi trong chiếc xe hơi dẫn đầu với Johnston, còn Trần Bảo Châu và tên quản gia ngồi trong xe hơi thứ hai.

Johnston nhăn nhó khi bước vào xe hơi và chỉ về hướng tên quản gia và nói, “Thật là rầy rà quá.”

Phổ Nghi cũng tức giận trả lời, “Đừng quan tâm đến hấn.” Rồi Phổ Nghi bảo tài xế lái xe ra khỏi dinh và muốn không bao giờ phải trở lại đó nữa. Johnston thấy rằng không thể coi thường tên quản gia được và tìm cách bỏ rơi hấn. Johnston đề nghị nên ghé vào một tiệm bên đường để mua cái gì đó và gửi hấn trở lại.

Có một tiệm ngoại quốc trên đường đi, chuyên bán đồng hồ và máy ảnh ngay tại lối vào khu vực ngoại quốc. Khi tới tiệm, Phổ Nghi vào tiệm với Johnston và sau khi nhìn quanh, Phổ Nghi mua một chiếc đồng hồ bỏ túi của Pháp. Nhưng trong lúc đó tên quản gia vẫn kiên nhẫn chờ đợi ngoài cửa và không có ý định sẽ ra về. Thế là Johnston đành phải trở về với dự định ban đầu và nói với tên quản gia rằng Phổ Nghi cảm thấy khó chịu và phải vào thăm một bác sĩ trong bệnh viện Đức gần đó. Tên quản gia cảm thấy có điều khả nghi và đi theo ba người tới bệnh viện. Johnston giải thích với bác sĩ Dipper tại sao Phổ Nghi phải vào bệnh viện và bác sĩ Dipper đẩy Phổ Nghi vào một phòng trống để nghỉ. Johnston đưa cả gói đựng vàng ngọc, châu báu và ngọc tỷ của Phổ Nghi cho bác sĩ Dipper, và nhờ giữ hộ.

Tên quân gia thấy có điều bất thường liền bỏ đi ngay lập tức. Biết rằng tên quân gia thế nào cũng trở về nhà báo cáo cho Thuần Thân Vương, nên Johnston liền vội vàng chạy tới Tòa đại sứ Anh để thương thuyết xin cho Phổ Nghi được tỵ nạn tại đó. Nhưng Johnston đi hằng giờ mà chẳng có tin tức gì cả, và Phổ Nghi càng lúc càng thêm lo lắng. Trong lúc đó sư phụ Trần Bảo Châu trở lại đem theo Trịnh Thiếu Tự. Họ Trịnh đề nghị thay vì chờ đợi Johnston, Phổ Nghi nên tới Tòa đại sứ Nhật Bản. Phổ Nghi liền sai Trịnh Thiếu Tự đến tòa đại sứ Nhật Bản xin tỵ nạn cho Phổ Nghi. Một lát sau họ Trịnh trở về và cả ba người rời bệnh viện bằng cửa sau và đi bộ khoảng một dặm để tới tòa đại sứ Nhật Bản.

Vào những ngày tình hình chính trị tại Bắc Kinh bất ổn, các tòa đại sứ ngoại quốc thường là nơi lánh nạn của các chính trị gia Trung Hoa. Trong cuộc phục hưng ngai vàng ngăn ngui cho Phổ Nghi, tổng thống Lê Nguyên Hồng cũng phải trốn lánh vào đây, rồi đến tướng Trương Huân, và bây giờ đến lượt Phổ Nghi. Mỗi khi một tòa đại sứ có một “khách” mới thì các khách sạn và bệnh viện trong khu ngoại giao đoàn cũng nhận được một số “khách” mới và trở nên bận rộn. Những người khách của các khách sạn và bệnh viện rất lo lắng cho vận mạng của họ, nhưng không đủ tư cách xin tỵ nạn chính trị. Đôi khi các khách sạn và bệnh viện đông người đến nỗi những người này sẵn sàng trả tiền cho một chỗ dưới gầm cầu thang cũng được.

Phổ Nghi được tòa đại sứ Nhật nhận ngay, và được hưởng một sự chăm sóc rất chu đáo. Khi Phổ Nghi nhận tin đưa hai bà vợ tới với mình, thì cảnh sát của Phùng Ngọc Tường không chịu cho họ đi. Đại sứ Nhật phái một tùy viên tới để thu xếp vấn đề cũng không được. Sau đó chính viên đại sứ thân chinh tới gặp Tổng lý của tân chính phủ là Đoàn Kỳ Thụy, thì lập tức hai bà vợ của Phổ Nghi được phép vào tòa đại sứ Nhật với chồng cùng với các thị nữ và thái giám.

Khi viên đại sứ Nhật thấy đoàn tùy tùng đông đảo của Phổ Nghi không thể cu nộ trong ba căn phòng được, thì ông ta dọn trống tất cả khu vực để cho đám người của Phổ Nghi ở. Nhờ đó có đủ chỗ cho mọi người, từ các hoàng hậu, sư phụ, viên chức, thị nữ, thái giám và đầu bếp. Như thế là triều

đình nhà Thanh lại làm việc như thường lệ trong toà đại sứ Nhật.

Rồi Thuần Thân Vương dẫn theo nhiều thân vương tới khuyến dụ Phổ Nghi trở lại dinh của ông. Các thân vương cho biết tình hình bây giờ đã yên rồi, nhưng Phổ Nghi từ chối rời khỏi Toà đại sứ Nhật. Khi thấy sự đón tiếp niềm nở của người Nhật, nhiều cựu thần nhà Thanh lập tức ra tay hành động. Họ gửi điện tín cho Đoàn Kỳ Thụy phải lập lại những khoản ưu đãi nhà Thanh trước kia; họ gửi tiền cho Phổ Nghi và nhiều người còn tới tận nơi thăm Phổ Nghi để hiến mưu kế và tỏ lòng tôn kính. Càng ngày càng có thêm những cựu thần tới Toà đại sứ Nhật hàng ngày để tỏ lòng trung thành với Phổ Nghi, để dâng tiền bạc và giải thích các “đại kế hoạch phục hưng nhà Thanh.” Vào ngày Tết Nguyên Đán, phòng khách của Phổ Nghi đầy nghẹt những người mang tóc đuôi sam. Phổ Nghi vẫn ngồi quay về hướng Nam trong một chiếc ghế bành Tây Phương, thay thế cho ngai vàng, để nhận lời cầu chúc của các triều thần.

Các cựu thần nhà Thanh rất biết ơn đại sứ Nhật. Họ trông thấy ở người Nhật một hy vọng phục hồi ngai vàng. Hai tuần sau Tết Nguyên Đán là sinh nhật thứ hai mươi của Phổ Nghi (mười chín tuổi theo cách tính của Tây Phương). Phổ Nghi đang ở trong một căn nhà lạ nên không tiện tổ chức một lễ sinh nhật lớn, nhưng đại sứ Nhật nhất định nhường hẳn cả đại sảnh của Toà đại sứ cho Phổ Nghi làm nơi tiếp khách. Đại sảnh được trang trí đặc biệt bằng thảm rất đắt tiền, và chiếc ghế bành lớn lót nệm màu vàng làm thành một chiếc ngai vàng, đặt sau một tấm bình phong phủ giấy vàng của hoàng gia. Tất cả các đầy tớ đều đội nón của nhà Thanh có tua màu đỏ. Trên một trăm cựu thần đến từ Thiên Tân, Thượng Hải, Quảng Đông và Phúc Kiến, để tham dự sinh nhật cùng với tất cả ngoại giao đoàn, thân vương, các viên chức cao cấp trong triều và các cựu thần ở ngay tại Bắc Kinh. Tổng cộng có tới trên năm trăm quan khách.

Phổ Nghi mặc một áo choàng lụa màu xanh và một áo chên bằng xa tanh đen, và các thân vương và các quan lại trong triều đều mặc tương tự. Cuộc lễ cũng giống như hồi còn đang ở trong Cấm Thành, vẫn có những màu vàng hoàng gia, tóc đuôi sam và chín lần khấu đầu. Nhưng ngày hôm sau báo chí phản ảnh bất lợi cho Phổ Nghi bằng những bài châm biếm chế riễu,

những bài buộc tội Phổ Nghi thân Nhật, những sự rớm máu của một triều đại không còn nữa. Các báo chí còn tố cáo Phổ Nghi đã bán nhiều đồ cổ trong Cấm Thành nữa.

Trong thời gian sống trong toà đại sứ Nhật, Phổ Nghi đã vài lần cưỡi xe đạp ra ngoài về ban đêm vì lòng tò mò. Mỗi lần, Phổ Nghi đem theo vài người hầu, và có lần về tới tận bờ hào bao quanh Cấm Thành. Đứng bên bờ hào, Phổ Nghi nhớ lại cuộc đời cũ trong điện Dưỡng Tâm và điện Quang Thiên. Ý muốn trả thù dâng lên trong tâm ông vua trẻ; đôi mắt nhoà lệ, Phổ Nghi tự hứa sẽ trở về như một vị quân vương chiến thắng như vị vua sáng lập nhà Thanh. Phổ Nghi quyết định sửa soạn cho tương lai và ước muốn sang Nhật để học.

Ít lâu sau, Lỗ Chấn Du báo cho Phổ Nghi biết rằng, ông đã sắp xếp với một nhân viên trong sứ quán Nhật, để Phổ Nghi sẽ rời đi Thiên Tân vì ở mãi trong toà đại sứ Nhật cũng bất tiện. Họ Lỗ giải thích rằng, tốt nhất Phổ Nghi nên tìm một căn nhà trong tô giới của người Nhật tại Thiên Tân, vì căn nhà mà Phổ Nghi đã mua trong tô giới Anh không thuận tiện. Phổ Nghi rất đồng ý, một phần vì tính tò mò muốn biết đời sống trong một thành phố lớn như Thiên Tân như thế nào. Vài ngày sau Lỗ Chấn Du cho biết đã tìm được Trương Gia Viên, một dinh thự rất sang trọng, xây cất trên ba mẫu đất và có tường cao vây quanh, và đã sẵn sàng dùng làm nơi ở cho Phổ Nghi tại Thiên Tân.

Vấn đề di chuyển đến Thiên Tân cũng không dễ dàng gì, vì quân của Phùng Ngọc Tường vẫn còn làm chủ tình hình quanh Bắc Kinh. Nhưng lúc đó Phùng Ngọc Tường đang thay đổi các trại quân dọc đường xe lửa, và Phổ Nghi lợi dụng cơ hội hiếm có này để trốn khỏi Bắc Kinh. Đại sứ Nhật Yoshizawa triệu viên cảnh sát trưởng Nhật tại Thiên Tân về Bắc Kinh, và giao công tác đưa Phổ Nghi tới Thiên Tân. Viên cảnh sát trưởng tới nơi mang theo một số cảnh sát mặc thường phục để hộ vệ Phổ Nghi. Uyển Dung và Văn Tú sẽ đi sau, vì người ta sợ nếu đi cùng với Phổ Nghi thì sẽ dễ bị bại lộ.

Đúng 7 giờ tối ngày 23 tháng 2 năm 1925, Phổ Nghi từ giã ông bà đại sứ

Nhật sau khi đứng chụp hình chung. Mọi người chúc Phổ Nghi thượng lộ bình an. Phổ Nghi ra đi bằng cửa sau của toà đại sứ cùng với một viên chức Nhật, và vài cảnh sát Nhật mặc thường phục làm hộ vệ và tiến về phía nhà ga Chính Môn. Tại nhà ga, Phổ Nghi gặp vị sư phó Lão Chấn Du và con trai của ông ta. Tại mỗi nhà ga từ Bắc Kinh tới Thiên Tân lại có thêm vài cảnh sát Nhật và mật vụ Kempeitai rất đáng sợ của Nhật mặc y phục màu đen bước lên xe lửa. Khi xe lửa tới Thiên Tân, thì trên xe lửa đầy cảnh sát và mật vụ Nhật.

Khi Phổ Nghi bước xuống nhà ga Thiên Tân thì Shigeru Yoshida, tổng lãnh sự Nhật tại Thiên Tân ra chào đón. Ba ngày sau, báo chí đăng tin của toà đại sứ Nhật tại Bắc Kinh công bố cuộc ra đi ban đêm của hoàng đế cuối cùng nhà Thanh, là nguyên do tình hình bất ổn tại Bắc Kinh, và chính phủ cộng hoà đã được thông báo ngay sáng ngày hôm sau. Người ta phải lấy làm ngạc nhiên tại sao Phổ Nghi chịu ảnh hưởng rất sâu xa của sự phụ Johnston mà sao không tìm nơi tỵ nạn trong toà đại sứ Anh. Thực ra Johnston tìm đến đại sứ Anh Sir Ronald MacLeavy trước, nhưng đại sứ Anh từ chối lời yêu cầu của Johnston, với lý do toà đại sứ quá nhỏ, không thể chứa hết được đoàn tùy tùng đông đảo của Phổ Nghi. Chính đại sứ Anh đề nghị Phổ Nghi nên tìm đến toà đại sứ Nhật, chỉ cách toà đại sứ Anh vài chục thước. Tại sao người Anh đẩy Phổ Nghi vào vòng tay người Nhật? Thực ra người Anh đang chơi sách lược cổ điển của họ để giữ quân bình các lực lượng tại Viễn Đông. Anh quốc coi hai nước Nga và Nhật là kẻ thù, nếu hai nước này xung đột với nhau thì Anh quốc sẽ hưởng lợi, ít nhất là hai kẻ thù cùng suy yếu đi. Cả hai nước Nga và Nhật đều nhòm ngó vùng Mãn Châu giàu tài nguyên chiến tranh. Anh quốc muốn dùng Phổ Nghi như một ngòi thuốc nổ khai chiến giữa Nga Sô và Nhật Bản tại vùng Đông Bắc Á châu. Bộ ngoại giao Anh hy vọng rằng người Nhật đang có quyền lợi tại Mãn Châu sẽ đặt Phổ Nghi lên ngai vàng dưới một trục liên kết mới, và sẽ đẩy Nga và Nhật quần thảo nhau dọc theo biên giới Mãn Châu. Điều này sẽ bắt các người Bôn Sê Vích Nga phải mở một mặt trận thứ hai nữa tại phía Đông, và phải giảm sự hoạt động ở Châu Âu. Tây phương biết rằng về phía

Á Châu chỉ có Nhật mới có khả năng đương đầu với Nga Sô, Phổ Nghi là con bài lý tưởng của Tây Phương đẩy cho Nhật Bản, để có được cảnh “traị cò mỗ nhau ngư ông đắc lợi.” Trước khi Phổ Nghi tới toà đại sứ Nhật ty nạn, đã có những tin đồn Phùng Ngọc Tường đang dự định hành quyết Phổ Nghi như là một tên phản quốc. Có thể những tin đồn đó là âm mưu của cả Nhật và Anh quốc, muốn hăm dọa Phổ Nghi để Phổ Nghi phải chạy vào vòng tay đang mở rộng của Nhật. Hai mươi năm sau, Phổ Nghi nhận thức rằng cuộc chạy trốn vào toà đại sứ Nhật quả thực là một chuyến đi vào miệng cọp, chứ không phải là đi tìm tự do như Phổ Nghi vẫn tưởng.

Nguyễn Vạn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Chương 11

NHỮNG NĂM SỐNG TẠI THIÊN TÂN

Chuyến đi Thiên Tân là một cuộc hành trình đầu tiên và dài nhất trong đời của ông vua trẻ 19 tuổi. Trong suốt chặng đường dài 75 dặm đó, Phổ Nghi thường nhìn ra cửa sổ của toa xe lửa hạng nhất dành riêng cho Phổ Nghi,...và rất lấy làm hứng thú vì là lần đầu tiên được trông thấy đất nước Trung Hoa thực sự, những làng xóm nghèo nàn và những ngôi chùa và núi rừng. Đôi khi Phổ Nghi có dịp trông thấy Đại Vận Hà, tức là con kinh đào chạy song song với đường xe lửa từ Bắc Kinh tới Hàng Châu, một thủy đạo dài 1,100 dặm được đào từ thế kỷ thứ bảy, nối liền Bắc và Nam Trung Hoa, một đại công trình quan trọng không kém Vạn Lý Trường Thành.

Khi tới Thiên Tân, Phổ Nghi gặp một thất vọng đầu tiên là Trương Gia Viên chưa sẵn sàng để ở, và phải sống một đêm đầu tiên tại khách sạn Yamato Hotel, một khách sạn thương mại rất sang trọng của người Nhật. Các người Nhật tháp tùng Phổ Nghi lựa chọn khách sạn Yamato cho Phổ Nghi ở không có gì là lạ. Trong suốt thời gian Phổ Nghi cư ngụ tại Thiên Tân, các mật vụ Kempeitai Nhật lúc nào cũng theo dõi Phổ Nghi rất gắt. Vào cái đêm Phổ Nghi nghỉ trong khách sạn Yamato, thì mật vụ Nhật dọn vào căn nhà đối diện với Trương Gia Viên để tiện theo dõi. Người Nhật ghi tên tất cả những ai đến thăm Phổ Nghi. Bất cứ khi nào Phổ Nghi đi coi hát hoặc đi mua sắm, bao giờ cũng có mật vụ theo dõi Phổ Nghi từ đằng xa.

Ngày hôm sau Uyển Dung và Văn Tú cùng đoàn tùy tùng của Phổ Nghi sống trong tòa Đại Sứ Nhật tại Bắc Kinh cũng tới nơi, và tất cả vội vã dọn vào Trương Gia Viên. Trương Gia Viên là một dinh thự khá lớn, có một căn nhà hai tầng rất rộng nằm giữa ba mẫu đất. Dinh thự này đã từng dùng làm một công viên giải trí, và là tài sản của một viên tướng cũ trong quân đội Mãn Châu. Viên tướng này nhường Trương Gia Viên cho Phổ Nghi sử

dụng mà không lấy tiền thuê. Không những thế, hàng ngày viên tướng này còn thân đến quét sân để tỏ lòng trung thành với Phổ Nghi. Phổ Nghi sống trong Hoa Viên này năm năm. Sau khi viên tướng đó chết, Phổ Nghi dọn vào sống tại An Hoa Viên, khi con trai của viên tướng trở thành chủ nhân của Trương Gia Viên và đòi Phổ Nghi phải trả tiền thuê.

Thiên Tân là một trong những hải cảng lớn của Trung Hoa, cũng quan trọng như các hải cảng Thượng Hải và Quảng Châu. Đây là một trong số mười một hải cảng được mở ra trong năm 1858 để buôn bán với Tây Phương. Hải cảng Thiên Tân nằm trong một khu vực rất giàu khoáng sản và giữa hai cửa sông Bạch và sông Hoài. Đây là một thành phố đầy bụi bặm có những con đường rộng rãi và những tòa nhà lớn nguy nga. Khu vực hải cảng có bến tàu chạy dài tới trên hai trăm dặm dọc theo các bờ sông, được dùng làm trung tâm chuyển hàng hóa tới Mông Cổ, Mãn Châu, và Tây Bá Lợi Á. Trong một năm, hải cảng Thiên Tân bị đóng băng và không làm việc được tới vài tuần lễ. Trong thành phố, xe cộ rất đông đảo. Các loại xe khác nhau như xe vận tải, xe hơi, xe ngựa, xe điện và xe kéo chạy liên tục như nước chảy.

Nhiều tô giới phải nhượng cho các nước Tây Phương và Nhật Bản. Các nước có tô giới tại Thiên Tân hoặc tại các nơi khác, đem quân đội riêng tới đóng để bảo vệ cho kiều dân của mình. Trung Hoa không có chủ quyền tại các nhượng địa này. Lý do Phổ Nghi di chuyển tới Thiên Tân là để có thể xuất ngoại, và cũng để tìm an ninh cho bản thân, vì các cố vấn của Phổ Nghi nghĩ rằng, một toà đại sứ nhỏ bé của Nhật tại Bắc Kinh không thể bảo đảm cho sinh mạng của Phổ Nghi trong trường hợp các sứ quân phản Thanh làm ầu. Phổ Nghi lưu lại Thiên Tân tới bảy năm. Trong bảy năm đó, Phổ Nghi lúc thì theo nhóm cố vấn này, lúc thì theo nhóm cố vấn khác, và cuối cùng chẳng làm được gì cả.

Các thân vương, kể cả Thuần Thân Vương, không còn nhiều ảnh hưởng đối với Phổ Nghi nữa. Johnston cũng chấm dứt nhiệm vụ làm sư phụ cho

Phổ Nghi. Năm 1926 Johnston đến thăm Phổ Nghi và thất bại không lôi cuốn được sứ quân Ngô Bội Phu và các sứ quân khác ủng hộ Phổ Nghi. Về sau Johnston hồi hương về Anh Quốc, được Anh Hoàng phong tước Hiệp Sĩ và trở thành giáo sư tại đại học Luân Đôn.

Các nhóm cố vấn khác nhau của Phổ Nghi cố gắng chinh phục Phổ Nghi nghe theo kế hoạch của họ. Đầu tiên là nhóm “Trở Về Cấm Thành” do sử phụ Trần Bảo Châu chủ trương đòi hỏi phục hồi lại các Đặc Ân, và về sau bằng lòng với hiện trạng. Nhóm thứ hai là nhóm “Đồng Minh Với Nhật Bản,” do Lỗ Chấn Du cầm đầu. Lỗ Chấn Du muốn Phổ Nghi xuất ngoại và tìm sự trợ giúp của ngoại quốc, đặc biệt là Nhật Bản. Nhiều cựu thần và thân vương đi theo quan điểm của Lỗ Chấn Du. Nhóm thứ ba chủ trương mua chuộc các sứ quân và các chính trị gia cộng hòa.

Riêng Trịnh Thiếu Tự không đi theo nhóm nào cả, mà vừa khen vừa chê các giải pháp của mọi nhóm. Rồi họ Trịnh đề nghị một giải pháp dùng các cố vấn ngoại quốc và một chính sách cởi mở hợp tác với bất cứ nước nào sẵn sàng giúp phục hưng ngai vàng nhà Thanh, nhưng quan điểm của Trịnh Thiếu Tự bị tất cả ba nhóm chống lại. Về sau Trịnh Thế Tự chấp nhận chính sách dựa vào người Nhật thì được nhóm của Lỗ Chấn Du ủng hộ, vì nhóm Lỗ Chấn Du vốn thân Nhật.

Trong những năm tại Thiên Tân, Phổ Nghi liên kết với nhiều sứ quân, và họ gây cho Phổ Nghi nhiều ảo tưởng. Trong một lá thư, sứ quân Ngô Bội Phu tự nhận là một thần tử của Phổ Nghi. Trương Tác Lâm thì khầu đầu trước Phổ Nghi, còn Tổng Lý Đoàn Kỳ Thụy thì xin được yết kiến Phổ Nghi. Nhưng Phổ Nghi đặt hết tin tưởng vào các sứ quân Mãn Châu và Phụng Thiên. Sự tin tưởng này bắt đầu từ sự khầu đầu của Trương Tác Lâm. Trương Tác Lâm đã chiến đấu nhiều năm tại Mãn Châu và khi chính thể cộng hòa thành lập, Trương được phong chức Đốc Quân. Trong cuộc chiến giữa Nga Sô và Nhật tại Mãn Châu, Trương đứng về phe Nhật, nhưng thực tình Trương thù ghét cả Nga lẫn Nhật. Quân số dưới quyền chỉ huy

của Trương lên tới hai trăm năm chục ngàn và hàng năm chi phí lên tới hai trăm triệu. Để có tiền trả lương lính, Trương lập ra một hệ thống “bảo vệ” các nhà giàu có, một cách kiếm tiền theo kiểu Mafia, tuy vậy Trương Tác Lâm vẫn tự nhận mình là người chỉ dùng Vương Đạo. Khi Phổ Nghi bị trục xuất khỏi Cẩm Thành, Trương Tác Lâm rất xúc động và tìm cách giúp đỡ vị hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh, vì Trương chủ trương phải phục hồi đế chế.

Nếu Phổ Nghi tìm sự hợp tác phục vụ của Trương Tác Lâm thì cũng không có gì lạ, vì họ Trương là một sứ quân quan trọng nhất thời bấy giờ. Khu vực cai trị của họ Trương rộng bằng cả nước Pháp và nước Đức cộng lại. Vào thời đó Mãn Châu của họ Trương có tới trên ba chục triệu dân – khoảng năm triệu người Mãn Châu, trên hai chục triệu người Hán, gần một triệu người Đại Hàn và trên hai trăm ngàn người Nhật. Ngoài ra còn khoảng trên một trăm ngàn người Bạch Nga sống dọc theo đường Hỏa Xa Đông Hoa.

Một ngày tháng 6 năm 1925, sau khi tới Thiên Tân, thân phụ của Uyển Dung hoàng hậu đến gặp Phổ Nghi để báo một tin rất phấn khởi: Trương Tác Lâm sai một sứ giả thân tín đem dâng cho Phổ Nghi một số tiền 100 ngàn quan, và muốn gặp Phổ Nghi tại căn nhà mà họ Trương đang ở. Phổ Nghi theo lời khuyên của sư phụ Trần Bảo Châu, từ chối không chịu đi gặp Trương Tác Lâm. Nhưng ngay đêm sau, thân phụ của Uyển Dung dẫn sứ giả của Trương Tác Lâm đến gặp Phổ Nghi. Viên sứ giả nhấn mạnh rằng Phổ Nghi sẽ không gặp nguy hiểm tại khu vực của người Trung Hoa, và giải thích những bất tiện của Trương Tác Lâm phải vào một khu tô giới của người ngoại quốc, và đây chính là lý do họ Trương muốn gặp Phổ Nghi tại nhà riêng. Phổ Nghi lập tức bước lên xe hơi đi theo sứ giả mà không báo cho ai biết.

Buổi tối mùa hạ đó là lần đầu tiên Phổ Nghi mạo hiểm ra khỏi tô giới của người Nhật. Khi Phổ Nghi tới Đào Gia Viên, nơi Trương Tác Lâm đang cư

ngụ, Phổ Nghi trông thấy một sự đón chào bằng lính danh dự rất trang trọng. Hai hàng lính cao lớn mặc đồ trận màu xám, cầm gươm và đao cổ điển cùng với súng tối tân. Chiếc xe hơi chở Phổ Nghi chạy chậm chậm giữa hai hàng lính danh dự qua cổng chính tới tận thềm nhà.

Phổ Nghi được dẫn vào một phòng đại sảnh đèn thấp sáng trưng, và trông thấy một người rất thấp bé, để râu mép và mặc thường phục tiến ra. Phổ Nghi biết ngay đó là Trương Tác Lâm, và ngập ngừng không biết chào họ Trương như thế nào cho phải cách. Đây là lần đầu tiên Phổ Nghi gặp một nhân vật cộng hòa quan trọng, và thân phụ của Uyển Dung không cho Phổ Nghi một sự chỉ dẫn nào cả. Nhưng Phổ Nghi rất đổi ngạc nhiên và hãnh diện khi Trương Tác Lâm quỳ gối xuống sàn nhà ngay lập tức, khấu đầu vái lạy Phổ Nghi, và hỏi: “Long Thế có được Khang An không?”

Phổ Nghi vội đáp lại: “Thống chế có được khỏe không?” và cúi xuống nâng Trương Tác Lâm đứng dậy. Hai người bước sóng đôi vào phòng khách. Phổ Nghi lên tinh thần và biết ơn hành động của Trương Tác Lâm đã chấm dứt sự áy náy của Phổ Nghi đã quá hạ mình đến thăm họ Trương. Điều làm Phổ Nghi hết sức hài lòng là viên tướng có quân đội hùng mạnh và có ảnh hưởng chính trị lớn này đã không quên quá khứ.

Căn phòng được trang trí một cách rất đắt tiền, và lẫn lộn những bàn ghế bằng gỗ kiểu Tây Phương, và một tấm bình phong bằng kiếng. Hai người ngồi xuống một chiếc bàn tròn và đối diện nhau. Trương Tác Lâm vừa nói vừa hút thuốc lá, hết điếu này đến điếu khác. Vừa mở miệng là họ Trương mạt sát Phùng Ngọc Tường không tiếc lời, vì tội đã đuổi Phổ Nghi ra khỏi Cẩm Thành để cướp tài sản của hoàng gia. Trương Tác Lâm bày tỏ ý chí muốn gìn giữ văn hóa và tài sản của nước cổ Trung Hoa, và khoe đã chăm sóc các lâu đài của nhà Thanh tại Phụng Thiên rất kỹ lưỡng, và đang dự định thu thập những bộ sách quý của triều đại vua Càn Long và giữ đủ bộ. Họ Trương cũng trách Phổ Nghi không nên trốn vào khu vực của người Nhật trong lúc họ Trương có đủ quân tại Bắc Kinh để bảo vệ cho Phổ Nghi.

Trương Tác Lâm hỏi Phổ Nghi về đời sống sau khi rời Bắc Kinh, và nói nếu Phổ Nghi cần gì thì cứ cho họ Trương biết.

Phổ Nghi trả lời cũng biết họ Trương có lòng với mình, nhưng quân của Phùng Ngọc Tường còn đóng ở Bắc Kinh, nên Phổ Nghi bắt buộc phải chạy vào tòa Đại Sứ Nhật. Phổ Nghi cũng cho biết các lăng tẩm nhà Thanh tại Phụng Thiên đã được Trương Tác Lâm chăm sóc rất chu đáo, và rất biết ơn Trương Tác Lâm về việc này.

Trương Tác Lâm vội nói, “Nếu Hoàng Thượng muốn tới sống tại các lâu đài tại Phụng Thiên, thì kẻ hạ thần này có thể thu xếp được.”

“Trương thống chế, ông thực tử tế quá!”

Nhưng Trương Tác Lâm liền đổi đề tài về đời sống hàng ngày của Phổ Nghi. “Nếu hoàng thượng cần gì, hoàng thượng chỉ cần viết cho hạ thần là có đủ ngay.”

Điều Phổ Nghi thực sự thiếu thốn lúc đó là chiếc ngai vàng, nhưng Phổ Nghi không tiện nói thế với Trương Tác Lâm. Trong suốt cuộc đối thoại, chỉ có hai người trong phòng và một bày ruồi. Lúc đó Phổ Nghi mới nhận thấy rằng trong khu vực tô giới của người Nhật không có ruồi về ban đêm.

Chợt một tên hầu cận của Trương Tác Lâm bước vào và nói với Trương Tác Lâm, “Tham mưu trưởng muốn gặp thống chế.” Nhưng Trương Tác Lâm vội gạt tay và nói, “Không vội gì. Bảo hẳn chờ bên ngoài.”

Phổ Nghi vội đứng dậy và nói muốn từ giã, vì họ Trương chắc bận lắm. Trương Tác Lâm trả lời ngay, “Không vội gì,” nhưng đúng lúc đó Phổ Nghi trông thấy khuôn mặt một người đàn bà xinh đẹp đằng sau tấm bình phong. Về sau Phổ Nghi được biết người đàn bà ấy là người hầu thiếp thứ năm của họ Trương. Phổ Nghi biết rằng Trương Tác Lâm rất bận nhiều việc, nên từ giã một lần nữa và lần này họ Trương không cầm giữ Phổ Nghi nữa.

Bất cứ khi nào Phổ Nghi đi đâu ra khỏi khu vực của người Nhật, cũng

đều có một mật vụ Nhật mặc thường phục ngồi bên cạnh tài xế của Phổ Nghi. Lần này cũng vậy, một trong những cảnh sát Nhật canh phòng tại Trương Gia Viên mặc thường phục cũng đi theo Phổ Nghi, nhưng Trương Tác Lâm không biết, chỉ tưởng đó là đầy tớ thân tín của Phổ Nghi. Khi tiễn Phổ Nghi lên xe, Trương Tác Lâm nói to với Phổ Nghi:

“Nếu những tên Nhật khốn nạn đó đụng tới hoàng thượng, thì hoàng thượng hãy cho hạ thần biết, hạ thần sẽ xử bọn chúng ngay.”

Sáng ngày hôm sau, viên tổng lãnh sự Nhật gặp Phổ Nghi và cảnh cáo, “Nếu hoàng thượng làm một chuyến đi bí mật nữa vào khu vực Trung Hoa, thì chính phủ Nhật sẽ không thể bảo đảm cho sự an toàn của hoàng thượng.”

Sự liên hệ giữa Phổ Nghi và các sứ quân Phụng Thiên ngày một thân mật hơn. Sau cuộc gặp gỡ giữa Phổ Nghi và Trương Tác Lâm, ai cũng biết sự thân thiện giữa Phổ Nghi và phe Phụng Thiên. Khi các sứ quân này tới thăm Phổ Nghi tại Trương Gia Viên, thì họ không phải khấu đầu như tại Cẩm Thành nữa. Hai bên chỉ cúi chào nhau hoặc bắt tay nhau, và đối xử với nhau như những người bình đẳng. Khi viết cho họ, Phổ Nghi cũng tránh không dùng từ ngữ của một hoàng đế.

Chính sách của Nhật là cộng tác với Trương Tác Lâm cho quyền lợi của Nhật. Bộ tham mưu của quân đoàn Quan Đông không hài lòng về sự gặp gỡ giữa Phổ Nghi và Trương Tác Lâm. Người Nhật sợ rằng Trương Tác Lâm dự định việc phục hưng cho Phổ Nghi, và sẽ làm hại cho kế hoạch sát nhập Mãn Châu vào Nhật Bản. Đúng ra chính phủ Nhật không quan tâm đến việc sát nhập Mãn Châu, nhưng quân đoàn Quan Đông cho rằng Trung Hoa đang rối loạn và đây là cơ hội lý tưởng, nên bất chấp chính phủ Đông Kinh và quyết tâm chiếm Mãn Châu.

Hai Đại Tá Doihara và Itagaki chủ trương giai đoạn đầu là ám sát Trương Tác Lâm. Hai đại tá này về sau đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời của Phổ Nghi. Đại Tá Doihara là giám đốc tình báo, và Itagaki là chiến thuật gia của kế hoạch bành trướng quân đội Nhật tại Mãn Châu. Chính hai viên đại tá này đã định mọi kế hoạch tại Mãn Châu, chứ không phải chính phủ hoặc Nhật Hoàng. Ngày 4 tháng 6 năm 1928, chuyển xe lửa

chở Trương Tác Lâm về thủ đô Mãn Châu bị đặt mìn nổ tung, giết chết ngay Trương Tác Lâm và các vệ sĩ. Chính phủ Nhật rất xao động trước sự khinh thường của quân đoàn Quan Đông về chính sách Mãn Châu của chính phủ. Hoàng Đế Hirohito mới lên ngôi được hai năm, cũng yêu cầu nội các phải có biện pháp kỷ luật đối với quân đội. Nhưng tinh thần bất tuân thượng lệnh vì lòng ái quốc của quân đội đang lên cao, và chính phủ không thể áp dụng một biện pháp kỷ luật nào. Không những thế, chỉ ít lâu sau, nội các phải từ chức.

Sau vụ ám sát Trương Tác Lâm, ảnh hưởng của quân đội về chính sách Mãn Châu ngày một mạnh hơn. Lúc đó mọi người đều tin rằng sớm muộn gì quân đội Nhật cũng chiếm Mãn Châu.

Lý do người Nhật phải giết Trương Tác Lâm là vì họ Trương không nghe theo các yêu sách của người Nhật, vì họ Trương bị ảnh hưởng của người con trai là thống chế Trương Học Lương, muốn Trương Tác Lâm cắt đứt liên lạc với người Nhật và hợp tác với Hoa Kỳ. Mặc dầu vụ ám sát này làm Phổ Nghi và một số cựu thần nhà Thanh hoảng sợ như một bài học làm gương, nhưng không làm Phổ Nghi thay đổi đường đi. Phổ Nghi tuyên bố, “Họ muốn cảnh cáo tôi bằng cái chết của Trương Tác Lâm.” Nhưng Phổ Nghi không coi mình như Trương Tác Lâm. Trương Tác Lâm chỉ là một viên tướng và rất dễ tìm một viên tướng khác thay thế. Còn Phổ Nghi là một hoàng đế, và người Nhật không thể tìm được một người thứ hai như Phổ Nghi trong khắp nước Trung Hoa. Các cố vấn của Phổ Nghi giải thích: “Người Nhật thừa sức mạnh chiếm Mãn Châu bằng vũ lực, nhưng họ không thể cai trị được Mãn Châu; nếu không có hoàng thượng họ sẽ thể làm được gì tại Mãn Châu.” Phổ Nghi hoàn toàn tin tưởng rằng Nhật Bản cũng nhận biết điều này, và từ đó Phổ Nghi xây dựng chính sách của mình theo chiều hướng đó.

Phổ Nghi suy tính rằng người Nhật tuy thừa sức chiếm Mãn Châu, nhưng họ không thể cai trị được Mãn Châu. Cuối cùng người Nhật sẽ phải chấp nhận các điều kiện của Phổ Nghi để hợp thức hóa và củng cố sự chinh phục của họ. Trong lúc người Nhật sử dụng Phổ Nghi như một lá bài, thì Phổ Nghi cũng lợi dụng lại họ cho mục đích phục hồi nhà Đại Thanh.

Thực ra Phổ Nghi không muốn tùy thuộc quá nhiều vào một cường quốc để phục hưng nhà Thanh. Phổ Nghi chỉ muốn dùng các sứ quân Trung Hoa và Mãn Châu. Phổ Nghi đã bỏ rất nhiều tiền tài trợ cho các sứ quân nhỏ, và các tay giang hồ hoạt động tại Mãn Châu. Một trong những tay giang hồ nổi tiếng tại Mãn Châu vào thời đó là Semenov, và Semenov đã lấy của Phổ Nghi nhiều tiền nhất. Ba mươi năm sau, Phổ Nghi viết trong cuốn tự thuật: “Tôi không thể nhớ tôi đã tung ra bao nhiêu ngọc ngà châu báu để mua chuộc các sứ quân, nhưng tôi biết rằng người lấy được nhiều tiền của tôi nhất là tên Bạch Nga Semenov.”

Chính vì chủ trương sử dụng người Trung Hoa và Mãn Châu trước, nên trong mấy năm đầu tại Thiên Tân, Phổ Nghi chỉ giữ một sự liên lạc vừa phải với người Nhật.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 12
KHAI QUẬT LĂNG TẨM NHÀ THANH

Năm 1928 là một năm đem lại cho Phổ Nghi nhiều sự kiện vừa hy vọng vừa đau lòng. Trước hết là người Nhật ra tuyên cáo cấm quân đội Trung Hoa không được vào Mãn Châu và Mông Cổ. Quân đoàn Quan Đông phái nhiều đơn vị tới trấn đông tại tỉnh Sơn Đông để ngăn chặn quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Quân đội của các sứ quân Ngô Bội Phu và Trương Tác Lâm có nhiều liên hệ mật thiết với Phổ Nghi bị tan rã, sau khi đụng độ với quân Nhật.

Mặc dầu người Nhật và các vị sứ phó cho Phổ Nghi biết vì Quốc Dân Đảng đang mở những cuộc đại thanh trừng cộng sản nên sự nguy hiểm nhằm vào Phổ Nghi đã giảm bớt, nhưng dầu vậy Phổ Nghi vẫn còn nguy hiểm vì địch thủ của Phổ Nghi đang hoạt động khắp nơi. Nhưng tin đó không làm cho Phổ Nghi lo sợ. Trái lại sự xúc động lớn nhất cho Phổ Nghi là tin một số lăng tẩm của các tiên đế nhà Thanh đã bị một sứ quân khai quật lên để tìm của.

Người Trung Hoa rất tin môn Địa Lý Phong Thủy, một nghệ thuật để đất chôn cất người chết. Người chết nếu được chôn ở chỗ đất tốt và mồ yên mả đẹp thì con cháu mới khá và hiển đạt được. Bởi vậy trong các triều đại phong kiến thì mộ phần của người chết rất quan trọng, và nếu là mộ phần của vua chúa thì lại càng bội phần quan trọng. Người ta tin rằng lăng tẩm của vua chúa được yên và không bị đứt long mạch, thì ngai vàng của triều đại ấy mới giữ vững được.

Khi nhà Thanh mặt vận và đất nước bị chia xẻ bởi các sứ quân vốn là những tướng cướp tham lam, thì tất nhiên các lăng tẩm của các vua chúa nhà Thanh chứa nhiều báu vật, sẽ không tránh khỏi bị kẻ tham dòm ngó.

Mùa hè năm 1928, người ta thấy một số ngọc ngà châu báu đặc biệt tại các tiệm bán đồ cổ tại Bắc Kinh. Một số báu vật này được nhận biết ngay là những báu vật đã chôn trong các lăng tẩm nhà Thanh tại Sơn Đông.

Trong lịch sử Trung Hoa, các lăng tẩm của vua chúa thường chôn giấu nhiều kho tàng và từng bị trộm cướp tàn phá để hôi của trong các triều đại sau. Đối với nhà Thanh thì cuộc sụp đổ năm 1912 không những là một sự sụp đổ của hệ thống quân chủ, mà còn là một sự sụp đổ của Khổng Giáo nữa. Đạo Khổng tạo ra một trật tự xã hội đã ngự trị tại Trung Hoa trong nhiều thế kỷ, và đặt cho Trung Hoa một nền tảng giá trị luân lý. Nhưng những sự xâm nhập ồ ạt của các quan niệm mới từ Tây Phương cùng với lý thuyết cộng sản, đã làm người Trung Hoa chóng mặt, và rơi vào một cuộc cách mạng văn hoá hủy diệt không kiềm chế được. Cuộc đập phá các lăng tẩm nhà Thanh không những chỉ vì lòng tham lam mà còn vì chính trị, và một sự trả thù nòi giống nữa. Những người khai quật lăng tẩm nhà Thanh không những lấy đi hết mọi báu vật chôn bên trong, mà còn phá hủy tất cả những di tích xây cất bên ngoài, mở tung quan tài và ném xương hoặc thây người chết ra ngoài. Đó chính là hành động của lòng thù hận.

Các lăng tẩm của vua chúa nhà Thanh đều đặt tại tỉnh Sơn Đông. Sứ quân Tôn Điền Dương tại Sơn Đông vốn là một tên cờ bạc, buôn thuốc phiện và làm nghề ăn cướp trước khi đầu hàng, đi theo làm bộ hạ cho Tưởng Giới Thạch. Năm 1928, Tôn Điền Dương đem quân vào khu vực lăng tẩm để thực hiện một kế hoạch bí mật.

Trước hết Tôn Điền Dương ra thông báo cho dân chúng biết quân đội của y sẽ hành quân trong khu vực, và ngăn cấm mọi sự đi lại và thông tin với bên ngoài. Sau đó y sai một tiểu đoàn công binh đào quật các ngôi mộ của vua Càn Long, Từ Hi thái hậu và của một số hoàng đế khác. Sau ba ngày ba đêm liên tiếp, tiểu đoàn của y đã khai quật được kho tàng giấu trong mộ của Càn Long và Từ Hi thái hậu. Càn Long là một ông vua hoang phí nhất nhà Thanh, cũng hoang phí như thái hậu Từ Hi. Bên trong mộ của

các vua chúa này được xây cất như sau:

Đường hầm dẫn vào những ngôi mộ của họ lát đá hoa trắng, xuyên qua bốn cái cổng được chạm trổ rất công phu bằng đá. Nơi để quan tài yên nghỉ của họ là một khuôn hình bát giác, trên vòm trần khắc chín con rồng bằng vàng lóng lánh. Khu vực yên nghỉ khá rộng, lớn bằng điện Trung Hoà trong Cấm Thành. Càn Long được chôn trong hai lần quan tài. Quan tài bên trong và bên ngoài được làm bằng một loại gỗ đặc biệt quý. Những báu vật trong hai ngôi mộ này gồm rất nhiều ngọc ngà châu báu cực kỳ quý giá và đắt tiền, ngoài ra còn có những hoạ phẩm, kiếm báu, sách quý, ngà voi và các tượng Phật. Các đồ quý làm bằng lụa và gấm thì chỉ một thời gian là bị mục rã.

Trong các lăng tẩm tại Sơn Đông của nhà Thanh chỉ có lăng của vua Khang Hy là được yên lành. Hai ông vua Khang Hy và Càn Long là những người đã có công nâng cao văn hóa Trung Hoa về văn chương, đồ gốm và hình thức nghệ khác đến mức đáng hãnh diện cho tới bây giờ. Khi quân sĩ đào lăng của Khang Hy và bầy mở được cửa lăng thì bất chợt một khối nước màu vàng khè, màu vàng của hoàng gia nhà Thanh, từ bên trong tuôn tràn ra rất mạnh, đến nỗi quân sĩ sợ hãi quá phải bỏ chạy.

Tin các lăng tẩm của Càn Long và Từ Hi bị khai quật để lấy của đã gây cho Phổ Nghi một sự xúc động đau đớn hơn là khi bị đuổi khỏi Cấm Thành. Là một người tôn sùng đạo Khổng và đạo Phật như Phổ Nghi, được nuôi dưỡng trong niềm tin tôn thờ tổ tiên và lòng hiếu thảo, một người hàng ngày quỳ dâng hương trước bài vị của các bậc tiên đế, thì đây là một xúc phạm không thể tha thứ. Cái gì cũng có thể tha thứ được, lăng mạ cá nhân, chê cười, hăm dọa ám sát, chiếm cướp tài sản hoặc xóa bỏ những lời giao ước, nhưng xâm phạm tới mồ mả của tổ tiên thì là một tội ác không bao giờ tha thứ được, và con cháu cũng không có quyền tha thứ.

Phổ Nghi phái một phái đoàn cựu thần nhà Thanh tới Sơn Đông điều tra.

Tại các lăng tẩm bị tàn phá, các cự thần quỳ xuống khóc lóc đau đớn. Thân thể trần truồng của Từ Hi nằm ngay trên mặt quan tài, mái tóc vẫn còn đen nhánh, nhưng thân thể bầm tím và bộ mặt trông rất đáng sợ, vì mắt đã trở thành hai hố đen và da mặt co lại để lộ hai hàm răng nhô ra. Trong khi đó nhiều báo chí của chính thể cộng hòa ca ngợi việc khai quật lăng tẩm của vua chúa nhà Thanh là hành động “công bình của trời đất”, và hoan hô việc làm của Tôn Điền Dương là hành động “trả thù thiên liêng cho những sự dã man tàn ác của nhà Thanh.”

Tất cả hoàng gia và các cự thần nhà Thanh đều căm phẫn. Rất nhiều người đã lũ lượt kéo đến Trương Gia Viên để bày tỏ niềm phẫn nộ và căm hận đối với Tưởng Giới Thạch. Họ cũng gửi tiền đến cho Phổ Nghi, để giúp trùng tu các lăng tẩm này. Các bài vị của Càn Long và Từ Hi được thiết lập ngay bên trong Trương Gia Viên; trước hai bài vị này, người ta trải chiếu và thắp hương để mọi người quỳ xuống cúng vái như là trong một buổi tang lễ thực sự. Mọi người quyết định các lễ cúng trước hai bài vị này sẽ được tiếp tục cho đến khi việc trùng tu hai lăng tẩm được hoàn tất.

Tên tướng Tôn Điền Dương gửi một số quý vật lấy được, làm quà tặng chia phần cho Tưởng Giới Thạch, và một số các viên ngọc thêu trên vương miện của Từ Hi thái hậu được dùng làm đồ trang sức trên mũi giày của Tống Mỹ Linh, vợ của Tưởng Giới Thạch. Khi nghe thấy tin xúc phạm như thế, Phổ Nghi thề trước đám người Mãn Châu đang khóc lóc:

“Nếu ta không trả được mối thù này thì ta sẽ không xứng đáng là người thuộc gia tộc Aisin-Gioro của nhà Đại Thanh. Chừng nào ta còn sống, nhà Đại Thanh sẽ không thể bị tiêu diệt.”

Phổ Nghi gửi một điện văn cho Tưởng Giới Thạch và yêu cầu trừng trị những kẻ xâm phạm các lăng tẩm, kể cả sứ quân Tôn Điền Dương. Tưởng liền cho mở một cuộc điều tra, nhưng cuối cùng cũng im lún. Chính phủ cộng hoà cũng không gửi một lời phân ưu đến cho Phổ Nghi. Dĩ nhiên người ta biết rằng Tôn Điền Dương không bao giờ dám tự ý làm một việc tày trời như thế.

Kể từ đó Phổ Nghi rất khinh bỉ Tưởng Giới Thạch, và lòng ao ước phục hồi nhà Thanh và mối tuyệt hận trả thù của Phổ Nghi lên tới một nồng độ mới. Phổ Nghi rất nóng lòng với sứ mệnh và đi tìm các danh sư về ngành bói toán để xem bao giờ khí số của Tưởng Giới Thạch mạt, và bao giờ mình đạt được ước vọng. Những cuộc bói toán như thế rất thịnh hành vào thời đó tại Trung Hoa, và đem lại cho Phổ Nghi nhiều hy vọng phấn khởi, vì theo ý các danh sư bói toán thì khí số Tưởng Giới Thạch sẽ tàn vào năm 1932.

Johnston tuy đã chấm dứt nhiệm vụ làm sư phụ cho Phổ Nghi rồi, nhưng cũng vội tới Thiên Tân để bày tỏ cảm tình với Phổ Nghi. Johnston đã phải kinh ngạc trước sự thay đổi của người học trò cũ. Chỉ qua một vài ngày Phổ Nghi đã già đi rất nhiều. Johnston kể lại, “Sự thay đổi trên khuôn mặt Phổ Nghi thực là rõ rệt, y như Phổ Nghi đang nói chuyện với linh hồn của các tổ tiên bị làm ô nhục, và hình như các linh hồn ấy khuyên Phổ Nghi hãy bỏ nước Trung Hoa, và quay trở về với miền đất tổ Mãn Châu, tại đó tổ tiên Phổ Nghi đã chinh phục Trung Hoa và thành lập nhà Đại Thanh gần ba trăm năm trước. Chỉ những ai hiểu lòng tôn thờ tổ tiên như người Trung Hoa và người Mãn Châu mới hiểu nỗi nỗi đau đớn của Phổ Nghi.” Chính biến cố này đã thúc đẩy Phổ Nghi hăng hái tìm mọi phương tiện để trở về đất tổ, dù có phải dựa vào ngoại bang để thực hiện được ước vọng ấy.

Không ai nóng lòng báo thù và có tham vọng lớn mà chỉ ngồi không để chờ vận may đem tới. Căn cứ vào kinh nghiệm của Tưởng Giới Thạch đoạt được quyền hành, Phổ Nghi tin rằng muốn đạt được quyền hành thì phải có sức mạnh quân sự. Dù người ngoại quốc có muốn can thiệp giúp đỡ thì người ngoại quốc cũng sẽ chỉ chọn kẻ nào có quân đội, tức là có sức mạnh. Phổ Nghi nghĩ rằng nếu có quân đội trong tay thì người quốc sẽ chú trọng đến mình hơn là một tên tướng cướp hoặc một thống chế nào đó khởi đầu chỉ là một tướng cướp. Vì thế Phổ Nghi quyết định gọi một số người thân tín sang học tại một trường quân sự của Nhật. Phổ Nghi nghĩ rằng cử một số thân nhân xuất ngoại du học quan trọng hơn là chính mình ra đi.

Phổ Nghi chọn người em là Phổ Kiệt và người em rể là Long Chi cho nhiệm vụ này, và yêu cầu tổng lãnh sự Nhật tại Thiên Tân tìm một người dạy tiếng Nhật cho hai người em. Người Nhật được chọn để dạy tiếng Nhật cho Phổ Kiệt và Long Chi là Takeo Toyama, một đảng viên Hắc Long của Nhật. Takeo quen biết rất nhiều nhân vật chính trị Nhật. Sau khi dạy Phổ Kiệt và Long Chi một thời gian, Takeo trở về Nhật để thu xếp nơi ăn học cho hai người. Takeo trở về và cho biết mặc dầu hai người chưa vào được trường sĩ quan Nhật ngay, nhưng có thể tạm vào học tại một viện quân sự đặc biệt, dành cho con cái những nhà quý tộc Nhật, và được sự bảo trợ của một trong những gia đình danh tiếng nhất của Nhật. Thế là hai vị “tướng quân tương lai” của Phổ Nghi lên đường sang Nhật cùng với Toyama vào tháng 3 năm 1929, bảy tháng sau vụ khai quật lăng tẩm của vua Càn Long và Từ Hi thái hậu.

Đến năm 1929 thì các cố vấn của Phổ Nghi tại Trương Gia Viên đều tin rằng giấc mộng khôi phục nhà Thanh không thể thực hiện được, nếu không có sự trợ giúp của người Nhật, và người Nhật dường như sẵn sàng giúp Phổ Nghi. Trong năm đầu tiên tại Thiên Tân, Phổ Nghi được viên tổng lãnh sự Nhật mời thăm viếng một trường tiểu học dành cho trẻ con Nhật. Các học sinh Nhật đứng sấp hàng hai bên đường, phát cờ để chào đón Phổ Nghi, và hô to khẩu hiệu: “Chào Mừng Đức Vạn Tuế.” Cảnh đó làm Phổ Nghi hết sức cảm động đến chảy nước mắt.

Khi cuộc chiến của các sứ quân lan tới gần Thiên Tân, thì các đơn vị ngoại quốc đóng tại Thiên Tân liên kết với nhau, và sẵn sàng chặn đánh quân Quốc Dân Đảng nếu quân Quốc Dân Đảng tới quá gần. Tuy nhiên chỉ một mình viên tư lệnh Nhật Bản thân đến thăm Phổ Nghi tại Trương Gia Viên và trấn an Phổ Nghi, “Xin hoàng thượng an tâm. Chúng tôi đã quyết định không cho binh sĩ Trung Hoa đặt chân vào tô giới này.” Vào dịp Tết và ngày sinh nhật của Phổ Nghi, viên tổng lãnh sự Nhật và các sĩ quan cao cấp Nhật Bản bao giờ cũng đến chúc mừng Phổ Nghi. Phổ Nghi cũng được mời đến tham dự buổi diễn hành của quân Nhật trong dịp lễ sinh nhật của Nhật Hoàng. Trong một cuộc diễn hành, viên tư lệnh cuộc diễn hành cưỡi ngựa tới trước mặt Phổ Nghi và cúi chào, và khi cuộc diễn hành chấm dứt,

Phổ Nghi và các viên chức Trung Hoa cùng với người Nhật hô to: “Vạn Tuế Nhật Hoàng!”

Trong nhiều năm, các cấp chỉ huy Nhật thường tới tường trình tình hình cho Phổ Nghi, và họ làm công việc này rất chu đáo, đôi khi mang theo những sơ đồ được sửa soạn đặc biệt cho Phổ Nghi. Một trong những sĩ quan này là tướng Yoshioka. Về sau Yoshioka được bổ nhiệm làm tham mưu cho Phổ Nghi trong suốt mười năm Phổ Nghi làm hoàng đế Mãn Châu Quốc.

Những đề tài chính trong các buổi tường trình về tình hình này là về vấn đề nội chiến tại Trung Hoa. Họ thường kết luận các bản nghiên cứu của họ bằng lời nhận xét: “Nguyên do của sự hỗn loạn tại Trung Hoa là vì thiếu một con rồng siêu việt, một vị hoàng đế.” Họ thường bàn luận về sự ưu thắng của hệ thống hoàng gia Nhật Bản, và nói rằng chỉ có Tuyên Thống hoàng đế mới chinh phục được nhân tâm người Trung Hoa. Sự tham nhũng và sự bất lực của quân đội Trung Hoa là đề tài họ thích nói đến nhất. Họ thường so sánh quân đội Trung Hoa với quân đội hoàng gia Nhật.

Có một lần, Phổ Nghi đi dạo dọc bờ sông Bạch và trông thấy một chiến hạm Nhật đang bỏ neo tại đó. Không hiểu sao viên chiến hạm trưởng nhận biết được Phổ Nghi, và lập tức bước xuống tàu và kính cẩn mời Phổ Nghi lên chiến hạm chơi. Phổ Nghi được các sĩ quan trịnh trọng chào trên chiến hạm. Vì đây là một cuộc viếng thăm tình cờ và không có thông ngôn đi theo nên Phổ Nghi và viên hạm trưởng phải dùng bút đàm. Ít lâu sau, viên hạm trưởng cùng một số sĩ quan đến tận Trương Gia Viên thăm lại Phổ Nghi. Trong dịp này viên hạm trưởng xin một tấm hình chân dung của Phổ Nghi với chữ ký tặng và được toại nguyện. Đối với viên hạm trưởng thì đó là một vinh hạnh lớn.

Thoạt đầu Phổ Nghi coi người Nhật như là một thực thể duy nhất, kể từ tòa Đại Sứ Nhật tại Bắc Kinh cho đến tòa Tổng Lãnh Sự tại Thiên Tân, cũng như các sĩ quan cố vấn. Sở dĩ Phổ Nghi có ý nghĩ ấy là vì Phổ Nghi nhận xét tất cả người Nhật đều ra công “bảo vệ” Phổ Nghi và đối đãi với Phổ Nghi như là một vị hoàng đế. Tất cả người Nhật mà Phổ Nghi gặp đều khinh miệt nền cộng hòa Trung Hoa, và ca ngợi nhà Đại Thanh và bày tỏ

lòng sẵn sàng giúp đỡ Phổ Nghi.

Nhưng một hôm, nhạc phụ của Phổ Nghi báo cho Phổ Nghi biết rằng các thân hữu của ông ta thông báo các tay hành thích của Phùng Ngọc Tường đã tới các tô giới của người Anh và người Pháp. Tình thế có vẻ khẩn trương khi một nhân viên an ninh của Phổ Nghi trông thấy một người rất khả nghi lảng vảng gần cổng chính của Trương Gia Viên, và dường như có ý định trèo vào bên trong. Phổ Nghi vội vã triệu tập nhân viên an ninh và ra lệnh cho họ yêu cầu cảnh sát Nhật phải tăng cường các sự phòng vệ tại cổng. Phổ Nghi cũng ra lệnh cho các quân canh tại cổng phải cẩn mật canh chừng những người lạ mặt bên ngoài cổng, và ban đêm không được cho ai được ra vào.

Một đêm, Phổ Nghi chợt thức giấc khi nghe tiếng súng bắn bên ngoài cửa sổ và sau đó là một loạt súng nổ. Phổ Nghi nhảy vội xuống giường và ra lệnh cho lính canh phải tập hợp lại, vì nghĩ rằng các tay thích khách của Phùng Ngọc Tường đã tới. Toàn thể Trương Gia Viên xao động và lính gác phải đứng canh khắp nơi. Cảnh sát tại cổng chuẩn bị chiến đấu, và các thám tử Nhật đóng tại Trương Gia Viên bắt đầu ra ngoài điều tra. Khi các thám tử Nhật bắt được người bắn phát súng đầu tiên, thì Phổ Nghi vô cùng kinh ngạc khi thấy người ấy là người Nhật.

Ngày hôm sau viên sĩ quan phụ trách an ninh báo cho Phổ Nghi biết người Nhật bị bắt đó tên là Kishida, và hắn là đảng viên của đảng Hắc Long. Khi hắn bị dẫn vào tổng hành dinh quân đội thì các cấp chỉ huy cao cấp Nhật vội tới đem hắn đi. Hiển nhiên là một số người Nhật đang tìm cách làm Phổ Nghi hoảng sợ và phải tìm cách nhờ người Nhật bảo vệ và trở thành lệ thuộc vào họ. Ngoài người Nhật dậy tiếng Nhật cho Phổ Kiệt và Long Chi, Phổ Nghi cũng có liên lạc với các nhân vật thuộc đảng Hắc Long nhiều quyền hành này. Năm 1925, theo sự thúc dục của Lỗ Chấn Du, Phổ Nghi đã gặp Nobuo Tsukuda, một đảng viên Hắc Long quan trọng. Lỗ Chấn Du cho Phổ Nghi biết nhiều nhân vật Nhật quyền thế kể cả trong quân đội, đang dự định giúp đỡ Phổ Nghi thực hiện được giấc mộng phục hồi nhà Thanh, và họ đã cử Tsukada tới tiếp xúc riêng với Phổ Nghi.

Hắc Long là một đảng lớn nhất ngoài chính quyền của Nhật. Kotaro

Hirakao sáng lập đảng Hắc Long sau cuộc chiến tranh Pháp Nga năm 1883-1885 và là một đảng hoạt động tình báo lớn nhất tại Trung Hoa. Khởi đầu đảng bắt đầu hoạt động tại các tỉnh Phúc Châu, Chí Phủ và Thượng Hải và nấp dưới các tòa lãnh sự, trường học và tiệm chụp hình.

Đảng được gọi là Hắc Long để ám chỉ con sông Hắc Long Giang nằm giữa biên giới Trung Hoa và Nga Sô. Cái tên này bộc lộ mối quan tâm của người Nhật vào các lãnh thổ vùng Đông Bắc Trung Hoa. Đảng Hắc Long đã đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật năm 1904-1905 và số đảng viên lên tới hàng trăm ngàn và có một ngân sách chi tiêu rất lớn.

Mitsuru Toyama là một trong những đảng trưởng Hắc Long tài ba nhất, và dưới quyền lãnh đạo của Toyoma, đảng Hắc Long đã xâm nhập vào mọi tầng lớp trong xã hội Trung Hoa. Các đảng viên hoạt động tại khắp nơi: bên cạnh các quan lại và giới quý tộc nhà Thanh, giữa những người bán hàng rong và giai cấp đầy tớ, kể cả những người phục dịch bên trong Trương Gia Viên. Nhiều nhân vật danh tiếng Nhật Bản trong các thập niên hai mươi, và ba mươi từng là môn đệ của Toyama. Toyama là một Phật Tử. Ông có một bộ râu dài bạc như cước và một bộ mặt rất nhân từ. Không những thế Toyama là một người rất yêu thích hoa hồng và ít khi chịu rời khỏi vườn hồng lúc nào cũng ngát hương thơm của ông. Tuy vậy chính trong những lúc Toyama đứng giữa rừng hương, thưởng thức vẻ đẹp của hoa và khẽ vuốt chòm râu bạc, là lúc ông ra lệnh giết người, dự định những kế hoạch mật vụ khủng khiếp, và những vụ tắm máu cho mục đích bành trướng nước Nhật Bản.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 13
Hoàng Gia Ly Di

Đối với Phổ Nghi thì cuộc đời bây giờ tại Trương Gia Viên tự do hơn, không có những câu thúc như trong Cấm Thành, những câu thúc mà Phổ Nghi rất khó chịu. Tuy vậy Phổ Nghi vẫn giữ những quyên tắc căn bản của một hoàng đế. Hồi còn ở Cấm Thành, Phổ Nghi ghét nhất điều lệ cấm hoàng đế không được đi bằng xe hơi, hoặc đi bộ ngoài đường phố. Bây giờ Phổ Nghi được tự do làm những gì ưa thích, mặc dầu các cố vấn cũng phản đối, nhưng không can thiệp vào việc làm của Phổ Nghi được.

Dẫu vậy Phổ Nghi vẫn giữ được phẩm cách của một hoàng đế. Bây giờ tại Thiên Tân, tuy Phổ Nghi thường mặc những chiếc áo chên, hoặc áo choàng tầm thường của người Trung Hoa, hoặc mặc âu phục, thay vì mặc những chiếc áo long bào công kênh vương vếu, nhưng người ta vẫn khấu đầu hoặc cúi gập người xuống chào Phổ Nghi. Trương Gia Viên được xây cất như một công viên giải trí, và không có mái ngói đỏ ôi hoặc đà cong lên và sơn son thiếp vàng như các điện đài bên trong Cấm Thành, nhưng cũng được gọi là “Cung Điện Tạm Thời.” Phổ Nghi rất thích tòa nhà hai tầng lầu có cầu tiêu giạt cho nước chảy đi, và có hệ thống sưởi khắp nhà, thoải mái hơn trong Điện Dưỡng Tâm nhiều. Các phòng bán vé vào cửa trước kia được đổi thành “Văn Phòng Vệ Binh của Cống Quang Thiên.” Mặc dù không có những cơ sở cho các bộ như trong Cấm Thành, người ta vẫn coi Trương Gia Viên như một thứ Cấm Thành mới. Nhiều nhà quý tộc vẫn đến từ Bắc Kinh để đứng hầu Phổ Nghi. Phổ Nghi vẫn được gọi là Tuyên Thống Hoàng Đế như cũ. Đó là điều tối quan hệ đối với Phổ Nghi.

Các viên chức cao cấp tại Cấm Thành được giao phó các công việc quan trọng coi sóc tài sản của Phổ Nghi tại Bắc Kinh, hoặc đã về hưu, và chỉ còn lại thân phụ của Uyển Dung hoàng hậu mà thôi. Các vị sư phó Trần Bảo Châu và Lỗ Chấn Du thì vẫn ở bên Phổ Nghi và mỗi buổi sáng đều gặp Phổ

Nghi. Những người muốn được bệ kiến Phổ Nghi phải chờ đợi tại tòa nhà một tầng ở cổng phía Tây. Những người khách muốn triều kiến Phổ Nghi gồm có các cựu thần nhà Thanh, các tướng quân, các chính khách, văn nhân, bác sĩ và các chiêm tinh gia. Cảnh sát Nhật đóng tại tòa nhà trước cửa Trương Gia Viên cẩn thận ghi tên những người vào thăm Phổ Nghi.

Việc chi tiêu trong Trương Gia Viên ít hơn trong Cấm Thành nhiều, và Phổ Nghi cũng vẫn còn một tài sản lớn lao. Phổ Nghi đã đem theo nhiều báu vật từ trong Cấm Thành và đem bán lấy tiền bỏ vào ngân hàng lấy tiền lời, hoặc mua những bất động sản để cho thuê. Phổ Nghi vẫn làm chủ một vùng đất tại miền Đông Bắc và miền Bắc Trung Hoa. Nhà Thanh và viên chức chính phủ cộng hòa thiết lập một văn phòng để lo việc cho mượn hoặc bán đất đai thuộc quyền sở hữu của hoàng đế. Khi nhà Thanh mới từ Mãn Châu tiến vào Trung Hoa, một số đất đai được dành cho hoàng đế làm tài sản riêng, và gọi là những “tài sản vòng tròn.” Tài sản vòng tròn là những khu đất được ấn định bằng cách cho một con ngựa chạy vòng tròn trong một khoảng thời gian. Triều đình có một số “tài sản vòng tròn” rất lớn. Bây giờ hai phe cộng hòa và nhà Thanh chia đôi số tiền bán được từ những tài sản đó, và Phổ Nghi dùng số tiền này để chi dụng tại Trương Gia Viên. Ngoài ra Phổ Nghi còn có một số lượng rất lớn những kho tàng nghệ thuật mà trước kia Phổ Nghi giao cho Phổ Kiệt đem ra khỏi Cấm Thành, trong suốt sáu tháng lúc hai anh em mưu toan trốn khỏi Cấm Thành.

Sau khi Phổ Nghi đến sống tại Thiên Tân, Phổ Nghi phải chi tiền cho nhiều cơ sở hoàng gia tại Bắc Kinh, Thiên Tân và Thẩm Dương để lo về các vấn đề như lăng tẩm, các tài sản riêng của hoàng gia và nhiều dịch vụ khác. Nhưng số tiền chi dùng lớn nhất vẫn là tiền dùng để mua chuộc các sứ quân. Không những thế, Phổ Nghi rất là hoang phí, rất thích mua sắm các sản phẩm của Tây Phương. Số tiền dùng để mua xe hơi hoặc kim cương lên tới hai phần ba tiền chi tiêu hàng tháng, và sự chi tiêu xa phí này cứ tăng lên mãi.

Không bao giờ Phổ Nghi và các bà vợ chán mua đàn dương cầm, đồng hồ, radio, âu phục, giày da và kiếng đeo mắt. Uyển Dung hoàng hậu đã trở thành một người rất hợp thời trang tại Thiên Tân, và còn nghĩ ra nhiều cách

tiêu tiền hơn cả Phổ Nghi nữa. Mỗi khi Uyển Dung mua thứ gì thì thứ phi Văn Tú cũng bắt chước mua theo ngay lập tức. Hai bà vợ thi đua nhau tiêu tiền. Nếu Phổ Nghi mua cho Văn Tú món gì thì Uyển Dung cũng đòi phải có, nếu không nàng cảm thấy không xứng đáng với địa vị hoàng hậu của nàng. Điều này lại khiến Văn Tú than phiền và đòi hỏi nhiều hơn nữa. Sự tranh đua mua sắm này khiến Phổ Nghi phải đặt ra một mức chi tiêu hàng tháng cho các bà vợ. Dĩ nhiên Uyển Dung là hoàng hậu và được tiêu nhiều tiền hơn. Thoạt đầu Phổ Nghi cấp cho Uyển Dung mỗi tháng một ngàn quan và Văn Tú tám trăm, nhưng khi gặp khó khăn về tài chánh, Phổ Nghi rút số tiền mua sắm xuống còn ba trăm quan cho Uyển Dung và hai trăm cho Văn Tú.

Vì sự chi tiêu quá phí phạm, Trương Gia Viên dần dần cũng lâm vào thế kẹt tiền, đến nỗi đôi khi không có tiền trả các món thuê mượn lật vặt, và không trả lương cho các cố vấn và nhân viên. Phổ Nghi và hai bà vợ có ý niệm rằng bất cứ cái gì của ngoại quốc cũng tốt, và bất cứ cái gì của Trung Hoa cũng đều xấu.

Phổ Nghi được đối đãi đặc biệt tại các tô giới ngoại quốc, chứ không như các người Trung Hoa khác. Tại các tô giới, người Trung Hoa bị người ngoại quốc rất khinh bỉ, mặc dù các tô giới vốn là đất của người Trung Hoa. Có nhiều nơi cấm người Trung Hoa không được vào với tấm biển cấm như sau: “Cấm Chó và Người Trung Hoa.” Ngoài người Nhật ra, các tổng lãnh sự của các nước Hoa Kỳ, Anh Quốc, Pháp và Ý, cũng như chủ nhân của những hãng xưởng ngoại quốc đều tỏ ra kính trọng Phổ Nghi và gọi Phổ Nghi là “Hoàng Thượng.” Vào những ngày quốc khánh của các nước ấy, Phổ Nghi thường được mời đến duyệt binh, thăm các trại lính, các phi cơ và chiến hạm mới ghé thăm của họ. Họ cũng không quên đến chúc mừng Phổ Nghi vào các dịp Tết Nguyên Đán và sinh nhật của Phổ Nghi.

Trước khi sứ phụ Johnston trở về Anh Quốc, ông đã giới thiệu Phổ Nghi với viên tổng lãnh sự và tư lệnh người Anh tại Thiên Tân. Mỗi khi hai người này thuyên chuyển đi nơi khác thì lại giới thiệu những người kế vị của họ cho Phổ Nghi, vì thế mối liên hệ của Phổ Nghi với người Anh không bao giờ bị gián đoạn. Khi Quận Công Gloucester, hoàng tử thứ ba

của Anh Hoàng ghé Thiên Tân, ông đã đến thăm Phổ Nghi, và nhận một tấm hình của Phổ Nghi tặng Anh Hoàng. Về sau Anh Hoàng cũng viết thư cảm ơn Phổ Nghi, và ra lệnh cho viên tổng lãnh sự tặng lại Phổ Nghi một bức chân dung của Anh Hoàng. Phổ Nghi cũng trao đổi ảnh với vua nước Ý qua vị tổng lãnh sự Ý. Phổ Nghi nhiều lần đến thăm các trại lính ngoại quốc và tham dự các cuộc duyệt binh. Phổ Nghi rất thích thú và cảm thấy người ngoại quốc vẫn coi mình là một vị hoàng đế.

Có một hội quán tại Thiên Tân do người Anh điều khiển và người Trung Hoa không được phép đi qua cổng chính. Phổ Nghi là trường hợp đặc biệt duy nhất được tự do vào chơi và còn có thể đem theo nhiều người trong gia đình nữa. Phổ Nghi thường mặc âu phục mỗi khi đi ra ngoài. Phổ Nghi ăn diện rất bảnh, bao giờ cũng có một viên kim cương trên cà vạt, nút khuy áo bằng kim cương, tay cũng đeo nhẫn kim cương, tay cầm một cây can, và trên sống mũi là một cặp kính Zeiss của Đức. Người Phổ Nghi lúc nào cũng tỏa ra mùi nước hoa Max Factor và có hai ba con chó giống Alsace đi theo, cùng với hai bà vợ ăn mặc cũng cầu kỳ không kém.

Sự ăn mặc của Phổ Nghi đã bị các vị sư phụ Trần Bảo Châu và Hồ Tế Nguyên phàn nàn chỉ trích. Họ không bao giờ phản đối việc chi tiêu quá hoang phí của Phổ Nghi hoặc sự liên lạc với người ngoại quốc, nhưng họ phản đối việc Phổ Nghi đi coi hát hoặc mặc âu phục trong những cuộc viếng thăm chính thức. Họ cho rằng điều Phổ Nghi làm đã hạ phẩm giá của một vị hoàng đế. Khi những cuộc phản đối liên tiếp của họ không được Phổ Nghi nghe theo thì Hồ Tế Nguyên lập tức đệ đơn xin từ chức; Hồ Tế Nguyên ông tự thống trách mình trong đơn gửi cho Phổ Nghi, và xin được về hưu.

Trước kia đã có lần Hồ Tế Nguyên xin về hưu, khi bắt gặp Phổ Nghi và Uyển Dung đi coi hát, để nghe ca sĩ danh tiếng của Bắc Kinh là Mai Lan Phương hát. Phổ Nghi đã phải năn nỉ họ Hồ ở lại, và phải biếu họ Hồ hai chiếc áo lông thú, và hứa nhất định không đi coi hát nữa. Thế là nỗi buồn của Hồ Tế Nguyên biến thành niềm vui, và ca ngợi Phổ Nghi là một đấng anh quân. Lần này Phổ Nghi cũng phải giải quyết sự từ chức của họ Hồ như lần trước.

Sinh nhật năm hai mươi tuổi của Uyển Dung là năm đầu tiên Phổ Nghi sống tại Thiên Tân, và thân phụ Uyển Dung muốn mời một ban hòa tấu ngoại quốc tới chơi nhạc trong tiệc sinh nhật. Mấy vị cố vấn và sư phụ của Phổ Nghi nghe tin đó liền vội vàng tới phản đối, vì theo họ âm nhạc ngoại quốc có những âm thanh rên rỉ đau thương, và không thể dùng cho ngày sinh nhật của hoàng hậu được. Do đó tiệc sinh nhật của Uyển Dung không có ban hòa tấu, và vị cố vấn già đứng ra phản đối được thưởng 200 quan. Đây là lúc Phổ Nghi bắt đầu ban thưởng cho những viên chức chỉ trích mình.

Kể từ đó cho tới lúc bị quân Nga cầm tù, Phổ Nghi không bao giờ đi coi hát hoặc tới tiệm hớt tóc nữa. Lý do Phổ Nghi tuân theo lời khuyên của Hồ Tế Nguyên không phải vì sợ ông ta than phiền mãi, mà vì Phổ Nghi sợ làm mất phẩm cách của một hoàng đế khi đi coi hát. Phổ Nghi áp dụng lời khuyên của Hồ Tế Nguyên một cách quá đáng khi từ chối không tiếp kiến hoàng tử Thụy Điển, chỉ vì hoàng tử Thụy Điển chụp hình chung với ca sĩ Mai Lan Phương trên báo. Hồ Tế Nguyên và Trần Bảo Châu cho rằng phẩm cách của một hoàng đế rất quan trọng cho sự khôi phục ngai vàng, và Phổ Nghi rất mực nghe theo những lời khuyên trung thành của họ. Mặc dù sống một cuộc đời kỳ lạ trong một khu vực của người ngoại quốc, Phổ Nghi luôn nhớ rằng một hoàng đế phải tuân theo các luật lệ cũ của hoàng gia.

Thực ra cuộc sống mới trong ánh đèn rực rỡ của Thiên Tân, cùng với quan niệm tự do cá nhân sau bao nhiêu năm sống cấm cung trong Tử Cấm Thành, không những đầu độc vị hoàng đế trẻ, mà còn lôi cuốn cả hoàng hậu Uyển Dung và Thục phi Văn Tú nữa. Uyển Dung bây giờ lấy thêm một tên ngoại quốc nữa là Elizabeth cho hợp thời trang. Văn Tú thì không chịu mang tên Tây Phương. Cả hai bà vợ trẻ đều đi theo ông hoàng trẻ đến Thiên Tân cùng với người em thân cận nhất của Phổ Nghi là Phổ Kiệt. Phổ Kiệt cũng có một tên mới là William. Về sau hai người em trai khác và năm người em gái của Phổ Nghi cũng tìm đến Thiên Tân gia nhập nhóm người lưu vong. Thân phụ của Phổ Nghi là Thuần Thân Vương cùng với ba người con khác quyết định ở lại Bắc Kinh, và cố gắng dung hòa với chính thể

cộng hòa.

Mối tình tay ba giữa Phổ Nghi và hai bà vợ bị coi là lỗi thời tại Thiên Tân, và gây cho hai bà vợ nhiều bức mình khó chịu, đặc biệt là Văn Tú, khi nàng nhớ lại rằng nàng là chọn lựa đầu tiên của Phổ Nghi, và đáng lẽ nàng phải là hoàng hậu mà bây giờ phải thua kém Uyển Dung. Nàng rất bất bình trong các buổi tiếp tân công cộng khi nàng phải đứng hoặc ngồi sau Uyển Dung. Vì ghen với Uyển Dung, Văn Tú cảm thấy tình trạng gia đình căng thẳng, và đời sống chồng vợ giả tạo của nàng không thể chấp nhận được tại một thành phố lớn và đầy những lời đồn đãi của Thiên Tân.

Văn Tú nhận thấy cuộc đời trong xã hội mới, người đàn bà không thể chịu đựng được cảnh làm một người vợ bé, dù là thứ phi của một ông vua. Nàng can đảm đòi ly dị. Chưa bao giờ trong lịch sử Trung Hoa có vợ một hoàng đế phản đối hôn nhân của mình và đòi ly dị. Dĩ nhiên Phổ Nghi cực kỳ phẫn nộ. Tuy nhiên ly dị rất là đơn giản theo luật lệ Trung Hoa. Thủ tục ly dị rất dễ dàng, chỉ cần hai bên đồng ý hủy bỏ tình trạng hôn phối của mình, và có hai người làm chứng hiện diện là xong. Thoạt tiên Phổ Nghi không chấp nhận cho Văn Tú ly dị, nhưng Văn Tú hăm dọa sẽ công khai nộp đơn ly dị tại tòa án Thiên Tân nếu nội bộ không dàn xếp xong. Thế là Phổ Nghi và các cố vấn phải nhượng bộ. Ngay khi giấy tờ ly dị ký xong, Văn Tú liền thu xếp số tư trang ít ỏi của nàng, và rời Trương Gia Trang về Bắc Kinh.

Tình chồng vợ giữa Phổ Nghi và Uyển Dung cũng có nhiều căng thẳng. Bất mãn trước một ông chồng bất lực và không thích đàn bà, Uyển Dung thường cãi nhau với Phổ Nghi và gọi chồng là "Thái giám." Người ta đồn rằng Uyển Dung phải tìm quên bằng thuốc phiện. Nhưng người ta không tìm ra chứng cứ Uyển Dung hút thuốc phiện trong thời kỳ này, mặc dù về sau này nàng nghiện thuốc phiện. Giống như Phổ Nghi, nàng cũng thèm muốn ngai vàng với chức hoàng hậu thực sự. Và cũng vì thế nàng rất hăng say với chức vụ hoàng hậu của nàng, và hy sinh chịu đựng một cuộc sống vợ chồng tẻ lạnh. Trong cuốn "Một Gia Đình Đi Đầy," tác giả Nora Waln đã mô tả Uyển Dung như sau:

"Tôi chưa bao giờ gặp một người đàn bà, dù là thuộc giống dân gì, có thể

đẹp như hoàng hậu cuối cùng của nhà Thanh năm 1927. Uyển Dung cao và mảnh mai, mái tóc đen huyền, da như cánh hoa hồng và bàn chân cong lên và rất mềm mại. Bàn tay nàng ngón rất thanh và móng tay có hình bán nguyệt, và đôi mắt màu nâu của nàng thật là dịu dàng.”

Nora trở thành bạn thân của Uyển Dung, và trong suốt cuốn sách mô tả người bạn thân của mình, Nora không hề nhắc tới việc Uyển Dung nghiện thuốc phiện.

Tuy đẹp như thế mà Uyển Dung lúc nào cũng ghen với Văn Tú, vì nàng biết Văn Tú là người được Phổ Nghi chọn đầu tiên. Uyển Dung rất ít khi nói chuyện với Văn Tú và có vẻ ham muốn tình yêu xác thịt hơn. Chính vì vậy Phổ Nghi lo sợ không làm thỏa mãn Uyển Dung về tình dục, nên thường tránh Uyển Dung và hay gần gũi Văn Tú là người không mấy quan tâm đến việc gối chăn. Khi Văn Tú ly dị và rời Trương Gia Viên, Uyển Dung rất đỗi sung sướng và ăn mừng ngày ra đi của Văn Tú bằng một ngày đi mua sắm thỏa thích.

Việc ly dị của Văn Tú đã gây ra một sự bất thường trong cuộc đời hoàng gia mà Phổ Nghi muốn giữ vững. Việc ly dị của Văn Tú bắt Phổ Nghi phải viết một đạo dụ cách chức thứ phi của Văn Tú, và biến nàng thành một người thường dân. Khi Văn Tú đòi ly dị, Phổ Nghi mới nhận thấy sự trống rỗng trong cuộc sống tại Trương Gia Viên. Dù Phổ Nghi chỉ có một vợ thôi thì người vợ ấy cũng không tìm thấy hứng thú sống chung với Phổ Nghi, bởi vì tất cả mối quan tâm của ông vua thất thế này là lo khôi phục ngai vàng, và không thiết gì đến thú vui chồng vợ và gia đình. Phổ Nghi thú nhận rằng không hề biết gì về tình yêu. Trong các cuộc hôn nhân khác, vợ chồng bình đẳng với nhau, nhưng trong trường hợp Phổ Nghi thì cả hoàng hậu và thứ phi chỉ là những người nô lệ, là những dụng cụ của một ông chủ.

Bởi vậy một người đàn bà muốn sống một cuộc đời đáng sống thì phải hành động như Văn Tú. Ngay từ hồi còn ở Cấm Thành, Văn Tú đã viết một bài văn ngắn, phản ánh ý nghĩ của nàng về một cuộc đời khô khan buồn tẻ của nàng. Nàng đã được nuôi dưỡng từ tuổi nhỏ để chấp nhận Tam Tông và Tứ Đức mà xã hội cũ rất trọng. Nàng trở thành một thứ phi trong cung cấm trước khi nàng được mười bốn tuổi, và những ý tưởng sâu xa của nàng về

bốn phận làm vợ vẫn là tùng phục trượng phu của nàng một cách tuyệt đối. Thế mà nàng đứng lên đòi ly dị thì quả thực nàng đã có một sự can đảm phi thường. Người con gái đáng thương ấy đã nhất quyết vượt qua mọi trở ngại lớn lao, để tìm một cuộc đời tự do đáng sống bên ngoài cái lồng son tù đầy.

Tuy nhiên sau cuộc ly dị, Văn Tú đã bị đối xử không đẹp. Nàng đã được chính gia đình khuyến khích đòi ly dị, chỉ vì gia đình nàng muốn có một số tiền cấp dưỡng lớn, nhưng gia đình nàng đã tạo ra cho nàng một cảnh huống rất căng thẳng về tinh thần. Sau khi ly di, Văn Tú phải trả tiền luật sư và gia đình nàng lấy đủ số tiền mà họ muốn, thì Văn Tú cũng chẳng còn là bao trong tổng số tiền cấp dưỡng năm chục ngàn quan, trong khi những đau đớn về tinh thần của nàng thì thực là lớn lao. Một người anh ruột của nàng công bố một lá thư công cộng tại Thiên Tân, buộc tội nàng đã vô ơn với nhà Thanh. Cuộc đời của Văn Tú sau khi ly dị cũng không được hạnh phúc. Nàng phải làm một cô giáo viên tiểu học để sinh sống. Nàng ở vậy không lấy chồng nữa và từ trần năm 1950, vài tháng sau khi cộng sản chiếm Hoa Lục, và Mao Trạch Đông trở thành một thứ "hoàng đế nhân dân" ngự trị trong Cẩm Thành, thay thế các vị hoàng đế nhà Thanh.

Tháng 7 năm 1929, Phổ Nghi dọn vào An Hoa Viên. Cuộc Bắc Phạt của Tưởng Giới Thạch đã thành công. Các sứ quân mà Phổ Nghi có liên lạc mật thiết và đã từng nhận nhiều tiền của Phổ Nghi bị Tưởng đánh tan. Đông Tam Tỉnh, ba tỉnh về phía Đông Bắc mà Phổ Nghi đặt hết hy vọng sẽ theo mình, thì nay ba tỉnh đó công bố trung thành với chính phủ Nam Kinh của Tưởng Giới Thạch. Mọi người trong An Hoa Viên đều rất đổi bi quan. Các cựu thần nhà Thanh vẫn đi theo Phổ Nghi nay cũng bỏ đi, và chỉ còn hai người vẫn nói đến việc phục hồi nhà Đại Thanh là Trịnh Thiếu Tự và Lỗ Chấn Du. Và mọi người vẫn lo âu không biết Tưởng Giới Thạch sẽ đối xử với nhà vua cuối cùng của người Mãn Châu như thế nào.

Tuy nhiên sự chiến thắng của Tưởng Giới Thạch không kéo dài lâu lắm. Công cuộc thống nhất Trung Hoa của họ Tưởng vẫn chỉ là một giấc mơ ngắn ngủi. Dưới chế độ Quốc Dân Đảng vẫn có nội chiến như dưới thời các

sứ quân miền Bắc. Hy vọng lại trở về với An Hoa Viên. Phổ Nghi bây giờ tin tưởng rằng sự thống nhất Trung Hoa chỉ thực hiện được bằng chính Phổ Nghi. Đây không những là quan điểm riêng của Phổ Nghi, mà là của các cố vấn người Nhật nữa. Phổ Nghi vẫn kiên nhẫn chờ đợi trong An Hoa Viên cái ngày vinh quang được bước lên ngai vàng một lần nữa.

Nguyễn Vạn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Chương 14

Biến Cố Mukden (Thẩm Dương)

Những vụ khai quật lăng tẩm nhà Đại Thanh đã khiến Phổ Nghi phải đi tìm những liên lạc mật thiết với Quân Đoàn Quan Đông và đảng Hắc Long của người Nhật. Trên thực tế Phổ Nghi đang điều khiển một chính phủ lưu vong,...và Quân Đoàn Quan Đông đặt ra một phòng đặc biệt tại một cơ sở bí mật để liên lạc với Phổ Nghi. Trong những cuộc tiếp xúc với người Nhật, Phổ Nghi vô cùng phấn khởi. Cả Phổ Nghi và người Nhật đều đồng ý ba điểm sau đây: công nhận sức mạnh quân sự siêu việt của người Nhật, sự thua kém và phân hóa của người Trung Hoa, và Trung Hoa đang cần có một vị hoàng đế.

Sự thân thiện mật thiết giữa Quân đoàn Quan Đông và Phổ Nghi là một trong vài biến chuyển giữa các năm 1929 và 1931 đã ảnh hưởng tới việc Nhật Bản tấn chiếm Mãn Châu. Các biến chuyển quan trọng khác là: sự thành công của Tưởng Giới Thạch hóa giải được các sứ quân; tinh thần quốc gia của người Trung Hoa đang dâng cao, đặc biệt là trong giới trẻ; sự quyết định của Thống Chế Trương Học Lương sát nhập Mãn Châu vào Trung Hoa; sự tranh chấp giữa Nga Sô và Trung Hoa tại Mãn Châu; sự bành trướng của đảng cộng sản Trung Hoa; và tình hình nội bộ Nhật Bản.

Cuộc Khủng Hoảng Kinh Tế của thế giới năm 1929 đã gây nhiều bất ổn tại Nhật về kinh tế, chính trị và xã hội. Nạn thất nghiệp gia tăng; quân đội và giới trẻ rất bất mãn. Những nhóm quốc gia quá khích chống đối hệ thống quốc hội dân chủ bắt chước Tây Phương và cũng chống đối các hãng kỹ nghệ của đại tư bản. Lúc đó dường như chỉ có các đại công ty thương mại và kỹ nghệ là đang hưởng lợi nhờ hoàn cảnh công nhân rẻ. Các nhóm quá khích trong quân đội và giới thanh niên tạo ra một mặt trận chung, và đòi hỏi phải thiết lập một quốc gia quân sự xã hội, trong đó phải quốc hữu hóa các đại kỹ nghệ, và bãi bỏ các quyền tự do cá nhân. Tinh thần cô lập và ái quốc quá khích, cộng với những chiến thắng quân sự dễ dàng trước những

đối thủ yếu kém như Cao Ly và Trung Hoa, đã nâng cao tinh thần chiến sĩ cổ truyền của Nhật Bản. Đại đa số người Nhật tin tưởng vào sự bất bại của quân đội hoàng gia. Giới dân sự hiểu biết và sáng suốt, phe quý tộc và các chủ công ty kỹ nghệ nhận biết sự sai lầm sinh tử của đại đa số quá khích, nhưng họ không có sức mạnh đương cự lại làn sóng quá khích đang dâng lên của quần chúng.

Quần chúng Nhật đã bùng nổ sôi nổi nhưng Quân Đoàn Quan Đông còn bồn chồn nóng nảy hơn nhiều. Quân Đoàn Quan Đông lúc đó không khác gì một tên cướp đói, một mắt hướng về miền Nam Trung Hoa, và một mắt quay nhìn về phía Nga Sô. Quân Đoàn này cảm thấy cần phải ra tay ngay để chiếm Mãn Châu cho Nhật Bản.

Năm 1929, một năm sau biến cố khai quật lăng tẩm nhà Đại Thanh, chính phủ cộng hòa Nam Kinh thấy tinh thần quốc gia bừng bừng nổi dậy, thừa thắng xông lên, muốn thử sức với Nga Sô, và đòi Nga Sô phải thực thi những lời hứa của Lenin từ bỏ quyền hạn của Nga Sô tại Mãn Châu. Trung Hoa đóng cửa các xí nghiệp của Nga tại Mãn Châu, chiếm hệ thống viễn thông của Nga Sô dọc theo hệ thống Đông Hỏa Xa, và trục xuất người Nga. Áp lực với người Nga là một phần của chính sách diệt cộng trong nước của Tưởng Giới Thạch.

Stalin phản ứng cực kỳ mãnh liệt. Quân đội Nga Sô mở hàng loạt những cuộc tấn công dọc theo biên giới Nga Sô và Mãn Châu. Đến cuối năm 1929, các cuộc tấn công này trở thành một cuộc xâm lăng quân sự vào Mãn Châu. Tưởng Giới Thạch lên án cuộc xâm lăng của cộng sản Nga là sự tiếp nối chính sách xâm lăng Trung Hoa của các Nga Hoàng. Hết trận này đến trận khác, quân Trung Hoa phải liên tiếp bỏ chạy trước hồng quân Nga Sô. Tưởng Giới Thạch bắt buộc phải tới bàn hội nghị ở thế yếu, và phải chấp nhận nguyên trạng của Nga Sô tại Mãn Châu. Chính lúc Trung Hoa bị thảm bại nhục nhã trước giống bạch quý, thì đảng cộng sản Trung Hoa bắt đầu thành lập những căn cứ Sô Viết tại Trung Hoa.

Đối với Quân Đoàn Quan Đông, đặc biệt là nhóm quá khích của các đại tá Doihara và Itagaki, thì việc Nga Sô xâm lăng Mãn Châu và việc cộng sản bành trướng tại Trung Hoa là những điềm xấu, báo trước những sự bất lợi

sẽ xảy ra. Quân Đoàn Quan Đông không bao giờ chấp nhận việc Nga Sô tách rời Mãn Châu ra khỏi Trung Hoa, và dùng làm địa bàn cho cộng sản Trung Hoa chống lại Tưởng Giới Thạch. Đây chỉ là sự lập lại của trò tranh chấp cố hữu tại Mãn Châu, và câu hỏi bây giờ là ai sẽ chiếm Mãn Châu trước: Nga Sô, Nhật Bản hay Trung Hoa? Người Mãn Châu thì kể như bỏ đi rồi. Vì thế các đại tá Doihara và Itagaki dự định ra tay trước tại Mãn Châu, với lá bài vô giá là: Mãn Châu Hoàng Đế Phổ Nghi.

Mùa hè năm 1931, em trai của Phổ Nghi là Phổ Kiệt trở về Thiên Tân, trong bộ binh phục Nhật Bản uy nghi hùng dũng. Phổ Kiệt cũng đem về cho Phổ Nghi lời nhắn gửi của đảng Hắc Long và giới quân phiệt Nhật. Phổ Kiệt được căn dặn nói với Phổ Nghi rằng hoàn cảnh của Phổ Nghi không hề tuyệt vọng.

Tác giả Nora Waln cũng xác nhận sự hứng khởi của vợ chồng Phổ Nghi. Trong một bữa ăn trưa do vợ chồng Phổ Nghi thiết đãi, Nora được Uyển Dung cho biết lúc đó

người Nhật liên lạc với Phổ Nghi một cách chặt chẽ, mặc dầu không chính thức. Các viên chức nhà Thanh nhiệt tâm hoạt động để phục hồi nhà Thanh cũng thường đến gặp Phổ Nghi.

Uyển Dung còn nói thêm, vợ chồng Phổ Nghi vẫn cố tránh không dính líu quá nhiều đến chính trị. Tuy nhiên lời nói này là một sự cố gắng che giấu sự thực. Mặc dầu Uyển Dung và chồng không chung một giường như các cặp vợ chồng bình thường khác, nhưng cả hai đều nhắm một mục tiêu chính trị: Ngai vàng nhà Thanh. Nếu không có hấp lực của ngai vàng đó thì có lẽ Uyển Dung không thể hy sinh đời mình để sống với ông chồng giả hiệu, không làm nổi nhiệm vụ thông thường của một người chồng. Đúng ra Phổ Nghi đã dùng bà vợ trong cái thành phố lảm chuyện của Thiên Tân để đánh hỏa mù về các dự định tương lai của mình trong giới ngoại giao.

Đến cuối mùa hè năm đó, đại tá Doihara trả lời cuộc phỏng vấn cho những tờ báo lớn của Nhật Bản. Viên đại tá bốn mươi tám tuổi này cũng vừa được bổ nhiệm vào một chức vụ trong tổng hành dinh của Quân Đoàn Quan Đông tại Mukden. Doihara tuyên bố: “Người ta không thể biết trước được những gì sẽ xảy ra tại Mãn Châu.” Nhưng chỉ vài ngày sau, đại sứ

Mỹ tại Trung Hoa là Nelson Johnson đánh điện về Hoa Thịnh Đốn báo động rằng tình báo của Tưởng Giới Thạch tin chắc rằng “Nhật Bản sẽ chiếm Mãn Châu trong vòng ba tháng nữa.” Tuy nhiên Johnson rất lạc quan và không tin vào các bản tin tình báo của Trung Hoa.

Trong bản báo cáo về Hoa Thịnh Đốn, Johnson viết: “Tôi nghĩ rằng hành động như vậy của người Nhật là điều không thể xảy ra được. Người Nhật mà hành động như thế thì có vẻ quá khích quá, đặc biệt là họ có thể khai thác được Mãn Châu trong khi người Trung Hoa phải trả mọi chi phí điều hành chính phủ.” Phản ứng của Johnson dĩ nhiên là rất hợp lý theo quan điểm của một nhà quan sát thông minh và theo đúng sách vở. Ông không nắm được vững tinh thần người Nhật. Lúc đó người Nhật rất quá khích và cuồng nhiệt, không quan tâm tới mục tiêu vinh quang, nhưng thèm khát quyền lực, và ước vọng muốn làm lại thế giới với sự quá khích của họ. Cũng trong năm đó, đảng Hắc Long tung ra một tờ truyền đơn, tuyên bố: “Sự thành lập một nước Mãn Châu-Mông Cổ độc lập không thể chậm trễ nữa.”

Đại Sứ Johnson vẫn tiếp tục gửi về Hoa Thịnh Đốn những tin tức mới nhất về hiện tình Trung Hoa. Ngày 12 tháng 9, ông gửi về một báo cáo cho biết mối quan tâm của chính phủ Nam Kinh về các biến chuyển tại Mãn Châu, và tin tức quân đội Nhật tại Cao Ly mới được tăng cường thêm hai sư đoàn, đóng dọc sông Áp Lục nằm giữa biên giới Cao Ly và Mãn Châu.

Thế rồi cái ngày người ta vẫn phập phồng lo ngại đã xảy ra: đó là Biến Cố Mukden ngày 18 tháng 9 năm 1931. Đây là cái ngày Phố Nghi đã bồn chồn nóng nảy chờ đợi đã từ 19 năm qua. Mukden vốn là kinh đô cổ xưa của người Mãn Châu, và ngày nay là Thẩm Dương, thủ phủ của tỉnh Liêu Ninh. Biến cố này là tác phẩm ngoạn mục của hai đại tá Doihara và Itagaki, như là một lý do chính đáng để quân Nhật chiếm Mãn Châu.

Theo bản tin của Quân Đoàn Quan Đông thì một trung úy Nhật cùng sáu binh sĩ làm nhiệm vụ tuần tiễu thông thường tại khu vực phía Bắc Mukden, dọc theo đường xe lửa của Đường Hỏa Xa Nam Mãn Châu do Nhật kiểm soát. Bỗng nhiên toán tuần tiễu nghe thấy một tiếng nổ lớn. Họ vội chạy lại chỗ nổ thì thấy một đoạn đường rầy khoảng gần một thước bị nổ văng đi.

Trong lúc toán tuần tiễu đang quan sát thì họ bị xạ kích, và phải nằm chúi xuống. Ngay lúc đó có đèn rọi chiếu sáng của một chuyến xe lửa đang chạy tới. Khi tới chỗ nổ, xe lửa bị nghiêng hẳn qua một bên, nhưng tài công điều chỉnh được và xe lửa tiếp tục chạy, và tới Mukden đúng mười giờ rưỡi tối. Khi xe lửa đi qua rồi, toán tuần tiễu lại bị xạ kích mạnh mẽ, đến nỗi viên trung úy phải gọi về Mukden cầu cứu. Thế là thủ đô Mãn Châu bị tràn ngập mau lẹ. Tướng tư lệnh Nhật tại Cao Ly được yêu cầu đem quân tăng viện, mặc dầu Quân Đoàn Quan Đông không gặp một sự kháng cự nào. Trong vòng vài tuần, quân Nhật chiếm hết Mãn Châu mà không bị thiệt hại gì cả. Tờ nhật báo Tin Mãn Châu bằng Anh Ngữ do Nhật Bản tài trợ, đã tóm tắt biến cố này như sau: “Tất cả đều công bằng trong tình yêu và chiến tranh. Sự thực chỉ có vậy.”

Quân Đoàn Quan Đông đã hoàn thành một cuộc xâm chiếm ngoạn mục, và về sau này quân Nhật đã xâm chiếm toàn thể Đông Nam Á trong vài tuần lễ. Ngoại giao đoàn tại Trung Hoa kinh hoàng. Đại Sứ Johnson điện về Hoa Thịnh Đốn: “Chúng tôi tin rằng lý do chính thực mà người Nhật tấn công Mãn Châu là chủ trương của quân đội Nhật muốn đánh một đòn chí tử vào Trung Hoa.” Và bây giờ tên của Phổ Nghi đã được nhiều công điện quốc tế nhắc nhở tới. Viên lãnh sự của Mỹ tại Mukden báo cáo: “Người Nhật đang dự định kế hoạch đặt cựu Hoàng Đế Tuyên Thống đứng đầu chính phủ tại Mãn Châu. Nếu người Trung Hoa, Hoa Kỳ và các nước khác hoảng hốt trước cuộc tấn công chớp nhoáng của Quân Đoàn Quan Đông, thì chính phủ Nhật cũng kinh hoàng không kém. Theo lời Kisuke Okada, cựu thủ tướng Nhật thì “Cái gọi là biến cố Mukden không làm các viên chức Nhật Bản ngạc nhiên.” Nhưng vai trò của quân Nhật trấn đóng tại Cao Ly, vượt qua biên giới tiến vào Mãn Châu mà không có lệnh của Nhật Hoàng, và khinh thường chính phủ, đã tạo ra một cuộc khủng hoảng tại Đông Kinh. Okada tuyên bố. “Quân đội trong những năm đó hoàn toàn bất tuân sự kiểm soát và kiểm chế của chính phủ.”

Một vài phóng viên ngoại quốc tại Mãn Châu lúc đó cảm thấy rằng, sự kinh ngạc của Đông Kinh trước biến cố Mukden đã cho thấy một sự rạn nứt giữa giới dân sự ôn hòa và phe quân phiệt quá khích, và nếu có một cuộc

phản đối mãnh liệt của các cường quốc, hoặc chỉ mình Hoa Kỳ thôi, cũng đủ bắt Quân Đoàn Quan Đông phải rút lui. Nhưng nhiều người Hoa Kỳ cho rằng một biến cố ở một nơi xa xôi và không rõ ràng ấy chẳng có ảnh hưởng gì. Từ Bắc Kinh, Nelson Johnson đã tóm tắt quan điểm của ông như sau: “Dù Trung Hoa cai trị Mãn Châu hoặc Nhật Bản cai trị Mãn Châu, hoặc Nga Sô cai trị Mãn Châu thì Hoa Kỳ cũng chẳng quan tâm đến việc đó.”

Tuy thế, trong một thời gian ngắn, sức tiến của Quân Đoàn Quan Đông cũng ngưng lại. Quân đội Nhật đang nghe ngóng phản ứng của các đại cường, nhất là Hoa Kỳ, để xem nên tiến nữa hay tạm ngừng lại với chiến lợi đã đạt được. Trong một cuộc họp báo tại Hoa Thịnh Đốn, Tổng Thống Hoover xác nhận rằng quân đội Nhật Bản đã tiến quân loạn xạ, có nghĩa là Hoa Kỳ đã biết việc xâm lăng Mãn Châu của Nhật Bản nhưng chuyện đó không có gì quan trọng. Nhưng theo nhận xét của phóng viên tờ Manchester Guardian tại Mukden thì “khi Quân Đoàn Quan Đông khám phá rằng Hoa Kỳ không muốn can thiệp vào sự xâm lăng của Nhật tại Mãn Châu thì họ lại làm tới.”

Biến cố Mukden đã có những hậu quả sâu xa. Mukden chính là khởi điểm cho việc thiết lập một đế quốc mới cho Nhật Bản. Đế quốc này trải dài dọc bờ phía Tây của Thái Bình Dương, từ Cao Ly chạy xuống tới Tân Guinea. Biến cố Mukden chỉ là một đòn thăm dò của quân đội Nhật, và cũng chính biến cố này đã đưa tới trận tấn công Trân Châu Cảng. Biến cố này cũng làm Hội Quốc Liên tan rã. Sau nhiều tuần lễ bàn cãi sôi nổi, trong lúc quân đội Nhật củng cố sự chiếm đóng Mãn Châu, ngày 10 tháng 12 năm 1931, Hội Quốc Liên mới quyết định bổ nhiệm một phái đoàn điều tra do Huân tước Lytton cầm đầu. Mãi đến ngày 1 tháng 10 năm 1932, phái đoàn này mới đưa ra được một bản báo cáo cuối cùng và được cân nhắc kỹ lưỡng. Trong bản báo cáo Lytton, Hội Quốc Liên buộc tội Nhật Bản là kẻ xâm lăng. Thế là Đông Kinh bước ra khỏi Hội Quốc Liên, và kể từ đó Hội Quốc Liên không còn hoạt động nữa.

Cuộc xâm chiếm Mãn Châu đem lại cho Nhật Bản nhiều lợi ích về quân sự. Trước hết, đó là bàn đạp đầu tiên của Nhật tại lục địa Á Châu, và là căn cứ quan trọng và cần thiết để mở cuộc chinh phục Trung Hoa bên dưới Vạn

Lý Trường Thành. Nhưng hậu quả quan trọng nhất là biến cố Mukden đã cho Hitler của Đức và Mussolini của Ý một kinh nghiệm về phản ứng của Tây Phương. Sau này chính Hitler và Mussolini đã bắt chước Nhật làm những cuộc tấn công cục bộ tại Âu Châu mà không gặp phản ứng của các cường quốc Hoa Kỳ, Anh và Pháp. Về sau chính Nhật Bản lại tái áp dụng kinh nghiệm Mukden một lần nữa tại Lư Cầu Kiều để lấy cớ đánh chiếm Bắc Kinh, mở đầu cho cuộc Trung-Nhật chiến tranh đẫm máu.

Riêng đối với Phổ Nghi thì đây là cơ hội được bước lên ngai vàng một lần nữa, và có một căn cứ để hy vọng trả thù cho linh hồn các tiên đế, phục hồi lại di sản nhà Thanh và tái chiếm Cấm Thành. Trong mùa hè 1931, sau hai năm chờ đợi trong An Hoa Viên, Phổ Nghi nhận được tin của Tướng Honjo, tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông, thông báo Phổ Nghi phải sửa soạn chờ ngày lên đường trở về Mãn Châu. Trong lúc chờ đợi, Phổ Nghi viết sẵn những đạo dụ bổ nhiệm các chức quan tước của triều đình mới, và sai hai người cháu vừa tốt nghiệp trường Võ Bị Sĩ Quan Nhật Bản, đi lên vùng Đông Bắc để chiêu dụ lấy lòng các thân vương Mông Cổ. Phổ Nghi cũng đưa cho hai người cháu nhiều vàng ngọc đem biếu các lãnh tụ Mãn Châu. Các lãnh tụ Mãn Châu đã sớm đầu hàng quân đội Nhật. Theo lời yêu cầu của một sĩ quan Nhật cao cấp, Phổ Nghi viết một lá thư cho lãnh tụ kháng chiến quân Mã Chiếm Sơn và một số thân vương Mông Cổ, khuyên họ nên hàng phục người Nhật.

Phổ Nghi cũng viết thư ra lệnh cho em trai đang du học tại Nhật Bản, phải liên lạc với tân bộ trưởng Chiến Tranh và thủ lĩnh đảng Hắc Long. Phổ Nghi cẩn thận viết những lá thư bằng lụa vàng. Ba tuần sau khi gửi thư đi, Phổ Nghi được gặp Đại Tá Doihara, đại diện cho Quân Đoàn Quan Đông. Doihara chuyển lời của các cấp chỉ huy của ông ta cho Phổ Nghi biết rằng đã đến lúc Phổ Nghi phải rời Thiên Tân để đi lên vùng Đông Bắc. Doihara xây dựng binh nghiệp qua cuộc xâm lăng Trung Hoa. Doihara đến Trung Hoa năm 1913 và là phụ tá cho một đại tướng trong Quân Đoàn Quan Đông. Năm 1924, Doihara cộng tác mật thiết với Trương Tác Lâm, nhưng khi Quân Đoàn Quan Đông muốn loại bỏ Trương Tác Lâm năm 1928, thì chính Doihara là người tham dự kế hoạch đặt bom ám sát họ

Trương. Ngay sau đó, Doihara được thăng chức đại tá và giữ nhiệm vụ điều khiển các hoạt động tình báo tại tổng hành dinh Mukden. Trong những năm từ 1931 đến 1937, Doihara tham dự nhiều hoạt động bí mật phá hoại tại Trung Hoa, như tổ chức bạo động, thiết lập các thứ chính phủ bù nhìn, và đặt kế hoạch khai ngòi chiến tranh, cũng như các hoạt động lật đổ các tổ chức chính quyền Trung Hoa. Năm 1937, Doihara được thăng chức tướng.

Trong cuộc tiếp xúc lần đầu với Phổ Nghi, Doihara ân cần hỏi thăm sức khỏe của Phổ Nghi, rồi giải thích các hoạt động của người Nhật cho Phổ Nghi biết. Để tránh mọi sự hiểu lầm, Doihara nhờ Yoshida làm thông dịch viên trong cuộc đối thoại với Phổ Nghi. Theo Doihara thì sở dĩ người Nhật phải ra tay chiếm Mãn Châu là vì Trương Học Lương đã đưa Mãn Châu vào một tình trạng tuyệt vọng, và Nhật Bản đã phải dùng đến võ lực để giúp Mãn Châu. Doihara quả quyết rằng Nhật Bản không hề có tham vọng đất đai tại Mãn Châu, và thành thực muốn bảo vệ người Mãn Châu và giúp họ thành lập một quốc gia độc lập. Doihara hy vọng rằng Phổ Nghi không nên bỏ lỡ cơ hội tốt đẹp được trở về vùng đất tổ, để nắm quyền lãnh đạo Mãn Châu. Nhật Bản sẽ ký một thỏa ước liên kết với Mãn Châu và chủ quyền quốc gia và lãnh thổ của tân quốc gia sẽ được Nhật Bản bảo vệ. Với tư cách là người lãnh đạo, Phổ Nghi sẽ xử lý mọi việc.

Nhưng vẫn còn một vấn đề lớn làm Phổ Nghi rất đổi lo ngại, và Phổ Nghi hỏi Doihara tân quốc gia Mãn Châu sẽ theo chính thể nào.

Doihara trả lời úp mở, “Theo như tôi được biết thì đó là một quốc gia độc lập và tự chủ, và dưới quyền lãnh đạo của Hoàng Thượng.”

Phổ Nghi hỏi tới, “Đó không phải là điều tôi muốn hỏi. Tôi ước muốn biết quốc gia sẽ theo chính thể cộng hòa hay quân chủ? Có phải là một nước theo chế độ quân chủ không?”

“Vấn đề này sẽ được giải quyết sau khi Hoàng Thượng tới Mukden.”

Phổ Nghi nhấn mạnh, “Không. Tôi sẽ chỉ đi Mãn Châu nếu đó là một cuộc phục hồi ngai vàng.”

Doihara khẽ mỉm cười và trả lời, giọng vẫn ôn tồn như cũ, “Dĩ nhiên tân quốc gia sẽ là một nước quân chủ; điều đó rõ ràng lắm rồi.”

“Tốt lắm. Nếu là chế độ quân chủ thì tôi sẽ đi.”

“Trong trường hợp đó, tôi xin Hoàng Thượng khởi hành đi Mãn Châu ngay, và phải trước ngày 16. Chúng ta sẽ bàn cãi về chi tiết tại Mukden. Yoshida sẽ thu xếp cho chuyến đi của Hoàng Thượng.”

Sau khi Doihara trở về Mãn Châu rồi, Yoshida bảo Phổ Nghi đừng nói một điều gì cho tổng lãnh sự Nhật biết về cuộc gặp gỡ Doihara, và hẳn sẽ thu xếp chuyến đi của Phổ Nghi tới tận Đại Liên. Phổ Nghi muốn giữ kín việc gặp gỡ Doihara, nhưng ngay ngày hôm sau các báo đã loan tin đó. Trần Bảo Châu và một số vị sứ phó khác rất kinh hoàng khi hay tin Phổ Nghi gặp gỡ Doihara. Ba ngày sau khi gặp Doihara, Phổ Nghi phải tiếp một phái đoàn của chính phủ Nam Kinh do Tưởng Giới Thạch phái tới. Bây giờ Tưởng đề nghị tái lập lại các Đặc Ân cho Phổ Nghi, và mỗi năm trợ cấp cho Phổ Nghi một món tiền lớn, với điều kiện Phổ Nghi không được sống tại Nhật Bản hoặc vùng Đông Bắc. Làm sao Phổ Nghi có thể tin được một người như Tưởng Giới Thạch, nên chỉ trả lời một cách lững lờ. Lần thứ hai phái đoàn này đến thăm Phổ Nghi thì Phổ Nghi đã rời Thiên Tân rồi. Phổ Nghi cũng nhận được nhiều thư cảnh cáo, trong đó có một lá thư của một người trong dòng họ, khuyến cáo Phổ Nghi không nên coi kẻ thù như cha, và yêu cầu Phổ Nghi phải bảo vệ phẩm cách cho người Trung Hoa.

Hai ngày trước khi Phổ Nghi rời Thiên Tân, Phổ Nghi nhận được một giỏ trái cây trong đó có gài hai quả bom. May mắn người Nhật đã khám phá được hai trái bom đó. Yoshida cho Phổ Nghi biết hai trái bom đó do xưởng đúc khí giới của Trương Học Lương chế tạo. Một đầy tớ thân tín của Phổ Nghi nhận được điện thoại của một người bồi trong một nhà hàng ăn, báo cho biết có nhiều người khả nghi hình như mang vũ khí trong người, đang dò hỏi về Phổ Nghi. Người bồi cũng quả quyết rằng những người đó là người của Trương Học Lương.

Hai quả bom, những lá thư hăm dọa, cú điện thoại của người bồi thực ra là do chính Doihara tạo ra để lung lạc Phổ Nghi. Sau đó Doihara tạo ra một cái gọi là “Biến Cố Thiên Tân,” bằng cách thuê người Trung Hoa gây náo loạn trong thành phố. Bộ tư lệnh Nhật lấy lý do đó để công bố tình trạng khẩn cấp tại khu tô giới Nhật, và cắt đứt mọi liên lạc tại Thiên Tân. Trong lúc đó thì xe bọc sắt của quân đội Nhật tiến tới bảo vệ cho An Hoa Viên, cô

lập An Hoa Viên với thế giới bên ngoài. Sự cô lập đó khiến Phổ Nghi không còn bị ai lung lạc nữa. Chỉ có hai người có thể ra vào được An Hoa Viên là cha con Trịnh Thiếu Tự, một cố vấn thân Nhật của Phổ Nghi.

Biến cố Mukden quả thực đã thay đổi số phận Phổ Nghi hoàn toàn. Đúng ra những phát súng đầu tiên của Đệ Nhị Thế Chiến đã nổ từ Mukden. Với một nhịp điệu thách đố sự hợp lý, chiến tranh đã khai mào và chấm dứt cùng một nhạc điệu. Những phát súng cuối cùng của thế chiến cũng vang lên trên những cánh đồng Mãn Châu. Thực là lạ lùng, Phổ Nghi đã xuất hiện trên sân khấu chính trị hai lần, khi tấm màn mở ra với chiến tranh và cũng đúng lúc tấm màn hạ xuống, khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 15
Rồng Về Đầm Cũ

Ngày ấn định cho Phổ Nghi rời Thiên Tân là ngày 10 tháng 11 năm 1931. Phổ Nghi muốn cuộc trốn đi phải thực an toàn nên tránh dùng cổng chính, và định dùng một cửa phụ ăn thông ra đường, nhưng chiếc cửa này đã lâu không dùng nên bị sét rỉ đến nỗi không mở được nữa....Do đó Phổ Nghi phải đành ngồi nấp ở băng sau một chiếc xe hơi, phía trước có hai vệ sĩ, một người làm tài xế.

Trong khi đó Yoshida, người thông dịch tiếng Nhật cho Phổ Nghi, đứng chờ tại một chỗ cách cổng chính An Hoa Viên một quãng. Khi Yoshida trông thấy xe của Phổ Nghi thì hẩn lập tức lên xe của hẩn, và lái theo sau xe của Phổ Nghi, như kế hoạch đã định trước.

Nhờ Doihara tạo ra “Biến Cố Thiên Tân” giả tạo để người Nhật thiết quân luật nên không một chiếc xe hơi nào của người Trung Hoa được phép chạy ngoài đường cả. Xe của Phổ Nghi đi qua các chặng phòng thủ giây kềm gai một cách dễ dàng, nhờ Yoshida đi sau ra hiệu cho binh sĩ Nhật. Nhưng tên tài xế xe hơi của Phổ Nghi lái xe rất dở. Vừa ra khỏi An Hoa Viên, hẩn đã đâm vào một cây cột đèn khiến Phổ Nghi đâm đầu vào chông va-li. Trong suốt chuyến đi tới điểm hẹn là một tiệm ăn Nhật Bản, Phổ Nghi rất khốn khổ với tên tài xế này.

Khi tới điểm hẹn, Yoshida vội mở cửa xe cho Phổ Nghi bước ra, và gặp một đại úy Nhật đang chờ đợi. Viên đại úy đưa cho Phổ Nghi một chiếc áo choàng nhà binh Nhật và một chiếc nón, và bảo Phổ Nghi bước lên một chiếc quân xa Nhật, và chiếc quân xa này dễ dàng mau lẹ qua được tất cả mọi điểm chặn của quân Nhật, và tiến thẳng tới bến tàu bên bờ sông Bạch Giang. Yoshida và viên đại úy đỡ Phổ Nghi ra khỏi xe. Phổ Nghi thấy ngay

rằng bây giờ không còn ở trong tô giới của người Nhật nữa và tỏ vẻ lo ngại, nhưng Yoshida vội trấn an Phổ Nghi, “Xin đừng lo. Đây là tô giới của người Anh.”

Yoshida và viên đại úy, mỗi người xốc một tay Phổ Nghi và đẩy vị hoàng đế cuối cùng đi dọc theo bến tàu tới một chiếc thuyền máy. Trong ca-bin của thuyền máy, Phổ Nghi trông thấy hai cha con Trịnh Thiếu Tự và ba người Nhật nữa. Viên đại úy giải thích cho Phổ Nghi biết còn có thêm mười binh sĩ Nhật nữa và một sĩ quan có nhiệm vụ hộ tống Phổ Nghi tới nơi bình an. Vì chiếc thuyền này có sứ mạng quá quan trọng nên được trang bị thêm những bao cát và những tấm lá chắn bằng thép để bảo vệ cho những người trên thuyền. Phổ Nghi cảm thấy an tâm, nhưng ông vua trẻ này không biết rằng trên thuyền còn có thêm một thùng xăng rất lớn nữa. Trong trường hợp thuyền bị binh sĩ Trung Hoa khám phá ra và bắt được, thì binh sĩ trên thuyền sẽ phải phá nổ thùng xăng cho thuyền cháy hết, và không một người nào thoát chết để bảo toàn sự bí mật. Mãi hơn hai mươi năm sau Phổ Nghi mới được biết rằng đêm ấy ông ngồi ngay bên trên một quả bom lửa.

Ngay khi viên đại úy và Yoshida ra về thì chiếc thuyền nổ máy lên đường. Phổ Nghi nhìn theo vệt sáng của ngọn đèn pha trên thuyền lướt trên mặt sông và lo lắng suy tư cho số phận mình. Phổ Nghi đã từng ra chơi trên sông Bạch Giang nhiều lần về ban ngày và từng thăm viếng một vài chiến thuyền Nhật tại đây. Trong mỗi dịp, Phổ Nghi bao giờ cũng nghĩ tới công cuộc phục hưng ngại vàng và nghĩ rằng con sông Bạch Giang phải là nơi Phổ Nghi sẽ trốn ra ngoài đại dương để cầu viện người ngoại quốc. Bây giờ Phổ Nghi đang đi trên con sông ấy và rất đổi sung sướng. Tuy nhiên Trịnh Thiếu Tự báo cho Phổ Nghi biết rằng, chiếc thuyền sắp ra khỏi khu tô giới ngoại quốc, và sẽ đi vào khu vực quản trị thù nghịch của người Trung Hoa.

Sau khi nghe lời cảnh cáo của họ Trịnh, Phổ Nghi rất đổi lo lắng sợ sệt. Khi Phổ Nghi nhìn mặt các binh sĩ Nhật thì thấy mọi người đều bình tĩnh

và tươi cười, nhưng tất cả đều im lặng. Rồi từ bên bờ sông, Phổ Nghi nghe thấy một tiếng hô: “Dừng lại!”

Phổ Nghi bỗng nhiên căng thẳng thần kinh và muốn ngất xỉu xuống sàn thuyền. Các binh sĩ Nhật túa lên nóc thuyền, và Phổ Nghi nghe thấy tiếng ra lệnh nói khê rít qua hai hàm răng của viên sĩ quan và tiếng chân người chạy gấp rút. Khi nhìn qua cửa sổ ca-bin, Phổ Nghi trông thấy sau mỗi một bao cát là một binh sĩ Nhật, súng chĩa vào bờ. Tốc độ của thuyền dường như chậm lại và con thuyền chạy thẳng vào bờ. Phổ Nghi rất hoang mang, không hiểu tại sao thuyền lại chạy vào nơi ra lệnh thuyền dừng lại. Các đèn trên thuyền tắt hết và có tiếng súng bắn trên bờ. Bất thành linh chiếc thuyền gia tăng tốc độ rồi phóng vọt đi khi vừa mới quay lái như thể là muốn tiến vào bờ. Tiếng quát tháo cùng với tiếng súng trên bờ xa dần. Kế hoạch của người Nhật đã thành công! Thoạt đầu họ giả vờ tuân lệnh dừng lại bằng cách tiến vào bờ một cách từ từ; nhưng khi binh sĩ Trung Hoa không đề phòng, thuyền quay vội hướng và phóng vọt đi.

Một lúc lâu, đèn trên thuyền bật sáng trở lại và mọi sự trở lại bình thường trong cabin. Vào khoảng nửa đêm thuyền tới cửa sông tại Đại Khẩu. Trong lúc mọi người chờ đợi chiếc thương thuyền Awaji Maru tới đón, thì các binh sĩ Nhật sửa soạn món cháo “Miso” với cải muối và rượu sa-kê để mời Phổ Nghi. Trịnh Thiếu Tự trở nên phấn khởi và nói về những liên hệ nòi giống về văn hóa giữa Nhật Bản và Trung Hoa. Họ Trịnh mô tả chuyến đi vừa qua là một thiên anh hùng ca và rót rượu mời các binh sĩ Nhật.

Trịnh Thiếu Tự được ăn uống đậm bạc chung với vua nên cảm hứng sáng tác hai bản văn dâng lên cho Phổ Nghi để ghi nhớ sự kiện này. Một văn bản kể về thời Chiến Quốc khi một vị hoàng tử trốn khỏi tay quân địch và lấy lại được ngai vàng. Văn bản thứ hai mừng việc ăn bột gạo và cháo lúa kiều mạch tượng trưng cho sự tái sinh của triều đại Hậu Hán. Đây là một sự tích vào thời Hậu Hán: một vị hoàng đế phải chạy trốn và ăn một bữa cơm đậm bạc và khôi phục được ngai vàng. Khi nhắc lại hai cổ sự này

trong cổ sử, họ Trịnh muốn nhắc nhở cho Phổ Nghi biết đã tai qua nạn khỏi, và đang cùng nhau chia xẻ một sự khởi đầu mới.

Khi đã lên chiếc thương thuyền Awaji Maru rồi, Trịnh Thiếu Tự không ngừng nói về tham vọng được cai trị quốc gia, cho mãi tới khi tàu cập bến Dương Khẩu tại Liêu Đông mới thôi. Phổ Nghi nghĩ rằng sẽ có một đám đông vẫy cờ, reo hò và hô to khẩu hiệu “Hoàng Thượng Vạn Tuế.” Nhưng khi vào tới bến, Phổ Nghi không thấy đám đông hay cờ quạt gì cả. Và khi lên bộ, Phổ Nghi thấy một nhóm người ra đón toàn là người Nhật.

Phổ Nghi được đưa tới nhà ga xe lửa ngay, mà không có một lời giải thích nào cả. Phổ Nghi được đưa tới một khu vực có suối nước nóng và ngụ tại khách sạn Tuisuike. Đây là một khách sạn sang trọng do người Nhật quản trị dành riêng cho các sĩ quan, viên chức cao cấp của hệ thống Hòa Xa Nam Mãn Châu, và các viên chức người Trung Hoa. Tại đây Phổ Nghi gặp lại cố vấn Lỗ Chấn Du. Lỗ Chấn Du cho biết đang thương lượng với Quân Đoàn Quan Đông về việc tái lập ngai vàng cho Phổ Nghi. Họ Lỗ còn nói việc Phổ Nghi tới nơi cần phải giữ kín trước khi cuộc thương thuyết kết thúc và không một ai nên đi ra ngoài khách sạn. Phổ Nghi không hiểu rõ lời khuyên của họ Lỗ, mà chỉ đơn giản nghĩ rằng việc nói chuyện với Quân Đoàn Quan Đông sẽ chẳng khó khăn gì và mình chắc chắn sẽ trở lại ngai vàng tại Mukden. Phổ Nghi không nhận thấy sự lo ngại trên mặt Trịnh Thiếu Tự, nên vẫn sung sướng ngồi ngắm hoàng hôn về trên những ngọn núi cửa rặng Thiên Sơn trong lúc dùng bữa tối trước khi đi ngủ.

Sáng hôm sau Phổ Nghi nhận thấy niềm sung sướng ngày hôm trước là quá sớm. Sau khi tắm rửa, Phổ Nghi muốn đi dạo bên ngoài để ngắm cảnh, nhưng một người hầu nói rằng “Không thể đi ra được! Họ không cho bất cứ ai đi ra ngoài.”

Phổ Nghi ngạc nhiên hỏi: “Tại sao không? Ai nói như vậy? Xuống nhà dưới hỏi lại xem.”

Đến đó Phổ Nghi mới biết rằng mình bị cô lập bên trong phòng của

khách sạn. Người lạ không được phép lại gần khách sạn, và những khách ở tầng dưới cũng không được lên tầng thứ hai, là nơi dành riêng cho Phổ Nghi và đoàn tùy tùng. Một viên sĩ quan Nhật giải thích bằng tiếng Trung Hoa, “Đây chỉ là một biện pháp an ninh cho Hoàng Thượng.”

Trịnh Thiếu Tự hỏi, “Chúng tôi sẽ ở lại đây chừng bao lâu?”

“Điều đó còn tùy thuộc đại tá Itagaki.”

“Lỗ Chấn Du đâu?”

“Ông ta đi Mukden để gặp Đại tá Itagaki rồi. Họ đang bàn cãi về tân quốc gia, và sau khi họ thỏa hiệp được rồi, thì ông ta sẽ trở lại đây để đưa Hoàng Thượng tới Mukden. Hoàn thành một công tác lớn lao như vậy thì nói dễ hơn là làm. Xin Hoàng Thượng hãy kiên nhẫn. Khi thời gian chín mùi thì Hoàng Thượng sẽ được mời đi.”

Trịnh Thiếu Tự hỏi chặn lại, “Đi đâu, đi Mukden hả?”

“Điều đó cũng còn tùy đại tá Itagaki quyết định.”

Phổ Nghi cực kỳ tức giận, nhưng Phổ Nghi không biết được rằng lúc đó Nhật Bản đang trải qua một thời kỳ vô cùng hỗn loạn. Trên chính trường quốc tế, Nhật Bản bị cô lập; trong nước vẫn còn những sự bất đồng về tân quốc gia Mãn Châu, đến nỗi Quân Đoàn Quan Đông không dám cho Phổ Nghi được xuất hiện trước công chúng. Phổ Nghi thấy rằng không được người Nhật kính trọng bằng thời gian sống tại Thiên Tân. Sau một tuần lễ chờ đợi một cách phập phồng lo ngại, Phổ Nghi nhận được điện thoại của Itagaki yêu cầu Phổ Nghi phải tới hải cảng Lữ Thuận, tại đó Phổ Nghi cư ngụ trong khách sạn Yamato. Cũng như tại Liêu Đông, Phổ Nghi và đoàn tùy tùng cũng được dành chỗ trên tầng lầu hai và không được đi xuống nhà dưới.

Khi Phổ Nghi hỏi Lỗ Chấn Du về việc này thì được giải thích: "Phẩm cách thiên tử của Hoàng Thượng sẽ bị xúc phạm nếu Hoàng Thượng xuất hiện. Hoàng Thượng nên chờ cho các bày tôi của Hoàng Thượng lo liệu mọi việc xong xuôi, rồi Hoàng Thượng lên ngai vàng vào lúc thuận tiện nhất với đầy đủ sự tôn kính, lễ nghi và đúng nghi thức." Lỗ Chấn Du còn giải thích thêm hiện nay Phổ Nghi là khách của Quân Đoàn Quan Đông, và phải xử sự như khách cho tới lúc lên ngôi. Mặc dầu Phổ Nghi rất bồn chồn

nóng nảy nhưng cũng đành phải kiên nhẫn chờ đợi.

Tuy nhiên thời gian chờ đợi tại Lữ Thuận thực sự làm Phổ Nghi lo sợ. Ủy Ban Hành Chánh vùng Đông Bắc do Trương Thanh Huy cầm đầu cùng với các viên chức Mãn Châu đã đầu hàng Nhật, ra một tuyên cáo thành lập Mãn Châu là một nước cộng hòa. Trong cùng một ngày, Itagaki ra lệnh cho Ủy Ban đó phải ra tuyên cáo Mãn Châu độc lập và tách khỏi Trung Hoa. Tin này làm tất cả mọi người trong đoàn tùy tùng của Phổ Nghi kinh hoàng bất mãn.

Phổ Nghi rất căm hận Doihara và Itagaki trong lúc đi đi lại lại trong phòng như một người điên, tay bẻ những điều thuốc lá làm hai và liêng cuốn sách bói toán Nghệ Thuật Biết Vận Mạng Tương Lai xuống đất. Phổ Nghi luyến tiếc cuộc đời tại An Hoa Viên và nghĩ rằng nếu không làm được hoàng đế thì thà sống một cuộc đời của một người bị lưu đày phong lưu còn hơn. Phổ Nghi có thể bán một số tài sản và sống đế vương tại ngoại quốc. Cuối cùng Phổ Nghi cho Quân Đoàn Quan Đông biết sẽ trở về Thiên Tân nếu họ không thể thỏa mãn những yêu sách của mình. Cả Lỗ Chấn Du và Trịnh Thiếu Tự đều không phản đối quyết định của Phổ Nghi. Rồi Phổ Nghi đồng ý với Lỗ Chấn Du gửi tặng đại tá Itagaki một món quà tặng và cũng cho Lỗ Chấn Du một vài đồ quý giá mà Phổ Nghi mang theo. Ngay lập tức, Itagaki gọi điện thoại yêu cầu Lỗ Chấn Du và Trịnh Thiếu Tự tới bàn thảo. Phổ Nghi ra lệnh cho hai người phải cương quyết giữ vững lập trường và cho Itagaki biết rõ quan điểm của Phổ Nghi, và Phổ Nghi cũng viết cho Itagaki mười hai lý do tại sao việc phục hồi ngai vàng cần thiết cho đề nghị thiết lập một tân quốc gia Mãn Châu độc lập

Mặc dầu Trịnh Thiếu Tự đồng ý trình bày mười hai yêu sách của Phổ Nghi, nhưng cuối cùng họ Trịnh không làm việc đó. Trái lại họ Trịnh đồng ý với đề nghị của Quân Đoàn Quan Đông muốn Mãn Châu sẽ là một nước cộng hòa, và khuyến cáo Phổ Nghi chấp nhận chức "chủ tịch hành pháp." Sau khi thảo luận với Itagaki, Trịnh Thiếu Tự trình bày tất cả những gì đã xảy ra, và cố gắng làm dịu cơn giận của Phổ Nghi bằng cách nêu ra những điển tích lịch sử tương tự và lý luận rằng "chủ tịch hành pháp" cũng là một ông vua, và nhấn mạnh rằng hy vọng khôi phục ngai vàng của Phổ Nghi sẽ

chấm dứt, nếu Phổ Nghi không tạm thời thuận theo ý của người Nhật.

Khi không thuyết phục được Phổ Nghi, Trịnh Thiếu Tự nói Itagaki muốn gặp Phổ Nghi chiều hôm đó, và Phổ Nghi có thể trình bày quyết định trực tiếp với Itagaki.

Phổ Nghi tức giận trả lời, "Cứ cho hẳn tới."

Phổ Nghi gặp Seishiro Itagaki vào buổi chiều ngày 23 tháng 2 năm 1932, cùng với sự hiện diện của một thông dịch viên của Quân Đoàn Quan Đông. Itagaki là một người lùn và đầu cạo trọc bóng loáng, và màu xanh nhạt của khuôn mặt cạo râu nhẵn nhụi tương phản với màu đen của cặp lông mày và hàng ria mép đen. Itagaki là một sĩ quan Nhật ăn mặc đẹp nhất mà Phổ Nghi từng gặp, quần là thẳng nếp và cổ tay áo sơ mi trắng bóng. Khi nói chuyện, Itagaki có dáng dấp của một học giả hơn là một sĩ quan.

Trước hết Itagaki cảm ơn Phổ Nghi đã gửi quà tặng và cho biết hẳn đến thăm Phổ Nghi theo lệnh của Tướng Honjo, tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông, để báo cáo về những khó khăn của việc thành lập Mãn Châu Quốc. Itagaki nói nhiều về sự công bình của quân đội Nhật và sự thành tâm của người Nhật trong việc giúp đỡ người Mãn Châu thành lập một thiên đường một cách tốt đẹp. Trong khi Itagaki nói thì Phổ Nghi chỉ gật đầu đồng ý cho mau và chỉ mong Itagaki mau nói tới câu trả lời cho yêu sách quan trọng nhất của mình. Cuối cùng Itagaki cũng đề cập tới vấn đề chính:

"Tân quốc gia sẽ được gọi là Mãn Châu Quốc. Thủ đô sẽ là Trường Châu và sẽ được đổi tên là Tân Kinh. Quốc gia này sẽ gồm có năm sắc dân: Mãn Châu, Hán, Mông Cổ, Nhật và Cao Ly."

Không đợi người thông dịch viên nói hết, Itagaki lấy từ trong cặp ra một bản Tuyên Cáo Độc Lập của Dân Tộc Mãn Châu và Mông Cổ, và một lá cờ đề nghị cho tân quốc gia gồm năm màu, và đặt lên bàn trước mặt Phổ Nghi. Phổ Nghi run lên vì giận và lấy tay gạt mấy thứ đó ra một bên, và hỏi Itagaki:

"Đây là một quốc gia gì? Chắc không phải là Đế Quốc Đại Thanh phải không?"

Itagaki trả lời một cách bình tĩnh, "Dĩ nhiên đây không phải là một sự phục hưng đế quốc Đại Thanh. Đây sẽ là một tân quốc gia. Ủy Ban Hành

Chánh miền Đông Bắc đã đồng thanh bầu Ngài làm quốc trưởng rồi. Ngài sẽ là Chủ Tịch Hành Pháp."

Danh từ "Ngài" của Itagaki làm Phổ Nghi điên lên vì giận, mặt đỏ bừng. Chưa bao giờ người Nhật gọi Phổ Nghi như thế, và Phổ Nghi không bao giờ tha thứ cho sự hủy bỏ danh hiệu hoàng đế của mình, dù rằng để đổi lấy một lãnh thổ rộng hai triệu dặm và ba mươi triệu dân vùng Đông Bắc. Phổ Nghi không thể ngồi yên được.

Phổ Nghi lớn tiếng quát lên với Itagaki, "Nếu không chính danh thì không thể định phận được, và nếu không định phận được thì không thể hoàn thành được gì cả! Quần chúng Mãn Châu không mong đợi ở tôi như một cá nhân, mà là một Hoàng Đế Đại Thanh. Nếu quý ông hủy bỏ danh hiệu thì sự trung thành của họ sẽ không còn nữa. Tôi yêu cầu Quân Đoàn Quan Đông phải tái xét vấn đề này."

Itagaki nhẹ nhàng xoa tay, và vẫn mỉm cười trả lời, "Dân Mãn Châu đã bày tỏ nguyện vọng của họ mời Ngài làm quốc trưởng của tân quốc gia, và Quân Đoàn Quan Đông hoàn toàn đồng ý với họ."

"Nhưng Nhật Bản cũng theo hệ thống quân chủ! Tại sao Quân Đoàn Quan Đông thành lập một nước cộng hòa? "

"Nếu Ngài không thích danh từ cộng hòa thì ta không nên dùng nó nữa. Đây là một quốc gia xây dựng theo hệ thống quốc trưởng."

"Tôi rất biết ơn sự trợ giúp hăng say của quý quốc đã dành cho tôi, nhưng tôi không thể chấp nhận đứng đầu một hệ thống hành pháp. Tước hiệu hoàng đế của tôi là do các tiên đế ban cho tôi, và nếu tôi từ bỏ tước hiệu đó thì tôi thiếu bốn phận trung và hiếu."

Itagaki dường như có vẻ hiểu quyết tâm của Phổ Nghi, nên vội trả lời, "Văn phòng của quốc trưởng chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp mà thôi. Mọi người đều biết rất rõ ràng rằng Hoàng Thượng là vị Hoàng Đế thứ mười của nhà Đại Thanh, và tôi chắc rằng sau khi thành lập quốc hội, một hiến pháp sẽ được tu sửa để phục hồi nền quân chủ."

"Không thể có được những quốc hội đủ tư cách! Hơn nữa vị Hoàng Đế đầu tiên nhà Đại Thanh không do một quốc hội ban chức!"

Cuộc tranh luận cứ thế kéo dài trong suốt ba giờ. Itagaki lúc nào cũng

bình tĩnh và mỉm cười, thỉnh thoảng khẽ xoa tay. Cuối cùng, Itagaki cầm cặp như là một dấu hiệu không muốn tiếp tục thảo luận nữa. Nụ cười biến mất trên mặt Itagaki và không còn gọi Phổ Nghi là Hoàng Thượng nữa. Itagaki lạnh lùng nói với Phổ Nghi, "Xin Ngài xét lại vấn đề thận trọng hơn nữa. Chúng ta sẽ tiếp tục bàn thêm ngày mai."

Đêm đó, trong một cố gắng cải thiện sự liên hệ với Itagaki, Phổ Nghi mở một đại tiệc khoản đãi Itagaki. Sáng ngày hôm sau Itagaki gọi các cố vấn của Phổ Nghi tới khách sạn Yamato và báo cho họ quyết định cuối cùng của Itagaki: "Các yêu sách của Quân Đội không thể thay đổi được. Chúng tôi coi việc từ chối là dấu hiệu của sự thù nghịch và sẽ hành động thích đáng. Đây là lời nói cuối cùng của chúng tôi."

Khi những lời nói này được lặp lại cho Phổ Nghi thì Phổ Nghi cực kỳ kinh ngạc, chân nhũn ra và ngã gục xuống chiếc ghế bành, không nói lên được một lời.

Cuối cùng Lỗ Chấn Du lên tiếng, "Vì sự việc đã như thế này rồi thì có hối tiếc cũng không có ích gì. Điều duy nhất chúng ta có thể làm được là đặt ra một thời hạn cho thời gian chuyển tiếp, và nếu lúc đó nền quân chủ không được thiết lập thì Hoàng Thượng hãy từ chức. Hãy thử xem Itagaki phản ứng thế nào với điều kiện này."

Không còn cách nào khác, Phổ Nghi đành thở dài và sai Trịnh Thiếu Tự tới gặp Itagaki xem hẳn có đồng ý không.

Một lát sau Trịnh Thiếu Tự trở về, mặt lộ sắc vui mừng và cho Phổ Nghi biết Itagaki đồng ý đề nghị của Phổ Nghi, và tối hôm đó hẳn sẽ mở tiệc khoản đãi vị quốc trưởng tương lai.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 16
QUỐC TRƯỞNG MÃN CHÂU QUỐC

Trong bữa tiệc do Itagaki khoản đãi, Phổ Nghi không biết nên buồn hay nên vui cho số phận tương lai của mình. Tại bàn tiệc, Itagaki cho đặt bên cạnh mỗi thực khách một cô gái làng chơi để cho bữa tiệc thêm phần hào hứng vui nhộn. Riêng Itagaki có hai cô gái buôn hương bán phấn ngồi hai bên, hẳn hết ôm cô bên trái thì lại lả lơi với cô bên phải, không còn sự trang trọng đối với khách dự tiệc là những nhân vật lịch sử của Trung Hoa. Itagaki uống rất nhiều rượu và nói cười lớn tiếng, không giấu được sự hoan hỉ đã thành công bắt ép được ông vua cuối cùng nhà Thanh phải nhượng bộ. Phe quân sự Nhật theo truyền thống võ sĩ đạo cho rằng chỉ có một Thiên Tử là Nhật Hoàng mà thôi, nên Quân Đoàn Quan Đông không có ý muốn lập một Thiên Tử thứ hai là Phổ Nghi nữa. Người Nhật vẫn chưa quên người Trung Hoa vốn khinh thường họ, gọi họ là một giống mọi rợ bán khai. Đối với các quân nhân trong Quân Đoàn Quan Đông thì nhà Đại Thanh đã chết hẳn rồi, và Phổ Nghi bây giờ không khác gì một người tù trong tay họ. Phổ Nghi không phải là không biết thế, nhưng biết quá muộn, và cũng không dám trái ý người Nhật. Phổ Nghi vẫn còn nhớ cái gương của Trương Tác Lâm bị Nhật gài mìn ám sát, chỉ vì họ Trương dám trái ý người Nhật.

Thoạt đầu Itagaki chưa say và còn kiềm chế được. Hắn trịnh trọng nâng ly mừng Phổ Nghi, và mỉm cười bày tỏ lời chúc mừng cho Phổ Nghi, "Ước mong tương lai của Ngài được tốt đẹp và mọi điều mong ước của Ngài được toại nguyện." Lời cầu chúc này làm Phổ Nghi hài lòng; nhưng càng uống rượu, mặt Itagaki càng tái đi và không khí bữa tiệc thay đổi hẳn. Khi một gái làng chơi hỏi Phổ Nghi, "Có phải ông sinh nhai bằng nghề thương mại không?" thì Itagaki cười rống lên. Thực ra sự kính trọng Phổ Nghi của người Nhật chỉ là bề ngoài, và Phổ Nghi có lẽ cũng nhận biết điều ấy. Tuy

nhiên chỉ khi đã mắc kẹt trong vòng tay của người Nhật rồi Phổ Nghi mới nhận thức được như thế. Ngay cho phép gái làng chơi được dự tiệc với Phổ Nghi cũng là một hành động thiếu phần tôn kính của Itagaki.

Sau bữa tiệc, thái độ của Phổ Nghi rất đổi băng khuâng trong mấy ngày liền, cho tới khi một số cựu thần nhà Mãn Thanh được phép của Quân Đoàn Quan Đông đến thăm Phổ Nghi. Các cựu thần này rất là hoan hỷ. Mặc dù họ bày tỏ sự bất như ý khi Phổ Nghi bị hạ xuống chức quốc trưởng chứ không phải là hoàng đế, nhưng họ trưng ra rất nhiều các cố sự trong lịch sử, nhiều triều đại mới thường phải dựa vào sự giúp đỡ của ngoại bang lúc ban đầu. Những lời khuyên giải của họ đã làm dịu nỗi thất vọng của Phổ Nghi một phần nào.

Ngày 28 tháng 2 năm 1932, Đại Hội Đồng của người Mãn Châu họp tại Mukden dưới sự chỉ đạo của Quân Đoàn Quan Đông, đã tuyên cáo một nước Mãn Châu độc lập và thỉnh cầu Phổ Nghi nhận chức quốc trưởng. Người Nhật và Trịnh Thiếu Tự báo trước cho Phổ Nghi biết, các đại diện của Hội Đồng Mãn Châu sẽ tới Lữ Thuận để thỉnh cầu Phổ Nghi nhận chức vụ. Các đại diện sẽ mời Phổ Nghi hai lần, lần đầu Phổ Nghi phải từ chối, và đến lần thỉnh cầu lần thứ hai thì Phổ Nghi hãy chấp nhận.

Ngày 1 tháng 3, chín đại diện của Hội Đồng Mãn Châu tới Lữ Thuận. Trịnh Thiếu Tự thay mặt Phổ Nghi chào mừng họ. Sau đó Phổ Nghi đích thân hội kiến với họ trong hai mươi phút. Họ thỉnh cầu Phổ Nghi nhận chức quốc trưởng, nhưng Phổ Nghi từ chối như đã được dặn trước. Ngày 5 tháng 3, số đại diện tăng lên 29 người, và tới gặp Phổ Nghi để thỉnh cầu một lần nữa, và lần này họ hoàn thành nhiệm vụ. Trong bài diễn văn chấp nhận chức quốc trưởng, Phổ Nghi nói:

"Quý vi đã tin tưởng và giao phó trọng trách này cho tôi, có lý nào tôi dám từ chối để tìm sự an nhàn cho bản thân? Tuy nhiên tôi chỉ tạm nhận chức này, và trong một năm, nếu hiến pháp Mãn Châu không sửa đổi cho phù hợp với ý nguyện đầu tiên của tôi, thì tôi sẽ tái xét tài đức của tôi."

Ngày hôm sau Phổ Nghi và bà vợ cùng Trịnh Thiếu Tự trở lại Trường Châu, và tới nơi vào lúc ba giờ chiều ngày 8 tháng 3. Ngay khi xe lửa chưa ngừng, Phổ Nghi đã nghe thấy ban quân nhạc cử hành các hành khúc và tiếng hoan hô của dân chúng tại sân ga. Khi bước xuống xe lửa, Phổ Nghi rất hài lòng trông thấy đông đảo hiến binh Nhật cùng binh sĩ và quần chúng Trung Hoa. Mọi người đều vây cờ khiến Phổ Nghi rất cảm động. Cuộc đón tiếp lần này khác hẳn tại Dương Khẩu khi Phổ Nghi mới tới Mãn Châu. Phổ Nghi trông thấy lẫn trong những lá cờ Nhật là một số cờ rồng vàng của tám đạo quân Mãn Thanh ngày xưa. Những người này chờ đợi Phổ Nghi đã từ hai mươi năm qua. Những đại diện của tám đạo quân Mãn Châu thành lập từ ngày sáng lập nhà Đại Thanh, ăn mặc theo đúng phẩm phục cũ, cưỡi ngựa Mông Cổ, và tám ngọn cờ lồng lộng tung bay trong gió. Hình ảnh này đối với Phổ Nghi thực là một cảnh nức lòng cảm khái, khó có thể cầm được nước mắt.

Khi ngồi trong xe hơi để trở về dinh quốc trưởng, Phổ Nghi không thể không nhớ tới lúc bị Phùng Ngọc Tường đuổi khỏi Cẩm Thành ở Bắc Kinh, và sự khai quật lăng tẩm của quân đội Quốc Dân Đảng, cũng như lời thề trả thù của Phổ Nghi. Tâm hồn Phổ Nghi bừng lên những cảm xúc của lòng thù hận và những ước vọng đến nỗi Phổ Nghi không để ý đến khuôn mặt sợ sệt của đám quần chúng phải đứng đón chào hai bên đường.

Dinh quốc trưởng vốn là tòa nhà hành chánh cũ của quan tổng đốc, và bây giờ đã cũ kỹ và xiêu vẹo rồi, nhưng đây chỉ là nơi ở tạm của Phổ Nghi thôi. Ngày hôm sau là nghi lễ nhận chức với sự hiện diện của Tướng Honjo, tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông, tham mưu trưởng Itagaki và các nhân vật chính trị quan trọng Nhật và Trung Hoa cũng như Mông Cổ. Phổ Nghi mặc âu phục. Tất cả quan khách hiện diện phải vái chào Phổ Nghi ba lần, và Phổ Nghi chỉ vái trả lại một lần. Trương Thanh Hải, đại diện người Mãn Châu, dâng cho Phổ Nghi chiếc ấn của quốc trưởng bọc trong lụa màu vàng. Trịnh Thiếu Tự đứng lên đọc bản tuyên cáo của tân quốc trưởng:

"Nhân loại phải chú trọng tới đạo đức. Nhưng nếu có thành kiên về chủng tộc và một giống dân này áp bức một giống dân khác để tìm vinh

quang thì đạo đức sẽ mất. Nhân loại phải trân quý sự nhân từ. Nhưng nếu có những mối xung đột quốc tế và một nước này tàn phá một nước khác vì lợi ích riêng thì sự nhân từ sẽ mất đi.

"Ta thiết lập một tân quốc gia đặt căn bản trên đạo đức và lòng nhân. Chúng ta phải từ bỏ thành kiến về nòi giống và sự xung đột giữa các quốc gia. Vương Đạo và Thiên Đường phải thực hiện được trên Trái Đất này. Ta hy vọng đồng bào sẽ hiểu."

Cuộc lễ nhậm chức rất ngắn ngủi. Tờ báo Times của Luân Đôn loan tin: "Như vậy ông Phổ Nghi đã trải qua một cuộc thăng trầm vô tiền khoáng hậu, để trở thành người cai trị quốc gia non yếu này, sau khi ông đã từng là một ông vua non yếu của một đế quốc lâu đời nhất." Tưởng Giới Thạch lên án Phổ Nghi là một kẻ phản quốc và thề không bao giờ công nhận cái gọi là Mãn Châu Quốc. Tại Đại Hội Đồng của Hội Quốc Liên, đại diện Trung Hoa tố cáo Mãn Châu Quốc chỉ là bù nhìn của Nhật Bản, và đây không phải là sự tranh chấp giữa Trung Hoa và Nhật Bản, mà là cả thế giới văn minh chống lại Nhật Bản. Trước sự lên án của Hội Quốc Liên, Nhật Bản rút ra khỏi Hội Quốc Liên.

Có thực Phổ Nghi là một người phản quốc không? Dĩ nhiên phần lớn người Trung Hoa đều nghĩ vậy. Nhưng cũng có những ý kiến trái ngược hẳn. George Bronson Rea, sáng lập viên của tờ Far Eastern Review và là cố vấn của Viên Thế Khải và Tôn Dật Tiên, đã hết mình bênh vực Phổ Nghi. Theo ông thì Phổ Nghi không phải là người Trung Hoa và do đó không cần phải trung thành với Trung Hoa. Hơn nữa, chính phủ cộng hòa đã long trọng ký kết một thỏa ước với nhà Thanh, coi Phổ Nghi là một ông vua ngoại quốc. Chính người Trung Hoa sau này đã phản bội lại thỏa ước ấy, và đẩy Phổ Nghi phải sáp lại gần người Nhật.

Một nhà báo Anh là Woodhead đã tới tận Tân Kinh phỏng vấn Phổ Nghi, và hỏi tại sao Phổ Nghi đi Mãn Châu và tại sao chấp nhận đứng đầu chính phủ Mãn Châu. Phổ Nghi thẳng thắn trả lời, "Tôi có hai lý do. Trước hết nhà Đại Thanh thoái vị với ý định trả lại quyền tối thượng quốc gia cho nhân dân, nhưng quyền của nhà Thanh lại lọt vào tay một số sứ quân và đẩy Trung Hoa vào vòng nội chiến. Phúc lợi của dân chúng bị coi rẻ. Lý do

thứ hai là hoàn toàn cá nhân. Các Đặc Ân của tôi đã bị vi phạm, tài sản của tôi bị tước đoạt và chính phủ cộng hòa không trả trợ cấp đã định cho tôi. Chính phủ cộng hòa đã coi thường tôi và làm ô uế các lăng tẩm của các tiên đế của tôi. Do đó khi có những rắc rối xảy ra tại Mãn Châu, tôi phải đứng ra để cải thiện vùng đất tổ của tôi."

Khi phái đoàn điều tra của Hội Quốc Liên do Lytton cầm đầu tới gặp Phổ Nghi, thì Phổ Nghi cũng trả lời, "Tôi tới Mãn Châu và nhận chức lãnh đạo tân chính phủ là do ý nguyện của toàn thể người Mãn Châu. Bây giờ nước của tôi hoàn toàn độc lập rồi." Itagaki cũng hiện diện trong cuộc phỏng vấn của Lytton, và sau đó nức nở khen Phổ Nghi trả lời rất khôn ngoan.

Trong mấy tháng đầu, tân quốc gia Mãn Châu không được nước nào công nhận. Ngay Nhật Bản mãi bảy tháng sau mới công nhận Mãn Châu Quốc. Lý do chính là vì các chính phủ tại Đông Kinh cho rằng Quân Đoàn Quan Đông mới thực là một chính phủ tại Mãn Châu, và Đông Kinh không biết Quân Đoàn Quan Đông sẽ làm gì, và lúc đầu chính phủ Đông Kinh định phong cho Phổ Nghi là Thống Đốc Mãn Châu thôi. Nhưng Quân Đoàn Quan Đông hăm dọa sẽ tách rời khỏi Nhật Bản.

Ngay buổi chiều ngày nhậm chức, Phổ Nghi ký đạo dụ đầu tiên bổ nhiệm Trịnh Thiếu Tự vào chức thủ tướng, và được quyền thành lập nội các. Tư-ống Honjo cũng đồng ý lệnh bổ nhiệm này. Khi Phổ Nghi bước ra ngoài thì gặp hai vị quan hầu thân tín và mặt họ hết sức buồn vì họ biết họ không có tên trong danh sách nội các hoặc đại sứ. Phổ Nghi phải an ủi họ bằng cách nói muốn họ ở gần mình. Nhưng một người xin phép được trở về Thiên Tân, còn một người thì miễn cưỡng ở lại. Ngày hôm sau Lỗ Chấn Du gặp Phổ Nghi và đệ đơn từ chức. Họ Lỗ bất mãn chỉ được bổ nhiệm chức cố vấn. Mặc dầu Phổ Nghi tỏ ý muốn lưu giữ nhưng họ Lỗ nhất định ra đi, và trở về Đại Liên làm nghề buôn bán đồ cổ.

Phổ Nghi rất hài lòng những lễ nghi trang trọng chào đón khi tiếp nhận chức quốc trưởng, cũng như những lời chào mừng của quan khách ngoại quốc. Phổ Nghi cảm thấy không thể lùi được nữa, vì đã công khai xuất hiện trước quần chúng và tin rằng có thể lợi dụng được người Nhật. Phổ Nghi bây giờ coi chức quốc trưởng như là một cái cầu để dẫn tới ngai vàng. Vấn

đề chính là làm thế nào lợi dụng được tối đa cây cầu chuyển tiếp này. Phổ Nghi gọi Trinh Thiệu Tự và Hồ Tế Nguyên vào và bảo hai người:

"Ta đã lập ba lời thề. Trước hết ta sẽ thay đổi thói quen hàng ngày. Mười năm trước, sư phụ Trần Bảo Châu chê ta lười biếng và không tự trọng. Vì thế ta thề sẽ không bao giờ như thế nữa. Lời thề thứ hai của ta là ta sẽ không trốn tránh khó khăn và quyết tâm khôi phục lại di sản của tổ tiên. Lời thề thứ ba là ta sẽ thừa kế được nhà Đại Thanh. Nếu ta thực hiện được ba lời thề này thì ta chết mới nhắm mắt được."

Một tháng sau, dinh quốc trưởng được chuyển tới một tòa nhà khang trang hơn mới được sửa chữa lại và trang hoàng đầy đủ. Để tỏ sự quyết tâm của mình, Phổ Nghi đặt tên cho tòa nhà mới là "Dinh Thự Trọng Dân" và văn phòng của Phổ Nghi cũng được gọi là "Dinh Thự Siêng Năng Vì Dân." Kể từ đó hàng ngày Phổ Nghi dậy sớm, tới văn phòng làm việc tới tối: Phổ Nghi tuân theo mọi quyết định của Quân Đoàn Quan Đông với hy vọng dùng được người Nhật cho tương lai. Nhưng ý muốn làm việc chăm chỉ của Phổ Nghi từ sáng sớm đến tối không tiếp tục được lâu, vì Phổ Nghi chẳng có gì để làm cả, và Phổ Nghi nhận thấy chức quốc trưởng của mình chỉ là hư vị mà thôi.

Một hôm Phổ Nghi định dẫn bà vợ Uyển Dung đi dạo trong công viên Đại Đông cùng với hai người em gái. Ngay lúc Phổ Nghi vừa bước vào công viên, một toán xe chở đầy hiến binh Nhật Bản ào tới, và yêu cầu Phổ Nghi phải trở về dinh quốc trưởng ngay. Một lát sau, viên cố vấn Nhật tới giải thích rằng để bảo vệ danh giá và phẩm cách cũng như sự an toàn cho Phổ Nghi, từ nay Phổ Nghi không nên tự ý ra ngoài dinh quốc trưởng một mình. Trước kia Phổ Nghi là người tù trong Cấm Thành thì nay là người tù trong dinh quốc trưởng Mãn Châu.

Phổ Nghi bắt đầu hoài nghi về danh giá và phẩm cách quốc trưởng của mình sau một vài ngày chăm chỉ làm việc. Suốt ngày Phổ Nghi chỉ ngồi tiếp chuyện với các bộ trưởng và cố vấn người Mãn Châu của mình. Phổ Nghi lấy làm lạ là các bộ trưởng không hề nói tới công việc của họ. Khi được hỏi về công việc của họ, thì họ thường trả lời là công việc của họ đã có các thứ trưởng người Nhật giải quyết rồi, hoặc để họ hỏi lại các thứ trưởng

về việc đó. Trong nội các Mãn Châu Quốc, mỗi bộ trưởng người Mãn Châu đều có một thứ trưởng người Nhật, và chính các thứ trưởng người Nhật mới là những người nắm thực quyền. Các thứ trưởng người Nhật không bao giờ tới gặp Phổ Nghi.

Hồ Tế Nguyên là người đầu tiên chính thức than phiền về hoàn cảnh đó. Họ Hồ cho rằng quyền hạn trong mỗi bộ phải thuộc về bộ trưởng và những vấn đề quan trọng phải để quốc trưởng quyết định, và thứ trưởng không có quyền quyết định tối hậu như hiện nay. Trinh Thiệu Tự trả lời rằng vì đây là chính phủ theo nội các chế nên tất cả các vấn đề chính trị phải do Hội Đồng Chính Phủ quyết định hàng tuần, và mỗi tuần thủ tướng phải chuyển tất cả những trường hợp mà Hội Đồng Chính Phủ đã thông qua cho Quốc Trưởng chấp thuận. Họ Trinh nói rằng đây là phương thức áp dụng tại Nhật Bản và đồng ý rằng thứ trưởng không được toàn quyền như hiện nay, và sẽ bàn luận vấn đề này với tư lệnh của Quân Đoàn Quan Đông.

Hồ Tế Nguyên mô tả một cuộc họp của Hội Đồng Chính Phủ cho Phổ Nghi biết sự liên hệ giữa bộ trưởng và thứ trưởng. Trong buổi họp đặc biệt đó, vấn đề lương bổng của bộ trưởng và thứ trưởng được đem ra thảo luận. Như thường lệ thì cuộc bàn thảo căn cứ vào các văn kiện của Quân Đoàn Quan Đông gửi đến, và các bộ trưởng thường đồng ý toàn bộ. Nhưng lần họp này, các bộ trưởng rất quan tâm đến đề tài của buổi họp, và bày tỏ sự bất đồng ý của mình. Điểm chính yếu là lương của các thứ trưởng người Nhật cao hơn lương của các bộ trưởng người Trung Hoa bốn mươi phần trăm. Bộ trưởng tài chính lý luận rằng đây là một vấn đề liên quan tới chủng tộc, và mọi chủng tộc phải được coi là bình đẳng với nhau, vậy thì tại sao người Nhật được lĩnh lương cao hơn.

Nhưng viên giám đốc sở nhân viên trả lời, "Nếu người ta muốn nói đến bình đẳng thì người ta phải xét xem khả năng có bình đẳng không. Vì người Nhật có khả năng hơn nên dĩ nhiên họ phải được hưởng lương cao hơn. Ngoài ra mức sống của người Nhật cao hơn, họ sinh ra để ăn cơm gạo trắng chứ không ăn bo bo như người Mãn Châu. "

Nghe đến đó các bộ trưởng Mãn Châu đều bất bình và cuộc họp gián đoạn. Ngày hôm sau khi tái họp lại, giám đốc sở nhân viên trình bày rằng

ông ta đã phân tích vấn đề và được Quân Đoàn Quan Đông chấp thuận, lương bổng của bộ trưởng được nâng lên bằng với lương thứ trưởng người Nhật. Nhưng vì người Nhật phải sống xa quê hương đến tận đây để xây dựng một Thiên Đường theo Vương Đạo cho người Mãn Châu, nên người Mãn Châu cũng nên biết ơn mà trả cho họ thêm trợ cấp sinh hoạt đặc biệt. Quyết định này được coi là chung quyết và không cần bàn cãi thêm nữa.

Các bộ trưởng nghe thế và thấy rằng bàn cãi nữa cũng không có lợi gì; hơn nữa họ cũng đã được tăng lương. Nhưng vụ này cho Phổ Nghi thấy rằng tất cả mọi quyết định đã được các thứ trưởng thông qua trước khi tới Hội Đồng Chính Phủ. Thủ tướng và bộ trưởng cũng như Hội Đồng Chính Phủ chỉ là những hư danh không có thực quyền. Phổ Nghi tỉnh hẳn giấc mộng hoàng đế, nhưng các quan hầu vẫn nhắc nhở rằng Phổ Nghi là một người quan trọng nhất Mãn Châu. Phổ Nghi nhớ lại lúc ở Lữ Thuận, Trịnh Thiếu Tự thay mặt thương thuyết với Tướng Honjo cho các điều kiện Phổ Nghi làm Quốc Trưởng và họ Trịnh làm Thủ Tướng. Những điều kiện ấy Phổ Nghi không được biết cho mãi tới khi Honjo bị đổi về Nhật Bản. Ngày 18 tháng 8 năm 1932, Trịnh Thiếu Tự đem một chồng hồ sơ đến cho Phổ Nghi và nói, "Đây là những thỏa hiệp mà kẻ nô tài này đã ký với Honjo. Xin Hoàng Thượng hãy chấp thuận." Các văn kiện này xác nhận Nhật Bản hoàn toàn nắm quyền an ninh và quốc phòng cho Mãn Châu. Nhật Bản cũng có quyền kiểm soát các đường xe lửa, hải cảng, hải phận, không phận và được quyền xây cất các cơ sở trong tương lai, người Mãn Châu phải cung cấp cho quân đội Nhật những đồ tiếp liệu và Nhật Bản có quyền khai thác hầm mỏ và người Nhật được quyền di dân sang Mãn Châu.

Ngay khi đọc các văn kiện, Phổ Nghi vô cùng tức giận và hỏi, "Ai bảo người thương thuyết thỏa hiệp này?"

"Đây là những điều kiện mà Itagaki đã nhắc đến tại Lữ Thuận. Itagaki đã thông báo cho Hoàng Thượng những điều kiện này từ lâu rồi."

"Phi lý! Ta chưa bao giờ nghe nói về các điều kiện này. Ngay cả khi hẳn nói đến rồi thì người cũng phải báo cho ta trước khi ký."

"Kẻ nô tài làm theo lệnh của Itagaki. Itagaki sợ rằng các cố vấn khác không hiểu hoàn cảnh và chỉ gây khó khăn cho Hoàng Thượng nếu họ

biết."

"Ai là người nắm quyền ở đây - người hay là ta?"

"Kẻ nô tài không dám phạm thượng. Thỏa hiệp này chỉ là tạm thời mà thôi. Chúng ta có thể thương lượng cho những thỏa hiệp khác khi có thể, và sau đó chúng ta sẽ nắm lại hết quyền lợi và thực quyền." Lời nhận xét của Trịnh Thiếu Tự không phải không đúng, tất cả các đặc quyền mà người Nhật đòi hỏi trong các thỏa hiệp đã thực sự nằm trong tay họ trước khi ký thỏa hiệp. Dù sao việc cũng đã lỡ rồi nên Phổ Nghi đành ký vào các thỏa hiệp ấy và Trịnh Thiếu Tự đem đi ngay.

Khi Hồ Tế Nguyên biết chuyện, họ Hồ rất căm phẫn và nói, "Trịnh Thiếu Tự quả thực là một sự sỉ nhục."

Phổ Nghi chán nản trả lời, "Thôi ván đã đóng thuyền rồi, chúng ta cũng chẳng làm gì được nữa. Dù sao hãy chờ đợi những tin tức mới từ Đông Kinh xem sao. Dầu sao ta cũng chẳng biết làm gì trong lúc này."

Sở dĩ Phổ Nghi nói vậy là vì từ vài ngày trước, Phổ Nghi đã được tin t-ướng Honjo bị thay thế trong chức vụ tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông, và hy vọng rằng tướng tư lệnh mới của Quân Đoàn Quan Đông có thể có thái độ mới, phù hợp với nguyện vọng của Phổ Nghi.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 17
HOÀNG ĐẾ LẦN THỨ BA

Đến năm 1933, người ta thấy rõ ràng rằng việc thành lập Mãn Châu Quốc và đặt Phổ Nghi lên chức Quốc Trưởng không giải quyết được gì cho cả người Nhật. Sự thất bại của Phổ Nghi Không được phong làm hoàng đế đã tạo ra bất mãn trong các cộng đồng thiểu số người Mãn Châu và Mông Cổ tại Mãn Châu. Phổ Nghi tuy đã nêu vấn đề tái lập nhà Đại Thanh trong diễn văn nhận chức Quốc Trưởng sau một năm ở chức vụ, nhưng Phổ Nghi cũng không gây áp lực để đạt được ước vọng, và cũng không thực hiện lời hăm dọa từ chức, vì tình trạng đang căng thẳng tại Nhật Bản và sự thất bại không được nhiều quốc gia trên thế giới công nhận Mãn Châu Quốc.

Phổ Nghi chỉ sai Hồ Tế Nguyên sang Đông Kinh tìm cách nghe ngóng và mua chuộc giới có thẩm quyền tại Nhật. Sau một thời gian ngắn Hồ Tế Nguyên báo hỷ tìn về. Đông Kinh càng ngày càng ngả sang việc thành lập một nước quân chủ tại Mãn Châu, và có thiện cảm với Phổ Nghi và không hài lòng về thái độ của Tướng Honjo. Lý do chính là người Nhật thấy cần phải lấy được lòng của người Mông Cổ và người Mãn Châu để ngăn chặn công cuộc kháng chiến chống Nhật của người Trung Hoa đang có triển vọng bành trướng. Người Mông Cổ và Mãn Châu lo rằng Phổ Nghi chỉ được giữ chức Quốc trưởng và rất dễ bị người Nhật cách chức, một khi người Nhật muốn sát nhập Mãn Châu vào Nhật Bản. Hơn nữa Quân Đoàn Quan Đông rất cần Mông Cổ và Mãn Châu làm thành một hậu phương an toàn khi tiến quân xuống phía nam Vạn Lý Trường Thành.

Phổ Nghi quyết định chờ đợi tân tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông là Tướng Nobuyoshi Muto tới và sẽ đích thân trình bày các yêu sách của mình. Ngày 15 tháng 9 Phổ Nghi tới gặp Muto để chứng kiến Muto và Trịnh Thiếu Tự ký kết một thỏa hiệp giữa Nhật Bản và Mãn Châu về các

điều khoản đã được thương thảo bí mật giữa Trịnh Thiếu Tự và Honjo. Muto là một viên tướng già nổi tiếng từ thời đệ nhất thế chiến, khi dẫn quân Nhật chiếm đóng Tây Bá Lợi Á của Nga Sô. Bây giờ Muto đảm nhiệm ba chức vụ: tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông, đại sứ tại Mãn Châu, và đảm trách quyền tối cao về dân sự hành chính tại Mãn Châu. Ngay sau khi tới Mãn Châu, Muto được phong chức Thống Chế và thực sự là một vị hoàng đế tại Mãn Châu. Các báo chí Nhật gọi Muto là “Thần Hộ Vệ Mãn Châu” và quả thực viên tướng già 65 tuổi, đầu bạc trắng đó nắm tất cả quyền sinh sát tại Mãn Châu.

Khi gặp Phổ Nghi, Muto kính cẩn cúi chào và Phổ Nghi cảm thấy như được trời đoái thương lại. Sau khi nghe Phổ Nghi trình bày các yêu sách phục hồi nhà Thanh, Muto rất lễ phép trả lời, “Tôi sẽ chuyển về Đông Kinh quan điểm của Ngài để được cứu xét cẩn thận.”

Nhưng Phổ Nghi chờ đợi mãi vẫn chưa được một sự trả lời rõ ràng chắc chắn. Mỗi tháng Phổ Nghi sẽ họp với Muto ba lần, và mỗi lần họp, Phổ Nghi đều nhắc đến yêu sách của mình thì chỉ được Muto mỉm cười lễ phép trả lời, “Thưa Ngài, đề nghị của Ngài vẫn còn đang được nghiên cứu.” Sau ba lần hỏi như thế, Phổ Nghi không còn can đảm hỏi thêm nữa. Trong các buổi họp từ đó cho tới lúc Muto từ trần vào tháng bảy năm 1933, Phổ Nghi chỉ bàn thảo với Muto về Phật Giáo, Khổng Giáo và tinh hữu nghị giữa hai nước mà thôi, chứ không đề cập tới một vấn đề nào thiết thực cả.

Rồi trong một buổi họp thường lệ trước khi Phổ Nghi giữ chức Quốc Trưởng được một năm, Muto bất ngờ nêu vấn đề phục hồi ngai vàng và hoàng đế. Muto giải thích rằng Nhật Bản đã phân tích các vấn đề của Mãn Châu Quốc, và ngay khi nào thời cơ thuận tiện sẽ tái lập chế độ quân chủ tại Mãn Châu. Rồi ngày 27 tháng 3 năm 1933, Nhật Bản rút lui khỏi Hội Quốc Liên để tự do hành động. Trong lúc quân Nhật bao vây Bắc Kinh và Thiên Tân, và chính phủ Nam Kinh của Tướng Giới Thạch còn mãi lo tấn công quân cộng sản nên đã phải ký Thỏa Hiệp Tangku với Nhật Bản, xác

định khu vực phía nam Vạn Lý Trường Thành và miền đông Hà Bắc là vùng phi quân sự, và quân Trung Hoa phải rút lui khỏi vùng này. Thỏa Hiệp Tangku đã cho phép người Nhật bành trướng ảnh hưởng khắp vùng Hoa Bắc.

Trịnh Thiếu Tự giải thích rằng sự xâm chiếm vũ trang của Nhật Bản tại Hoa Bắc và ngay cả Hoa Nam là điều không thể tránh được, và chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Chính vì thế hơn bao giờ hết, vấn đề Mãn Châu quốc trở thành một việc cấp thiết phải giải quyết ngay. Quyết định cuối cùng về Mãn Châu Quốc là do Đông Kinh chứ không phải là Quân Đoàn Quan Đông. Họ Trịnh nhấn mạnh rằng nhiều chính khách già của Nhật Bản đã đòi đưa Phổ Nghi lên ngôi hoàng đế, nên Phổ Nghi cần phải phái đại diện tới vận động tại Đông Kinh.

Người mà Phổ Nghi lựa chọn đi vận động tại Đông Kinh là một sĩ quan cảnh sát Nhật Tetsuaburo Kudo. Kudo đã từng đi theo Phổ Nghi từ Thiên Tân và luôn luôn tích cực ủng hộ Phổ Nghi. Lúc Phổ Nghi đang thất thế tại Lữ Thuận, Kudo không hành động như các người Nhật khác, và tỏ ra bất mãn với thái độ của Quân Đoàn Quan Đông. Một lần khi Phổ Nghi để ý thấy màu nước trà trong tách có vẻ kỳ dị, và sợ rằng có kẻ muốn đầu độc mình, và yêu cầu đem tách trà đó đi phân chất. Lập tức Kudo cầm lấy tách trà đó và uống hết một hơi. Kudo là người Nhật duy nhất vẫn gọi Phổ Nghi là “Hoàng Thượng,” và lòng trung thành của Kudo đối với Phổ Nghi không thua kém gì lòng trung thành của một cựu thần nhà Thanh. Phổ Nghi ban cho Kudo một tên Trung Hoa là “Trung” để xác nhận lòng trung thành của Kudo và coi Kudo như là một người trong gia đình.

Khi từ Nhật trở về, Kudo báo cáo cho Phổ Nghi biết Kudo đã gặp bộ trưởng Quân Lực cũng như các lãnh tụ của đảng Hắc Long, và được biết các giới chức quân sự nghiêng về giải pháp tái lập chế độ quân chủ tại Mãn Châu. Phổ Nghi rất đổi hoan hỉ và tin rằng ngày lên ngai vàng lần thứ ba sắp tới rồi. Tháng 10 năm 1933, ba tháng sau cái chết của Muto, bản báo

cáo của Kudo được xác nhận là đúng. Tân tư lệnh quân Đoàn Quan Đông là Tướng Hishikari báo cho Phổ Nghi biết, chính phủ Nhật coi Phổ Nghi là Hoàng Đế của Mãn Châu Quốc. Chính phủ Nhật bằng lòng thành lập một nước quân chủ Mãn Châu, nhưng không chấp nhận phục hồi nhà Thanh. Đúng ra Phổ Nghi vẫn được tiếp tục đóng vai trò bù nhìn, và Nhật Bản vẫn tiếp tục giật giây.

Ngay khi nhận được tin này, Phổ Nghi cực kỳ hoan hỉ tưởng chừng có hàng triệu bông hoa trong lòng bùng nổ cùng một lúc. Điều đầu tiên Phổ Nghi nghĩ tới là sai người về Bắc Kinh để lấy chiếc áo long bào của vua Quang Tự, mà bà thứ phi Long Hội vẫn cẩn thận bí mật gìn giữ từ hai mươi hai năm qua, kể từ lúc vua nhà Thanh phải thoái vị năm 1912. Khi áo long bào thấm những cơn mưa xuân được mang tới Tân Kinh, Phổ Nghi vô cùng xúc động thềm muốn được mặc ngay. Trong suốt bao nhiêu năm, từ ngày thoái vị, lúc nào Phổ Nghi cũng mơ ước có ngày được mặc lại chiếc áo long bào của một thiên tử. Nhưng Phổ Nghi bỗng vô cùng thất vọng khi Quân Đoàn Quan Đông báo cho Phổ Nghi biết thêm rằng, vì Nhật Bản chỉ công nhận Phổ Nghi là Hoàng Đế Mãn Châu Quốc chứ không phải là hoàng đế nhà Đại Thanh, nên Phổ Nghi không được mặc các áo long bào của nhà Đại Thanh trong ngày lễ đăng quang. Phổ Nghi còn được dặn phải mặc một bộ quân phục thống chế của cả Hải Lục Không quân Mãn Châu.

Phổ Nghi hoang mang hỏi Trịnh Thiếu Tự, “Mặc như thế làm sao được? Ta là con cháu của gia tộc Aisin-Gioro. Làm sao ta có thể quên được những lễ luật của tổ tiên? Tất cả giới quý tộc Mãn Châu từ Bắc Kinh sẽ tới đây dự lễ lên ngôi Cửu Ngũ của ta. Ta sẽ như thế nào nếu ta mặc một bộ quân phục khi ta bước lên ngai vàng?”

Trịnh Thiếu Tự nhìn chiếc áo long bào trên bàn và gật đầu tán đồng, “Điều thắc mắc của Hoàng Thượng thực là đúng. Hoàng Thượng nói rất chí lý, nhưng Quân Đoàn Quan Đông sẽ nghĩ sao?”

“Người hãy đi điều đình cho ta.”

Sau khi Trịnh Thiếu Tự đi rồi, Phổ Nghi không lúc nào rời mắt khỏi chiếc áo long bào tôn quý nằm trên bàn. Trong suốt hơn hai mươi năm, từ ngày bị Phùng Ngọc Tường trục xuất khỏi Cấm Thành, thứ phi Long Hội của vua Quang Tự đã cẩn thận giữ gìn chiếc áo long bào này như là một nghĩa vụ thiêng liêng của cuộc đời còn lại của bà, và coi chiếc áo như là một kho tàng vô giá. Tâm hồn Phổ Nghi bỗng dâng tràn xúc cảm. Chiếc long bào này đã từng được vua Khang Hy mặc. Đây quả thực là chiếc long bào đích thực của một hoàng đế, chiếc áo mà Phổ Nghi đã từng ao ước được mặc trong suốt hai mươi hai năm. Phổ Nghi lẩm bẩm: “Nếu ta được mặc chiếc áo này khi lên ngôi thì quả thực là một cuộc phục hồi nhà Đại Thanh...”

Khi Trịnh Thiếu Tự trở về và báo cáo rằng Quân Đoàn Quan Đông nhấn mạnh rằng Phổ Nghi phải mặc quân phục thống chế trong ngày lên ngôi, thì Phổ Nghi hỏi, “Người có thực đi thương thuyết cho ta không?”

Trịnh Thiếu Tự vội trả lời, “Kẻ nô tài này đâu dám trái lệnh thánh thượng. Nhưng quyết định này do chính Itagaki đích thân nói với kẻ nô tài.”

Phổ Nghi phẫn nộ la lên, “Không thể thế được. Trước khi ta lên ngôi, ta phải làm lễ tạ Hoàng Thiên. Người có ý muốn ta khấu đầu trước Hoàng thiên trong bộ quân phục thống chế phải không?”

“Kẻ nô tài sẽ trở lại trình bày với Itagaki.”

Lần này Quân Đoàn Quan Đông bằng lòng cho Phổ Nghi mặc áo long bào trong lúc làm lễ tạ Hoàng Thiên.

Sáng sớm ngày 1 tháng 3 năm 1934, khi những cánh đồng Mãn Châu còn lạnh cứng trong băng tuyết, Phổ Nghi mặc phẩm phục hoàng đế nhà Đại Thanh, làm lễ tế Trời Đất tại làng Hạnh Đào bên ngoài Tân Kinh, trước một chiếc bàn thờ cao bằng đất mới đắp lên. Phổ Nghi kính cẩn nâng cao một lá bùa bằng ngọc, một mũi tên bằng lụa màu vàng, và ba chén rượu. Sau đó ngọc tỷ được dâng cho Phổ Nghi. Đây là ngọc tỷ thứ ba Phổ Nghi đã nhận được trong vòng hai mươi tám năm kể từ lúc sinh ra, cùng với tám tấm ngọc của triều đình Mãn Châu. Ngọc tỷ mới xác nhận vai trò hoàng đế

của Phổ Nghi. Phổ Nghi lẩm nhẩm lời cầu nguyện sự phù trợ của các tiên đế trong lúc một nhà sư giết một con trâu trắng làm của tế lễ. Một ngọn khói nhỏ và cao vút lên không trung, tượng trưng cho sự truyền đạt lời cầu nguyện của Phổ Nghi với linh hồn của các tiên đế và tiền nhân. Cuối cùng Phổ Nghi trình trọng tuyên cáo niên hiệu mới là Khang Đức.

Sau đó khi trở về thành phố, Phổ Nghi thay y phục mặc một bộ quân phục thống chế, và dự lễ lên ngai vàng của hoàng đế Mãn Châu. Nghi lễ đăng quang của Phổ Nghi tiến hành trong toà Dinh Thự Siêng Năng Vì Dân. Sàn nhà trải một thứ thảm màu đỏ tía và một căn phòng về phía Bắc có đặt một cái ghế khắc huy hiệu hoa lan của hoàng gia, đặt trước một tấm vải màn làm bằng lụa. Phổ Nghi đứng trước cái ghế tượng trưng cho ngai vàng ấy, hai bên là các viên chức cao cấp, cả Nhật lẫn Mãn Châu. Các viên chức hành chánh và quân sự do Trịnh Thiếu Tự dẫn đầu tiến lên, đứng trước mặt Phổ Nghi và kính cẩn cúi lạy thật thấp ba lần. Phổ Nghi khẽ nghiêng mình đáp lễ. Rồi tướng Hishikari, tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông kiêm nhiệm đại sứ Nhật tại Mãn Châu, tiến lên trình ủy nhiệm thư. Sau nghi lễ, các hoàng thân và các nhà quý tộc thuộc gia tộc Aisin-Gioro đến đông đủ từ Bắc Kinh, và một số cựu thần trong Cấm Thành ngày trước làm lễ khấu đầu theo đúng truyền thống nhà Thanh, bằng cách quỳ gối ba lần và khấu đầu chín lần, trong khi Phổ Nghi ngồi trên ngai vàng. Như vậy giấc mộng lớn trở lại ngôi vị hoàng đế của Phổ Nghi đã thành sự thực.

Nhiều cựu thần sống bên trong Vạn Lý Trường Thành cũng làm số ca ngợi việc lên ngôi của Phổ Nghi, và tên trùm giới anh chị tại Thượng Hải cũng tự nhận là một thần dân trung thành của Phổ Nghi. Ngày 6 tháng 6, hoàng thân Chibubu, em ruột của Nhật Hoàng Hirohito, tới Mãn Châu chào mừng Phổ Nghi thay mặt cho Nhật Hoàng. Hoàng thân Chibubu trao tặng Phổ Nghi một huy hiệu Hoa Cúc, biểu tượng của hoàng gia Nhật, và tặng Đoan Dung tước hiệu Hoàng Hậu.

Đến tháng bảy, Thuần Thân Vương, thân phụ của Phổ Nghi, cùng các con tới Tân Kinh thăm Phổ Nghi. Khi gia đình Phổ Nghi tới nơi, Phổ Nghi sai một toán quan cùng với lính cấm vệ của hoàng gia ra tận nhà ga chào đón. Đoan Dung và Phổ Nghi đứng chờ sẵn bên ngoài dinh, Uyển Dung

mặc quần áo hoàng hậu Mãn Châu trong khi Phổ Nghi bận phẩm phục thống chế, trên ngực đeo ba hàng huy chương, một hàng là huy chương của Nhật, một hàng là huy chương Mãn Châu Quốc và hàng thứ ba là các huy hiệu cũ của nhà Đại Thanh. Phổ Nghi không bao giờ dám đeo các huy hiệu cũ của nhà Thanh trước mặt người Nhật, nhưng trong lòng Phổ Nghi thì chỉ những huy hiệu ấy mới thực xứng đáng yêu quý, xứng đáng đeo trên người.

Khi xe hơi chở Thuần Thân Vương tới, Phổ Nghi đứng nghiêm và chào theo nghi lễ nhà binh, trong khi Đoan Dung quỳ gối theo nghi lễ Mãn Châu. Rồi Phổ Nghi dẫn Thuần Thân Vương vào phòng khách trước khi cởi bỏ bộ quân phục, và kính cẩn quỳ lạy Thuần Thân Vương theo cung cách của người Mãn Châu, để tỏ lòng tôn kính đấng sinh thành. Tối hôm đó Phổ Nghi mở một đại tiệc, đồ ăn và nghi lễ Tây Phương. Khi Phổ Nghi bước vào phòng tiệc, ban quân nhạc trở nhạc chào mừng, khí thế rất là oai nghi.

Phổ Nghi sắp đặt cho người em là Phổ Kiệt đứng dậy vào lúc uống rượu sâm banh, nâng cao ly và hô lớn tiếng: “Vạn vạn tuế Thánh Thượng, Vạn vạn tuế, Vạn vạn tuế!” Tất cả hoàng gia đều tham dự việc nâng ly cầu chúc này. Khi những tiếng hô “Vạn Vạn Tuế” vang lên, Phổ Nghi cảm thấy tâm hồn bừng bừng dâng tới tận mây xanh.

Ngày hôm sau, một viên chức cao cấp của bộ tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông phản đối việc cho quân đội Mãn Châu tới nhà ga đón Thuần Thân Vương là một vi phạm thỏa hiệp với Nhật Bản. Theo một thỏa hiệp đã ký thì các vùng đất dọc theo đường xe lửa thuộc về người Nhật và không một ai được đem vũ khí vào khu vực này, trừ quân Nhật. Quân Đoàn Quan Đông muốn có một sự bảo đảm rằng những hành động tương tự sẽ không tái diễn nữa.

Đáng lẽ biến cố này cũng đủ khiến cho Phổ Nghi tỉnh giấc mộng làm một hoàng đế trên giấy tờ như thế, nhưng ít ra trong trường hợp này người Nhật chứng tỏ lịch sự với Phổ Nghi bằng cách không phản đối công khai để giữ thể diện cho Phổ Nghi. Sau khi Phổ Nghi sai người tới xin lỗi và hứa không làm như vậy nữa thì Quân Đoàn Quan Đông không nói gì thêm nữa.

Vinh quang của Phổ Nghi lên tới cực điểm khi được mời viếng thăm

Nhật Bản vào tháng 4 năm 1935. Quân Đoàn Quan Đông tổ chức cuộc du hành cho Phổ Nghi sang cảm ơn Nhật Hoàng, vì đã sai người em là hoàng thân Chibubu sang dự lễ đăng quang của mình. Phổ Nghi cũng muốn dùng cơ hội này để phát triển thêm tình thân hữu giữa Nhật Bản và Mãn Châu Quốc.

Chính phủ Nhật phái chiến hạm Hie Maru đón Phổ Nghi và nhiều chiến hạm khác hộ tống. Tại cửa Lữ Thuận, Phổ Nghi lên thăm ba khu trục hạm khác của Nhật đang đậu tại đây. Ngày thứ tư của cuộc hành trình, Phổ Nghi được chứng kiến sự điều động của bảy chục chiến hạm Nhật ngoài khơi. Khi tới Yokohama, Phổ Nghi được một trăm phi cơ bay thành đội hình ra chào đón. Phổ Nghi dùng xe lửa tới Đông Kinh và được Nhật hoàng Hirohito ra tận nhà ga đón, một cử chỉ thân thiện hiếm có của Nhật Hoàng.

Nhật Hoàng mở đại tiệc khoản đãi Phổ Nghi và cùng Phổ Nghi cưỡi ngựa sổng đôi đi duyệt binh, cũng như được dự một buổi lễ đặc biệt tại lăng thờ vua Minh Trị. Phổ Nghi cũng vào hoàng cung thăm Hirohito và thái hậu. Trong một cuộc đi dạo với thái hậu Nhật trong vườn ngự uyển, Phổ Nghi tỏ ra săn sóc thái hậu, và đã cầm tay giúp thái hậu bước lên một lối đi dốc. Ngày từ giã Nhật Bản, hoàng thân Chibubu thay mặt Hirohito ra tiễn Phổ Nghi tại nhà ga xe lửa.

Phổ Nghi rất phấn chấn lên tinh thần trước sự tiếp đãi nồng hậu của hoàng gia Nhật. Sau ngày được là quốc khách của Nhật Hoàng, Phổ Nghi dường như cảm thấy cuộc đời thực sự lên hương. Phổ Nghi lý luận rằng mình cũng ngang hàng với Nhật Hoàng Hirohito, và do đó nghĩ rằng địa vị của Mãn Châu Quốc cũng phải ngang hàng với Nhật Bản, và người Nhật phải đối xử với Phổ Nghi như đối với Nhật Hoàng vậy.

Như một con ong say mật không quan tâm đến thực tế chung quanh, Phổ Nghi cũng tự đầu độc bằng những ảo ảnh trong đầu. Ngay khi trở về Tân Kinh, Phổ Nghi cho gọi Tướng Minami, tân tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông, vào hầu để cho biết cảm tưởng về cuộc du hành Nhật Bản. Ngày hôm sau Phổ Nghi tham dự lễ sinh nhật của Nhật Hoàng và ngày kế đó, ngày 30 tháng 4, Phổ Nghi triệu tập tất các nhân viên cao cấp, cả Nhật Bản và Mãn Châu, tại Tân Kinh để nghe Phổ Nghi nói về chuyến công du Nhật

Bản vừa qua.

Trong lúc Phổ Nghi chưa hết cơn say men chiến thắng thì được tin Quân Đoàn Quan Đông muốn thay đổi nhân sự trong chính phủ của Mãn Châu. Người Nhật muốn thay thế Trịnh Thiếu Tự. Phổ Nghi cũng đang muốn loại bỏ Trịnh Thiếu Tự nên lập tức đồng ý ngay, và đề nghị cử tổng đốc Phụng Thiên là Tăng Thất Vi thay thế Trịnh Thiếu Tự. Phổ Nghi tưởng rằng Tướng Minami vừa nghe nói về tình thân hữu giữa Nhật Hoàng và hoàng đế Mãn Châu, thì sẽ đồng ý với Phổ Nghi về việc bổ nhiệm họ Tăng ngay. Nhưng Phổ Nghi vô cùng kinh ngạc khi đụng phải một bức tường bằng đá trước mặt.

Tướng Minami lắc đầu và trả lời, “Không Quân Đoàn Quan Đông đã chọn một người thích hợp hơn. Hoàng Thượng không cần phải lo ngại về việc này. Tốt hơn là cho Trương Thanh Hải thay thế Trịnh Thiếu Tự.” Trương Thanh Hải hiện là bộ trưởng quốc phòng trong nội các của Trịnh Thiếu Tự. Trước kia, Trương Thanh Hải là nhân vật quan trọng thứ hai tại Phụng Thiên, chỉ đứng sau Trương Tác Lâm mà thôi.

Lý do Trịnh Thiếu Tự bị thay thế là vì trước đó ít lâu, họ Trịnh bày tỏ sự bức mình với người Nhật, và tuyên bố rằng Mãn Châu Quốc không còn là một đứa trẻ nữa, và hãy để Mãn Châu được tự do hành động. Lời nhận xét này hiển nhiên đã làm phật lòng người Nhật và bị người Nhật loại ra ngoài chính quyền. Trịnh Thiếu Tự không được phép rút tiền của mình ra khỏi ngân hàng và bắt buộc phải đi khỏi Tân Kinh. Dưới sự canh chừng nghiêm ngặt của người Nhật, Trịnh Thiếu Tự chỉ được hành nghề viết bút thiệp hoặc làm thơ tại nhà. Ba năm sau họ Trịnh chết trong bất mãn. Người con trai của Trịnh Thiếu Tự cũng bị chết bất đắc kỳ tử. Người ta đồn rằng cả hai cha con đều bị người Nhật bí mật hãm hại. Số phận của những người trót bán linh hồn cho ma quỷ thường chấm dứt một cách thê thảm như vậy, mặc dù trước kia đã lập được công lớn cho ma quỷ.

Đáng lẽ ra cái kết cuộc thê thảm của cha con Trịnh Thiếu Tự cũng đủ cảnh tỉnh Phổ Nghi khỏi giấc mơ phục hồi cơ nghiệp nhà Đại Thanh. Thế

mà cũng phải hơn một năm sau Phổ Nghi mới nhận chân được địa vị đích thực của mình.

Nguyễn Vạn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Chương 18

TÌNH GIẤC MỘNG HOÀNG ĐẾ

Phổ Nghi không có một chút uy quyền gì bên ngoài bức tường bao quanh tòa nhà Sở Thuế Muối, nay được dùng làm Hoàng Cung cho hoàng đế Mãn Châu tại Tân Kinh....Người Nhật làm mọi quyết định, dù lớn hay nhỏ, và Phổ Nghi chỉ biết ký các văn kiện do người Nhật đã thảo sẵn. Nhưng bên trong Hoàng Cung thì Phổ Nghi có uy quyền tuyệt đối. Không có việc gì để làm và cũng không được tự do đi ra ngoài để giải khuây, Phổ Nghi đã sống một cuộc đời thật là buồn tẻ và lười biếng. Dần dần Phổ Nghi mắc phải thói quen thức rất khuya, đôi khi đến ba giờ sáng, và sáng ra thì ngủ đến gần trưa mới thức giấc. Thường Phổ Nghi ăn sáng vào lúc trưa và ăn bữa tối vào lúc mười giờ khuya. Khoảng năm giờ chiều là giấc ngủ trưa của Phổ Nghi. Phổ Nghi thiết lập lại chế độ thái giám và cho người về Bắc Kinh tìm những thái giám cũ.

Vào một ngày đẹp trời trong năm 1935, Johnston đến thăm Phổ Nghi tại Tân Kinh và được Yoshioka dẫn vào phòng khách. Lúc đó đã quá mười một giờ sáng, nhưng các màn cửa vẫn chưa kéo lên và không khí trong căn phòng khách tối tăm đó sặc mùi thuốc lá. Trong lúc Johnston đang cúi xuống xem một cuốn sách đặt trên bàn thì Phổ Nghi bước vào. Phổ Nghi mặc âu phục, túi trên cầm một bông hoa và tay cầm một điếu thuốc lá. Người thầy cũ cúi đầu chào, và Phổ Nghi mời Johnston ngồi xuống ghế sofa. Hai người cùng có vẻ ngỡ ngàng, như hai người bạn cũ lâu ngày không gặp nhau, và bây giờ không biết tình thân mật trước kia có còn không.

Phổ Nghi hỏi Johnston để mở đầu câu chuyện:

“Ngài có biết quân Ý đã tiến vào Ethiopia không?”

“Có, tôi mới nghe tin đó.”

“Người Ý bây giờ là đồng minh của Mãn Châu, chắc ngài đã biết. Vua Ý

là người đầu tiên công nhận Mãn Châu Quốc, và bây giờ Hitler của Đức cũng đã công nhận bản quốc.”

“Tôi biết. Thưa Hoàng Thượng, tôi vẫn chú ý theo dõi số phận của tân quốc gia Mãn Châu.” Johnston trả lời một cách lạnh lùng.

Đúng lúc đó Yoshioka bước vào với một chồng hồ sơ và nói với Johnston rằng Phổ Nghi phải đọc một số văn kiện đặc biệt, và đề nghị Johnston đi dạo quanh vườn cho tới giờ ăn trưa. Johnston bước ra sân quần vợt của Phổ Nghi thì thấy sân rất tiêu điều, lưới đã rách nát, dường như lâu ngày không có người sử dụng. Johnston không thể không buồn nhớ lại những ngày ở trong Cấm thành, ông đã cố công thúc đẩy Phổ Nghi sống một cuộc đời hoạt động thể thao ngoài trời. Ông cũng nhớ lại chiếc quạt với hai câu thơ Phổ Nghi tặng ông:

*Ôi nếu chúng ta là đôi chim diệc
Thì sẽ bay về chốn cũ cùng nhau.*

Nay cả hai đều xa chốn cũ là Cấm Thành, nơi hai người cùng sống với nhau một thời thân mật như hai cha con. Sau thời gian làm sư phụ cho Phổ Nghi, cuộc đời của Johnston cũng có nhiều sự bất như ý. Năm 1931, khi Phổ Nghi trốn sang Mãn Châu thì Johnston xin về hưu khỏi ngành thuộc địa, và được Anh Hoàng ban tước hiệp sĩ. Tuy vậy Johnston vẫn hy vọng được bổ nhiệm làm thống đốc Hồng Kông, hoặc làm phó viện trưởng đại học Hồng Kông. Nhưng đúng lúc ấy một học giả công bố cuốn sách chỉ trích các nhóm truyền giáo tại Trung Hoa xuất bản năm 1911 dưới bút hiệu Lưu Thiếu Giang chính là của Johnston viết. Sự khám phá này đã lấy đi khỏi Johnston mọi cơ hội được bổ nhậm một chức vụ quan trọng tại Trung Hoa.

Cùng năm đó Johnston được bổ nhiệm làm trưởng ban Trung Hoa tại Viện Nghiên Cứu Đông Phương tại Luân Đôn. Các học viên của ông nhận thấy rằng bất cứ khi nào ông bàn tới các Kinh Sách của Khổng Tử hoặc Thơ Đường, thì dường như ông sống lại với những ký ức trong Cấm Thành. Mắt ông bừng sáng khi kể lại những nghi lễ huy hoàng trong điện Thái

Hòa, hoặc những toán lính mặc áo vàng khiêng kiệu trong điện Dưỡng Tâm. Đôi khi ông bỗng im lặng, mắt mơ màng như xuất thần.

Năm 1934, ông xuất bản cuốn sách “Hoàng Hôn Trong Cấm thành,” một tập hồi ký về thời kỳ ông làm sư phụ cho Phổ Nghi. Ông viết cuốn sách này cho Phổ Nghi với hy vọng tha thiết rằng, sau khi trải qua một buổi hoàng hôn và một đêm dài, bình minh của một ngày mới hạnh phúc hơn sẽ đến với Phổ Nghi và cho cả dân chúng bên trong và bên ngoài Vạn Lý Trường Thành. Phải chăng giấc mơ đó của Johnston bây giờ đã hoàn toàn tan vỡ?

Từ nhiều năm, Johnston vẫn mong đợi một ngày gặp lại Phổ Nghi, với viễn ảnh một không khí huy hoàng của một lâu đài trên đồi, và kẻ hầu người hạ tấp nập trong hoàng gia, và có những người thuộc giới quý tộc tinh anh thông thái. Trái lại bữa ăn trưa trong buổi tương ngộ hiếm hoi này chỉ có mấy người hầu nam cùng với Trịnh Thiếu Tự chỉ biết im lặng, và người cố vấn Nhật quá ồn ào, trong khi đó đầu bàn đối diện là khuôn mặt dài ngoẵng của Phổ Nghi bị cặp kính đen che khuất gần hết.

Sau bữa ăn trưa, Johnston từ biệt Phổ Nghi ngay tại cửa, sau khi nhờ Phổ Nghi chuyển lời thăm Thuần Thân Vương và Phổ Kiệt. Tuy không thấy Uyển Dung nhưng Johnston không nhắc gì tới bà hoàng hậu trẻ này. Khi bước lên xe, Johnston quay lại vẫy tay chào Phổ Nghi. Phổ Nghi vẫn đứng tựa cửa nhìn theo. Khi tới ngoài cổng và quay lại, Johnston vẫn thấy Phổ Nghi vẫy tay, đằng sau Phổ Nghi thấp thoáng khuôn mặt một thái giám. Johnston nhớ lại lần chia tay với Phổ Nghi tại bến tàu Thiên Tân, và hai câu thơ trên chiếc quạt. Buổi bình minh mà Johnston vẫn mong đợi cho Phổ Nghi không bao giờ tới. Viễn ảnh của Phổ Nghi chỉ là một buổi chiều tà hiu hắt âm đạm trước khi chìm vào đêm tối vô định.

Năm 1937, Johnston từ chức tại Viện Nghiên Cứu Đông Phương, và trở về quê tại Tô Cách Lan. Ông không bao giờ lấy vợ và sống cô đơn trên một hòn đảo nhỏ. Bên cạnh ông lúc nào cũng có những kỷ vật của Phổ Nghi

tặng và nhiều tài liệu về Trung Hoa. Ngày 6 tháng 3 năm 1938 ông từ trần và để lại một chúc thư yêu cầu phải đốt hết mọi giấy tờ riêng, cũng như thư tín và nhật ký của ông.

*

Mùa đông năm 1936, Phổ Kiệt tốt nghiệp trường Võ Bị Nhật Bản và trở về Tân Kinh. Phổ Kiệt được phong chức trung úy trong đội cấm vệ, và sống trong một căn nhà ở cạnh Hoàng Cung của Phổ Nghi. Biết Phổ Nghi rất thích về hoàng gia Anh, Phổ Kiệt đem về tặng Phổ Nghi một tờ tạp chí viết về những cố sự trong hoàng gia Anh. Phổ Nghi vô cùng sửng sốt khi đọc đến trường hợp Anh Hoàng Edward VIII thoái vị để được kết hôn với bà Simpson, một phụ nữ Hoa Kỳ đã ly dị chồng. Em trai của Edward VIII lên ngôi kế vị lấy niên hiệu là George VI. Phổ Nghi không thể ngờ có một ông vua bỏ ngai vàng chỉ vì một người đàn bà đã từng ly dị chồng. Hơn nữa Phổ Nghi thấy nhan sắc người đàn bà đáng giá ngai vàng của Anh Quốc không bằng sắc đẹp của hoàng hậu Đoan Dung của mình. Phổ Nghi chợt nhớ đến người em trai có thể lên ngôi thay mình như trường hợp Anh Hoàng George VI là Phổ Kiệt. Phổ Nghi cau mày suy nghĩ, và ngẩng nhìn người em uy nghi mạnh mẽ trong bộ quân phục, trong khi Phổ Nghi lúc nào cũng suy yếu bạc nhược. Phổ Nghi nhớ lại mọi người trong Hoàng Cung đều hân hoan khi Phổ Kiệt từ Nhật Bản trở về. Phổ Nghi cảm thấy lo ngại người em, cũng như trước kia có lần Phổ Nghi rất giận dữ khi bắt gặp Phổ Kiệt mặc áo màu vàng dành riêng cho hoàng đế nhà Thanh.

Phổ Nghi lo sợ có ngày sẽ bị bắt buộc thoái vị nhường chức cho Phổ Kiệt. Mỗi lo ngại ấy càng gia tăng khi năm sau Phổ Kiệt sang Nhật để kiếm vợ. Phổ Kiệt may mắn được nàng Hiro, con gái của Huân tước Saga trong hoàng gia Nhật, chấp nhận lời cầu hôn. Hôn lễ cử hành ngày 3 tháng 4 năm 1937 tại một hội quán sĩ quan gần nhà ga Tân Kinh, vì Phổ Nghi từ chối không cho phép làm lễ cưới trong Hoàng Cung. Ngay sau đám cưới, Phổ Kiệt đưa Hiro trở về Nhật để theo học khóa tham mưu cao cấp. Trong lúc Phổ Kiệt đi vắng, hội đồng chính phủ Mãn Châu theo lệnh của Quân Đoàn Quan Đông, thảo ra các điều lệ thừa kế ngai vàng Mãn Châu. Theo luật này

thì trong trường hợp Phổ Nghi chết mà không có con thì Phổ Kiệt sẽ được lên ngôi, và con trai của Phổ Kiệt sẽ được thừa kế ngai vàng Mãn Châu. Phổ Nghi cảm thấy rằng mọi người đang âm mưu phản bội lại mình.

Tháng 10 năm 1937, Phổ Kiệt và Hiro trở về Tân Kinh. Hiro vô cùng thất vọng trước căn nhà tồi tàn dành cho Phổ Kiệt. Các quà cưới của nàng bị xếp xuống đất trong một căn phòng nhỏ. Trong nhà không có cả điện thoại, và không có những tiện nghi mà nàng vẫn được hưởng tại Nhật. Tệ nhất là không có ai biết đặt lấy một bình hoa để chào đón nàng trong căn nhà lạnh lẽo ấy.

Phổ Nghi bất đắc dĩ phải mời vợ chồng Phổ Kiệt vào Hoàng Cung ăn trưa như là một sự chào đón chính thức cho người em. Hoàng hậu Uyển Dung cũng được tham dự bữa ăn trưa này. Đây là lần đầu tiên Uyển Dung có mặt bên Phổ Nghi kể từ ngày Thuần Thân Vương đến thăm. Mặc dầu Uyển Dung rất gầy, hai vai nhô lên, nét mặt buồn u uẩn lặng lẽ, nhưng nàng vẫn còn đẹp một cách man dại. Lần đầu gặp Uyển Dung, Hiro phải công nhận bà hoàng hậu trẻ này rất là xinh đẹp và duyên dáng.

Món ăn đầu tiên là một con gà tây quay đặt trên một chiếc đĩa lớn, và đặt ngay trước mặt Phổ Nghi, và Phổ Nghi có bốn phận cắt thịt mời khách theo lễ nghi Tây Phương. Mọi người còn đang mãi nói chuyện và có ý chờ Phổ Nghi cắt thịt thì chợt Uyển Dung nhoài người lên bàn, dùng những chiếc móng tay dài của nàng vồ lấy con gà tây, xé thịt ra và đưa vào miệng nhai ngấu nghiến như một con thú. Mọi người sửng sờ và ngồi bất động sợ hãi trong lúc Uyển Dung vẫn tiếp tục gặm gừ vồ thêm thịt. Rồi nàng hét lên một cách man dại khi vụng được một chân của con gà tây. Hiro cảm thấy rằng Uyển Dung quá đói khát, có thể bị đói nhiều ngày.

Phổ Nghi đứng dậy, rón rén bước ra khỏi phòng. Mọi người đều rút lui theo Phổ Nghi. Hiro là người cuối cùng bước ra. Nàng ngoái lại nhìn bà hoàng hậu trẻ đẹp, chiếc áo choàng của Uyển Dung có đầy hoa và ngọc ngà

châu báu phủ trên sàn nhà, trong lúc nàng vừa rên rĩ vừa gặm một khúc xương.

Trong bữa ăn trưa đó, Hiro nhận thấy trong số các người hầu nam, có một người được đối xử khác với những người khác. Người đó chỉ đứng sau ghế của Phổ Nghi và mỉm cười trong khi các người hầu khác trông rất ủ rũ và làm tất cả mọi công việc. Trong mấy tuần lễ sau đó, nhờ nói chuyện với chồng và nhiều người khác, Hiro biết rằng người hầu đó là cục cưng của Phổ Nghi, một thứ hầu thiếp, đúng hơn là một “nam thứ phi” của ông vua có bệnh đồng tính luyến ái. Hiro còn biết Phổ Nghi có bạn tình là con trai từ ngày còn ở Trương Gia Viên tại Thiên Tân, và có lẽ từ ngày còn ở trong Cấm Thành nữa. Phổ Nghi không thích cung tần mỹ nữ, mà chỉ tìm thỏa mãn dục tình bằng thân thể và bàn tay của những thái giám hoặc các người con trai xinh đẹp.

Hàng ngày Hiro trông thấy “nam thứ phi” của Phổ Nghi đi vào căn nhà gần nhà của vợ chồng Phổ Kiệt, theo sau là một người hầu khác bưng một khay đồ ăn. Đôi khi từ trong căn nhà đó có một thiếu nữ nhỏ tuổi đi ra có hai thái giám to lớn đi kèm hai bên. Không ai được vào căn nhà bí mật ấy, ngoại trừ hai người thái giám và “nam thứ phi” của Phổ Nghi. Rồi một hôm Phổ Nghi cho Phổ Kiệt biết người con gái đó là một thứ phi mới của Phổ Nghi, con của một gia đình Mãn Châu. Tên người con gái ấy là Đàm Ngọc Linh và mới có mười sáu tuổi. Đàm Ngọc Linh được phong chức Tường Quý Nhân.

Một hôm các thái giám báo cáo cho Phổ Nghi biết Hiro hàng ngày đều viết nhật ký. Phổ Nghi rất hoảng hốt vì cho rằng Hiro là gián điệp dò la nội tình trong hoàng cung Mãn Châu cho Nhật Bản. Yoshioka trấn an Phổ Nghi rằng địa vị của Hiro rất cao quý, có họ với Nhật Hoàng, không thể làm công việc thâm lén dò xét Phổ Nghi như thế. Phổ Nghi cũng vẫn không tin và sai thái giám phải tận lực canh chừng người em dâu này. Bản báo cáo thứ hai của các thái giám còn làm Phổ Nghi kinh hoàng hơn nữa: Hiro

trông có vẻ mập hơn trước, dường như nàng có thai. Đây là một tin đáng lo sợ cho Phổ Nghi. Một đứa con trai! Một người thừa kế ngai vàng của Phổ Nghi! Phổ Nghi sợ rằng sẽ bị người Nhật ám sát nếu Phổ Kiệt sinh con trai và ngai vàng Mãn Châu sẽ thuộc về con của Phổ Kiệt, một người mang dòng máu Nhật.

Nhưng cuối cùng Hiro sinh được một đứa con gái. Sau mấy tháng người ta mới thấy Phổ Nghi nở một nụ cười. Phổ Nghi gửi lời mừng tới Phổ Kiệt, và lập tức tới thăm Hiro, mục đích là để chứng kiến tận mắt con trai hay con gái. Hiro lúc đầu rất ghê sợ Phổ Nghi, vì thấy Phổ Nghi đối xử quá tàn nhẫn với Uyển Dung, nhưng dần dần Hiro cảm thấy tội nghiệp hoàn cảnh của Phổ Nghi, phải đóng vai trò một hoàng đế bù nhìn, nhất nhất mọi việc phải vâng lời người Nhật.

Hiro nhận được rất nhiều quà tặng cho con gái, trong đó có rất nhiều đồ chơi. Khi trông thấy những đồ chơi này, Phổ Nghi tỏ ra một sự ham thích lạ lùng. Hàng ngày Phổ Nghi sang thăm Hiro, với mục đích được ngồi xuống chơi các đồ chơi hàng giờ không chán. Khi Phổ Nghi không chơi các đồ chơi của con gái Hiro thì có một thú tiêu khiển nữa là đánh các người hầu. Tòa Hoàng Cung kín cổng cao tường rất ít khách đến thăm viếng, là nơi thích hợp cho Phổ Nghi lập lại trò tiêu khiển tàn nhẫn đánh người. Hồi ở Cẩm Thành thì Phổ Nghi sai đánh những thái giám, còn bây giờ thì nạn nhân là những người hầu con trai còn rất trẻ. Người Nhật đã giết một số người Mãn Châu, và vì sợ rằng con cái của những người này lớn lên sẽ nuôi lòng thù hận và tìm cách trả thù người Nhật, nên người Nhật yêu cầu chính phủ Mãn Châu mở một nhà nuôi trẻ mồ côi từ thiện. Phổ Nghi cũng cần một số người hầu để làm việc vặt trong hoàng cung. Các trẻ mồ côi này nghe nói được vào sống trong hoàng cung thì mừng lắm, tưởng sẽ được ăn no mặc ấm và an nhàn hơn là trong viện mồ côi, nên phần đông tranh nhau xin đi vào hoàng cung. Nhưng cuộc đời của những trẻ mồ côi này trong hoàng cung của Phổ Nghi là một cảnh địa ngục. Chúng không bao giờ được ăn no, dù chỉ là ăn thứ bo bo rẻ tiền nhất, và quần áo thì tả tơi rách rưới, và phải làm việc mười sáu giờ một ngày, và đôi khi phải thức suốt đêm nếu phạm sự đòi hỏi. Chúng lúc nào cũng bị đánh đập, vì ngủ gật trong lúc làm

việc, vì quét nhà không sạch, hoặc vì nói chuyện to quá. Vì bị hành hạ và sống đói khổ như thế nên có những đứa trẻ mười bảy, mười tám tuổi mà trông tưởng như mới có mười hoặc mười hai tuổi.

Với sự trợ giúp của “nam thứ phi,” Phổ Nghi lập ra được một bản điều lệ trừng phạt thái giám và người hầu như sau:

1. Cấm nói chuyện không cần thiết, để tránh hối lộ và tham nhũng.
2. Không được che giấu lỗi lầm của người khác.
3. Cấm biến thủ và mưu lợi cá nhân.
4. Phải báo cáo lỗi của người khác ngay tức khắc.
5. Cấp trên phải đánh cấp dưới ngay khi thấy cấp dưới phạm lỗi.
6. Sự trừng phạt gia tăng thêm một bậc nếu không áp dụng đúng điều luật trên đây.

Phổ Nghi bắt mọi người phải tuyên thệ rằng: “Nếu tôi vi phạm luật thì tôi sẽ vui lòng chấp nhận hình phạt của trời bằng sét đánh.”

Bất cứ người nào cũng phải báo cáo ngay bất cứ một sự vi phạm nào, dù là một vi phạm nhỏ. Phổ Nghi thường ngồi xét tội và tuyên án. Khi Phổ Nghi chỉ tay xuống đất hoặc nói “Đem xuống dưới nhà” thì nạn nhân bị dẫn xuống nhà hầm để bị đánh bằng roi. Nếu tội nặng thì nạn nhân bị tra tấn dã man và sau đó nạn nhân bị giam một mình dưới nhà hầm. Đôi khi Phổ Nghi và “nam thứ phi” đứng quan sát việc trừng phạt. Tội nặng nhất là tội tìm cách trốn ra khỏi hoàng cung. Một người hầu tên là Tôn Phổ Nguyên trốn thoát ra khỏi hoàng cung, nhưng khi đang lang thang ngoài phố thì bị bắt lại, rồi bị tra tấn và giam lại. Tôn Phổ Nguyên tìm cách trốn lần thứ hai thì bị bắt trong lúc đang trèo tường. Lần này cậu bé tội nghiệp đó bị đánh quá tay và chết ngay. Cái chết của Tôn Phổ Nguyên làm Phổ Nghi hoảng sợ hồn ma của nạn nhân sẽ trở về báo oán. Phổ Nghi phải đứng trước tượng Phật hàng giờ để cầu nguyện cho linh hồn cậu bé được mau qua thế giới khác.

Mỗi khi Hiro vào hoàng cung, nàng cố gắng tìm ra chỗ ở của Uyển Dung. Hiro rất lo lắng cho Uyển Dung. Nàng nghe đồn rằng Uyển Dung bị nhốt trong nhà hầm. Phổ Nghi rất thù hận Uyển Dung vì nghĩ rằng Văn Tú phải ly dị là tại Uyển Dung chèn ép nàng. Sau khi Văn Tú ra đi rồi, Phổ

Nghi không bao giờ nói chuyện với Uyển Dung nữa. Phải chi Uyển Dung cũng theo gương Văn Tú ly dị với Phổ Nghi, và với nhan sắc lộng lẫy của nàng, nàng có thể làm lại cuộc đời và số phận nàng sẽ khá hơn. Nhưng chỉ vì mê chức hoàng hậu mà nàng đành chôn lấp cuộc đời trong chiếc lồng son tù đày, đẹp đẽ nhưng không đáng sống. Tuổi trẻ đầy những khao khát ham muốn xác thịt bên cạnh một người chồng hờ, đã khiến Uyển Dung liều lĩnh tìm thỏa mãn với một người lính hầu. Khi chuyện vỡ lở, Phổ Nghi rất tức giận và nghiêm khắc trừng phạt Uyển Dung. Uyển Dung bị nhốt kín trong một căn phòng dưới hầm trong hoàng cung. Trong hoàn cảnh ấy, thuốc phiện là nguồn giải sầu duy nhất cho bà hoàng hậu trẻ đẹp nhưng thiếu may mắn. Suốt ngày Uyển Dung chỉ nằm hút thuốc phiện để cố quên cuộc đời. Thuốc phiện đã tàn phá nhan sắc và sức mạnh tinh thần của nàng. Sau đó Phổ Nghi đem Ngọc Linh về làm thứ phi, như một cách trừng phạt làm cho Uyển Dung phải thêm nhục nhã và đau đớn.

Hình như những người đàn bà đi qua đời Phổ Nghi đều gặp những sự không may. Văn Tú và Uyển Dung chỉ làm vợ hờ mà đã phải trả cái giá một đời người. Ngọc Linh cũng không may mắn gì hơn. Khi được hai mươi một tuổi, Ngọc Linh mắc bệnh và chết một cách rất bí mật. Năm 1945, sau này khi Nhật Bản đã đầu hàng rồi, chính Phổ Nghi tố cáo người Nhật chủ mưu giết Ngọc Linh để ép Phổ Nghi phải lấy một người vợ Nhật Bản.

Ngọc Linh thuộc gia tộc Tatala tại Mãn Châu. Phổ Nghi lấy nàng làm thứ phi cũng chỉ là để làm cảnh, như một con chim trong lồng son. Năm 1942 Ngọc Linh từ trần. Cái chết của Ngọc Linh có nhiều điểm khó hiểu đối với Phổ Nghi. Thoạt đầu Ngọc Linh bị sốt và rất khát nước. Một y sĩ Trung Hoa chẩn bệnh và cho rằng nàng bị bệnh đau màng óc và cho chích chất glucose cho nàng, nhưng bệnh tình của Ngọc Linh không thuyên giảm. Yoshioka đòi giao nàng cho một bác sĩ Nhật Bản.

Thoạt đầu viên bác sĩ Nhật rất tận tâm săn sóc Ngọc Linh và nàng đã có vẻ thuyên giảm. Nhưng sau một buổi đàm luận rất lâu với Yoshioka, vị bác sĩ trở nên thờ ơ, im lặng và không tiếp tục chích thuốc cho Ngọc Linh nữa. Yoshioka bắt hiến binh Nhật gọi điện thoại cho y tá trong phòng bệnh của Ngọc Linh suốt đêm để lấy tin tức. Sáng ngày hôm sau thì Ngọc Linh chết,

lúc đó nàng mới hai mươi hai tuổi. Phổ Nghi nghĩ rằng Yoshioka chủ trương giết chết Ngọc Linh. Phổ Nghi rất thương Ngọc Linh và yêu cầu đem chôn nàng trong lăng tẩm nhà Thanh tại Thẩm Dương, nhưng Yoshioka bác bỏ lời yêu cầu này ngay tức khắc. Yoshioka rất ghét Ngọc Linh vì nàng hay than phiền sự lộng quyền của người Nhật tại Mãn Châu. Phổ Nghi cất giữ một lọn tóc của Ngọc Linh và cái kéo cắt móng tay của nàng. Hai kỷ vật này đi theo Phổ Nghi trong suốt cuộc tù đày tại Nga Sô và Trung Hoa.

Ngay buổi sáng khi Phổ Nghi vừa nhận được tin Ngọc Linh chết, thì Yoshioka mang vòng hoa tới chia buồn với Phổ Nghi. Sự mau lẹ mang hoa đến chia buồn khiến Phổ Nghi rất đổi nghi ngờ, nhưng hành động của Yoshioka sau đó đã làm Phổ Nghi tin chắc người Nhật đã chủ mưu giết Ngọc Linh. Ngay sau đám tang Ngọc Linh, Yoshioka đem đến một xấp hình con gái Nhật và yêu cầu Phổ Nghi chọn một người làm vợ. Phổ Nghi từ chối một hành động vô ý thức như vậy trong lúc những vòng hoa tang trên mộ của Ngọc Linh chưa tàn. Tuy nhiên Yoshioka nhấn mạnh rằng y muốn sắp xếp một cuộc hôn nhân mới để giúp Phổ Nghi bớt cô đơn. Phổ Nghi bác bỏ với lý lẽ rằng việc hôn nhân không nên làm hấp tấp vì là một vấn đề quan trọng, và hơn nữa còn có trở ngại về ngôn ngữ nữa.

Yoshioka ha hả cười, “Hoàng Thượng và người con gái có thể hiểu được nhau mà. Các người con gái Nhật này đều biết nói tiếng Mãn Châu.”

Phổ Nghi vội vàng giải thích rằng đây không phải là vấn đề chủng tộc, mà chỉ vì Phổ Nghi muốn tìm một người thích hợp về thói quen và sở thích thôi. Thực ra Phổ Nghi quyết tâm không chịu lấy vợ Nhật vì sợ rằng người vợ ấy sẽ là tai mắt dò thám cho người Nhật. Tuy vậy Phổ Nghi cũng không dám dùng nhiều lời để từ chối ngay. Yoshioka tiếp tục quấy rầy Phổ Nghi một thời gian. Phổ Nghi liền tìm được một cô gái Mãn Châu mới có mười hai tuổi về làm vợ. Một cô gái tóc còn túm tònng teng hai bên thái dương, hàng ngày đi giữa hai người thái giám to lớn đi ra đi vào trong hoàng cung. Nhưng chỉ ba ngày sau cô bé đó trốn mất và Phổ Nghi cũng không muốn cho tìm bắt lại cô gái ấy. Hiro rất mừng cho cô gái nhỏ đó thoát được thảm cảnh làm vợ Phổ Nghi.

Yoshioka lại tiếp tục thúc đẩy Phổ Nghi lấy vợ mới. Bây giờ thay vì ép Phổ Nghi lấy vợ Nhật, Yoshioka đưa cho Phổ Nghi một xấp hình các cô gái Trung Hoa đang theo học một trường Nhật Bản tại Lữ Thuận. Em gái của Phổ Nghi cảnh cáo Phổ Nghi rằng các cô gái Trung Hoa này được giáo dục để trở thành người Nhật, nhưng Phổ Nghi không dám cưỡng lệnh của Quân Đoàn Quan Đông mãi, nên chọn một cô gái trẻ nhất và học thấp nhất tên là Lý Ngọc Cầm, mười sáu tuổi, con gái của một người hầu bàn trong một nhà hàng ăn. Phổ Nghi nghĩ rằng một cô gái ít học sẽ dễ điều khiển kiểm chế. Thế là một hôn lễ được cử hành và cô gái mười sáu tuổi chính thức trở thành nạn nhân thứ tư của Phổ Nghi.

Lý Ngọc Cầm không đẹp, nhưng mặt mũi sáng sủa mạnh khỏe giống như một người con trai. Lý Ngọc Cầm được phong chức Phúc Quý Nhân, nhưng Phổ Nghi đối xử với Ngọc Cầm như là một người hầu hơn là một thứ phi. Khi làm nhân chứng tại tòa án chiến tranh Đông Kinh, Phổ Nghi giải thích, “Lý do tôi kết hôn với người con gái Trung Hoa còn trẻ này là nàng còn trẻ và có thể giáo dục nàng theo ý muốn, chứ không muốn nàng được giáo dục như một người Nhật.” Phổ Nghi bắt nàng phải tự viết ra những luật lệ và hình phạt áp dụng cho nàng, và nàng phải ký tên dưới các luật lệ và hình phạt này. Khi Ngọc Cầm vi phạm điều luật gì thì Phổ Nghi đưa cho nàng coi mảnh giấy nàng đã ký, và tự tay thi hành hình phạt với Ngọc Cầm. Phổ Nghi thường lột móng Ngọc Cầm ra và đánh bằng roi. Sự trừng phạt này có lẽ là một hình thức thỏa mãn tình dục bệnh hoạn của Phổ Nghi.

Tuy nhiên Lý Ngọc Cầm là người tương đối may mắn nhất trong số các người đàn bà đi qua đời Phổ Nghi. Chỉ sau hai năm nàng về sống với Phổ Nghi, người Nhật bại trận, Phổ Nghi bị bắt cầm tù và nàng được trở về đoàn tụ với cha mẹ.

*

Không lúc nào Phổ Nghi từ bỏ giấc mơ được trở về ngự trị lại trong Cấm Thành. Khi cuộc Trung-Nhật chiến ranh bùng nổ tại Lư Cầu Kiều năm 1937, và quân Nhật mau lẹ chiếm Bắc Kinh và tràn xuống miền Nam Trung Hoa thì Phổ Nghi rất hy vọng được người Nhật cho trở lại Cấm Thành.

Nhưng người Nhật chỉ cho Phổ Nghi làm hoàng đế Mãn Châu, chứ không phải là hoàng đế nhà Thanh, nên người Nhật chọn một người Trung Hoa khác làm bù nhìn tại Bắc Kinh. Người đó là Uông Tinh Vệ. Đến đây thì Phổ Nghi đã tỉnh mộng một phần nào.

Quân Nhật đã chiến thắng mau lẹ, chiếm Thượng Hải rồi tới Nam Kinh. Tháng 12 năm 1937, quân Nhật chiếm được Nam Kinh. Lúc đó tướng Matsui là tư lệnh quân Nhật tại Nam Kinh. Ông là một Phật Tử sùng đạo và đã từng là bạn của Tôn Dật Tiên, nhưng ông đã không kiểm soát được tình hình Nam Kinh khi thủ đô của Quốc Dân Đảng lọt vào tay quân Nhật. Matsui ra lệnh cho quân sĩ tiến vào Nam Kinh phải giữ vững tư cách để cho người Trung Hoa tin tưởng người Nhật. Nhưng khi các trận đánh tại Nam Kinh chấm dứt thì Nhật Hoàng phái hoàng thúc Asaka sang giám sát mặt trận, và lệnh của hoàng thân Asaka là “phải giết hết tù binh.”

Trong ba tháng, bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 1937, quân Nhật tại Nam Kinh hành động như điên khùng, đặc biệt là các sư đoàn 6 và 16 nằm dưới quyền của Tướng Nakajima, nguyên tư lệnh mật vụ Nhật. Nhiều binh sĩ Trung Hoa không còn đường trốn, liền vất bỏ quân phục súng ống và trốn vào khu vực của người ngoại quốc. Quân Nhật yêu cầu người Âu Châu trao lại các quân sĩ Trung Hoa này, và hứa sẽ đối xử với họ một cách tử tế. Người Âu và người Mỹ tại Nam Kinh liền trao các binh sĩ Trung Hoa cho người Nhật. Tất cả các binh sĩ này bị quân Nhật dùng lưỡi lê đâm chết, hoặc bị tưới xăng đốt chết, hoặc làm mục tiêu cho người Nhật tập bắn súng máy.

Trong một vụ hãm hiếp vô tiền khoáng hậu, quân Nhật không tha cả các bà cụ già, các người đàn bà chữa và cả con nít. Chính các sĩ quan khuyến khích thúc dục quân sĩ của mình phải bắt tất cả mọi người đàn bà tại Nam Kinh. Hàng ngàn người bị trói vào giường và bị hãm hiếp cho đến chết hoặc cuối cùng cũng bị đâm chết. Từng đàn nữ sinh Trung Hoa con nhà giàu có từ 12 tới 16 tuổi tại các trường do người ngoại quốc thành lập, bị lừa vào các trại lính Nhật, và sau đó không ai còn gặp những nạn nhân nhỏ tuổi này nữa. Sau khi cướp bóc các đồ quý, binh sĩ Nhật nổi lửa đốt cháy nhà và phá hủy một phần ba thành phố.

Tại tòa án Tội Ác Chiến Tranh năm 1946 tại Đông Kinh, người ta được biết ít nhất hai trăm ngàn người Trung Hoa bị giết tại Nam Kinh, hai chục ngàn đàn bà bị hiếp và trong nhiều trường hợp là bị hiếp rất nhiều lần, một vụ hãm hiếp kéo dài từ ngày 15 tháng 12 năm 1937 đến ngày 12 tháng 2 năm 1938, khi nạn nhân cuối cùng là một bé gái mới có mười hai tuổi. Ngay sau vụ hãm hiếp tại Nam Kinh, tướng Matsui bị chuyển khỏi Thượng Hải. Ông là người ra công ngăn cấm quân sĩ Nhật không được nhúng nhiều người Trung Hoa, và bây giờ ông lại trở thành vật tế thần cho tội ác này. Về sau ông từ chức và giải ngũ, trở về Nhật và cạo đầu lên núi đi tu. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt, ông vẫn bị đưa ra tòa án của đồng minh và bị tuyên án tử hình. Ông bị treo võ vì một tội mà ông kinh tởm và cố hết sức ngăn cản. Trái lại viên tướng chủ trương phải tàn bạo là Nakajima cũng như hoàng thân Asaka thì lại không sao. Năm 1939 Nakajima giải ngũ vì đã rất giàu nhờ cho binh sĩ đi cướp bóc vợ vét tài sản của các nhà giàu tại Nam Kinh. Cả Asaka và Nakajima được hưởng một cái chết già trên giường bệnh.

Các cuộc xâm lăng Trung Hoa thường đến từ phương Bắc do những giống dân nhỏ hơn so với người Trung Hoa. Các giống dân xâm lăng khi vào Trung Hoa đều mang một tâm trạng sợ hãi biến người Trung Hoa. Từ các rợ Kim, rợ Hồ, đến người Mông Cổ và Mãn Thanh và ngay cả người Nhật, đều mang cùng một mặc cảm bất ổn trước khối người Trung Hoa đông đảo, và tất cả đều dùng phương pháp khủng bố để tạo sự kinh hoàng thần phục của người Trung Hoa. Do đó lý do chính của vụ hãm hiếp có tổ chức của người Nhật tại Nam Kinh cũng không ngoài mục đích tạo sự khủng khiếp cho người Trung Hoa trước người Nhật, để không dám kháng cự lại, và để người Nhật có thể lật đổ Tưởng Giới Thạch và đưa lên một lãnh tụ bù nhìn khác sẵn sàng chấp nhận sự chiếm đóng của quân Nhật. Tuy nhiên kết quả không như ý người Nhật muốn. Trái lại vụ hãm hiếp và tàn sát tại Nam Kinh bỗng trở thành một luồng sóng căm thù sôi sục dâng lên tràn khắp Trung Hoa, từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, dù phần lớn Trung Hoa đã nằm dưới sự thống trị của người Nhật. Chưa bao giờ người Trung Hoa quyết tâm giải phóng đất nước khỏi tay người Nhật, kẻ tử thù

bất cộng đái thiên, như là sau vụ tàn sát và hãm hiếp tại Nam Kinh.

Phổ Nghi không hề nghe biết gì về vụ hãm hiếp và tàn sát tại Nam Kinh. Mỗi bất mãn quan trọng đầu tiên của Phổ Nghi với người Nhật là việc bổ nhiệm tân thủ tướng thay thế Trịnh Thiếu Tự, nhưng vụ giết Linh Thăng là biến cố đầu tiên khiến Phổ Nghi tỉnh giấc mộng hoàng đế. Linh Thăng là con của một cựu thần nhà Thanh làm đốc quân tại Mông Cổ. Linh Thăng cũng từng là cố vấn cho Trương Tác Lâm, và trở thành tỉnh trưởng một tỉnh tại Mãn Châu. Mùa xuân năm 1936 Linh Thăng bị quân Nhật bắt giam.

Theo Yoshioka thì Linh Thăng bị bắt vì đã tham gia vào các phong trào chống Nhật và chống Mãn Châu Quốc. Nhưng thực ra Linh Thăng bị bắt là vì trong một phiên họp của các tỉnh trưởng Mãn Châu, Linh Thăng đã than phiền Quân Đoàn Quan Đông và Itagaki không thực hiện những lời hứa tại Lữ Thuận sẽ công nhận Mãn Châu Quốc như là một quốc gia độc lập. Linh Thăng còn nói các tỉnh trưởng người Mãn Châu không có một chút quyền hành gì cả.

Phổ Nghi rất lầy làm khó xử. Em gái của Phổ Nghi vừa mới hứa hôn với con trai Linh Thăng. Phổ Nghi đang định thảo luận với Quân Đoàn Quan Đông về nội vụ thì tư lệnh Quân Đoàn tới gặp Phổ Nghi, và nói với Phổ Nghi, “Chúng tôi mới khám phá được một vụ phạm pháp của một người quen biết với Hoàng Thượng. Đó là tỉnh trưởng Tân An, Linh Thăng. Hắn đã liên kết với ngoại bang để tổ chức một cuộc nổi dậy chống lại Nhật Bản. Tòa án quân sự đã xác nhận tội trạng của hắn chống lại Nhật Bản và Mãn Châu Quốc, và đã tuyên án tử hình.”

Phổ Nghi kinh ngạc nhắc lại, “Tử hình?”

“Phải, tử hình. Đây là một sự cảnh cáo. Giết một người chúng tôi sẽ cảnh cáo được hàng trăm người khác.”

Sau khi viên tư lệnh ra về rồi, Yoshioka khuyên Phổ Nghi nên hủy bỏ hôn nhân của em gái với con trai của Linh Thăng, và Phổ Nghi phải nghe theo ngay. Linh Thăng bị chặt đầu cùng với một số thân quyến. Đây là lần đầu tiên người Nhật xử tử một viên chức Mãn Châu cao cấp. Phổ Nghi không tin Linh Thăng phản bội lại Mãn Châu và nhận thức rằng người Nhật cũng có thể đối xử với mình như đã đối xử với Linh Thăng, nhất là lời nói

của viên tự lệnh: “sát nhất nhân vạn nhân cụ” càng khiến Phổ Nghi biết rõ thân phận của mình hơn. Người Nhật chỉ muốn những người tuyệt đối trung thành như tân thủ tướng Trương Thanh Hải. Trong một buổi họp chính phủ, Trương Thanh Hải đã tuyên bố, “Nhật Bản và Mãn Châu giống như hai con chuồn chuồn buộc chung vào cùng một sợi giây. Mãn Châu rộng hàng ngàn dặm vuông, nhưng người Mãn Châu vô học và ngu dốt. Nếu người Nhật đến vùng đất hoang vu này và dạy người Mãn Châu các phương pháp tối tân thì cả hai bên đều có lợi.”

Khi người Nhật đòi hỏi Mãn Châu cung cấp lúa gạo với giá rẻ, Trương Thanh Hải bào chữa cho người Nhật: “Các binh sĩ của hoàng gia Nhật đã phải hy sinh mạng sống, còn người Mãn Châu chúng ta chỉ phải trả bằng lúa gạo thôi thì thực là công bằng quá.” Tư lệnh Nhật luôn luôn khen ngợi Trương Thanh Hải là một thủ tướng tốt và là người biết làm tăng tình thân hữu Nhật và Mãn Châu.

Sau vụ Linh Thắng, Phổ Nghi còn buồn phiền về hoàng thân Đức. Hoàng thân Đức là một hoàng thân Mông Cổ và điều hành chính quyền Nội Mông Tự Trị. Khi Phổ Nghi còn sống tại Thiên Tân, hoàng thân Đức thường gửi tặng Phổ Nghi những con ngựa Mông Cổ rất quý, và bày tỏ lòng trung thành với Phổ Nghi bằng nhiều cách khác. Khi đến thăm Phổ Nghi tại Tân Kinh, hoàng thân Đức đã than phiền rằng người Nhật quá mạnh và quá nhiều tham vọng. Phổ Nghi cố gắng an ủi ông ta. Nhưng ngày hôm sau, Đại Tá Yoshioka đến thăm Phổ Nghi với bộ mặt nghiêm trọng và hỏi Phổ Nghi, “Hôm qua Hoàng thượng bàn luận gì với hoàng thân Đức?”

Nhận thấy có điều không hay, Phổ Nghi cho biết chỉ nói những chuyện không quan trọng. Yoshioka nghiêm mặt nói, “Những điều Hoàng Thượng nói hôm qua chứng tỏ Hoàng Thượng bất mãn với người Nhật, phải không?”

Phổ Nghi hoảng hốt và chỉ biết phủ nhận, “Đó chỉ là những điều bịa đặt của hoàng thân Đức.” Tuy Yoshioka bỏ qua không nhắc tới chuyện ấy nữa, nhưng Phổ Nghi cũng rất lo ngại và thường tự hỏi làm sao người Nhật biết được những gì Phổ Nghi nói với hoàng thân Đức. Phổ Nghi cho rằng chỉ có hai lý do, hoặc người Nhật đặt những dụng cụ nghe lén trong nhà, hoặc

chính hoàng thân Đức phản bội làm tai mắt cho người Nhật. Phổ Nghi dùng nhiều thời giờ lục soát tìm kiếm trong hoàng cung xem có dụng cụ nghe lén của người Nhật không, nhưng chẳng tìm thấy gì cả và kết luận rằng chính hoàng thân Đức đã làm tay sai cho Nhật phản bội lại mình. Từ biến cố này và vụ giết Linh Thắng, Phổ Nghi biết rằng không nên thảo luận thành thực về các vấn đề chính trị với bất cứ ai ngoài gia đình. Từ đó Phổ Nghi rất dè dặt nói chuyện với những người đến thăm hoàng cung. Quân Đoàn Quan Đông cũng ra lệnh cho Yoshioka phải hiện diện trong các buổi tiếp khách của Phổ Nghi.

Quân Đoàn Quan Đông đưa ra một văn kiện mới, đòi hỏi rằng nếu Phổ Nghi có con trai thì đứa con đó phải đưa sang Nhật để nuôi dưỡng và huấn luyện, khi đứa nhỏ ấy được năm tuổi. Khi cuộc Trung Nhật chiến tranh xảy ra và quân Nhật chiếm được Bắc Kinh rồi thì nhiều cựu thần nhà Thanh hy vọng Phổ Nghi sẽ được trở lại Cấm Thành, nhưng Phổ Nghi bây giờ đã biết rõ thân phận mình. Phổ Nghi biết rằng người Nhật chỉ lợi dụng mình trong một thời gian. Bây giờ mối quan tâm của Phổ Nghi không còn là ngại vàng nhà Thanh nữa, mà chỉ lo lắng tránh không bị người Nhật giết. Bây giờ Phổ Nghi rất nghi ngại Yasunori Yoshioka, người cố vấn Nhật Bản có nhiệm vụ theo dõi mọi hành động của Phổ Nghi.

Yoshioka là một người thấp lùn để ria mép. Trên danh nghĩa, Yoshioka là cố vấn cho Phổ Nghi, nhưng thực ra hẳn là người truyền cho Phổ Nghi những mệnh lệnh từ Quân Đoàn Quan Đông, bắt Phổ Nghi phải thi hành. Kể từ năm 1935 cho tới lúc Nhật Bản đầu hàng năm 1945, Yoshioka lúc nào cũng ở bên cạnh Phổ Nghi. Trong thời gian này Yoshioka quyết định cho Phổ Nghi được tiếp kiến ai, phải nói gì, ngay cả những nụ cười hoặc gật đầu của Phổ Nghi cũng phải được Yoshioka chấp thuận trước. Theo lệnh của Yoshioka, Phổ Nghi đã phải ký các văn kiện chấp nhận tiếng Nhật là quốc ngữ tại Mãn Châu.

Khi quân Nhật mở cuộc chiến đại quy mô tại Trung Hoa năm 1937 và đòi Mãn Châu phải cung cấp gạo cho binh sĩ Nhật, thì Phổ Nghi phải đọc một lời kêu gọi do Yoshioka đã viết sẵn, thúc giục dân chúng Mãn Châu phải “phải chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cuộc thánh chiến” của người

Nhật, và yêu cầu người Mãn Châu tham chiến bên cạnh người Nhật, và phải “sống chết với Nhật và đoàn kết để đập tan sức mạnh của Anh và Mỹ.” Bất cứ khi nào quân Nhật chiếm được một thành phố lớn của Trung Hoa, Yoshioka thường bắt Phổ Nghi đứng dậy cùng hân, hướng về phía thành phố ấy, và kính cẩn cúi đầu xuống để tỏ lòng thành kính với những binh sĩ Nhật đã bỏ mình trong trận đánh ấy. Người Nhật xây một Đền Lập Quốc và hàng tháng Phổ Nghi phải ra đài này chiêm hương, vái lạy và cầu nguyện cho chiến thắng của người Nhật.

Trước cuộc Trung-Nhật chiến tranh, người Nhật không để tâm kiểm soát các vấn đề cá nhân hoặc trong gia đình của Phổ Nghi. Trước đó gia quyến của Phổ Nghi được tự do từ Trung Hoa lên Mãn Châu tham dự sinh nhật của Phổ Nghi, nhưng sau năm 1937, người Nhật chỉ hạn chế một số người được tới Tân Kinh. Hơn thế nữa, các thân bằng quyến thuộc khi gặp Phổ Nghi chỉ được cúi đầu chào chứ không được phép nói chuyện với Phổ Nghi. Tất cả những thư từ gửi tới cho Phổ Nghi đều bị văn phòng của Yoshioka đọc trước, và quyết định thư nào Phổ Nghi được đọc. Quân Đoàn Quan Đông biết rằng Phổ Nghi không chống lại người Nhật hoặc Mãn Châu Quốc, nhưng lại sợ rằng Phổ Nghi có thể liên lạc với các cựu thần bên trong Vạn Lý Trường Thành để phục hồi lại nhà Thanh, và đó là điều người Nhật phản đối.

Năm 1935 Phổ Nghi viếng thăm Nhật Bản và được bà thái hậu Nhật tặng cho vài bài thơ. Yoshioka nói với Phổ Nghi, “Thái hậu Nhật Bản tương đương với mẫu hậu của Hoàng thượng, và tôi rất lấy làm vinh dự vì tôi coi tôi như là người thân của Hoàng Thượng.” Nhưng đến năm 1936, Yoshioka nói với Phổ Nghi, “Nhật Bản tương đương với thân phụ của Hoàng Thượng, Quân Đoàn Quan Đông đại diện Nhật Bản, và như vậy tư lệnh quân đoàn là thân phụ của Hoàng Thượng, và tôi là đại diện của Quân Đoàn Quan Đông.” Phổ Nghi vẫn nhẫn nhục trước những lời hỗn xược của Yoshioka.

Không những Quân Đoàn Quan Đông đè nén Phổ Nghi về chính trị, mà còn cưỡng ép Phổ Nghi phải theo tôn giáo Shinto của người Nhật nữa. Năm 1940, Phổ Nghi đến viếng thăm Nhật lần thứ hai và đã đến viếng các đền

thờ Shinto của người Nhật như là một tín đồ Nhật Bản nhiệt thành nhất. Theo lệnh của Quân Đoàn Quan Đông, Phổ Nghi đã nói với Nhật Hoàng ước muốn được thờ Thái Dương Thần Nữ để thắt chặt sự thống nhất tâm trí và đạo đức giữa Nhật Bản và Mãn Châu Quốc. Hirohito giật mình trước lời yêu cầu của Phổ Nghi và nói, “Nếu đó là ý muốn của Hoàng Thượng thì tôi xin lĩnh ý.”

Sau đó Hirohito đưa cho Phổ Nghi ba bảo vật của đạo, tượng trưng cho Thái Dương Thần Nữ: một cây kiếm, một chiếc gương bằng đồng và một tấm ngọc cong. Sáu năm sau khi bị Đồng Minh thăm vấn, Phổ Nghi đã khai, “Khi Nhật Hoàng giải thích cho tôi, tôi tưởng tôi đang ở trong một tiệm bán đồ cổ. Các vật này có thực là linh thiêng không? Có phải ba vật này biểu tượng cho tổ tiên mới của tôi không? Trên đường trở về tôi đã ôm mặt khóc.”

Phổ Nghi bao giờ cũng coi việc tàn phá lăng tẩm của các tiên đế nhà Thanh là một kinh nghiệm đau đớn nhất trong đời. Phổ Nghi vốn rất sùng đạo Phật, nay phải theo đạo Shinto nên lúc nào cũng mang mặc cảm phản bội tổ tiên, dù rằng Phổ Nghi phải làm những việc bất như ý chỉ vì mục đích khôi phục lại nhà Thanh. Phổ Nghi hy vọng linh hồn của tổ tiên hiểu ý định kín đáo của Phổ Nghi, và tha thứ và bảo vệ cho Phổ Nghi. Phổ Nghi vẫn âm thầm thờ phụng tổ tiên một cách bí mật và chỉ công nhận tổ tiên Nhật Bản mới tại nơi công cộng thôi.

Quân Đoàn Quan Đông xây một đền thờ Thái Dương Thần Nữ ngay trong sân của hoàng cung và Phổ Nghi hàng ngày cầu nguyện tại đền này cho phúc lợi của cả hai dân tộc Nhật Bản và Mãn Châu. Đền thờ Thái Dương Thần Nữ xuất hiện khắp nơi tại Mãn Châu, và bất cứ người Mãn Châu nào đi ngang qua đền thờ cũng phải cúi gập người và vái lạy, nếu không sẽ bị hiến binh Nhật đánh đập. Bị thất bại mọi mặt và thế giới thần linh sụp đổ, Phổ Nghi chỉ còn một con đường trốn tránh duy nhất là quay vào đời sống nội tâm. Càng ngày Phổ Nghi càng tin theo đạo Phật, học thuộc kinh sách và cung kính lễ Phật hàng ngày trong hoàng cung. Bây giờ Phổ Nghi không ăn thịt nữa vì Đức Phật cấm sát sinh. Phổ Nghi tuân theo lời dạy của Đức Phật một cách quá đáng khi ra lệnh cho quân hầu không

được đánh chết ruồi mà chỉ xua đuổi đi thôi, nhưng trái lại mỗi khi Phổ Nghi thấy ruồi trong đồ ăn thì lập tức trừng phạt đầu bếp. Khi trông thấy một con mèo bắt được một con chuột, Phổ Nghi vội vàng sai quân hầu phải xua đuổi làm sao cho con mèo phải nhả con chuột ra cho được mới thôi.

Phổ Nghi trở nên dị đoan và tìm người giảng các lời sấm, lời tiên tri. Bây giờ Phổ Nghi không còn tin ai nữa và sợ chết hơn bao giờ hết. Người Nhật đã làm Phổ Nghi hoảng kinh đến mất tinh thần. Các thuộc hạ lo sợ rằng khi bị áp chế quá đáng, Phổ Nghi có thể đi đến tự tử hoặc nổi khùng chống lại người Nhật. Nhưng Phổ Nghi không đủ can đảm tự tử mà cũng không chống lại người Nhật, trái lại càng ngày Phổ Nghi càng thu gọn người lại, và các cơn ác mộng đến với Phổ Nghi nhiều hơn. Một hôm Phổ Nghi bước ra ngoài vườn và trông thấy một hàng chữ bằng phấn: “Hoàng Thượng đã đủ nhục chưa?” Phổ Nghi kinh sợ người Nhật trông thấy hàng chữ này nên vội lấy khăn lau đi ngay.

Hàng ngày Yoshioka thường vào Hoàng cung của Phổ Nghi. Đôi khi hẳn ở lâu hơn, nhưng nhiều khi hẳn chỉ ở lại chừng mười phút rồi ra về, và chỉ năm phút sau hẳn lại quay trở lại, lấy cớ quên nói với Phổ Nghi điều này điều nọ. Thực ra Yoshioka dùng những chuyến viếng thăm chớp nhoáng và có thể xảy ra bất cứ lúc nào để dễ dò xét Phổ Nghi. Lâu dần Phổ Nghi phải cố tránh những trường hợp có thể khiến Yoshioka nghi ngờ. Ngay khi nghe tin Yoshioka tới, bao giờ Phổ Nghi cũng lập tức chạy ra gặp Yoshioka ngay, không dám để Yoshioka chờ đợi và nghi ngờ đang làm điều gì bí mật, dù lúc đó Phổ Nghi đang dùng cơm cũng phải bỏ chén đĩa bước ra ngay. Chưa có một ông vua bù nhìn nào tử nhục bằng Phổ Nghi của Mãn Châu Quốc. Càng ngày Phổ Nghi càng tỉnh hẳn giấc mộng làm hoàng đế trong tay người Nhật. Mỗi lo lắng chính yếu của Phổ Nghi bây giờ là làm sao không để bị người Nhật nghi ngờ, vì nếu bị người Nhật nghi ngờ thì không thể nào tránh khỏi cái chết. Cũng vì thế, mỗi khi nhận được đồ ăn do người Nhật tặng, Phổ Nghi bao giờ cũng cho người khác ăn trước xem có bị bỏ thuốc độc hay không.

Khi cuộc chiến có vẻ bất lợi cho người Nhật thì Tướng Giới Thạch nghĩ rằng Phổ Nghi có thể đóng một vai trò có lợi cho Trung Hoa, giúp Trung

Hoa đoạt được chủ quyền trên lãnh thổ Mãn Châu nên Tưởng kêu gọi Phổ Nghi và Uông Tinh Vệ trên báo chí hãy quay về với tổ quốc:

“Nếu những kẻ phản quốc quay trở về với tổ quốc thì chúng ta sẽ tha thứ cho quá khứ của họ và cho phép họ được cải tạo. Nếu Phổ Nghi và Uông Tinh Vệ từ bỏ người Nhật và phục vụ tổ quốc sau này, thì chúng ta lại cho phép họ được là công dân Trung Hoa, và còn cho họ được tự do hoạt động chính trị.”

Phổ Nghi là một người ốm yếu bạc nhược, nhưng trong suốt cuộc đời, bao giờ Phổ Nghi cũng được coi là một công dụng chính trị nhờ sinh vào một hoàn cảnh đặc biệt. Thân phận Phổ Nghi như một cánh bèo trôi trên dòng nước xoáy của thời cuộc và lúc nào cũng có một cánh tay vươn ra vớt lấy để lợi dụng cho quyền lợi chính trị của họ. Nhật Bản và Tưởng Giới Thạch đều nhận thấy sự ích lợi của con bài Phổ Nghi nếu muốn chiếm được Mãn Châu. Sau này lá bài Phổ Nghi lại một lần nữa sáng giá và được cả Nga Xô và Trung Cộng chiếu cố. Người Mãn Châu là một giống dân miền núi, rất khó nắm được lòng trung thành của họ. Nếu Trung Hoa làm phiền họ, thì chỉ lẫn vào núi là họ có thể nghiêng về Nga xô. Sau này chính Chu Ân Lai là người đã trông thấy giá trị của Phổ Nghi với chính sách “Người Mãn Châu Cuối Cùng.”

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 19
MÃN CHÂU QUỐC SỰ ĐỒ

Năm 1942, quân đội Nhật Bản tại miền Bắc và miền Trung Trung Hoa mở ra một chiến dịch càn quét đại quy mô. Quân Nhật áp dụng chính sách “Tam Tuyệt,” nghĩa là đốt hết, giết hết và cướp hết, và biến các vùng ấy trở thành những nơi không có người ở. Yoshioka một lần kể cho Phổ Nghi nghe về những chiến thuật khác nhau của quân Nhật tại miền Bắc nhằm tấn công quân cộng sản, như là “những cuộc bao vây sắt thép” và “chiến lược chải răng lược.” Yoshioka hãnh diện tuyên bố lịch sử chiến đấu của quân Nhật đã trở nên rất phong phú nhờ những kinh nghiệm này.

Phổ Nghi vô tình hỏi, tưởng để làm Yoshioka vui lòng, “Quân cộng sản quá ít ỏi, tại sao quân đội hoàng gia phải dùng đến những chiến thuật này?”

Yoshioka nổi giận và trả lời Phổ Nghi một cách vô lễ, “Nếu Hoàng thượng có đôi chút kiến thức về chiến tranh thì Hoàng thượng sẽ không hỏi một câu như vậy.”

“Tôi xin phép được hỏi tại sao?”

“Quân cộng sản không giống như quân Quốc dân Đảng. Thực ra không có cách gì phân biệt được lính cộng sản và lính Quốc Dân Đảng, và ngay cả dân chúng nữa. Giống như một thúng đậu đỏ trộn lẫn với cát vậy. Giống như mắt cá trộn với hạt trai.” Rồi hắn tiếp tục kể cuộc chiến đấu chống quân cộng sản tại vùng rừng núi miền Bắc. Quân cộng sản dường như mỗi lúc một đông hơn. Rồi hắn lắc đầu thở dài. Phổ Nghi không được biết rõ về các tin tức chiến sự, nhưng qua lời than thở của Yoshioka, Phổ Nghi cảm thấy dường như quân Nhật đang gặp bất lợi khó khăn trên chiến trường Trung Hoa. Rồi trong các buổi thuyết trình sau đó của Quân Đoàn Quan Đông, Phổ Nghi hiểu được nỗi lo lắng của Yoshioka. Càng ngày Phổ Nghi càng nghe nói nhiều hơn về các chiến bại của quân Nhật, và trên báo chí của Mãn Châu đã thấy nói nhiều đến các sự “hy sinh anh hùng” và “ngọc

võ” của quân Nhật.

Tuy ở trong cảnh cô lập, Phổ Nghi cũng cảm thấy sự thiếu thốn vật chất mỗi lúc một gia tăng. Những chiếc ống nhổ, nắm cửa và các đồ dùng bằng đồng bắt đầu biến mất khỏi Dinh thự Hoàng Đế, và các viên chức trong dinh phải đến gặp Phổ Nghi để xin giúp đỡ thực phẩm cho gia đình họ.

Điều làm Phổ Nghi kinh hoàng và tuyệt vọng nhất là khi viên tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông là tướng Yomoyuki Yamashita vào từ biệt Phổ Nghi để nhậm chức tư lệnh tại Phi Luật Tân vào năm 1945. Khi gặp Phổ Nghi, danh tướng Yamashita đã lấy tay che mũi, bắt đầu khóc và nói, “Đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau. Tôi sẽ không bao giờ trở lại đây nữa.”

Yamashita là một danh tướng Nhật và đã tạo được một chiến thắng lừng lẫy khi đánh bại quân Anh tại Tân Gia Ba và Mã Lai. Nhưng vì Yamashita chống lại thủ tướng Đông Điền nên đáng lẽ được tưởng thưởng xứng đáng sau chiến thắng quan trọng ấy thì Yamashita lại bị đổi sang Mãn Châu làm tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông. Bây giờ tình thế có vẻ tuyệt vọng và bộ tư lệnh tối cao Nhật cần phải có một tướng tài ba sang Phi Luật Tân để đương đầu với tướng Mỹ MacArthur. Vì thế Yamashita được chuyển sang Phi Luật Tân, nhưng Yamashita biết tình thế của Nhật đã tuyệt vọng và chuyển này ra đi chắc chắn cầm lấy thất bại và cái chết. Yamashita sang Phi Luật Tân cầm cự được một thời gian; trong thời gian này quân Nhật vơ vét vàng bạc tại các nước Á Châu và chuyển về cho Yamashita để tìm cách đưa về Nhật Bản. Nhưng Thái Bình Dương bây giờ nằm trong sự kiểm soát của hải quân Mỹ, Yamashita không dám chuyển kho tàng này về, sợ bị lọt vào tay Mỹ hoặc bị đánh đắm. Khi Nhật bại trận, Yamashita ra lệnh đánh đắm kho tàng này để khỏi rơi vào tay Đồng Minh. Sau đó Yamashita bị đưa ra toà án phạm nhân chiến tranh và bị án tử hình. Yamashita tuyên bố là một quân nhân ông không có tội gì cả, vì ông chỉ biết vâng lệnh cấp trên, nhưng ông nghĩ rằng ông phải chết vì tội đứng ở phe bại trận.

Trong những buổi lễ tiễn đưa các phi công Thần Phong, Phổ Nghi cũng trông thấy các phi công này khóc. Các phi công Thần Phong là những phi công có nhiệm vụ tự tử, lái phi cơ đâm vào tàu chiến của Đồng Minh. Trong một buổi lễ đặc biệt trong sân Dinh Hoàng Đế, khoảng mười hai phi công Thần Phong đứng sấp hàng trước mặt Phổ Nghi và Phổ Nghi đọc một bài diễn văn cầu chúc họ thành công trong sứ mạng được Nhật Hoàng và tổ quốc Nhật giao phó. Bài diễn văn này do Yoshioka viết sẵn cho Phổ Nghi đọc. Phổ Nghi trông thấy trước mặt mình mười hai khuôn mặt ảm đạm, những dòng nước mắt chảy xuống má họ và một vài người khóc nức nở, nhưng vẫn đứng nghiêm tại hàng.

Sau buổi lễ, một cơn bão cát tràm tới và Phổ Nghi phải bước vào trong nhà để rửa mặt. Phổ Nghi chợt nghe thấy bước chân của Yoshioka đi theo, nên dừng lại để chờ xem hắn có nói gì không. Yoshioka đặng hắng và nói, “Hoàng Thượng nói hay quá khiến họ khóc vì cảm động.” Phổ Nghi biết rằng Yoshioka sợ hãi và xấu hổ. Nhưng thực ra những giọt nước mắt của các phi công Thần Phong cho Phổ Nghi biết tình thế đã không còn cơ cứu vãn nữa.

Tháng 5 năm 1945 Đức Quốc đầu hàng tại Âu Châu càng khiến Nhật Bản tuyệt vọng hơn bao giờ hết, và bây giờ bất cứ lúc nào Nga Sô cũng có thể tham chiến tại Á Châu, và nơi quân Nga tấn công đầu tiên sẽ là Mãn Châu. Cuối cùng sự sụp đổ của đế quốc Nhật Bản đã xảy ra. Ngày 9 tháng 8 năm 1945, Tướng Otozo Yamata, tư lệnh Quân Đoàn Quan Đông và tham mưu trưởng tới Dinh Hoàng Đế báo cho Phổ Nghi biết Nga Sô đã tuyên chiến với Nhật Bản.

Yamata là một viên tướng già, gầy và thấp, một người vốn rất nghiêm trang và ăn nói chậm chạp. Nhưng hôm đó Yamata hoàn toàn khác hẳn: nói rất mau lẹ về tình hình, và cho biết quân đội Nhật đã rất sẵn sàng và rất tin tưởng sẽ chiến thắng. Trước khi Yamata nói hết lời thì còi báo động vang lên, và tất cả vội chạy xuống hầm trú ẩn. Rồi Phổ Nghi nghe thấy nhiều

tiếng bom nổ gần dinh. Sau đó Yamata không nói gì thêm về niềm tin tưởng chiến thắng, trước khi từ giả Phổ Nghi.

Kể từ hôm ấy Phổ Nghi để nguyên y phục khi đi ngủ, và lúc nào cũng dắt một khẩu súng lục trong túi, và ra lệnh thiết quân luật bên trong Dinh Hoàng Đế. Ngày hôm sau, Yamata và tham mưu trưởng trở lại, và báo cho Phổ Nghi biết quân Nhật sắp rút lui về miền Nam Mãn Châu, và thủ đô Tân Kinh sẽ dời về Đông Hoa. Nhận thấy không thể di chuyển tất cả mọi người và tài sản ngay, nên Phổ Nghi yêu cầu được khởi hành trễ hai ngày.

Phổ Nghi bây giờ trải qua những sự hành hạ mới về tâm trí, vì thái độ của Yoshioka và sự nghi ngờ trong tâm hồn Phổ Nghi. Sau khi Yamata đi rồi, Yoshioka nói với Phổ Nghi, “Nếu Hoàng Thượng không ra đi thì Hoàng Thượng sẽ bị quân Nga ám sát trước nhất.” Yoshioka nói bằng một giọng kinh dị, và Phổ Nghi rất lo sợ rằng lời nói ấy ngầm ý rằng người Nhật nghi ngờ Phổ Nghi không muốn ra đi, và âm mưu ở lại để phản lại họ.

Vì thế Phổ Nghi phải tìm cách chứng tỏ lòng trung thành của mình với Nhật Bản bằng cách triệu tập thủ tướng Trương Thanh Hải và Rokuzo Takebe, vốn là giám đốc hành chánh của Hội Đồng Chính Phủ, vào dinh và long trọng tuyên bố, “Chúng ta phải tận lực hỗ trợ cuộc thánh chiến của nước mẹ Nhật Bản, và phải chống lại quân đội Xô Viết tới cùng.” Nói xong Phổ Nghi quay lại dò xét phản ứng trên mặt Yoshioka thì mới biết Yoshioka đã bỏ đi rồi. Phổ Nghi rất đổi lo lắng, cứ đi đi lại lại trong phòng. Phổ Nghi chợt nhìn ra ngoài cửa thì trông thấy một đơn vị Nhật Bản đang tiến về Dinh Hoàng Đế, súng chĩa vào dinh, như sẵn sàng tấn công. Phổ Nghi bàng hoàng kinh sợ, nghĩ rằng giờ phút cuối cùng của mình đã tới. Nhận thấy không còn cách gì trốn khỏi được, Phổ Nghi đành làm tỉnh bước ra đầu cầu thang chờ toán lính Nhật. Nhưng khi toán lính trông thấy Phổ Nghi thì liền rút lui ngay.

Người Nhật định tâm thử xem Phổ Nghi có bỏ trốn không. Càng nghĩ tới

biến cố này Phổ Nghi càng lo sợ cho tính mạng của mình. Phổ Nghi nhắc điện thoại gọi Yoshioka, nhưng không có ai trả lời. Hình như người Nhật đã ra đi cả rồi, và Phổ Nghi hoảng sợ bị người Nhật bỏ rơi. Nhưng về sau Phổ Nghi gọi được Yoshioka. Giọng hần có vẻ yếu hần đi và hần nói hần bị đau. Phổ Nghi tỏ vẻ quan tâm và nói vài lời mong hần sớm bình phục. Phổ Nghi chợt nhớ suốt ngày hôm đó chưa ăn uống gì và cảm thấy đói cồn cào. Phổ Nghi gọi tên đầy tớ thân tín nhất là Lý Đại, bảo hần sai dọn cơm tối. Lý Đại báo cáo rằng tất cả mọi đầu bếp cùng với thái giám, người hầu và ngay cả “nam thứ phi” đều trốn hết rồi; Phổ Nghi đành phải ăn bánh khô vụn. Tệ hơn nữa là ngay cổng Dinh Hoàng Đế cũng bỏ ngõ, các quân cấm vệ cũng bỏ trốn hết không còn ai canh gác Dinh Hoàng Đế nữa.

Khoảng 9 giờ tối ngày 11 tháng 8, Yoshioka vào dinh gặp Phổ Nghi. Lúc đó các em trai và em gái cũng như em rể và các cháu của Phổ Nghi đã tề tựu tại sân ga xe lửa để ra đi. Chỉ còn lại Phổ Nghi và hai bà vợ còn lại trong dinh. Yoshioka trịnh trọng nói với Phổ Nghi và mấy người đầy tớ của Phổ Nghi:

“Dù chúng ta đi bằng xe hơi hay đi bộ, thì các bảo vật của đạo Shinto cũng phải do Toranosuke Hashimoto mang theo và đi đầu. Nếu có ai cần phải đi ngang qua các bảo vật này thì phải cúi gặp người lại để lạy bảo vật.”

Hashimoto là chủ tịch Hội Đồng Tế Lễ. Phổ Nghi kính cẩn đứng nhìn Hashimoto ôm cái hộp đựng ba báu vật của đạo Shinto đi vào trong chiếc xe hơi thứ nhất. Phổ Nghi bước vào trong chiếc xe thứ hai, và quay nhìn chung quanh thì thấy ngọn lửa đã bốc lên đốt cháy Đền Lập Quốc.

Tân Kinh rơi vào một trạng thái hỗn loạn hoàn toàn. Những đám đông bao vây nhà ga xe lửa, con đường trốn duy nhất, nhưng mọi người đều bị quân đội chặn lại không cho lại gần xe lửa. Vài toa xe lửa còn lại dành cho các sĩ quan cao cấp Nhật và các cấp bậc hành hánh trốn về Cao Ly. Ngày 14 tháng 8, các đám đông tại nhà ga xe lửa trông thấy hoàng đế của họ mặc đồ xám, được một trung đội lính Nhật hộ vệ, trèo lên chuyến xe lửa đặc

biệt. Theo sau Phổ Nghi là đám quần thần áo quần tả tơi xốc xếch. Người cuối cùng lên xe là Đoàn Dung hoàng hậu, mặt che một tấm mạng đen.

Sau khi xe lửa chạy được khoảng tám giờ, ông vua thất thế và đoàn tùy tùng tới Đông Hoa về phía Đông Mãn Châu Quốc, cách biên giới Cao Ly khoảng một trăm dặm. Kế hoạch đầu tiên là Phổ Nghi sẽ ở lại đây, nhưng vì sợ phi cơ Nga oanh tạc nên đoàn người của Phổ Nghi phải tiến vào một thị trấn mỏ than, tại đó có những hầm than kiên cố có thể an toàn khi bị phi cơ oanh tạc. Con tàu lại chậm chạp bò lên núi Trường Bạch. Nhưng khi vào núi Trường Bạch, đoàn người chạy trốn lại gặp nguy cơ phải đương đầu với quân du kích cộng sản trong núi. Tại đây Phổ Nghi và mọi người tá túc trong một khách sạn nhỏ xây cất bằng gỗ trên núi. Chính tại đây ba trăm năm trước, tổ tiên của Phổ Nghi đã tập hợp quân đội để chinh phục Trung Hoa. Quân Thanh hồi đó tràn xuống những cánh đồng Mãn Châu và tiến qua cửa Vạn Lý Trường Thành tại Sơn Hải Quan, chiếm Cẩm Thành và dựng lên triều đại nhà Đại Thanh. Lúc đó khí thế quân Thanh hùng mạnh biết bao! Bây giờ vị hoàng đế cuối cùng của nhà Đại Thanh và đoàn quần thần ngồi chúi vào nhau quanh một cái bếp, sợ hãi không dám ló mặt ra ngoài.

Ngày hôm sau, 15 tháng 8, Phổ Nghi và Phổ Kiệt nghe đài phát thanh để được biết Nhật Bản đã đầu hàng rồi. Nhật Hoàng lên đài phát thanh dùng những lời lẽ long trọng báo cho thần dân biết rằng, chiến tranh đã chấm dứt và quân Nhật đã buông súng đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Hàng triệu người Nhật đã ôm mặt khóc khi nghe lời tuyên bố đầu hàng của Nhật Hoàng, và đây cũng là lần đầu tiên họ được nghe thấy giọng nói của một Thiên Tử, con cái của Thái Dương Thần Nữ. Khi Yoshioka cho Phổ Nghi biết người Mỹ đã bảo đảm địa vị và sự an toàn cho Nhật Hoàng, thì Phổ Nghi vội quỳ xuống khấu đầu lạy tạ Hoàng Thiên che chở bảo vệ cho Nhật Hoàng. Yoshioka cũng hành động theo Phổ Nghi. Thực ra trong thâm tâm, Phổ Nghi rất đổi vui sướng và an tâm, vì nếu Nhật Hoàng mà còn được an toàn thì thân phận mình chắc cũng không đến nỗi gặp nguy hiểm.

Yoshioka liền giải thích cho Phổ Nghi biết, Quân Đoàn Quan Đông đã liên lạc với Đông Kinh, và được biết Đông Kinh muốn đưa Phổ Nghi qua

Nhật, nhưng Nhật Hoàng không thể bảo đảm cho Phổ Nghi được vô sự, vì Phổ Nghi sẽ được trao cho Đồng Minh.

Phổ Nghi thấy lạnh người khi nghe lời giải thích của Yoshioka. Đây quả thực là một bản án tử hình đang chờ đợi Phổ Nghi. Trong khi người Nhật quyết định đưa Phổ Nghi về Nhật thì họ sai Trương Thanh Hải quay trở về Tân Kinh, để sửa soạn cho tương lai Mãn Châu. Trương Thanh Hải liên lạc được với Tưởng Giới Thạch và thành lập Ủy Ban Bảo An để tiếp nhận quân đội Quốc Dân Đảng. Trương Thanh Hải hy vọng rằng có thể trao Mãn Châu cho Tưởng Giới Thạch trước khi quân Nga tiến vào. Nhưng quân Nga đã hành động mau lẹ hơn mọi người tưởng. Chỉ trong vòng hai ngày, quân Nga đã tiến tới Tân Kinh. Trương Thanh Hải và tất cả các bộ trưởng của chính phủ Mãn Châu đều bị bắt và giải về Nga.

Ngày 16 tháng 8, Yoshioka cho biết ngày hôm sau Phổ Nghi sẽ lên đường đi Nhật. Phổ Nghi gật đầu và cố tỏ vẻ vui mừng. Yoshioka cho Phổ Nghi quyền quyết định chọn những ai được đi theo, vì phi cơ quá nhỏ không thể chở hết tất cả đoàn tùy tùng của Phổ Nghi. Phổ Nghi chọn Phổ Kiệt, hai người em rể, ba người cháu, một bác sĩ và tên đầy tớ thân tín Lý Đại. Lý Ngọc Cầm sợ hãi hỏi Phổ Nghi nàng có được đi theo không. Phổ Nghi an ủi nàng nên đi xe lửa vì phi cơ không thể chở hết mọi người.

Lý Ngọc Cầm hỏi tiếp: “Xe lửa có chở tiếp tới bờ biển để dùng tàu đi Nhật không?”

Phổ Nghi vội đáp ngay cho người thứ phi an tâm: “Dĩ nhiên là sẽ như thế. Nhiều lắm là trong ba ngày nàng và hoàng hậu sẽ gặp lại ta.”

“Nếu xe lửa không tới thì sao? Thiếp không có một người thân thích nào ở đây cả.”

“Chỉ vài ngày chúng ta sẽ gặp lại nhau. Mọi sự sẽ êm đẹp.”

Trong đoàn tùy tùng của Phổ Nghi tất cả đàn bà đều bị bỏ lại và một người em rể của Phổ Nghi là người họ Trịnh, vốn là cháu nội của Trịnh Thiếu Tự. Gã họ Trịnh liền quỳ gối xuống năn nỉ Phổ Nghi cho hắn đi theo, nhưng phi cơ không thể chở thêm một người nữa và người ta phải đẩy gã họ Trịnh ra. Những người bị bỏ lại hoảng hốt vô cùng. Hiro Saga, vợ của Phổ Kiệt ôm đứa con gái đứng khóc. Phổ Kiệt an ủi nàng vài lời và khuyên

nàng nên tìm đường bộ trốn về Cao Ly, từ đó sẽ qua được Nhật dễ dàng. Nhưng mọi người đều biết rằng quân Nhật đã triệt thoái khỏi Mãn Châu rồi thì quân du kích trong núi sẽ tràn xuống ngay. Uyển Dung hoảng hậu đứng im lặng nhìn cảnh chia tay hỗn loạn và kinh hoàng, và hiểu rằng bà sẽ bị bỏ rơi một lần nữa.

Phổ Nghi và những người được chọn đi theo vui mừng đi khỏi ngọn núi lúc nào cũng lo sợ du kích tới tấn công. Tại Đông Hoa cả bọn lên một chiếc phi cơ nhỏ, dự định bay thẳng sang Cao Ly. Nhưng tin tức cho biết thời tiết xấu nên phi cơ bay trở về Thẩm Dương. Tại đây cả bọn ngồi đợi một phi cơ khác chở thẳng sang Nhật Bản. Phổ Nghi trầm tư ngồi trong một chiếc ghế bành, không thèm chú ý tới cảnh hỗn loạn chung quanh. Khi Yoshioka báo cho Phổ Nghi biết phi cơ đã tới rồi, Phổ Nghi cũng không thèm ngẩng lên nhìn. Một chiếc phi cơ vận tải lớn hạ cánh cùng với tiếng động cơ gầm lên dữ dội và từ từ chạy về phía phòng đợi. Yoshioka và Phổ Kiệt vội chạy ra để thu xếp chỗ ngồi trên phi cơ. Cả hai bỗng kinh hoàng sợ hãi khi thấy chiếc phi cơ mang dấu hiệu của không quân Nga Sô. Ngay lúc đó một toán lính Nga trang bị súng máy ào ra, chạy mau lẹ vào tước khí giới của các binh sĩ Nhật có nhiệm vụ bảo vệ phi trường. Binh sĩ Nga ra lệnh cho Yoshioka và Phổ Kiệt quay trở vào phòng đợi. Một sĩ quan Nga đi theo hai người vào phòng, trong đó hoàng đế Phổ Nghi đang chờ đợi.

Phải chăng Phổ Nghi bị phản bội? Người Nga khó có thể biết được sự thay đổi cuộc hành trình của Phổ Nghi, nhưng làm thế nào phi cơ của Nga Sô tới phi trường Thẩm Dương đúng lúc như thế? Có thể một số bộ trưởng của Phổ Nghi đã tìm cách lấy lòng tin của chính quyền Nga Sô tại Tân Kinh, và đã cho biết chi tiết kế hoạch đào thoát của Phổ Nghi.

Phổ Nghi và tất cả đoàn tùy tùng được lệnh lên chiếc phi cơ vận tải Nga và bay về Đông Liễu thuộc vùng Ngoại Mông, để phi cơ được tiếp tế thêm nhiên liệu. Trong lúc chờ đợi tại đây, Phổ Nghi yêu cầu gặp viên sĩ quan Nga chỉ huy. Khi viên sĩ quan này tới, Phổ Nghi chỉ vào Yoshioka và năn nỉ quân Nga cứu Phổ Nghi khỏi tay Yoshioka, một người tàn ác phải chịu trách nhiệm về các việc Phổ Nghi đã phải làm dưới mệnh lệnh của hắn. Lập tức viên sĩ quan Nga ra lệnh cùng tay Yoshioka và dẫn ra ngoài phi cơ.

Yoshioka lúc đó đang ngạc nhiên trước lời buộc tội của Phổ Nghi, và vội vàng lên tiếng phản đối, nhưng lúc bấy giờ lời nói của một người Nhật không có giá trị gì nữa. Một lát sau phi cơ chở Phổ Nghi cất cánh nhằm hướng tây Bá Lợi Á.

Tại núi Trường Bạch, những người đàn bà sợ sệt bị bỏ lại sống từng ngày trong khách sạn, không biết bao giờ quân địch đến bắt họ. Về ban đêm họ có thể trông thấy lửa trại của quân du kích trên núi. Một số binh sĩ canh gác bảo vệ họ đã bỏ trốn hết, và bây giờ những người đàn bà này phải tự bảo vệ lấy mình. Lúc đó quân Nga đã chiếm được Đông Hoa và đang tới gần núi Trường Bạch. Các người đàn bà không thấy gã họ Trịnh nữa; hẳn còn mãi lang thang nghe ngóng ngoài thị trấn. Lý Ngọc Cầm thì than khóc gọi mẹ. Hoàng hậu Uyển Dung thiếu thuốc phiện, bị thuốc phiện hành hạ nên về ban đêm thường kêu khóc đòi thuốc phiện. Hiro Saga mặc dầu phải trông coi đứa con gái năm tuổi, nhưng dường như là người duy nhất có thể điều khiển đoàn người bị bỏ lại. Nàng không còn dám mặc áo Kimono nữa, mà thay quần áo giả trang thành một phụ nữ Trung Hoa. Trước khi ra đi, Phổ Nghi đã để lại cho họ rất nhiều tiền bạc và những cổ vật rất quý có thể bán được khá nhiều tiền.

Đến tuần lễ thứ ba của tháng Tám thì đoàn người đàn bà nhận được tin Phổ Nghi đã bị quân Nga bắt được. Mọi người đều ôm mặt khóc và trông thấy một tương lai vô định trước mắt họ. Mãi đến ngày 21 tháng 9 họ mới thực sự gặp khó khăn khi quân du kích chiếm thị trấn và đi lùng bắt người Nhật. Một hôm Hiro bị chặn lại ngoài phố và một du kích chỉ vào nàng và nói: “Đây là một người Nhật.” Nhưng em gái Phổ Nghi vội kêu lên, “Không phải, đây là chị tôi.” Nhờ thế Hiro không bị bắt. Hiro giấu một thùng tiền Mãn Châu trong một văn phòng của hiến binh Nhật. Khi quân du kích chiếm văn phòng đó, cả thùng tiền của nàng đã bị tịch thu.

Vài ngày sau quân Nga tiến tới thị trấn. Quân Nga cũng đi tìm hôi của và đàn bà. Hiro vội cắt tóc ngắn và mặc giả làm đàn ông, cũng như phần đông các người đàn bà trong nhóm. Quân Nga bắt tất cả người Nhật và giải về Lâm Sương, một thị trấn lớn hơn. Hiro ra lệnh cho cả nhóm đi theo quân Nga về Lâm Sương. Nàng nghĩ như thế còn an toàn hơn là ở lại với quân

du kích.

Vài tuần sau nữa quân chính quy cộng sản tiến tới. Tuy quân chính quy có kỹ thuật hơn và chỉ đi vơ vét những dụng cụ y khoa và thuốc mà thôi, nhưng sự hiện diện của họ đã chấm dứt mọi hy vọng của Hiro trốn về Nhật Bản qua ngã Cao Ly. Cho tới bấy giờ quân cộng sản vẫn chưa biết được tung tích của toán đàn bà. Nhưng một hôm gã họ Trịnh, em rể Phổ Nghi lập công với cộng sản và cũng là để trả thù Phổ Nghi không cho hắn đi theo, tới gặp viên chỉ huy cộng sản và tố cáo tung tích của toán người đàn bà, trong đó có cả vợ con hắn. Một sĩ quan cộng sản tới căn nhà Hiro Saga đang thuê cho cả nhóm ở, và hỏi, “Bà có phải là bà Phổ Kiệt không? Bà đừng lo ngại. Tôi là cựu sĩ quan trong đội kỵ binh Mãn Châu và tôi rất thân với chồng bà.” Viên sĩ quan không có ý định làm khó dễ toán đàn bà của Hiro.

Gã họ Trịnh thấy đám đàn bà của Phổ Nghi bình an không sao cả liền trở lại bộ tư lệnh Cộng quân một lần nữa, lần này gã lôi cuốn được sự chú ý khi tố cáo đám đàn bà kia mang theo rất nhiều báu vật từ Cẩm Thành, những “tài sản quốc gia” này phải trả lại cho nhân dân. Thế là tất cả đoàn bị bắt giữ, giải về Đông Hoa và giam trong sở cảnh sát. Lúc đó là tháng Giêng năm 1946. Đúng lúc đó cuộc chiến Quốc-Cộng xảy ra và quân của Trương Giới Thạch tiến vào Mãn Châu với sự trợ giúp của một vài đơn vị Nhật Bản. Một lực lượng Nhật tấn công Đông Hoa, rồi rút lui sau một trận đánh dữ dội. Quân cộng sản trả đũa bằng cách đem bắn một số tù binh Nhật Bản và có thái độ cứng rắn với nhóm đàn bà của Phổ Nghi. Tất cả nhóm đàn bà bị giam trong một trại cảnh sát trong nhiệt độ lạnh khủng khiếp.

Lúc này Uyển Dung đã dùng hết số thuốc phiện dự trữ và bắt đầu gào khóc đòi thuốc phiện khi bị thuốc phiện vật. Hiro phải dứt lót cho quân canh để mua thêm thuốc cho Uyển Dung. Trong hoàn cảnh tù đầy này Uyển Dung và Hiro, hai người chị em bạn dâu, bắt đầu thân mật với nhau nhiều hơn. Chính tại đây Uyển Dung bộc lộ lý do tại sao bị Phổ Nghi ghét bỏ.

Thoạt đầu Phổ Nghi chỉ giận Uyển Dung vì cho rằng Uyển Dung đã áp đảo khiến thứ phi Văn Tú phải ly dị, và Phổ Nghi tránh nói chuyện với

Uyển Dung. Uyển Dung tìm quên trong khói thuốc phiện. Người tài xế của Phổ Nghi là Lý Tích Nhu có nhiệm vụ mua thuốc phiện cho Uyển Dung. Đôi khi Uyển Dung cho phép Lý Tích Nhu nằm tiêm thuốc cho mình và cũng cho Lý Tích Nhu hút nữa. Trong dịp Phổ Nghi công du Nhật Bản lần thứ hai, Lý Tích Nhu tìm cách quanh quẩn bên cạnh Uyển Dung nhiều hơn và thường được nằm tiêm thuốc cho Uyển Dung, người thiếu phụ còn trẻ, còn có những đòi hỏi xác thịt. Lý Tích Nhu cũng nhiều phen thèm thỗng nhìn bà hoàng hậu trẻ đẹp nằm hờ hênh hút thuốc phiện. Một lần đưa dọc tẩu cho Uyển Dung, Lý Tích Nhu nắm chặt lấy bàn tay ngà ngọc thanh tú của Uyển Dung và thấy Uyển Dung ngoan ngoãn để yên. Thực ra trong cơn say thuốc và qua khói thuốc, Uyển Dung trông thấy họ Lý là một đấng anh quân mạnh khỏe hào hoa phong nhã chứ không phải là tên tài xế hàng ngày, vừa đen đũi vừa gian manh. Thế là nàng nhắm mắt mỉm cười như một cánh hoa chờ đợi chàng bướm xuân. Lý Tích Nhu không bỏ lỡ cơ hội có một trong đời. Sau khi tỉnh cơn đăm mê của dục tình, Uyển Dung cảm thấy xấu hổ và kinh tởm tên tài xế. Nhưng đồng thời nàng không quên được những cảm giác đê mê mãnh liệt của thân thể mà lần đầu nàng được hưởng, được biết. Mặc dầu lúc nào cũng hối hận và kinh tởm tên tài xế, Uyển Dung vẫn hàng ngày đi lại với Lý Tích Nhu trong suốt thời gian Phổ Nghi ở Nhật Bản. Vài tháng sau khi ở Nhật về, Phổ Nghi thấy Uyển Dung có chữa. Sự thật không thể che giấu được nữa. Đáng lẽ Phổ Nghi xử tử Lý Tích Nhu, nhưng không hiểu sao Phổ Nghi chỉ cho hắt hai trăm năm chục quan tiền và đuổi ra khỏi Dinh Hoàng Đế. Phổ Nghi giam nhốt Uyển Dung dưới nhà hầm. Khi Uyển Dung lâm bồn, đứa nhỏ bị bác sĩ chích thuốc cho chết, ngay trước mắt Uyển Dung theo lệnh của Phổ Nghi. Kể từ lúc trông thấy con bị giết chết trước mắt, Uyển Dung không bao giờ như trước nữa, nàng đã trở thành một người gần như điên khùng, im lặng không nói năng nữa, suốt ngày chỉ nằm hút thuốc phiện liên miên. Phổ Nghi mặc dầu giam Uyển Dung dưới hầm nhưng vẫn ra lệnh cung cấp thuốc phiện cho nàng đầy đủ. Từ đó nàng chỉ biết lấy thuốc phiện để quên con, quên đời.

Đến tháng 4 năm 1946, những người đàn bà này được chuyển về Trường Châu trong khi chính quyền cộng sản vẫn tiếp tục công cuộc điều tra. Tại

Trường Châu họ không bị giữ trong nhà tù, mà được ở trong những căn phòng thuê bên trên một tiệm ăn. Ít lâu sau Lý Ngọc Cầm được thả và tìm đường về với cha mẹ. Trước khi ra đi, Lý Ngọc Cầm hứa sẽ tìm cách giúp đỡ những người còn bị giam giữ. Ít lâu sau mấy người em gái của Phổ Nghi cũng được trả tự do. Hiro và Uyển Dung không được may mắn như thế. Hai chị em bạn dâu này bị giải về núi Trường Bạch, một cuộc hành trình dài ba trăm dặm bằng xe bò, trên xe có một tấm biển với hàng chữ: “Những Kẻ Phản Quốc Của Gia Đình Hoàng Gia Bù Nhìn.” Mỗi khi chiếc xe ngừng lại tại thị trấn nào thì dân chúng ùa ra xem rất đông đảo. Đôi khi Uyển Dung đói thuốc gào thét dữ dội khiến những người đứng xem cũng phải hoảng sợ.

Sau hai tháng trên chiếc xe bò, Hiro và Uyển Dung cũng được chở tới nhà tù Văn Chí trong dãy núi Trường Bạch. Dân chúng địa phương chạy ra xem Hiro và con gái được đưa xuống xe cùng với Uyển Dung. Hiro và con gái được giam chung một phòng với một số nữ tu sĩ người Pháp trong đó có hai người bị xích chân vào tường. Uyển Dung bị giam riêng một phòng. Khi nghe nói bà hoàng hậu cuối cùng nhà Thanh đang bị giam tại nhà tù địa phương, dân chúng các làng gần xa ùn ùn rủ nhau tới xem, sắp hàng thật dài trước những trấn song sắt, chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng, một bà hoàng hậu đang rên xiết trên sàn nhà vì thiếu thuốc, vì bệnh hoạn dơ dáy. Trong cơn mê man, Uyển Dung tưởng vẫn còn ở trong Cấm Thành, luôn luôn la hét cầu xin thay nước tắm và thay quần áo mới cho mình. Rồi khi bị thuốc phiện vật, nàng la hét đòi thuốc khiến đám khán giả quê mùa cũng phải giật mình hoảng hốt.

Đến đầu tháng 6 năm 1946, Hiro và con gái cùng với Uyển Dung được phóng thích. Các tù nhân tại nhà giam Văn Chí vui mừng khi không phải trông nom canh giữ Uyển Dung nữa, nhưng bà hoàng hậu bây giờ yếu quá rồi, không thể ra đi được nữa. Hiro đành phải dẫn con ra đi một mình, vượt biên giới trở về Bắc Kinh lúc đó vẫn còn trong tay quân Quốc Dân Đảng. Hiro tìm tới gặp Thuần Thân Vương, và báo cho biết hoàn cảnh của Uyển Dung hoàng hậu. Thuần Thân Vương rất đau đớn khi nghe biết về hoàn cảnh đau lòng của Uyển Dung. Ông lẩm bầm than, “Ôi, cái ngày hôn lễ

hoàng hậu đẹp biết bao! Hoàng hậu thực là một người đẹp...”

Cuối cùng Uyển Dung cũng được giải thoát khỏi cảnh khốn cùng của nàng. Vào giữa tháng Sáu, một vài nông dân thương xót bà hoàng hậu thất thế, đã rủ nhau đến khiêng nàng về một nông trại ở trên núi Trường Bạch. Tại đây nàng được tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo mới và được đặt nằm nghỉ trên một chiếc giường ấm. Nàng lơ mơ cảm thấy được săn sóc và đó thực là một niềm an ủi lớn cho chính nàng và những người còn quý mến nàng. Đến cuối tháng Sáu, Uyển Dung từ trần trong căn nhà đơn sơ đó. Năm ấy nàng vừa đúng bốn mươi tuổi.

Hiro Saga rời Bắc Kinh đi Thượng Hải, tìm đường trở về Nhật Bản để chờ đợi Phổ Kiệt tại Đông Kinh. Nhưng những thảm kịch vẫn chưa buông tha những người mang dòng máu hoàng gia nhà Thanh. Đứa con gái của Hiro Saga lớn lên trở thành một nàng quận chúa xinh đẹp. Đến năm mười chín tuổi, nàng quận chúa xinh đẹp này yêu con trai của một viên chức sở hoả xa. Dĩ nhiên Hiro Saga không chấp nhận một cuộc tình duyên của một quận chúa cành vàng lá ngọc, thuộc cả hai dòng họ hoàng gia Nhật và Trung Hoa, với một người thường dân. Ngày 10 tháng 12 năm 1957, cặp tình nhân này quyết tự tử vì tình. Hai người trèo lên một ngọn núi, tại đây chàng bắn chết nàng quận chúa, đặt nàng nằm tựa cánh tay mình, rồi quay súng bắn vào tim mình tự tử theo. Theo truyền thống Nhật Bản, hai người để lại vài lọn tóc cùng với kéo cắt móng tay trong một tờ giấy cuộn lại.

Nguyễn Vạn Lý
Hoàng Đế Cuối Cùng
Chương 20
NĂM NĂM LƯU ĐẦY TẠI NGA SÔ

Trong khi những thảm kịch xảy ra cho những người đàn bà trong gia đình, thì Phổ Nghi sống một cuộc đời tương đối bình yên trong một khách sạn sang trọng, tại vùng nghỉ mát Khaborovsk thuộc quân khu Chita trong vùng Tây Bá Lợi Á,...một nửa như tù nhân một nửa như quý khách của chính phủ Nga Sô. Khi tới nơi, Phổ Nghi được một nhóm sĩ quan Nga ra đón, và một sĩ quan cao cấp nhất trong bọn trịnh trọng nói với Phổ Nghi, “Theo lệnh của chính phủ Sô Viết, quý ngài kể từ nay sẽ bị tạm giữ tại đây.” Viên sĩ quan ấy chính là trung tướng tư lệnh quân khu Chita, và đối xử với Phổ Nghi rất tử tế.

Những người cùng bị giữ trong khách sạn này với Phổ Nghi lúc đầu chỉ gồm có vài người trong gia đình Phổ Nghi. Nhưng ít lâu sau người Nga chuyển tới khách sạn này cả Trương Thanh Hải và các bộ trưởng cùng tướng lãnh và nhân viên cao cấp trong chính phủ Mãn Châu cũ. Thoạt đầu người Nga cũng không biết phải đối xử với Phổ Nghi như thế nào, nên cứ để cả nhóm nhớn nhोर tháng ngày trong khách sạn sang trọng, với đầy đủ tiện nghi vật chất và thực phẩm đắt tiền. Tất cả nhóm này được tự ý muốn làm gì thì làm trong phạm vi khách sạn, ngay hành lý của họ cũng không hề bị lục soát. Riêng Phổ Nghi chỉ bị một viên đại tá tình báo Nga thăm vấn vài lần, nhưng cũng không đi sâu lắm vào chi tiết.

Cuộc sống của Phổ Nghi và các viên chức Mãn Châu rất thoải mái đầy đủ. Mỗi ngày họ được dùng ba bữa ăn thịnh soạn, một bữa uống trà vào buổi xế trưa, còn rượu Vodka thì được uống vô giới hạn. Mỗi buổi sáng, hai nữ y tá xinh đẹp tới thăm hỏi Phổ Nghi xem có được dễ chịu không, và có cần dùng gì về thuốc men không. Khi một người trong bọn lâm bệnh, lập tức có bác sĩ tới sẵn sóc chữa bệnh. Về giải trí họ được đọc sách báo; mỗi

tuần lễ Phổ Nghi được coi hai cuốn phim. Nếu Phổ Nghi muốn đi dạo bên bờ hồ thì có người sẵn sàng đi hầu hướng dẫn. Chưa bao giờ Phổ Nghi được sống thoải mái như thế, nên Phổ Nghi gửi văn thư lên chính quyền Nga Xô xin được ở lại Tây Bá Lợi Á vĩnh viễn. Nhưng các tùy tùng của Phổ Nghi và bọn Trương Thanh Hải vô cùng sợ hãi nếu phải ở lại Tây Bá Lợi Á suốt đời. Họ còn có gia đình vợ con tại Mãn Châu. Họ năn nỉ Phổ Nghi xin cho họ được trở về vùng Đông Bắc Trung Hoa.

Việc làm hàng ngày của Phổ Nghi là cầu nguyện đọc kinh Phật. Phổ Nghi vẫn đòi hỏi mọi người phải coi mình như một vị hoàng đế, và các đầy tớ của Phổ Nghi vẫn bị Phổ Nghi trừng phạt như cũ; bây giờ Phổ Nghi không dám dùng roi đánh họ nữa, mà chỉ tát vào mặt họ thôi. Mọi người không còn được phép gọi Phổ Nghi là “Hoàng Thượng” hoặc “Bệ Hạ” nữa, mà chỉ gọi là “Bề Trên” thôi. Không những Phổ Nghi không làm gì cho những người chung quanh, mà nếu có người nào trong gia đình Phổ Nghi làm giúp điều gì, chẳng hạn như trải bàn ăn cho người khác, Phổ Nghi cũng ngăn cấm người đó ngay. Hàng ngày Phổ Nghi vẫn được nghe tin tức quốc tế, nhưng không được rõ ràng lắm, chỉ biết rằng quân đội Quốc Dân Đảng của tướng Giới Thạch đã giao chiến với quân đội cộng sản của Mao Trạch Đông rồi. Mãi năm năm sau Phổ Nghi mới biết về cái chết của Uyển Dung hoàng hậu.

Hai tháng sau, Phổ Nghi được phi cơ Nga chở sang Đông Kinh để ra trình diện trước Tòa Án Quân Sự Quốc tế. Tòa án đặc biệt này xét xử các phạm nhân chiến tranh Á Châu và kéo dài suốt hai năm rưỡi. Trong số hai mươi tám tội nhân bị buộc tội “phạm tội ác đối với nhân loại” thì tám người bị xử giáo, trong đó có các đại tá một thời làm mưa làm gió tại Mãn Châu là Doihara và Itagaki. Ngoài ra các nhân vật quan trọng của Nhật bị treo cổ còn có thủ tướng Đông Triều, các Tướng Matsui, Yamashita. Tất cả những phạm nhân quan trọng đều có liên hệ với Phổ Nghi và người ta muốn dùng Phổ Nghi, trước hết như một nhân chứng và sau đó có thể Phổ Nghi trở thành bị cáo, nếu Phổ Nghi trả lời thiếu khéo léo để lộ tội phạm của mình.

Chính tại tòa án này người ta phải công nhận Phổ Nghi rất khôn ngoan, có tài hùng biện và tránh né được tất cả những lời buộc tội rất sắc bén của các luật sư danh tiếng quốc tế. Trong thời gian ở Nhật, Phổ Nghi chính thức thuộc quyền sử dụng của Tướng MacArthur, tư lệnh Đồng Minh tại Nhật, mặc dù trước đó đại diện của Nga Sô chỉ chấp thuận cho Phổ Nghi tới Đông Kinh với điều kiện Phổ Nghi phải trở về Nga Sô sau cuộc điều trần tại tòa án.

Lúc đó Stalin dùng áp lực đòi đem Nhật Hoàng Hirohito ra xử như một phạm nhân chiến tranh. Mục đích của Stalin trước hết là tạo khó khăn cho Mỹ, và sau đó là tạo ra sự bất ổn chính trị tại Nhật để cho cộng sản Nhật có thể khai thác được hoàn cảnh hỗn loạn ấy. Người Anh cũng cho rằng Hirohito phải chịu trách nhiệm về các tội ác của quân Nhật tại Á Châu. Nhưng Tướng MacArthur cương quyết chống lại các yêu sách của Anh và Nga, vì ông hiểu rằng chỉ có Nhật Hoàng mới đủ tư cách làm ổn định tình thế của nước Nhật sau chiến tranh. MacArthur dùng tất cả quyền hạn của mình để bênh vực Nhật Hoàng vì quyền lợi của Mỹ. Một nước Nhật không có Nhật Hoàng sẽ trở thành hỗn loạn và việc chiếm đóng của quân đội Mỹ sẽ rất khó khăn.

Chính vì thế MacArthur không vui gì khi Phổ Nghi được đưa ra trước Tòa Án Quốc Tế, vì địa vị của Nhật Hoàng cũng tương tự như địa vị của Phổ Nghi, và ông rất sợ Hirohito cũng sẽ phải ra trước tòa làm nhân chứng như Phổ Nghi. Khi Phổ Nghi bước vào tòa án thì cả thế giới quay về phía vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa năm đó vừa đúng bốn mươi tuổi. Phổ Nghi đứng trước tòa án, người cao lớn, hơi mập ra vì những tháng sống sung sướng tại vùng nghỉ mát Khabarovsk. Đối diện với Phổ Nghi là vài chục bị cáo người Nhật, có cả Itagaki, Doihara, những người từng áp đảo tinh thần Phổ Nghi tại Mãn Châu trước kia.

Trong suốt mười một ngày kế tiếp, Phổ Nghi trở thành trung tâm của thế

giới. Phổ Nghi đã tỏ ra là một diễn viên có tài, khiến cả tòa lúc thì ngỡ ngàng lúc thì tức giận trước những câu trả lời rất khôn ngoan tránh né, những lời nói dối hiển nhiên nhưng không ai tìm được chứng cứ để phản bác lại. Trong cái chỗ ngồi làm nhân chứng đó, Phổ Nghi trôi nổi lúc thì như một con bướm hiền lành, nhớn nhỡ tránh né các lời buộc tội, các bẫy gài sẵn của các tay công tố viện lão luyện, khi thì như một con ong đốt lại địch thủ những phát chí tử.

Phổ Nghi rất giỏi tiếng Anh, nhưng cho biết không hiểu những câu hỏi bằng tiếng Anh và bắt phải thông dịch lại sang tiếng Trung Hoa. Trong khi đó Phổ Nghi đã hiểu rõ câu hỏi rồi và lợi dụng lúc người thông dịch nói tiếng Trung Hoa để sắp đặt câu trả lời. Phổ Nghi một mực xác nhận mình vô tội, bị người Nhật bắt cóc sang Mãn Châu và phải làm bù nhìn cho Nhật Bản nếu không sẽ bị người Nhật giết. Khi công tố viện hỏi tại sao Phổ Nghi không từ chối lệnh của người Nhật thì Phổ Nghi lớn tiếng hỏi, “Lúc đó các quốc gia dân chủ không hề chống lại quân Nhật thì một mình tôi làm sao có thể từ chối lệnh của họ hoặc chống lại họ được?” Phổ Nghi lập đi lập lại trong thời gian từ năm 1931 cho đến lúc đứng trước tòa, Phổ Nghi không phải là một người tự do có thể tự ý hành động.

Khi công tố viện nhắc lại lời tuyên bố của Phổ Nghi nói với Nhật Hoàng Hirohito, “Hạ thần lấy làm vinh hạnh được là mặt trăng đối với mặt trời Mikado,” thì Phổ Nghi làm một bộ mặt rất ngơ ngác của một người vô tội và nhìn quan tòa và hỏi tại sao người ta có thể tin được một lời nói như thế. Rồi Phổ Nghi thốn thức bộc lộ nỗi khổ tâm của một Phật Tử sùng đạo hàng ngày ngồi xếp chân tĩnh tọa để thiền, mà bị bắt buộc phải theo đạo Shinto của người Nhật thờ Thái Dương Thần Nữ. Khi bị hỏi Phổ Nghi tự ý hợp tác với người Nhật vì ý muốn tái lập nhà Đại Thanh thì Phổ Nghi phủ nhận ngay. Công tố viện liền trưng bằng cứ trong cuốn “Hoàng Hôn Trong Cấm Thành” của Sir Johnston, trong đó Phổ Nghi thổ lộ ước muốn tái lập ngai vàng bằng mọi phương tiện. Phổ Nghi liền chỉ trích Johnston đã xuyên tạc với dụng ý thương mại để cho cuốn sách bán chạy.

Đôi khi Phổ Nghi lấn át cả tòa án khi lớn tiếng, “Tôi chưa trả lời xong câu hỏi trước của ngài,” mỗi khi bị tòa án chặn lại khi Phổ Nghi trả lời dài dòng đi ra ngoài đề. Lúc thì Phổ Nghi gay gắt nói, “Ngài không cần phải hỏi tôi câu ấy,” hoặc “Tôi nghĩ chúng ta không nên phí thời giờ về vấn đề này.” Khi một luật sư đưa ra một lá thư do chính Phổ Nghi viết năm 1931 bày tỏ ước muốn được người Nhật bảo trợ để tái lập ngai vàng. Vị luật sư hỏi, “Có phải lá thư này do chính ông viết hoặc do lệnh của ông và có đóng dấu của Tuyên Thống Hoàng Đế không?” Phổ Nghi nhìn lá thư và bất thành linh vùng đứng lên. Cả tòa giật mình và các binh sĩ canh gác người Nga vội sửa soạn tiến vào giữ Phổ Nghi; quan tòa Sir William Webb phải ra lệnh cho Phổ Nghi ngồi xuống. Nhưng Phổ Nghi giận dữ hét to vào mặt viên luật sư, “Đây là một sự giả mạo. Phải trừng phạt kẻ nào đưa ra tài liệu giả mạo này.”

Rồi Phổ Nghi nói tiếp với luật sư buộc tội, “Tôi không trách ông đâu vì ông là luật sư buộc tội. Dĩ nhiên ông muốn tôi bóp méo sự thực... Nhưng sự thực là sự thực.” Phổ Nghi tránh né không bao giờ trả lời những câu hỏi bằng một tiếng “Đúng” hay “Sai.” Một nhà ngữ học Mỹ là thiếu tá Moore phản đối sự kiện này với quan tòa Sir William Webb và nói tiếp, “Theo kinh nghiệm của tôi với người Á Đông thì người Á Đông thường lươn lẹo tránh né vấn đề chính.”

Lời nói của thiếu tá Moore gây phẫn nộ trong tòa, đặc biệt là các thẩm phán người Á Châu. Cuối cùng quan tòa bắt thiếu tá Moore phải xin lỗi và tòa bỗng có cảm tình với Phổ Nghi. Sir William Webb luôn nhắc nhở công tố viên là tòa án không xử nhân chứng và Phổ Nghi chỉ là nhân chứng thôi. Ngày 27 tháng 8, sau mười một ngày Phổ Nghi đứng trước tòa, Sir William Webb, một Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện Úc nổi tiếng là một quan tòa nghiêm khắc, quyết định chấm dứt cuộc thẩm vấn Phổ Nghi. Công tố viên yêu cầu giữ Phổ Nghi tại Đông Kinh để có thể thẩm vấn nữa khi cần, nhưng Sir William Webb cho rằng không cần thiết phải giữ lại Phổ Nghi,

và trao trả Phổ Nghi cho người Nga. Cả tòa án và Tướng MacArthur thờ dài nhẹ nhõm khi Phổ Nghi chấm dứt vai trò nhân chứng và trở về Nga Sô.

Bằng tài nói dối và đóng kịch tuyệt luân, Phổ Nghi đã không bị Tòa Án Quốc Tế Đông Kinh buộc tội. Nhưng tâm trạng của Phổ Nghi cũng không vui sướng gì. Mấy câu viết sau đây của Phổ Nghi đã tỏ rõ tâm trạng chán nản của vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa:

“Bây giờ ta đã thất bại và tất cả giấc mộng của ta không thực hiện được, ta thực vô cùng hối tiếc.

“Trong hơn mười năm qua những nỗi đau khổ ta phải trải qua và sự áp bức ta phải chịu đựng thực là quá sức của một người thường.

“Đối với ta chữ “Tự Do” đã mất hết ý nghĩa.

“Bây giờ ta chỉ còn biết than khóc mà thôi!”

Khi trở về Khabarovsk, một viên chức Mãn Châu cho Phổ Nghi biết một phái bộ Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đã tới Mạc Tư Khoa để yêu cầu Nga Sô trao trả Phổ Nghi cho Trung Hoa. Phổ Nghi rất dỗi kinh hoàng, vì nếu lọt vào tay Tưởng Giới Thạch thì không thể nào tránh khỏi bị xử tử vì tội phản quốc. Tuy nhiên Nga Sô không bao giờ trao một món hàng quý giá như Phổ Nghi cho chính phủ Trung Hoa Dân Quốc, vì lúc đó chính phủ này đã có vẻ lung lay lắm rồi. Nga Sô tin tưởng Mao sẽ chiến thắng tại Trung Hoa và lúc đó sẽ giao Phổ Nghi cho phe Trung Cộng.

Không phải mọi người trong đoàn tùy tùng của Phổ Nghi đều được hưởng sự biệt đãi như Phổ Nghi. Một số bị làm lao công cực khổ, như trường hợp của anh ruột của Uyển Dung hoàng hậu là Lý Đại và các cháu của Phổ Nghi. Họ phải làm lao công tại các xưởng thợ, nông trường tập thể, người may mắn nhất thì được làm bồi khách sạn. Khi đã phải làm lao công thì họ đều bị đối xử tàn tệ theo chế độ lao công cưỡng bách, phải làm nhiều giờ trong các điều kiện kham khổ về thực phẩm, quần áo và chỗ ở; không những thế họ còn bị trừng phạt nếu không làm đúng mức. Những người không may mắn này bắt đầu hồi tưởng lại những biến cố quá khứ đã dẫn họ

tới sự cực nhục ngày nay, và họ thấy rằng chính sự liên hệ với Phổ Nghi vì gia tộc hoặc việc làm đã làm khổ họ. Họ bắt đầu oán trách Phổ Nghi. Tuy vậy tất cả đều sống sót được cảnh lưu đày tăm tối này.

Những người thiếu may mắn lại càng căm phẫn trước những tiện nghi mà Phổ Nghi và một số viên chức Mãn Châu đang được hưởng. Nơi Phổ Nghi ở được gọi là Trung Tâm 45, gồm có các người hầu là người Nhật và Mãn Châu phụ trách chăm lo thỏa mãn các nhu cầu của Phổ Nghi và đoàn tùy tùng. Mặc dù bị giam giữ, nhưng Phổ Nghi không phải làm những việc thường nhật, ngay việc làm giường Phổ Nghi cũng không phải bận tay. Bồ vợ của Phổ Nghi được giao trách nhiệm cai quản những người hầu này, và chính ông thay thế Lý Đại trong việc săn sóc quần áo và các tài sản của Phổ Nghi đem theo. Công việc hàng ngày của Phổ Nghi là tụng kinh và chơi mà chược. Người Nga không coi Phổ Nghi như một người tù, mà chỉ là một người “bị tạm giam” để chờ ngày trao trả cho Mao Trạch Đông, một khi Mao Trạch Đông hoàn thành cuộc chiến thắng cuối cùng tại Trung Hoa.

Sau khi từ Toà Án Chiến Tranh Đông Kinh trở về Nga Sô, Phổ Nghi thổ lộ có mặc cảm tội lỗi, không những về các việc làm quá khứ, mà còn là sự nói dối xúc phạm đến một người mà Phổ Nghi lúc nào cũng kính trọng là sư phụ Johnston. Trước khi các người thân và tên đầy tớ thân tín Lý Đại bị phân tán đi, Phổ Nghi kiểm soát lại số tài sản lớn lao gồm rất nhiều ngọc ngà châu báu mà Phổ Nghi vẫn còn giữ. Phổ Nghi rất lạ lùng là người Nga không khám xét ngừng túi hành lý nặng nề của mình. Phổ Nghi rất hy vọng sẽ được người Nga trả tự do và được ty nạn sang một nước khác ngoài Trung Hoa, thì với số tài sản lớn lao đó Phổ Nghi sẽ sống một cuộc đời an nhàn sung sướng. Số tài sản của Phổ Nghi nhiều đến nỗi Phổ Nghi phải vất bớt đi khoảng trên hai trăm viên ngọc mà Phổ Nghi coi là rẻ tiền không đáng mang theo. Phổ Nghi quẳng một số vào lò sưởi cho cháy đi hoặc quẳng ra những nơi để đồ phế thải hoặc sai Lý Đại đào đất và chôn trên hai trăm viên ngọc đó về ban đêm. Chính vì có nhiều vàng ngọc như thế, và nghĩ rằng bây giờ Nga và Mỹ là đồng minh rồi nên Phổ Nghi đã liều viết

một lá thư lên chính phủ Nga tại Mạc tư Khoa, yêu cầu được ty nạn chính trị tại Hoa Kỳ, nhưng chính phủ Nga Sô không bao giờ trả lời lá thư của Phổ Nghi.

Trong thời gian sống trong trại tam giam, Phổ Nghi rất ít liên lạc với các người Nga có phận sự canh gác. Phổ Nghi chỉ thường nói chuyện và dò hỏi những người hầu gốc Mãn Châu. Những người hầu này làm bộ như biết nhiều tin tức bên ngoài và cho Phổ Nghi biết không cần phải lo đến tính mạng vì người Nga có ý định giam Phổ Nghi tại Tây Bá Lợi Á suốt đời, vì đây chính là nơi phát xuất của tổ tiên Phổ Nghi. Một tin đồn khác làm Phổ Nghi hớn hở hy vọng: người Nga dự định đặt Phổ Nghi lên làm hoàng đế Mãn Châu trở lại, nhưng lần này là bù nhìn cho Nga Sô. Mỗi khi Phổ Nghi phải gặp các viên chức Nga Sô thì họ rất lịch sự lễ phép với Phổ Nghi, và sự kiện này càng làm tăng hy vọng trong lòng Phổ Nghi.

Trong lúc đó cuộc chiến Quốc-Cộng tại Trung Hoa mỗi lúc một mãnh liệt và cộng sản liên tục chiến thắng, chiếm dần hết đất của phe Quốc Dân Đảng. Thoạt đầu Phổ Nghi không nghe biết gì, nhưng khi cộng sản có mùi thắng thế thì tin tức chiến sự trở thành tin trang nhất của các báo chí địa phương. Bắt đầu năm 1947 người Nga cho dịch tin tức trên báo chí và in thành từng bản tin bằng tiếng Trung Hoa và phân phát cho những người bị tạm giam. Ngay khi Thượng Hải thất thủ năm 1948 Phổ Nghi cũng biết tin ngay trong một tuần lễ. Dần dần Phổ Nghi hiểu rằng người Nga chỉ tạm giam mình thôi, và ngay khi nào Mao Trạch Đông hoàn thành chế độ cộng sản tại khắp Trung Hoa thì Phổ Nghi sẽ bị trả về Trung Hoa. Kể từ đó Phổ Nghi lại sống trong những cơn ác mộng và trở nên sùng đạo hơn bao giờ hết. Bây giờ Phổ Nghi sợ hãi và tin chắc sẽ chết dưới tay các người cộng sản Trung Hoa; đôi khi vì sợ hãi quá, Phổ Nghi cầu mong cái ngày cuối cùng ấy mau tới để được giải thoát khỏi sự kinh sợ triền miên.

Sự hiểu biết về cộng sản của Phổ Nghi rất giới hạn, chỉ biết qua lời giảng của Sir Johnston, Trịnh Thiếu tự và đặc biệt là viên cố vấn Nhật Bản Yoshioka. Phổ Nghi rất tiếc không hỏi Yoshioka nhiều về cộng sản, và bây giờ thì không còn cách nào gặp được Yoshioka nữa. Ngay khi bị quân Nga bắt giữ, Yoshioka đã tự tử. Trong số những người cùng bị giam với Phổ

Nghi, không ai hiểu biết gì về cộng sản cả, và cũng không biết rằng hệ thống tư pháp của cộng sản khác hẳn hệ thống tư pháp của Trung Hoa cũ hoặc các quốc gia dân chủ khác. Phổ Nghi cũng không biết nền tư pháp của cộng sản tàn ác đến như thế nào khi hàng triệu địa chủ lớn nhỏ đều bị gọi là phản quốc, và bị giết ngay trước sự chứng kiến của gia đình và dân làng.

Phổ Nghi cũng không hiểu được mục đích của nhà tù cộng sản. Cộng sản vẫn thường khoe khoang nhà tù của họ là nơi để người tù tự cải tạo. Thực ra các phương pháp thẩm vấn trong nhà tù cộng sản không những bắt tù nhân phải bịa đặt ra những thứ tội không hề có, mà còn có mục đích bắt tù nhân phải chấp nhận một cuộc đời mới, trong đó người tù phải tin rằng mình là một người thối tha tội lỗi đáng bị trừng phạt. Mặc cảm tội lỗi đó sẽ theo đuổi người tù suốt đời và biến người tù trở thành sợ sệt và hàng phục chế độ cộng sản tuyệt đối. Trong hệ thống luật pháp của Trung Cộng, chính người tù trở thành công tố viên gay gắt nhất qua phương pháp “tự thú.” Đây là một phương pháp quý quyết tuyệt đỉnh. Người tù sẽ phải tự mình sắp đặt một trường hợp phạm tội chống lại mình một cách tự cho là khôn khéo nhất. Khi người tù tự tạo ra một bản tự buộc tội mình vừa ý chính quyền thì chính quyền sẽ giữ bản buộc tội ấy, và tùy thuộc sự giải thích của cán bộ, chính quyền có thể xử người tù một bản án vừa ý chính quyền nhất. Và nếu được tạm tha thì bản tự nhận tội vẫn còn đó và lúc nào cần thiết, chính quyền có thể đem ra và kết án. Dù được trả tự do, người tù lúc nào cũng có tâm trạng của một kẻ đã bán linh hồn cho quỷ, và lúc nào cũng có thể bị quỷ tới đòi nợ, lúc nào cũng tưởng được hưởng lượng khoan hồng của chế độ cho một tội do chính mình tưởng tượng ra và tự buộc cho mình.

Sau một thời gian ở không, Phổ Nghi và những người bị giam giữ được cấp cho một khoảnh đất để tự trồng lấy những thứ rau trái ưa thích. Phổ Nghi cũng trồng một ít cà chua, đậu, ớt xanh, cà và các thứ rau thông thường khác. Hàng ngày Phổ Nghi xách nước tưới rau và có vẻ thích thú lắm vì đây là lần đầu tiên Phổ Nghi thực sự “lao động sản xuất.” Một phần nữa là Phổ Nghi cũng thích ăn những thứ rau trái đặc biệt Trung Hoa này.

Ngoài ra tất cả những người bị tạm giam cũng phải trải qua một khoá học tập chính trị, nhưng chỉ học lấy lệ chứ không phải là một khoá học tầy

nào như về sau này trong nhà tù của Trung Cộng. Thực ra nhà cầm quyền Nga Xô cũng muốn họ có đôi chút sinh hoạt nên mới cấp đất cho họ trồng trọt rau và mở những lớp đọc sách chính trị. Một người em trai của Phổ Nghi được lệnh đọc các cuốn sách nói về “Các Vấn Đề Chủ Nghĩa Lê Nin” và “Lịch Sử Của Đảng Cộng Sản Nga Xô” cho mọi người nghe, nhưng đám thính giả cũng ngỡ ngác chẳng hiểu gì như các người đọc sách vậy. Phổ Nghi luôn luôn tự hỏi nếu người Nga không cho ta sống ở Nga nữa thì những sách này có ích lợi gì? Một cây cà chua và ớt và rau của ta ngoài vườn kia còn có ý nghĩa hơn. Tuy ngồi đó ra vẻ lắng nghe nhưng thực tình Phổ Nghi luôn luôn suy nghĩ đến các vấn đề khác quan trọng hơn, như liệu ta có thể vĩnh viễn sống tại Mạc Tư Khoa hoặc Luân Đôn được không, bao nhiêu năm thì sẽ tiêu dùng hết những châu báu ta mang theo?

Nhưng sau giờ ăn tối thì sinh hoạt lại nhộn nhịp hẳn lên vì đây là giờ nghỉ tự do cho mọi người. Người ta quên hết những lời đọc sách chính trị, và lại vui đùa vào bàn mà chược, hoặc bên cửa sổ có người lại ngồi chấp tay, thỉnh thoảng lại vang lên những tiếng A Di Đà Phật! Nhóm khác thì tụ tập để coi bói xem bao giờ thì được trở về quê nhà và gia đình họ bây giờ ra sao. Thoạt đầu lính canh gác Nga cũng bực mình với những tiếng ồn ào này, nhưng lâu dần họ cũng quen đi. Trong lúc đó thì Phổ Nghi thường ngồi trong phòng riêng tung đồng tiền để phỏng đoán tương lai, hoặc đọc kinh Phật.

Phổ Nghi cũng biết rằng theo luật pháp Nga Xô thì Phổ Nghi mắc tội phản quốc, nhưng Phổ Nghi tin rằng những sự việc đã xảy ra với mình chẳng qua là những việc tiền định của số kiếp. Phổ Nghi nhớ lại những lời nói của cổ nhân: “Kẻ mạnh sẽ thắng” hoặc “Được làm vua thua làm giặc.” Lúc đó Phổ Nghi chưa hề nghe nói đến “tẩy não” hoặc “cải tạo tư tưởng.” Phổ Nghi áp dụng phương pháp cổ điển để tránh bị trừng phạt. Phổ Nghi biết rằng số phận mình bây giờ là do Nga Xô định đoạt, vì thế Phổ Nghi tỏ ra hết sức lấy lòng người Nga bằng cách dâng cho nhà cầm quyền Nga rất nhiều ngọc ngà châu báu. Nhưng đôi khi Phổ Nghi cũng vẫn lo sợ rằng sẽ có thể bị bắt về Trung Hoa để trừng trị dưới chế độ cộng sản.

Năm 1949, khi nghe tin Mao Trạch Đông đã chiếm hết Hoa Lục và

Tướng Giới Thạch phải bỏ chạy ra Đài Loan, Phổ Nghi vô cùng hoảng sợ. Viễn ảnh bị trả về cho Trung Cộng mỗi lúc một gần hơn. Tháng 10 năm 1949 khi Phổ Nghi đã bị tạm giam tại Tây Bá Lợi Á được năm năm thì Mao Trạch Đông tiến vào Bắc Kinh và tuyên cáo thành lập tân chế độ Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa. Phổ Nghi cực kỳ kinh hoàng, nhưng các bộ trưởng cũ của chính phủ Mãn Châu Quốc xin phép nhà cầm quyền Nga Sô cho phép đánh điện tín về Bắc Kinh cho Mao để mừng chiến thắng của cộng sản, và cũng bày tỏ lòng trung thành với tân chế độ. Hoảng sợ có thể bị gửi trả về Trung Hoa, Phổ Nghi làm một hành động tuyệt vọng cuối cùng là kêu gọi chính quyền Nga cho phép Phổ Nghi được ở lại Tây Bá Lợi Á vĩnh viễn.

Tuy nhiên lời kêu gọi tuyệt vọng cuối cùng của Phổ Nghi không có hiệu quả. Người Nga chỉ tạm giữ Phổ Nghi cho Trung Cộng mà thôi. Lúc đó người Nga chưa trông thấy giá trị của con bài Phổ Nghi và tưởng rằng tình hữu nghị giữa các người anh em cộng sản sẽ keo sơn bền vững mãi mãi. Lúc đó chỉ có Chu Ân Lai mới trông thấy giá trị của lá bài chính trị Phổ Nghi. Tháng 8 năm 1950, Phổ Nghi được thông báo sẽ được trao trả cho chính quyền Trung Cộng. Phổ Nghi lại trải qua những cơn ác mộng mới, lần này Phổ Nghi không trông thấy một tia hy vọng nào cho cuộc đời của mình.

Nguyễn Vạn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Chương 21

NGƯỜI TÙ TRONG TAY MAO TRẠCH ĐÔNG

Một ngày mùa hè năm 1950, tất cả những người Trung Hoa bị tạm giam tại Khabarovsk được lệnh thu xếp tất cả hành trang để lên xe lửa trở về Trung Hoa. Riêng Phổ Nghi được đi tay không, không phải mang theo quần áo đồ đạc của mình,...chỉ khoác áo mưa và cầm can bước lên xe lửa. Binh sĩ Nga Sô áp tải tất cả bọn tới tận biên giới Nga-Hoa. Phổ Nghi được nghỉ trong một toa riêng, được ăn uống như các sĩ quan Nga.

Phổ Nghi tin rằng xe lửa đang đưa mình dần tới một đội hành quyết, một cái chết chắc chắn không tránh khỏi. Ban đêm trong khi mọi người ngủ ngon lành thì một mình Phổ Nghi mắt mở thao láo không thể chợp mắt được, vì nghĩ đến cái chết sắp đến. Rồi Phổ Nghi cầu nguyện và nghĩ đến các người ngủ chung quanh và than một mình, “Đời ta không kéo dài hơn những giọt sương đọng trên cửa sổ trong khi các người ngủ như khúc gỗ.”

Sáng hôm sau, Phổ Nghi được dẫn sang một toa xe lửa khác, trong đó có hai người Trung Hoa đang chờ; một người mặc quân phục, và một người mặc đồ dân sự. Người mặc đồ dân sự nhìn Phổ Nghi từ đầu tới chân rồi nói, “Chúng tôi tới đón ông theo lệnh của Thủ Tướng Chu Ân Lai. Bây giờ ông đã có cơ hội trở về tổ quốc rồi.” Phổ Nghi chờ đợi bị còng tay, nhưng không thấy ai đến còng tay cả, liền nghĩ, “Chắc họ biết ta không trốn thoát được.” Một giờ sau xe lửa vào một nhà ga tại biên giới. Trên sân ga, hai hàng lính đối diện nhau, một bên là lính Trung Cộng và một bên là lính Nga Sô. Phổ Nghi đi giữa hai hàng lính để tới một chiếc xe lửa khác đang đợi gần đấy. Khi bước lên xe lửa, Phổ Nghi thấy tất cả ngừng người Trung Hoa bị tù đầy cùng với mình đã có mặt trên xe lửa rồi, và không một ai bị còng hoặc bị trói cả. Phổ Nghi thấy cửa sổ toa dành cho mình bị dán giấy kín mít nên tưởng rằng xe lửa sẽ đưa tới nơi hành quyết.

Lúc nào Phổ Nghi cũng bị ám ảnh bởi cái chết nên không biết rằng Trung Cộng rất cần Phổ Nghi và muốn bắt Phổ Nghi phải trải qua một cuộc

cải tạo tây nã, biến Phổ Nghi thành một người khác. Thực ra cuộc cải tạo cho Phổ Nghi đã bắt đầu ngay trên toa xe lửa này. Phổ Nghi và đồng bọn được lính gác đối xử rất tử tế. Một sĩ quan tới chào mừng họ đã trở về và trấn an họ không có gì phải lo lắng sợ hãi cả. Trên xe lửa có một bác sĩ để sẵn sóc cho họ khi đau ốm. Buổi sáng đầu tiên họ được ăn một bữa điểm tâm rất đầy đủ, gồm có các loại rau muối chua, trứng muối và cháo. Lính gác thấy họ thích món cháo liền nhường phần của mình cho họ. Phổ Nghi vẫn bi quan cho rằng lính gác biết họ sắp chết rồi nên cho họ được thoải mái đôi chút trước giờ chết.

Sáng hôm sau xe lửa ngừng lại; Phổ Nghi không biết là đâu, nhưng nghe thấy các binh sĩ nói chuyện thì biết đã tới Trường Châu, thủ đô cũ của Phổ Nghi khi còn làm hoàng đế Mãn Châu. Một lát sau xe lửa lại tiếp tục chạy và vài giờ sau thì tới Thẩm Dương. Một người mặc quần áo dân sự bước lên toa xe, tay cầm một danh sách và gọi tên một số người, trong đó có Phổ Nghi.

Tất cả được đưa lên xe buýt để tới một ngôi nhà lớn ở ngoại ô thành phố, có lính cộng sản canh gác nghiêm mật. Phổ Nghi kinh sợ khi nghe tên cán bộ cộng sản nói, “Các ông sợ hãi gì? Tôi đã chẳng bảo sẽ đưa các ông tới đây để yên nghỉ hay sao?” Trên một phòng trên lầu có đủ loại bánh, trái cây, trà nước cho một buổi tiệc. Phổ Nghi tin rằng đây là bữa ăn cuối cùng, liền cầm lấy một trái táo. Vì cứ bị ám ảnh bởi cái chết sắp đến, Phổ Nghi ăn xong trái táo liền quay lại nói với tên cán bộ, “Nào thôi đi, tôi sẵn sàng rồi!”

Tên cán bộ liền giải thích Phổ Nghi không cần phải vội vàng, vì Phổ Nghi sẽ còn nhiều thì giờ tại Phú Sơn. Đến đó Phổ Nghi mới thở phào nhẹ nhõm. Sau đó cả bọn lại tiếp tục lên xe lửa để tới Phú Sơn. Tới nơi, Phổ Nghi và đồng bọn được viên quản đốc ra chào đón. Viên quản đốc trước kia đã từng phải đứng sắp hàng phất cờ vẫy chào mỗi khi Hoàng Đế Phổ Nghi đi ra ngoài. Trong thâm tâm, viên quản đốc này cũng có đôi chút nể nang Phổ Nghi. Tên quản đốc nhìn Phổ Nghi và mọi người, “Quý ông tới đây như là những người đi học tập để trở thành những công dân mới, chứ không phải là những tù nhân. Để xứng đáng là công dân tốt của nước tân

Trung Hoa, mọi người phải làm việc chăm chỉ và phải cải tạo lại tư tưởng. Đó là lý do tại sao các ông được gửi đến đây.”

Mọi người sau đó phải khai chi tiết mọi thứ trong hành lý mang theo, và được chỉ định phòng ngủ. Thoạt đầu Phổ Nghi được ở chung với Phổ Kiệt và các cháu. Nhưng chỉ một tuần sau, ban quản đốc nhà tù nhận thấy Phổ Nghi không có khả năng lo liệu mọi việc cá nhân cho Phổ Nghi. Viên quản đốc liền thử cho Phổ Nghi ở riêng một phòng trong một tuần lễ xem Phổ Nghi có thể tiến bộ không, nhưng kết quả thực là thảm hại. Mặc dầu đã 45 tuổi rồi, nhưng Phổ Nghi không thể tự mặc quần áo được. Chân tay Phổ Nghi lỏng ngóng dường như không thể làm được việc gì; ngay những công việc đơn giản nhất như cài nút áo, hoặc thắt giầy giầy cũng ngoài khả năng của Phổ Nghi. Mỗi khi Phổ Nghi xuất hiện trong phòng ăn là một trò cười cho người khác, quần áo xốc xếch, khuy nọ cài vào khuy kia, giầy chỉ mang được một chiếc, áo mặc ngược. Về buổi chiều, các tù nhân phải làm vườn, nhưng Phổ Nghi bị cấm không được lai vãng ra ngoài vườn, vì Phổ Nghi có thể nhổ cả những cây hoa thay vì nhổ cỏ.

Viên quản đốc rất thất vọng về khả năng thể chất của Phổ Nghi, nhưng lại rất hài lòng về các tiến bộ của Phổ Nghi trong việc học tập chính trị. Tù nhân được chia làm hai nhóm và học tập các tài liệu chính trị. Họ phải viết lại những bài phản ảnh quan điểm chính trị của họ. Nhóm của Phổ Nghi phải đọc cuốn sách “Tân Dân Chủ.” Thoạt đầu Phổ Nghi không thể viết được gì mà không viết lại những lời trong cuốn sách. Một hôm Phổ Nghi nảy ra một ý kiến khôn ngoan. Phổ Nghi nhớ lại trước kia đã có lần ví Nhật Hoàng là Mặt Trời, và bây giờ có thể áp dụng với Mao Trạch Đông. Phổ Nghi đã viết được những câu:

“Mao chủ tịch là Mặt Trời chiếu xuống khắp nhân loại. Chừng nào tôi còn sống, tôi sẽ tuân theo Mặt Trời này. Tôi cương quyết sửa đổi tôi thành một người mới.”

Viên quản đốc rất thích mấy câu trên của Phổ Nghi. Bất cứ khi nào có nhân vật cao cấp tới thăm trại tù thì tên quản đốc lại đem bài viết của Phổ Nghi ra khoe.

Mỗi ngày Phổ Nghi có ba mươi phút tập thể dục ngoài sân, ngày ăn ba

bữa và được dùng phòng công cộng vào một giờ nhất định mỗi ngày để nghe tin tức, đọc báo chí hoặc nghe nhạc. Sự đối xử của cấp chỉ huy nhà tù với Phổ Nghi cũng khá thân thiện. Họ được tắm nước nóng về mùa đông, không bị cai tù chửi rủa hoặc đánh đập. Người cháu của Phổ Nghi tìm cách hối lộ cai tù một chiếc đồng hồ, nhưng người cai tù không dám lấy.

Người Nhật xây nhà tù Phú Sơn năm 1936 để giam giữ những tù chính trị Mãn Châu. Khi Nhật thua trận và đầu hàng năm 1945, Tưởng Giới Thạch dùng nhà tù này làm trại kị binh. Năm 1950 Chu Ân Lai ra lệnh tu bổ nhà tù này để giam giữ các tù nhân Mãn Châu và Nhật Bản; Chu Ân Lai đặc biệt theo dõi trại tù này. Về sau trại tù này là nơi giam giữ các tướng trong quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Năm 1952, các tướng Nhật nổi loạn phản đối tại sao chiến tranh đã chấm dứt lâu rồi mà họ vẫn thường xuyên phải viết những bản tự thú về những tội ác trước đệ nhị thế chiến và trong cuộc Trung-Nhật chiến tranh. Trung Cộng có vẻ e ngại các tướng Quốc Dân Đảng nhất, vì năm 1964, các tướng Nhật được thả ra, năm 1965 các tù chính trị Mãn Châu được trả tự do, trong khi mãi tới năm 1975, gần ba mươi năm sau khi cuộc chiến Quốc-Cộng chấm dứt, các tướng Quốc Dân Đảng mới được bước ra khỏi nhà tù Phú Sơn.

Riêng Phổ Nghi phải mất chín năm để được cải tạo, biến đổi từ hoàng đế thành một công dân trong chế độ cộng sản. Theo lời viên quản đốc nhà tù thì trường hợp của Phổ Nghi mau lẹ như thế là vì chính quyền Trung Cộng đã ra chỉ thị cho y phải cải tạo Phổ Nghi càng mau lẹ bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, vì chính quyền Trung Cộng cần đến Phổ Nghi và muốn Phổ Nghi trở thành “một công dân tốt” trước khi quá già. Trung Cộng muốn sử dụng Phổ Nghi như một thí dụ điển hình của sự cải tạo con người cho mục đích ý thức hệ, ngoài ra cũng còn cần uy tín của Phổ Nghi để nắm được dân Mãn Châu đang được Nga Xô mua chuộc.

Viên quản đốc tỏ ra có cảm tình với Phổ Nghi vì cũng là người Mãn Châu, và đã bênh vực Phổ Nghi trước những sự nhạo báng và hành hạ của những cựu viên chức cao cấp trong chính phủ Mãn Châu Quốc. Trong nhà tù Phú Sơn, Phổ Nghi được coi là một con người yếu đuối nhất, cả tinh thần lẫn thể xác vì cuộc đời làm hoàng đế trước kia đã biến Phổ Nghi thành một

người lúc nào cũng phải nhờ cậy người khác, dù là những công việc tầm thường hàng ngày, như giặt quần áo, tự lấy đồ ăn... Nếu không có sự che chở đặc biệt của viên quản đốc thì Phổ Nghi khó mà chịu đựng được những sự tấn công của những bầy tôi cũ.

Ngay bên trong phòng giam riêng biệt dành cho gia đình Phổ Nghi, những đầy tớ như Lý Đại, các đứa cháu của Phổ Nghi cũng chống lại một người đã từng gia ơn cho họ lúc còn là hoàng đế. Mấy người ở chung phòng với Phổ Nghi từ chối không giúp đỡ Phổ Nghi đến nỗi cuối cùng Phổ Nghi được chuyển tới một phòng khác ở chung với các người hoàn toàn xa lạ. Lần đầu tiên Phổ Nghi biết thế nào là lao động, khi phải tự vá lấy quần áo, đơm khuy áo, giặt quần áo. Nhưng dù đã cố gắng nhiều, nhưng Phổ Nghi bao giờ cũng lúng túng chậm chạp. Buổi sáng khi Phổ Nghi còn đang vất vả với chiếc bàn chải đánh răng thì các bạn đồng tù đã ăn sáng xong rồi. Phổ Nghi trở thành một trò cười thường xuyên cho tất cả các tù nhân chung quanh. Trước kia những tù nhân này kính sợ Phổ Nghi và không dám nhìn thẳng vào mặt Phổ Nghi. Nỗi khổ tâm nhất của Phổ Nghi là khi phải đi đổ cầu tiêu, vì cho rằng mình đã làm nhục đến cả tổ tiên. Quần áo Phổ Nghi lúc nào cũng tả tơi, không rách thì cũng mất khuy áo.

Cuộc chiến tranh Triều Tiên đã gây khó khăn cho Phổ Nghi và các tù nhân tại Phú Sơn. Sợ quân Mỹ có thể tràn qua biên giới Triều Tiên và chiếm trại tù, chính quyền Trung Cộng cho di chuyển cả trại tù qua Ha Nhĩ, tại đây điều kiện sinh sống còn tệ hại hơn ở Phú Sơn. Trại tù Ha Nhĩ cũng do người Nhật xây ra, nhưng không có đủ tiện nghi và rất lạnh về mùa đông. Trận chiến Triều Tiên trở thành một đề tài thảo luận nhiều nhất giữa các tù nhân. Họ tin rằng Trung Cộng đang bị Hoa Kỳ đánh bại, và một số tù nhân hy vọng rằng họ sẽ được người Mỹ giải thoát. Trái lại Phổ Nghi rất bi quan vì nghĩ rằng nếu Trung Cộng thua thì Trung Cộng sẽ giết tất cả tù nhân chính trị chứ không để họ lọt vào tay quân địch. Sự bàn luận của tù nhân sôi nổi đến nỗi ban quản đốc nhà tù phải tập họp họ lại và bảo đảm rằng sinh mạng của họ không hề bị nguy hiểm. Tuy thế ban quản đốc cũng nhấn mạnh rằng dù sinh mạng của họ không bị nguy hiểm nhưng họ vẫn chưa được trả tự do, vì nếu họ chưa được cải tạo thành một công dân mới

thì họ sẽ phạm phải tội ác nữa.

Khi phải viết những bản tự thú về những tội ác trong quá khứ, Phổ Nghi bao giờ cũng căn cứ vào cuộc làm nhân chứng tại Tòa Án Chiến Tranh Đông Kinh, và lúc nào cũng giữ vững lập trường: từ lúc rời khỏi Cấm Thành, Phổ Nghi chỉ là một nạn nhân bất đắc dĩ của Nhật Bản. Đồng thời lúc nào Phổ Nghi cũng cố gắng làm một tù nhân gương mẫu. Phổ Nghi tình nguyện làm người phục vụ cho mọi người cùng phòng, nhưng không ai đồng ý cho Phổ Nghi lấy đồ ăn cho họ, vì Phổ Nghi quá vụng về và thường làm đổ đồ ăn. Phổ Nghi cố bày tỏ lòng trung thành với tân chế độ. Trong bọc của Phổ Nghi có những ấn tín làm bằng ngọc từ thời vua Càn Long. Một hôm khi có một cán bộ cao cấp viếng thăm trại tù, Phổ Nghi trình trọng dâng những ấn tín quý báu đó cho tên cán bộ cao cấp, nhưng Phổ Nghi kinh ngạc khi thấy tên cán bộ từ chối không nhận.

Theo các tiếng lóng của nhà tù Trung Cộng thì có hai loại tù nhân cải tạo, một loại gọi là “tù nhân thuốc đánh răng” và loại thứ hai được gọi là “tù nhân vôi nước.” Phổ Nghi thuộc loại tù nhân “thuốc đánh răng,” nghĩa là phải đi từng giai đoạn như người ta nặn ống thuốc đánh răng từ từ. Trái lại những người vốn thuộc thành phần bần cố nông, như Lý Đại chỉ cần một vài tháng là trở thành một con người mới. Lý Đại nhận thức rằng khi hãn làm đầy tớ cho Phổ Nghi, tức là hãn đã phục vụ cho một địa chủ lớn nhất Trung Hoa; hơn nữa hãn còn nhận thức rằng hãn chẳng có tội gì; hãn bị bắt chỉ vì hãn không may là đầy tớ của Phổ Nghi. Lý Đại bắt đầu căm thù và từ chối không chịu vá đôi vợ cho Phổ Nghi. Phổ Nghi rất e ngại sự chống đối của Lý Đại vì Lý Đại biết rõ mọi hành động của Phổ Nghi từ ngày còn ở Thiên Tân. Nếu Lý Đại cho cán bộ trại tù biết tất cả thì những bản tự thú của Phổ Nghi sẽ trở thành những lời nói gian dối. Các cháu của Phổ Nghi cũng đem lòng oán hận Phổ Nghi. Phổ Nghi vẫn còn giấu một số ngọc quý trong chiếc máy ảnh. Sợ các cháu bội phản tố cáo, Phổ Nghi quyết định nộp tất cả số tài sản đó cho trại tù.

Thực ra nhân viên trại tù đã biết tất cả những sự giấu diếm của Phổ Nghi ngay từ ngày Phổ Nghi bước vào trại tù, nhưng họ đợi chờ cho đến khi Phổ Nghi tự ý dâng nộp. Quản đốc trại tù nhận các báu vật và trao cho Phổ

Phổ Nghi một tờ giấy biên nhận 468 viên ngọc quý. Hành động của Phổ Nghi được coi là “thành khẩn hối hận” và được các bạn đồng tù khen ngợi, và bắt đầu gọi Phổ Nghi là “Lão Phổ,” một cách gọi thân thiện hơn. Sự trả lại các viên ngọc quý cho “nhân dân” của Phổ Nghi là bước đầu cho sự cải tạo. Phổ Nghi bây giờ nhận thức rằng các bản tự thú gian dối trước kia của mình không ăn khớp với nhau, và hành động gian dối này chỉ kéo dài thời gian cải tạo cho tới lúc mọi hành động quá khứ được khai hết.

Phổ Nghi nói với tên quản đốc, “Tôi phải thành khẩn thú tội của tôi với nhân dân. Tôi không thể nào đền được tội lỗi của tôi, dù tôi phải chết mười ngàn lần.” Phổ Nghi bắt đầu viết tất cả những gì nhớ được từ những ngày còn ở Thiên Tân và những hoàn cảnh đưa tới việc trở về Mãn Châu. Đọc những bản tự thú của Phổ Nghi, người ta nhận thấy suốt đời lúc nào Phổ Nghi cũng bị ám ảnh bởi sự sợ hãi và tội lỗi. Kể từ đó, Phổ Nghi mang tâm trạng tự trách mình cho tới lúc chết, và lúc nào cũng mang ơn sự khoan hồng của chính thể cộng sản. Phải chăng đó chính là kết quả của chính sách cải tạo của Trung Cộng?

Phổ Nghi đã hiểu được hệ thống cải tạo của Trung Cộng và nhờ đó đã mau lẹ trở về đời sống của một công dân tự do. Nhiều tù chính trị khác trong chính phủ Mãn Châu Quốc đã mắc phải một lỗi lầm nghiêm trọng khi tố cáo Phổ Nghi về đủ mọi tội ác. Các viên chức trại tù cho rằng đây là một hành động man trá, cố tình chuyển tội của mình sang người khác để làm nhẹ tội của mình. Hành động của họ không giúp cho họ sớm ra khỏi nhà tù như họ tưởng. Trường hợp Lý Đại thì khác hẳn. Lý Đại đã cung cấp cho chính quyền mọi chi tiết về tất cả hành tung của Phổ Nghi từ năm 1924 cho tới năm 1945, nhưng Lý Đại không hề tỏ lòng bất mãn cá nhân với Phổ Nghi. Năm 1956, Lý Đại và vài người cháu của Phổ Nghi được trả tự do.

Năm 1954, các tù nhân được chuyển trở về trại tù Phú Sơn. Tháng Ba năm đó một nhóm tướng lãnh cao cấp Trung Cộng, trong đó có thống chế Chu Đức, tới trại thăm Phổ Nghi và Phổ Kiệt. Các tướng cộng sản khuyên anh em Phổ Nghi phải tiếp tục việc học tập để sớm trở thành công dân mới. Lời khuyên của các tướng lãnh cao cấp này tạo ra cho các tù nhân một niềm hy vọng rằng cuối cùng họ sẽ có cơ hội được ra khỏi nhà tù, vì tù

nhân số một là Phổ Nghi mà còn được hứa trả tự do.

Trong trại tù, Phổ Nghi lúc nào cũng bị chỉ trích bởi các bạn đồng tù, quần áo không bao giờ gọn ghẽ, không bao giờ nhớ khóa vòi nước sau khi dùng xong. Các tù nhân khác vừa khinh bỉ vừa bực mình trước sự vụng về của Phổ Nghi. Chính quyền tổ chức những cuộc du ngoạn tới những nơi các tù nhân đã phạm tội ác. Mặc quần áo kiểu Mao Trạch Đông, Phổ Nghi gặp lại vợ con các nạn nhân của các vụ chết đói hoặc các vụ hành quyết. Những người đàn bà nhà quê có lẽ đã được lệnh trước của chính quyền nên đều tỏ vẻ tha thứ cho Phổ Nghi hoặc các tù nhân khác. Họ thường nói, “Chuyện đó đã qua rồi không nên nhắc đến nữa.” Những lời tha thứ của dân chúng cũng nằm trong đường lối cải tạo của Trung Cộng, nhằm khiến các tù nhân xúc động đến cùng cực sau khi đã bị hành hạ tâm trí trong một thời gian lâu dài. Các tù nhân cảm thấy được hưởng lượng khoan hồng của cả chế độ và quần chúng.

Một hôm Lý Ngọc Cầm đến thăm Phổ Nghi và đây là một sự bất ngờ cảm động cho Phổ Nghi. Ngọc Cầm đem biếu Phổ Nghi một đôi giày và một cây viết. Lúc đó Ngọc Cầm đang có chửa với một người đàn ông khác, nhưng viên quản đốc nhà tù dặn Ngọc Cầm không được cho Phổ Nghi biết. Người đàn ông làm Ngọc Cầm có chửa bị gửi đi một trại lao động tập thể vì tội “tư tình với một người đàn bà đã có chồng.” Đứa con của Ngọc Cầm khi sinh ra được một cặp vợ chồng không có con nhận làm con nuôi. Lý Ngọc Cầm trở lại thăm Phổ Nghi hai lần nữa trong các năm 1957 và 1958. Một lần Ngọc Cầm ngủ lại cùng phòng với Phổ Nghi trong hai đêm liền. Ngọc Cầm thoát đầu làm việc tại một xưởng làm len, về sau được chuyển đến làm việc trong một thư viện. Lần cuối cùng đến thăm trại tù, Ngọc Cầm hỏi viên quản đốc về số vàng ngọc của Phổ Nghi và với tư cách là vợ chính thức của Phổ Nghi, Ngọc Cầm sẽ được chia bao nhiêu. Viên quản đốc cho biết Phổ Nghi đã giác ngộ và trả hết số vàng ngọc ấy cho nhân dân rồi. Ngọc Cầm vẫn hy vọng được hưởng tài sản khổng lồ của Phổ Nghi. Nhưng Phổ Nghi bây giờ đã tay trắng nên rất căm hận và thất vọng. Ngọc Cầm lập tức xin ly dị với Phổ Nghi để lấy chồng khác. Tội nghiệp ông vua cuối cùng của Trung Hoa bị vợ ly dị tới hai lần!

Trong cuốn tự thuật, Phổ Nghi không nhắc nhở gì đến Ngọc Cầm. Trái lại Phổ Nghi chỉ viết về một cuộc viếng thăm của người chú là Thái Đạo. Ngày 10 tháng 3 năm 1956, hai anh em Phổ Nghi được gọi lên phòng quản đốc để gặp Thái Đạo và hai người em gái của Phổ Nghi. Không những thế, Phổ Nghi được viết thư thăm mọi người trong gia tộc. Phổ Nghi rất vui mừng khi mọi người trong gia đình được bình yên, trừ cái chết của Đoàn Dung hoàng hậu và của thân phụ là Thuần Thân Vương năm 1951.

Thuần Thân Vương, phụ thân của Phổ Nghi, được bình yên trong thời Nhật chiếm đóng và trong trận chiến Quốc-Cộng sau đó. Ông và người con trai mở một trường học. Khi cộng sản chiếm Bắc Kinh, trường bị đóng cửa và cả hai cha con trở thành giáo viên cho chính phủ, nhưng không đủ sống. Một vài tháng sau, Thuần Thân Vương phải bán dinh thự cho tân chế độ và nhờ thế có đủ tiền sống cho cả gia đình. Người chú của Phổ Nghi là Thái Đạo không liên hệ gì với các chế độ cũ nên trở thành một dân biểu đại diện cho người Mãn Châu. Chính Mao Trạch Đông đã gợi ý và cho phép Thái Đạo được tới nhà tù Phú Sơn thăm Phổ Nghi. Các em gái của Phổ Nghi trước kia sống một cuộc đời nhàn hạ lúc nào cũng có người hầu hạ, nay cũng hoàn toàn thay đổi cho thích hợp với tân chế độ, người làm cô giáo, người làm trong xưởng thợ. Không một người nào trong gia đình bị trừng phạt vì liên hệ với Phổ Nghi. Phổ Nghi rất đổi biết ơn tân chế độ và cho rằng chế độ đã thành công đem lại hạnh phúc cho dân chúng. Tuy nhiên Phổ Nghi không biết đến những tai họa do kế hoạch kinh tế “Bước Tiến Nhảy Vọt” của Mao đã gây ra những hậu quả đen tối cho đời sống dân chúng, và nền kỹ nghệ của Trung Cộng phải thụt lùi hàng chục năm.

Phổ Nghi là một tù nhân nổi tiếng và đã được nhiều cơ quan thông tin tới phỏng vấn. Bắt đầu từ năm 1956, mỗi năm Phổ Nghi chấp nhận khoảng từ 10 tới 20 cuộc phỏng vấn. Giây phút đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời tù đầy của Phổ Nghi là năm 1959, khi Phổ Nghi đóng một vai trong một vở kịch chống lại việc Anh Quốc đánh chiếm kinh đào Suez của Ai Cập. Phổ Nghi đóng vai phe đối lập chất vấn bộ trưởng ngoại giao Anh Quốc. Trong lúc hai diễn viên tranh luận, Phổ Nghi quên mất phần đối thoại của mình nên quỳnh quáng quát to với diễn viên đóng vai ngoại trưởng, “Cút ngay ra

khỏi Quốc Hội! Cút mau!” Cơn thịnh nộ của Phổ Nghi chỉ vì không thuộc tuồng được khán giả nồng nhiệt vỗ tay khen ngợi.

Tháng 7 năm 1955, Phổ Nghi được làm nhân chứng trong một phiên xử một số người Nhật. Phổ Nghi biết rõ những gì người Nhật làm. Khác hẳn với lần làm nhân chứng tại Tòa Án Chiến Tranh Đông Kinh lúc nào cũng phải lo đối phó với một công tố viên đầy thù nghịch, Phổ Nghi lần này đứng sang sảng buộc tội người Nhật vào những tội mà họ không thể chối cãi được. Và lại không bị can nào có quyền bào chữa cãi lại trong một phiên tòa cộng sản, nhưng lòng nhiệt thành buộc tội của Phổ Nghi đã khiến tất cả bốn mươi lăm phạm nhân người Nhật bị những án tù rất nặng. Phổ Nghi trở về trại tù như một vị anh hùng, và được viên quản đốc nồng nhiệt bắt tay khen ngợi.

Ngày 14 tháng 9 năm 1959, Trung Cộng sửa soạn kỷ niệm mười năm chiến thắng và thành lập chế độ Cộng Hòa Nhân Dân. Mao tuyên bố: “Đây là cơ hội thuận tiện ban Đại Xá cho một số phạm nhân chiến tranh và phản động nếu họ tỏ ra đã sám hối cải tạo.” Mao cho rằng chính sách cải tạo bằng lao động và học hỏi ý thức hệ đã tỏ ra thành công. Ba ngày sau, Lưu Thiếu Kỳ, người thừa kế của Mao ban lệnh ân xá. Tại Phú Sơn, Phổ Nghi và các tù nhân khác cực kỳ hứng khởi hy vọng, và tất cả hô to khẩu hiệu “Vạn Tuế Chế Độ Cộng Hòa Nhân Dân!” Phổ Nghi kể lại lúc đó tiếng hô lớn như mười ngàn ngòi pháo nổ cùng một lúc.

Không phải ngẫu nhiên Mao Trạch Đông ban lệnh Đại Xá này. Ngay từ năm 1957, tình thân hữu giữa Nga Sô và Trung Cộng đã bắt đầu rạn nứt. Không những Nga Sô và Trung Cộng có những khác biệt về ý thức hệ, mà cả hai đều nhằm quyền lợi tại vùng Đông Bắc, gồm có Mãn Châu và Mông Cổ. Đã đến lúc Mao cần đến lá bài Phổ Nghi như người Nhật đã dùng Phổ Nghi vào giữa thập niên 1930 để nắm các nhóm dân thiểu số tại miền Bắc Trung Hoa. Chính Mao Trạch Đông đã sai người chú của Phổ Nghi là Thái Đạo tới thăm Phổ Nghi. Sau lần viếng thăm của Thái Đạo, đời sống của Phổ Nghi trong Trung Tâm Kiểm Soát Tư Tưởng tại Phú Sơn được cải tiến rất nhiều, mặc dầu tên quản đốc trung tâm vẫn phê bình Phổ Nghi chưa thành khẩn hối cải.

Nhưng các tù nhân phải chờ đợi hai tháng nữa sau khi lệnh Đại Xá được công bố. Rồi một buổi tối tên phó quản đốc trại tù đến thăm Phổ Nghi và hỏi, “Ông sẽ nghĩ thế nào nếu tên ông có trong sách được ân xá?” Phổ Nghi cười sung sướng trả lời, “Tôi không dám mơ được như vậy.”

Ngay sáng ngày hôm sau, các tù nhân được tập trung vào hội trường. Trên bức tường là một hàng chữ lớn: “Trại Tù Phú Sơn – Đại Ân Xá.” Phổ Nghi run rẩy hồi hộp. Sau một vài lời mở đầu của Quản Đốc Trung Tâm Kiểm Soát Tư Tưởng, một đại diện của Tối Cao Pháp Viện Nhân dân đứng lên đọc bản tuyên cáo dưới đây:

“Tuyên Cáo về một Đại Ân Xá của Tối Cao Pháp Viện Nhân Dân Trung Quốc.

Để phù hợp với Lệnh Đại Xá của Chủ Tịch nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc ban hành ngày 17 tháng 9 năm 1959, bản tòa đã điều tra trường hợp của phạm nhân chiến tranh Mãn Châu Aisin-Gioro Phổ Nghi.

Phạm nhân chiến tranh Aisin-Gioro Phổ Nghi, phái nam, 54 tuổi, quốc tịch Mãn Châu, sinh quán tại Bắc Kinh, đã bị giam giữ gần mười năm.

Vì kết quả cải tạo bằng lao động và học tập chính trị trong thời gian bị giam giữ, đương sự đã tỏ ra thành khẩn cải tạo. Theo đúng tinh thần của Điều I của Lệnh Đại Xá, đương sự được phóng thích.

Tối Cao Pháp Viện

Nhân Dân Trung Quốc

Ngày 4 tháng 12 năm 1959

Phổ Nghi quy xuống khóc vì sung sướng.

Ngày đêm ấy, đài phát thanh Bắc Kinh loan báo cựu Thiên Tử sẽ được trở về Bắc Kinh. Tin Phổ Nghi được phóng thích trở thành tin lớn trên trang nhất của báo chí tại Đông Kinh, Luân Đôn, Ai Cập, Hương Cảng và Nữu Ước. Cùng được thả với Phổ Nghi còn có một số tướng lãnh và bộ trưởng trong chính phủ Mãn Châu cũ.

Tại Bắc Kinh, hãng thông tấn Tân Hoa Xã loan tin những phạm nhân chiến tranh này được trả tự do là vì họ đã thống hối, nhìn nhận tội ác của họ và chứng tỏ họ sẵn sàng mở một trang mới của đời họ. Bản tin còn viết thêm rằng tất cả đều hứa sẽ tiếp tục tự cải tạo hơn nữa để xây dựng một

nước Trung Hoa mới. Các cựu tù nhân này còn bày tỏ lòng biết ơn vô cùng của họ đối với quốc gia.

Phổ Nghi được tặng một bộ y phục mới và một tấm vé xe lửa về Bắc Kinh. Như một đại sứ rời nhiệm sở, Phổ Nghi từ giã tất cả mọi người còn lại trong trại tù. Trước khi ra đi, Phổ Nghi được viên quản đốc tặng một kỷ vật: đó là chiếc đồng hồ của Pháp bằng vàng mà Phổ Nghi đã mua năm 1924 trên đường đi xin tỵ nạn chính trị tại tòa đại sứ Nhật.

Phổ Nghi lên đường đi Thẩm Dương để thăm lại lăng tẩm của Long Hồ Tướng Quân, vị vua khai sáng nhà Thanh, rồi lên xe lửa đi Bắc Kinh, một khoảng cách chừng 500 dặm. Định mệnh đã khiến Phổ Nghi phải rời Bắc Kinh năm 1924 và trở về Bắc Kinh năm 1959 trong một hoàn cảnh bất lợi thù nghịch. Khi xe lửa băng qua Sơn Hải Quan tại mỏm cực Đông của Vạn Lý Trường Thành, Phổ Nghi không thể không nhớ lại chính tại đây năm 1644, tổ tiên hùng mạnh của Phổ Nghi đã tràn vào Trung nguyên và thiết lập một triều đại kéo dài gần ba thế kỷ, và Phổ Nghi chính là hoàng đế cuối cùng của triều đại ấy. Sau đó xe lửa tiến về hướng Tây trên những đường rầy do chính Lão Phật Bà, tức Từ Hi Thái Hậu, ra lệnh xây cất năm 1897. Ở đâu Phổ Nghi cũng trông thấy di tích và công nghiệp của tổ tiên để lại.

Ngày 9 tháng 12, khi ngó qua cửa kính xe lửa lúc gần tới Bắc Kinh, Phổ Nghi trông thấy cảnh cũ quen thuộc, lòng tràn đầy những hoài niệm xót xa. Khi bước xuống sân ga, Phổ Nghi trông thấy những lớp mái màu vàng của Cấm Thành cũ đang tươi rực lên trong ánh nắng ở đằng xa.

Trước kia, khi từ giã Cấm Thành ra đi, Phổ Nghi đã tự hứa với chính mình và tổ tiên rằng sẽ nhất định có ngày trở lại Bắc Kinh. Phổ Nghi phải trở lại cái thành phố nơi Phổ Nghi đã chào đời, cái thành phố đã chứng kiến vinh quang cũng như bất hạnh của Phổ Nghi. Phổ Nghi đã trở về đúng như lời thề, nhưng nỗi khổ tâm đau lòng của Phổ Nghi là trở về với tư cách không giống như lòng mong đợi, khác hẳn khí thế của Phổ Nghi khi ra đi 34 năm về trước. Vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa nay chỉ là một tù nhân mới được phóng thích, sau những năm dài tui nhục trong lao tù của cộng sản.

Nguyễn Vạn Lý

Hoàng Đế Cuối Cùng

Chương Kết

**NHỮNG TRANG CUỐI CỦA MỘT HOÀNG ĐẾ VÀ MỘT TRIỀU
ĐẠI**

Ngay tại sân ga Bắc Kinh, hoàng thân Thái Đạo, các em trai và em gái cùng các cháu của Phổ Nghi đang đứng chờ đón người trở về sau 14 năm tù đầy. Trong cái đám đông những người đón tiếp ấy,...Phổ Nghi chỉ nhận biết được một số người thôi, nhiều người trẻ tuổi Phổ Nghi chưa từng trông thấy. Phổ Nghi rất lúng túng không biết phải chào họ như thế nào. Trước kia những người này không được phép nhìn thẳng vào mặt Phổ Nghi mà phải cúi đầu. Bây giờ tất cả đứng đó, nhìn Phổ Nghi và có vẻ rất hoang mang không biết phải đối xử thế nào.

Nhưng sự lúng túng chỉ thoáng qua và Phổ Nghi tươi cười sung sướng tiến lại chìa tay bắt tay từng người lớn và vỗ vai các cháu nhỏ. Các em của Phổ Nghi không dám gọi Phổ Nghi là Đức Vạn Tuế hoặc Hoàng Thượng nữa, mà chỉ gọi là “Đại Ca,” một hình thức xưng hô thông thường trong các gia đình Trung Hoa. Phổ Nghi ngẩng nhìn chiếc đồng hồ lớn tại nhà ga, rồi rút chiếc đồng hồ trong túi và sửa lại cho đúng giờ Bắc Kinh. Phổ Nghi mỉm cười nói với mọi người, “Đây là khởi đầu cho đời sống mới của tôi.”

Mọi người vui vẻ đưa Phổ Nghi trở về dinh thự cũ của Thuần Thân Vương. Trước kia Thuần Thân Vương từng phải bán dinh thự cho nhà nước, nhưng khi Phổ Nghi được trả tự do, nhà nước để cho Phổ Nghi và gia đình được ở trong dinh thự này. Tại dinh thự cũ, Phổ Nghi phải tiếp đón rất nhiều người tới chúc mừng. Họ là những cựu thần, những quân nhân thuộc tám đạo quân Mãn Thanh và những thái giám của những ngày huy hoàng trong Cấm Thành; tất cả bây giờ đã già nua lắm rồi.

Vài ngày sau, Phổ Nghi muốn được đi thăm lại Tử Cấm Thành với các

cung điện quen thuộc cũ như điện Thái Hòa, điện Dưỡng Tâm, và các ngự viên. Thiên An Môn trước kia chỉ dành riêng cho hoàng đế nay đã là nơi mọi người có thể tự do đi dạo. Phổ Nghi muốn đi tìm lại những hình ảnh của tuổi thiếu thời và những mơ ước của thời ngồi trên ngai vàng, nhưng Bắc Kinh nay đã khác xưa nhiều lắm, đã mở mang nối liền với Cung Điện Mùa Hạ. Những đám ăn may đông đảo trên đường phố ngày xưa nay không còn nữa. Thành phố nhộn nhịp hơn và phía Nam Cấm Thành là một khu vực kỹ nghệ mới, gồm các cơ xưởng thép, xưởng in và các nhà máy chế tạo đủ loại dụng cụ.

Dưới chính thể mới, một phần của Tử Cấm Thành được mở ra cho công chúng như là một bảo tàng viện. Nhìn những lớp mái dinh thự lượn cong như con rồng uốn khúc, Phổ Nghi không khỏi bùi ngùi hoài niệm cuộc đời cũ và những thăng trầm của một triều đại vào lúc mặt vận. Có thể Phổ Nghi nhớ lại lời tuyên bố của chính mình năm 1932, khi đất nước đang lâm vào vòng nội chiến và quân Nhật đang toan tính xâm lăng, “Nếu có ai đứng ra gánh vác trách nhiệm quốc gia và chấm dứt nỗi đau khổ cho trăm họ bằng Vương Đạo thì tôi sẵn sàng sung sướng làm một người thường dân.”

Phổ Nghi không thể không nghĩ tới một hoàng đế khác, uy quyền tuyệt đối đang cư ngụ trong khu vực Trung Nam Hải, bên cạnh Cấm Thành: đó là Mao Trạch Đông, một người thuộc thành phần nông dân đã tạo được một địa vị chúa tể vững chắc không thua kém gì các bậc tiên đế danh tiếng của Phổ Nghi như Khang Hy và Càn Long. Mao Trạch Đông là một thứ hoàng đế nhân dân, miện lúc nào cũng hô hào cách mạng nhưng sống một cuộc đời hưởng thụ như các hoàng đế của thời quân chủ cực thịnh. Mao Trạch Đông đã đạt được một sự thần phục tuyệt đối của dân chúng Trung Hoa. Phổ Nghi chỉ mong muốn hàng ngày được vào ngồi trên một chiếc ghế trong ngự viên để được sống với các hình ảnh của quá khứ, nhưng định mệnh không bao giờ cho phép Phổ Nghi được hưởng một ngày bình yên trong sáng.

Dù ở bất cứ đâu, tại quê nhà hoặc tại ngoại quốc, lúc lên voi hoặc lúc ngã ngựa, bao giờ Phổ Nghi cũng là một người nổi tiếng, một sự tò mò cho mọi người. Bắc Kinh đã tận lực cải tạo Phổ Nghi để dùng cho nhiều mục đích, trong đó Phổ Nghi có thể là một hình ảnh sáng giá kêu gọi những kẻ thù của chế độ, như những người ở Đài Loan, hãy quay về với tổ quốc Trung Hoa. Chính vì thế, Bắc Kinh đã trưng bày Phổ Nghi như một biểu tượng cho thiện chí và lòng nhân đạo của chế độ.

Hai tuần sau khi trở về Bắc Kinh, Phổ Nghi lên tiếng trên đài phát thanh Bắc Kinh. Trong một cuộc phỏng vấn, Phổ Nghi xác nhận cuộc tẩy não tại Trung Tâm Kiểm Soát Tư Tưởng Phú Sơn đã giúp Phổ Nghi nhận thức được rằng, khi làm hoàng đế Phổ Nghi đã thực sự là thủ lĩnh của các sứ quân phạm tội ác. Phổ Nghi cũng thú nhận rằng đã có lúc Phổ Nghi cầu nguyện cho Hoa Kỳ đánh bại Trung Cộng trong cuộc chiến tranh Triều Tiên. Sau hết Phổ Nghi hết lời ca tụng tân chế độ cộng sản tại Trung Hoa.

Tháng Ba năm 1960, Phổ Nghi bày tỏ ý thích công việc làm vườn, một sở thích Phổ Nghi tự nhận đã học được trong thời gian bị giam giữ tại Nga Sô. Phổ Nghi liền được bổ nhiệm làm việc ngay trong vườn hoa của hoàng cung cũ. Hàng ngày Phổ Nghi chăm chỉ chăm bón, tỉa xén những cây kiểng trong vườn ngự uyển cũ. Để bày tỏ lòng trung thành với tân chế độ, Phổ Nghi xin gia nhập nhóm dân quân tự vệ, và được tham dự một cuộc diễn hành đầu tiên tại công trường Thiên An Môn. Ông vua cuối cùng nhà Thanh vắc biểu ngữ dẫn đầu một toán dân quân diễn hành ngang qua Thiên An Môn, miệng hô to những khẩu hiệu chính trị, đả đảo việc ký kết hiệp ước phòng thủ chung giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Dần dần Phổ Nghi được hướng dẫn vào thế giới của chính trị, và đó chính là mục tiêu của Bắc Kinh khi trả tự do cho Phổ Nghi. Ngày 10 tháng 4, chủ tịch Tối Cao Pháp Viện thông báo cho Quốc Hội quyết định về các tù nhân cải tạo, đặc biệt nhấn mạnh trường hợp Phổ Nghi như sau: “Con người Phổ Nghi một thời làm hoàng đế nay đã chết. Con người Phổ Nghi

hiện tại là một con người mới, sống một cuộc đời mới mà Đảng Cộng Sản đã ban cho.” Bảy tháng sau, ngày 22 tháng 11, Phổ Nghi được ban cho đầy đủ quyền công dân của nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Quốc. Kể từ đây Phổ Nghi nổi bật một cách mau lẹ.

Các nhân vật chính trị tấp nập đến viếng thăm Phổ Nghi. Hầu như tất cả mọi ký giả Nhật Bản khi viếng Bắc Kinh bao giờ cũng tới thăm và phỏng vấn Phổ Nghi, vì người Nhật lúc nào cũng đặc biệt chú ý tới ông vua cuối cùng của Trung Hoa. Phổ Nghi được mời tham dự các buổi dạ tiệc của giới ngoại giao và những bữa tiệc của nhà nước khoản đãi các nhân vật quan trọng ngoại quốc, điển hình là bữa tiệc khoản đãi Thống Chế Montgomery, anh hùng của Anh Quốc đã chiến thắng quân Đức tại Phi Châu.

Theo lệnh của chính phủ, Phổ Nghi càng ngày càng giảm bớt thời giờ làm vườn trong Cấm Thành, để chuyên chú hơn vào việc viết một cuốn tự thuật về cuộc đời của mình. Trong việc tra cứu tài liệu để viết hồi ký, Phổ Nghi thường xuất hiện tại các văn khố và thư viện tại Bắc Kinh. Phổ Nghi cũng tham khảo các cuốn hồi ký của các sư phụ Trần Bảo Châu và Johnston, và các tài liệu lịch sử về triều đại nhà Thanh và những tài liệu khác về giai đoạn Phổ Nghi làm hoàng đế.

Rồi Phổ Nghi được “bầu” vào Ủy Ban Quốc Gia về Sinh Hoạt Chính Trị Nhân Dân lo việc soạn thảo những báo cáo cho Quốc Hội. Đây chỉ là một ủy ban hữu danh vô quyền, nhưng ít ra địa vị chính trị của Phổ Nghi đã được công nhận. Phổ Nghi cũng trở thành một ủy viên của Hội Đồng Bảo Vệ và Nghiên Cứu về nghệ thuật và lịch sử. Một năm sau, nhà in của chính phủ cho ra mắt một bộ tự thuật gồm ba cuốn. Ngay lập tức, bộ tự thuật của Phổ Nghi đã gây được một sự hào hứng tại Trung Hoa và ngoại quốc. Cuốn tự thuật này cũng đã được dịch sang Anh Ngữ với nhan đề “Người Mãn Châu Cuối Cùng” ngay cuối năm đó.

Người ta nhận thấy sự nổi bật của Phổ Nghi ăn khớp với sự suy đồi của

mối liên hệ giữa Nga Sô và Trung Cộng. Tình giao hảo giữa Nga Sô và Trung Cộng hiển nhiên trở nên căng thẳng vì những lý do ý thức hệ, tranh chấp lãnh thổ, chủng tộc, kinh tế, nguyên tử và sự căng thẳng ngoại giao. Chỉ vài tháng sau khi Phổ Nghi bước ra khỏi nhà tù tại Phú Sơn, thì Nga Sô chính thức thông báo cho Bắc Kinh quyết định rút các cố vấn kỹ thuật và kinh tế về và hủy bỏ thỏa hiệp về nguyên tử với Trung Cộng. Hai năm sau, năm 1962, Nga Sô không trợ giúp Trung Cộng trong cuộc chiến với Ấn Độ.

Ngày 20 tháng 9 năm 1963, hãng thông tấn chính thức Tass của Nga Sô loan tin rằng “kể từ năm 1960, quân đội Trung Cộng đã liên tục vi phạm biên giới Nga Sô tới trên năm ngàn lần.” Để trả đũa, Bắc Kinh cũng buộc tội Mạc Tư Khoa đã có những hành động khiêu khích dọc theo biên giới Nga-Hoa. Khi sự xung đột đến mức trầm trọng, Nga Sô tăng cường quân đội dọc theo biên giới. Ngày 10 tháng 7 năm 1964 khi cuốn tự thuật của Phổ Nghi ra mắt, trong đó có những trang dài nói về thời gian bị Nga Sô cầm tù tại Khabarovsk, Mao Trạch Đông liền công khai buộc tội Nga Sô đã dàn quân dọc theo biên giới Mãn Châu. Mao tuyên bố, “Gần một trăm năm trước, và kể từ đó Vladivostok, Khabarovsk, Kamchatka và một số khu vực khác đã trở thành lãnh thổ của Nga.”

Một tháng sau, Mao cho biết hai trăm hai chục triệu dân Nga đã chiếm một diện tích đất đai khá lớn của Trung Hoa. Mao nhấn mạnh, “Đã đến lúc phải chấm dứt sự chiếm đất này.” Trung Cộng cũng tăng cường quân lực trấn đóng tại Mãn Châu, khiến tờ Sự Thật của Nga Sô phải lên tiếng báo động: “Chúng ta phải đương đầu với một kế hoạch bành trướng lãnh thổ một cách công khai và kiêu căng.”

Trong cuộc xung đột giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa, dân chúng tại vùng biên giới trở thành quan trọng cho những hoạt động tình báo và du kích. Dọc theo sông Hắc Long Giang phân cách Trung Hoa và Nga Sô, không ai biết rõ được cả hai bên bờ sông bằng người Mãn Châu. Người Mãn Châu vốn sinh sống ở cả hai bên bờ con sông này. Như vậy khi Nga

Sô và Trung Cộng gây hấn với nhau thì Phổ Nghi bỗng trở thành một lá bài quan trọng cần thiết. Cả Nga Sô và Trung Cộng đều cố công tranh thủ được sự trung thành của người Mông Cổ và Mãn Châu. Mao đã nắm được Phổ Nghi trong tay và hưởng được ưu thế hơn. Đây cũng là lý do tại sao Phổ Nghi sống sót được qua hai nhà tù Nga Sô và Trung Cộng. Một ông vua biểu tượng cho chế độ quân chủ phong kiến được cả hai chính quyền cộng sản ưu đãi. Phổ Nghi đã được cải tạo, ít nhất là bề ngoài, bây giờ sống gần Cẩm Thành, một lần nữa trở thành tiếng nói đại diện cho người Mãn Châu. Vai trò này đã bảo đảm cho tương lai Phổ Nghi trong chế độ cộng sản Bắc Kinh.

Trong suốt 268 năm, luật hoàng gia nhà Đại Thanh đã cấm không cho bất cứ một thiên tử Mãn Thanh nào được kết hôn với đàn bà Trung Hoa. Sự thuần giống của dòng Aisin-Gioro đã được bảo vệ đến tối đa. Phổ Nghi hoàn toàn khác nòi giống với các thần dân cũ của mình. Khi bị người Nhật ép buộc kết hôn với phụ nữ Nhật, Phổ Nghi cương quyết chối từ để bảo vệ con cái dòng giống mình phải là người Mãn Châu mãi mãi. Người Nhật chỉ thành công bắt Phổ Kiệt kết hôn với Hiro Saga, chị em họ với hoàng hậu Nhật Bản với hy vọng một hoàng tử mang giòng máu Nhật sẽ có ngày ngồi trên ngai vàng Mãn Châu. Bây giờ Mao Trạch Đông nhất định xóa bỏ cái luật lệ kiêu ngạo của hoàng gia Mãn Châu. Mao Trạch Đông đích thân môi giới một cuộc hôn nhân mới cho Phổ Nghi, lần này người vợ của Phổ Nghi là một phụ nữ Trung Hoa. Phổ Nghi không còn dám cưỡng lại lệnh của Mao Trạch Đông như trước kia đã dám chống lại sự cưỡng bách của người Nhật. Hôn lễ lần thứ năm của Phổ Nghi được tổ chức vào ngày lễ Lao Động, tháng 5 năm 1962.

Người vợ thứ năm của Phổ Nghi là Lý Thục Hiền, một y tá đã bốn mươi tuổi gốc người Hàng Châu, một nơi nổi tiếng đã sản xuất được nhiều người đẹp. Giống như Hiro Saga trước kia được gài vào làm tai mắt cho Nhật Bản trong hoàng gia Mãn Châu, thì nay Lý Thục Hiền cũng là một quan sát viên Trung Cộng, có nhiệm vụ theo dõi mọi hành vi và tư tưởng của ông vua

cuối cùng nhà Thanh.

Nhưng sau khi trải qua mười bốn năm trong các nhà tù Nga Sô và Trung Cộng, Phổ Nghi không còn nghị lực chống lại hoặc phản đối chính quyền cộng sản nữa. Vì thế cuộc hôn nhân cuối cùng của Phổ Nghi có thể không còn cần thiết để canh chừng Phổ Nghi, mà chủ đích là muốn phá vỡ luật lệ không cho hoàng đế Mãn Châu kết hôn với người Trung Hoa. Cặp vợ chồng này không có con, nhưng nếu có con thì luật của triều đình Mãn Thanh đã thực sự bị hủy bỏ. Như vậy vào ngày 1 tháng 5 đó, lần đầu tiên trong mối liên hệ đầy sóng gió vẫn có từ trước, Trung Hoa và Mãn Châu đã kết hợp làm một, sự kết hợp của một con rồng Mãn Châu và một bông hồng Trung Quốc, một sản phẩm liên kết của Trung Cộng.

Bạn bè và thân thích của Phổ Nghi tổ chức một bữa tiệc cưới linh đình. Sáng hôm sau, Phổ Nghi tuyên bố, “Tôi và tân giai nhân Lý Thu Hiền bắt đầu một cuộc đời mới trong căn nhà nhỏ bé của chúng tôi.” Mao Trạch Đông tặng cho Phổ Nghi một căn nhà sang trọng kiểu Bắc Kinh làm quà cưới. Tuy vậy một số người không hài lòng trước cuộc hôn nhân này. Tờ Luận Đôn Thời Báo loan tin Trung Cộng lợi dụng cuộc hôn nhân cho những toan tính tại Mông Cổ, một tỉnh của Trung Hoa hiện đang nằm trong vòng ảnh hưởng của Nga Sô.

Hình ảnh của cặp tân hôn xuất hiện trên báo chí Trung Cộng. Phổ Nghi trông khá hấp dẫn mạnh khỏe, mặc dầu tóc đã ngả màu muối tiêu. Phổ Nghi khoe rằng nhờ những năm sống trong tù mà bây giờ Phổ Nghi khỏi được bệnh mất ngủ và ăn uống ngon miệng hơn. Những người bắt tay với Phổ Nghi công nhận bàn tay của Phổ Nghi cứng và bóp rất mạnh. Cô dâu Lý Thu Hiền trông cũng xinh đẹp, có vẻ là một người đàn bà thông minh thuộc giai cấp khá giả.

Phổ Kiệt và bà vợ Hiro Saga cũng dọn vào ở chung nhà với Phổ Nghi. Hiro tự ý từ Nhật trở lại Bắc Kinh để sống với chồng. Đây có lẽ là giai

đoạn êm đẹp nhất trong đời Phổ Nghi, những năm Phổ Nghi sống yên ổn bên cạnh người vợ mới và các em trai em gái. Phổ Nghi dùng phần lớn thời giờ của mình trong các thư viện cho mục đích làm sống lại triều đại nhà Thanh, trong cuốn tự thuật mà Phổ Nghi đang viết theo lệnh của chính quyền.

Rồi sự căng thẳng giữa Nga Sô và Trung Cộng ngày một tồi tệ hơn, và sau đó Trung Cộng chìm đắm trong cuộc Cách mạng Văn hóa. Tất cả trường học đều đóng cửa và học sinh được tập hợp thành từng đơn vị và được gọi là Vệ Binh Đỏ. Những thiếu niên bỗng đứng lên làm việc nước, do những tay phù thủy chính trị giật dây, đã dấy lên một cuộc phong ba khủng khiếp tàn phá Trung Hoa mà thương tích và hậu quả còn kéo dài cho mãi tới ngày nay.

Ngay khi cuộc Cách mạng Văn hóa khởi đầu, các Vệ binh Đỏ biểu tình dọc theo sông Hắc Long Giang, kêu gọi Nga Sô phải trả lại Trung Hoa những đất đai mà Nga Sô đã chiếm của Trung Hoa. Bắc Kinh cũng ban hành những đạo luật mới về sự lưu thông của tàu bè trên các sông Hắc Long Giang và sông Ussuri. Các luật này đã gây nhiều khó khăn cho tàu bè Nga Sô. Vệ Binh Đỏ được đà làm tới, pháo kích tấn công các tàu bè Nga Sô. Ba năm sau, năm 1969, quân đội biên phòng của Nga Sô và Trung Cộng công khai tấn công nhau dọc theo sông Ussuri.

Trong bối cảnh đó, Phổ Nghi thấy rằng địa vị của mình càng quan trọng và vững chắc hơn. Hoàn cảnh đặc thù của Phổ Nghi đã khiến Phổ Nghi trở thành một nguồn hy vọng cho các toan tính lớn của Trung Cộng. Ngày 7 tháng 2 năm 1967, Phổ Nghi ăn mừng lễ thọ sáu mươi một tuổi. Các hoàng đế Trung Hoa ít khi sống tới tuổi lục tuần, vì cuộc đời trác táng từ sắc, lúc nào cũng sẵn người đẹp bên cạnh. Trong số 208 hoàng đế Trung Hoa, chỉ có bốn vị sống tới tám mươi tuổi, trong đó hoàng đế thọ nhất là vua Càn Long nhà Đại Thanh, hưởng thọ tám mươi tám tuổi.

Chính năm 1967, cuộc Cách mạng Văn hóa bùng lên cao độ như một con sông cuộn cuộn nước lũ tràn bờ, gây tàn phá khủng khiếp cho Trung Hoa. Nguyên nhân chính của cuộc cách mạng này trước hết là một sự tranh quyền nội bộ, Vệ Binh Đỏ đã giúp Mao loại được Lưu thiếu Kỳ, người thừa kế chính thức của Mao. Các nguyên nhân khác là phản ứng trước một chính sách ngoại giao thất bại, đặc biệt là sự thất bại của Bắc Kinh không đạt được ảnh hưởng quan trọng đối với thế giới đệ tam từ An-Giê-Ri cho tới Nam Dương; là một cuộc tranh chấp giữa hai phe giáo điều và thực tiễn trong đảng; là sự bất bình trước sự phối trí hàng triệu quân Nga dọc biên giới phía Tây và Bắc; là sự can thiệp đại quy mô của Hoa Kỳ tại Việt Nam và sự hiện diện của Đệ Thất Hạm Đội Mỹ tại bờ biển phía Đông Trung Hoa; là sự phẫn nộ trước những tệ nạn tham nhũng của giai cấp cầm quyền và những âm mưu chính trị; và cuối cùng là vì Mao nhận thấy mình không phải là một người bất tử và không có cách gì bảo đảm cho tương lai chính trị của mình nên phải phát động cuộc cách mạng này.

Năm 1967, cuộc cách mạng lên đến cực độ. Các cuộc xáp chiến giữa những phe phái bùng nổ tại những đô thị lớn trong khi hai triệu người bị bắt, bị gửi tới các trung tâm kiểm soát tư tưởng hoặc các trại cưỡng bách lao động. Nhiều người bị xử tử hoặc bị giết ngay giữa các cuộc xung đột ngoài đường phố. Cuộc Cách mạng Văn hóa chủ trương tiêu diệt giới trí thức Trung Hoa; bãi bỏ Tứ Cổ Hủ, như văn hóa cổ, lối suy nghĩ cổ, phong tục cổ và thói quen cổ; bắt buộc mọi người phải đọc Cuốn Sách Đỏ, ghi những lời nói hoặc tư tưởng của Mao Trạch Đông; và sửa sai những phần tử phản động, những kẻ thù của giai cấp.

Tờ Hồng Kỳ, một cơ quan về lý thuyết của Trung Cộng, đã viết: “Để đối phó với kẻ thù của cách mạng, chúng ta không nên chỉ trông cậy vào sự khuyến dụ và tẩy não, trái lại chúng ta phải áp dụng đường lối tranh đấu. Nếu bạn không tranh đấu chống lại kẻ thù thì kẻ thù sẽ tranh đấu chống lại bạn. Nếu bạn không tiêu diệt kẻ thù thì kẻ thù sẽ tiêu diệt bạn. Nếu không có sự đập phá thì sẽ không có sự xây dựng.”

Những bích báo dán đầy tường ở Bắc Kinh. Người ta hăng say tố cáo phong kiến và đế quốc. Bây giờ Phổ Nghi chợt thấy mình mắc vào giữa một cơn phong ba bão táp của lịch sử mà không ai kiểm soát nổi. Ngày 24 tháng 8 năm đó, Vệ Binh Đỏ tụ tập tại Bắc Kinh vung búa liềm và hô to những khẩu hiệu đả đảo Viện Nghệ Thuật, đập vỡ tượng Phật, và rạch nát các hình của các hoàng đế và hoàng hậu như là di tích của phong kiến và đế quốc.

Khi các hành động phá hoại tăng lên thì Vệ Binh Đỏ chế nhạo sự thờ cúng tổ tiên, tố cáo Khổng Tử chỉ là một tên quý đã giảng dạy tư tưởng Thiên Mệnh để phục vụ cho các vua chúa. Vệ Binh Đỏ còn quật mộ của bảy mươi hai liệt sĩ tại Hoàng Hoa Cương, những liệt sĩ đã bỏ mình trong công cuộc lật đổ hoàng đế Phổ Nghi. Ngay những nghĩa trang của đảng Cộng Sản tại Thượng Hải cũng không tránh thoát sự chiếu cố của Vệ Binh Đỏ đang say men chiến thắng. Phổ Nghi bỗng thấy mình lâm vào một tình trạng cực kỳ nguy hiểm vì Phổ Nghi quả thực là một biểu tượng đích thực và còn sống của phong kiến và đế quốc.

Trong khi cuộc Cách mạng Văn hoá lan nhanh như một vết dầu loang, thì một phóng viên của hãng thông tấn Kyodo Nhật Bản ngày 18 tháng 10 năm 1967 loan tin Phổ Nghi đã chết ngày hôm trước. Phóng viên của tờ báo Nhật Hihon Keizai tại Bắc Kinh cũng loan một tin tương tự. Nhưng trong cảnh hỗn loạn ấy, người ta không thể kiểm chứng được gì cả.

Khoảng hai mươi bốn giờ sau đó, hãng thông tấn Tân Hoa Xã xác nhận cái chết của Phổ Nghi trong một bản tin ngắn như sau:

“Bắc Kinh. Ông Aisin-Gioro Phổ Nghi, hội viên của Ủy Ban Quốc Gia về Sinh Hoạt Chính Trị Nhân Dân, đã từ trần về bệnh ung thư thận, và bệnh tim vào lúc hai giờ ba mươi sáng ngày 17-10 sau một thời gian chữa bệnh lâu dài. Ông thọ sáu mươi tuổi.”

Đây là thông cáo chính thức của chính quyền, và gán cho Phổ Nghi chết vì bệnh ung thư. Thực ra chính quyền Trung Cộng thường dùng bệnh ung thư là nguyên nhân cái chết của những nạn nhân trong những cuộc tranh chấp chính trị. Năm 1959, thống chế Bành Đức Hoài chống lại Mao và bị hành hạ đến chết, và sau đó chính quyền cũng công bố họ Bành bị chết vì bệnh ung thư.

Nhưng những giờ phút cuối cùng của Phổ Nghi không phải là như thế. Một số chi tiết về cái chết của Phổ Nghi lọt ra được ngoại quốc. Các nguồn tin có thẩm quyền cho biết Phổ Nghi đã là nạn nhân của cuộc Cách mạng Văn hoá. Người ta đếm được sáu lần Phổ Nghi bị tố cáo và buộc tội trên các tờ bích báo của Vệ Binh Đỏ. Rồi một hôm Vệ Binh Đỏ tiến vào nhà Phổ Nghi và lôi ông vua cuối cùng này ra ngoài đường phố. Vệ Binh Đỏ tra tấn Phổ Nghi bằng cách châm những đầu thuốc lá đang cháy vào da thịt, rồi bịt mũi và tống nước vào cuống họng Phổ Nghi. Cuối cùng Phổ Nghi bị điệu đi khắp phố phường, hai mắt bị dao cạo ra. Vì đau đớn quá nên Phổ Nghi ngất xỉu. Ngày hôm sau Phổ Nghi lên những cơn động kinh, rồi tắt thở trong lúc hai dòng máu chảy từ hai mắt xuống.

Đây là những giờ phút cuối của vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa. Chắc trong cơn mê sảng vì đau đớn trước khi lìa đời, Phổ Nghi không thể nào kêu lên được lời chúc tụng “Vạn Tuế Đức Thái Tông Hoàng Đế!” như Phổ Nghi đã dự định sẽ làm vào giờ phút lâm chung.

Cái chết của Phổ Nghi, vị hoàng đế thứ mười của nhà Đại Thanh, đã chấm dứt một triều đại dài gần ba thế kỷ. Người Mãn Châu không khỏi không nhớ đến một lời nguyện đã có từ ba trăm năm trước: “Nhà Đại Thanh sẽ bị diệt vong bởi một người đàn bà thuộc bộ tộc Yehe Nara”

Năm 1619 hoàng tử Gintaisi thuộc bộ lạc Yehe Nara Mãn Châu, tranh chấp với Long Hồ Tướng Quân và bị Long Hồ Tướng Quân đánh bại, thống nhất mọi bộ lạc Mãn Châu thành một quốc gia hợp nhất. Trước khi bị

giết chết, Gintaisi đã nguyện rửa Long Hồ Tướng Quân và tiên tri rằng một người đàn bà thuộc bộ tộc Yehe Nara sẽ chiếm đoạt quyền thiên tử của nhà Mãn Thanh và đưa con cháu của Long Hồ Tướng Quân vào chỗ diệt vong.

Các hoàng đế Mãn Châu rất tin dị đoan và kể từ đấy không bao giờ tuyển con gái thuộc dòng họ Yehe Nara vào cung. Nhưng năm 1852, khi Từ Hi, một người thuộc bộ tộc Yehe Nara, được tiến cung thì lúc đó triều thần nhà Thanh dường như quên mất lời nguyện của hoàng tử Gintaisi. Và quả thực Từ Hi đã tiếm quyền thiên tử của ba vị hoàng đế nhà Mãn Thanh, từ vua Hàm Phong rồi vua Đồng Trị và cuối cùng là vua Quang Tự, và đã đưa cả nước Trung Hoa và nhà Mãn Thanh vào chỗ mạt vận. Nhưng khi số nhà Đại Thanh đã đến thời tuyệt diệt nên mới sinh ra những hoàng đế nhu nhược, chỉ ham mê tử sắc như Hàm Phong và Đồng Trị, và một ông vua bất lực mắc bệnh đồng tính luyến ái như Quang Tự, thì Từ Hi mới có thể tiếm đoạt quyền thiên tử được. Nếu các hoàng đế nhà Thanh là những bậc anh quân như Khang Hy và Càn Long thì không một người đàn bà bộ tộc Yehe Nara nào có thể khuynh đảo được quyền thiên tử như Từ Hi Thái Hậu đã làm.

Tuy nhiên không triều đại nào có thể tồn tại được mãi mãi. Với sự tiến hoá của nhân loại, chế độ quân chủ đã lỗi thời. Dù có Từ Hi hay không thì nhà Mãn Thanh vẫn đi đến chỗ cáo chung. Cùng lắm thì cũng chỉ có thể giữ được một chế độ quân chủ lập hiến, vua giữ vai trò tượng trưng và quyền cai trị sẽ thuộc về dân chúng như trong chính thể quân chủ của Anh Quốc.

Cũng như người Mông Cổ trước kia, nhà Mãn Thanh đã bị dân miền Nam Trung Hoa lật đổ. Trong cả hai trường hợp, triều đại mới phải mất rất lâu mới kiểm soát được miền Nam, và người miền Nam tự nhận là những người thừa kế chính thống di sản văn hoá Trung Hoa. Các hoàng đế Khang Hy và Càn Long đã thành công chứng tỏ rằng các nhà cai trị Mãn Thanh cũng coi trọng di sản văn hoá Trung Hoa là của chung, nhưng trong cuộc Chiến Tranh Nha Phiến, chính người Trung Hoa đã đứng lên kháng cự lại

sự bao vây của ngoại bang, trong khi triều đình Mãn Thanh sửa soạn thoả hiệp với Tây Phương.

Triều đình Mãn Thanh đã ôm chặt lấy các giá trị của Khổng Giáo, vì Khổng Giáo cho rằng bất cứ giống dân gì cũng có thể hội nhập vào văn minh Trung Hoa. Khi ảnh hưởng Khổng Giáo tại miền Nam suy giảm thì nhà Mãn Thanh bắt đầu lâm nguy. Các tư tưởng Tây Phương bắt đầu xâm nhập vào Trung Hoa từ hải cảng Quảng Châu tại miền Nam. Chính con cháu của những doanh thương miền Nam du học ngoại quốc đem về những tư tưởng mới về tự do dân chủ. Những thương gia Trung Quốc đã gởi tiền tài trợ cho công cuộc Phản Thanh Phục Minh, gây khó khăn lớn nhất cho nhà Mãn Thanh.

Khi Phổ Nghi chết, Phổ Kiệt được tiếp nhận chức đại biểu người Mãn Châu trong Quốc Hội Trung Cộng thay thế Phổ Nghi. Tên tuổi và hình ảnh của Phổ Nghi đã mau lẹ rơi vào quên lãng. Các hoàng đế cũ của Trung Hoa thường sống rất xa cách thần dân. Thần dân coi hoàng đế như một loại người khác hẳn người bình thường, một thứ thần tượng siêu việt. Nếu người ta được gặp, được thấy các vị hoàng đế luôn thì sự sùng kính thần tượng sẽ mất đi, vì các hoàng đế cũng chỉ là những con người tầm thường như mọi người. Sự biệt lập đã tạo ra những huyền thoại cho các hoàng đế, và các hoàng đế cũng rất cần các huyền thoại để cai trị.

Phổ Nghi chỉ được sống biệt lập trong thời kỳ đầu. Về sau số phận đưa Phổ Nghi đến cuộc sống của một thường dân, rồi một hoàng đế bù nhìn, và cuối cùng là một tù nhân trong suốt 14 năm. Cũng có nhiều hoàng đế Trung Hoa là những bậc cái thể anh hùng, có nhân cách phi thường, đáng kính nể, dù thất thế cũng vẫn còn giữ được khí phách của một đấng quân vương. Nhưng Phổ Nghi không phải là một con người như thế. Người ta được thấy tận mắt hình ảnh một ông hoàng đế thất thế, áo quần xốc xếch, bất lực với đàn bà, hình hài tiêu tụy, có những hành động điếm đàng và gian dối, bị tới hai bà vợ ly dị, tinh thần bạc nhược lúc nào cũng bị hoảng hốt và sợ chết.

Không còn quyền uy và Cấm Thành che giấu, Phổ Nghi trở thành một thứ thần tượng bằng đất sét gặp trời mưa, và đã là trò cười cho quần chúng.

Nhưng Phổ Nghi là một hoàng đế có một đời sống ly kì nhất trong lịch sử Trung Hoa. Từ lúc mới có ba tuổi, Phổ Nghi đã không có một đời sống bình thường như những trẻ con khác, trái lại Phổ Nghi được bế đặt lên ngai vàng để trị vì một phần tư nhân loại. Phổ Nghi phải làm người lớn khi chưa được làm con nít. Phổ Nghi phải trải qua một sự giáo dục bất bình thường trong Cấm Thành, một sự giáo dục mà chính thân mẫu Phổ Nghi cực lực phản đối. Bà cho rằng sự giáo dục ấy sẽ biến con bà thành một quái vật. Bà đã tự tử, dùng cái chết của mình để phản đối việc giáo dục Phổ Nghi. Nhưng bà đã chết vô ích, vì không ai dám thay đổi luật lệ hoàng gia đã có từ lâu đời. Rồi hoàn cảnh lịch sử đã đưa Phổ Nghi vào một cuộc sống luôn luôn bất ổn. Cuộc sống bất ổn lúc nào cũng phải tìm cách sinh tồn đã ảnh hưởng tới nhân cách và tính khí của Phổ Nghi rất nhiều. Phổ Nghi đã đánh mất sự tôn kính của một hoàng đế, và Phổ Nghi là một ông vua đã chết hẳn. Thực ra Phổ Nghi là một con người đáng thương hơn đáng trách, vì Phổ Nghi chỉ là nạn nhân của lịch sử, phải đóng vai trò của một hoàng đế cuối cùng trong một bối cảnh rất bất lợi.

Tuy nhiên trong hoàng gia Mãn Thanh vẫn có một người không chết hẳn. Đó là Uyển Dung Hoàng Hậu. Dân chúng Mãn Châu vẫn dành một chỗ đặc biệt cho bà hoàng hậu cuối cùng này. Uyển Dung đã gặp phải cảnh ngộ rất thương tâm, nhưng rất ít người được trông thấy Uyển Dung trong hoàn cảnh thất thế và trước khi bà hoàng hậu này chết. Vì thế những hình ảnh còn lại của Uyển Dung vẫn còn nguyên vẹn đẹp đẽ, nhất là hôn lễ của Uyển Dung là một hôn lễ huy hoàng cuối cùng của một bà hoàng hậu mà người ta còn nhớ được.

Vài tháng sau khi Uyển Dung từ trần trên núi Trường Bạch, dân chúng đã nói đến những chuyện thần tiên về Uyển Dung. Người ta nói bà hoàng hậu này đã trở lại cuộc đời và xuất hiện nhiều lần cho người đời được thấy.

Các nông dân tại chân núi Trường Bạch quả quyết đã trông thấy hình dáng thanh thoát của Uyển Dung Hoàng Hậu hiện ra tại dãy núi Trường Bạch. Những tay chuyên đi kể chuyện đạo đã thêm chuyện của Uyển Dung vào các chuyện thông thường của họ, như các chuyện Bạch Sài Lang và Bông Sen Vàng. Các chuyện nói về Uyển Dung không những chỉ thịnh hành bên ngoài Vạn Lý Trường Thành, mà còn truyền vào tới tận Trung Nguyên nữa. Họ kể về một người đàn bà xinh đẹp tuyệt vời thường ra tay cứu vớt những người bị tù đầy và bị hành hạ dã man. Các câu chuyện lạ nhắc nhở đến Uyển Dung sôi nổi đến nỗi năm 1985, chính quyền Trung Cộng phải ra thông báo phủ nhận những chuyện nói về Uyển Dung, một bà tiên xinh đẹp thường ra tay tế độ những kẻ gặp cảnh không may.

Không giống Phổ Nghi, một hoàng đế bù nhìn đã chết hẳn, Uyển Dung hoàng hậu dường như vẫn còn sống mãi. Ngày nay dân chúng khắp miền Hoa Bắc của Trung Hoa vẫn còn nhắc nhở tới Uyển Dung, bà hoàng hậu cuối cùng của Trung Hoa. Đối với những nông dân tâm hồn bình dị và dễ tin dị đoan thì ít nhất Uyển Dung Hoàng Hậu vẫn cho họ một nguồn hy vọng mong chờ mỗi khi họ gặp sự bất hạnh.

Hết



Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Nguồn:

Được bạn: Thanh Vân đưa lên

vào ngày: 10 tháng 3 năm 2010